

TẠP CHÍ VĂN HỌC CỔ THƠM

NĂM THỨ 28 - SỐ 101 - THÁNG 9, 2023

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:

PHAN ANH DŨNG

dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:

PHAN KHÂM

phanvyle@yahoo.com

TỔNG THỦ KÝ:

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

myhanhdotrang@gmail.com

CỐ VẤN DANH DỰ:

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

dsenser@yahoo.com

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

<https://cothommagazine.com/wp>

TÒA SOẠN

105 WINDY KNOLL DR
ROCKVILLE, MARYLAND 20850 USA

ĐT: (804) - 387 - 8773

dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. NGUYỄN VĂN BÁ.

ĐỖ BÌNH. ĐIỂM CHÂU.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. TRƯỜNG ĐÌNH.

NGÔ TĂNG GIAO. QUANG HÀ.

VŨ HỒI*. PHAN KHÂM. NGUYỄN LÂN.

PHẠM TRỌNG LÊ*.

NGUYỄN PHÚ LONG*. TUỆ NGA.

PHẠM THỊ NHUNG. Ỡ NGUYỄN.

TRẦN BÍCH SAN*.

NGUYỄN VĂN THÀNH23.

VŨ VĂN TÂM.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

TIỂU THU. HỒNG THỦY.

TRƯƠNG ANH THỤY.

TRẦN C. TRÍ. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

DIỂM CHÂU: California USA

TIỂU THU: Canada

VŨ VĂN TÂM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



TẠP CHÍ CỎ THƠM – NĂM THỨ 28 - SỐ 101 – THÁNG 9, 2023

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO

- 6 – BỘ MÔN NHIẾP ẢNH - PHẠM VĂN TUẤN
45 – ĐÀN BÀ ĐỂ CÓ MÁY TAY – LS NGÔ TĂNG GIAO
163 – VÙNG TIẾP GIÁP GIỮA CHỢ ĐŨI VÀ BÀN CỜ - NGUYỄN PHƯỚC MỸ THANH
France

VĂN

- 4 - VÀI LỜI CHÂN TÌNH - PHAN ANH DŨNG
12 – CON ĐƯỜNG MANG TÊN THANH – NGUYỄN THỊ THANH DƯƠNG
17 – Ừ NHỈ, NGƯỜI ĐI NGƯỜI ĐI THẬT! - VUU VẤN TÂM *Germany*
21 - MÂY – Ý ANH
22 – CÓ MỘT CHUYỆN TÌNH NHƯ THẾ KHÔNG? – NGUYỄN XUÂN HOÀNG
29 – NGƯỜI ĐÀN ÔNG HẤP DẪN – NGUYỄN LÂN
33 – THÁNG 4 OAN NGHIỆT – HỒNG THỦY
35 – CẦU MONG ĐƯỢC TRÚNG - DIỄM CHÂU CÁT ĐƠN SA
53 – Ở MỘT NƠI TÌNH NGƯỜI QUÁ LẠT - NGUYỄN VĂN SÂM
61 – KHÚC QUANH ĐÒI - TRẦN C. TRÍ
68 – ĐÔI MẮT BÌNH AN ĐÊM - TRƯỜNG ĐÌNH *United Kingdom*
70 – BÀ CHÁU - TIỂU THU *Canada*
74 – MỘT CHUYỆN TÌNH - PHẠM THÀNH CHÂU
83 – MƯA-NHAN SẮC-DÒNG ĐỜI LUÂN LŨU – NHẤT PHƯƠNG
90 - MƯA – CAO NGUYỄN
94 – QUÊ HƯƠNG THỨ 2 CỦA TÔI (PHẦN 1) – Ý NGUYỄN

- 103 – CÒN NHỮNG TÁM LÒNG – TRÀM CÀ MAU
114 – THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH - NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
121 – TIỄN CHA - TT THÁI AN
131 – CHA - NGUYỄN ĐÌNH TỬ LAM
138 –DUNG NHAN MÙA THU – THU LÊ
144 – TRONG VƯỜN LUXEMBOURG – NGUYỄN MÂY THU *France*
150 – GIA ĐÌNH BÀ TƯ - VÕ PHÚ
157 – KẼ SĨ TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM – TRƯƠNG VŨ
172 – CHUYỆN CHIẾC CẦU CŨ ... – ĐOÀN QUỐC BẢO
177 – NỖI BUỒN CHIẾN TRANH – LÊ MINH THIỆP
193 – TAY NGÀ - NHẬT TIẾN

THƠ

- 11 – EM CÒN TRONG THƠ / CỎI TÌNH – ĐỖ BÌNH *France*
15 - ĐỢI BẠN – MAI THẢO / KHÁCH HẸN – NGUYỄN BÌNH
16 – TẠ ƠN RỪNG / NHỚ VỀ “CHỢ CHÒM HỒM” – TRẦN QUỐC BẢO *Virginia*
20 – NGƯỜI BỆNH TRỌN ĐỜI – THANH THANH
28/ 156 – NGƯỜI THIẾU NỮ ĐẾN CHÙA BUỒI HOÀNG HÔN / ẢO PHỐ - TUỆ NGA
32/137 – NGỠ GIẢN THIÊN LÝ/ BẾN SẠ THỜI GIAN – QUANG HÀ
34 – CẢM ƠN ANH – HỒNG THỦY
43 – CƠN MƯA HẠ / LY RAU MÁ – Y THY VÕ PHÚ
44 – TRÊN CẦU GOLDEN GATE – NGUYỄN THỊ THANH DƯƠNG
51 – CHUYỆN TRONG MƠ - LÝ HIỀU

51- **THOÁNG HƯƠNG XƯA** – **ĐỖ THỊ MINH GIANG**
 52 – **NÀI CHO CHẬM LẠI BƯỚC CHÂN CHIỀU**
 - **HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT**
 60 - **DIAMANT** – **DIỄM HOA**
 67 – **CHUYỆN DÒNG SÔNG** – **PHAN KHÂM / THE RIVER'S STORY** – *Dịch Anh Ngữ: THANH THANH*
 69 – **ĐỜI LẠC NHAU RỜI** – **ĐẶNG NGUYỄN**
 81/102 – **BUỔI SÁNG HỒM SAU / CHỮ NGHĨA**
 – **NGUYỄN PHÚ LONG**
 82 – **HẢI ÂU NHỚ BIÊN / HÈ ĐẾN SAU MÀN** - **GITHÉA HOÀNG HY**
 88 – **TẮM HƯƠNG** – **TRƯỜNG ĐÌNH United Kingdom**
 89 – **MÀU THU VÀ MÀU BIỂN MẶN** – **BÙI THANH TIÊN**
 91 – **CHIỀU XA QUÊ** – **KIỀU GIANG**
 129/ 149 – **VỀ LẠI SÀI GÒN SAU 20 NĂM / VỀ GIỮA SÀI GÒN** – **NGUYỄN MINH NỮ**
 93 – **NHỮNG VẦN THƠ CỦA TRƯƠNG ANH THỤY**
 102 – **TẠ ƠN** – **THÁI HƯNG**
 111 – **NHỮNG VẦN THƠ CỦA HOÀNG TRÙNG DƯƠNG**
 112 – **SIP YOUR TEA NICE AND SLOW!** - **LEE TZU PHENG / HÃY CÙNG NHAU CHẬM CHẬM UỐNG NGỤM TRÀ** – *Phiên dịch Việt ngữ: CHẨM TÁ NHÂN (MÙI QUÝ BÔNG)*
 119 – **CHIỀU SƠN THÔN / TIẾC THƯƠNG** – **HOÀNG SONG LIÊM**
 120 – **CHẬP CHỪNG BÓNG MÂY / TÌNH LÍNH**
 – **HOA VẪN**
 92/ 130 – **KÝ ỨC RỜI / HOÀI NIỆM CHÓN XƯA** – **TUỆ TRUNG**
 135 – **CHA MÃI MÃI TRONG CON** – **VŨ HỒI**

136 – **QUAND VOUS SEREZ BIEN VIELLE** – **PIERRE DE RONSARD / KHI NÀNG TUỔI HẠC** - *Chuyển ngữ: TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO*
 143 – **MAI VỀ HOA VẪN / MỘT CHÚT ƯU TƯ**
 – **THẢO CHI BÙI MỸ HOA**
 175 – **TRĂNG THU BẰNG BẠC** - **QUỖNH ANH**
 176 – **GỬI NHIẾP ẢNH GIA KEVIN CARTER** – **KHA OANH**
 184 – **HOANG ĐÀO** – **NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**
 192 – **NHỮNG VẦN THƠ CỦA VƯƠNG ĐỨC LỆ**
 198 – **ĐI VỀ** - **TÔ THÙY YÊN**

HỘI HỌA, NHIẾP ẢNH

BÌA TRƯỚC & SAU - Tranh: **NGUYỄN TRUNG**
 5 - **THU VỀ** – Thơ: **PHAN KHÂM** - Thư pháp: **VŨ HỒI**
 27 – **EM TỪ NGHÌN XƯA ...** – *Thơ & thủ bút: ĐÌNH HÙNG*
 32 - **NGƯỜI VỀ** – *Thơ & thư pháp: QUANG HÀ*
 42 – **MẸ VÀ CON** – *Tranh: CÁT ĐƠN SA*
 162 – **EM ĐẾN** - Thơ: **VƯƠNG THANH** - Thư pháp: **VĂN TẤN PHƯỚC**
 185 - **HỌA SĨ NGUYỄN TRUNG** – **HUYỀN HỮU ỦY**

GIỚI THIỆU SÁCH

199- **CÔI NGƯỜI** – *Tùy Bút của T. VẤN*
 202- **LỐI VỀ CỦA NƯỚC** – *Tập truyện ngắn & kịch của TRẦN C. TRÍ*
 203 - **VIỆT NAM VÀ CÔNG CUỘC DUY-TÂN** - *Biên khảo của NGÔ THỊ QUÝ LINH*



VÀI LỜI CHÂN TÌNH

**Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm,**

Khi tạp chí số 101 đến tay quý vị thì Hoa Kỳ sắp bước vào mùa thu. Nhiều sinh viên đã bắt đầu nhập học vào cuối tháng 8 và học sinh cũng luyện tiếu giã từ những ngày hè êm ả vui chơi với gia đình để nhập học sau Labor Day 4 tháng 9 ...

Bìa trước và sau của số 101 là tác phẩm của họa sĩ Nguyễn Trung, tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định, thành viên của Hội Họa Sĩ Trẻ - thành lập năm 1966 cùng với Đinh Cường, Mai Chửng, Trịnh Cung, Hiếu Đệ, Nguyễn Phước, Nguyễn Lâm, Nghiêu Đề, Hồ Thành Đức, Ngý Cao Uyên, Cù Nguyễn... Hiện ông vẫn sáng tác ở tuổi 83. (Xem thêm về Nguyễn Trung ở trang 185).

Thể theo lời đề nghị của một số độc giả, ngoài các tác giả đóng góp thường xuyên, khi có dịp chúng tôi sẽ thêm văn thơ của các tác giả nổi tiếng đã qua đời như trong số này có: Nguyễn Xuân Hoàng, Nhật Tiến, Mai Thảo, Đinh Hùng, Tô Thùy Yên...

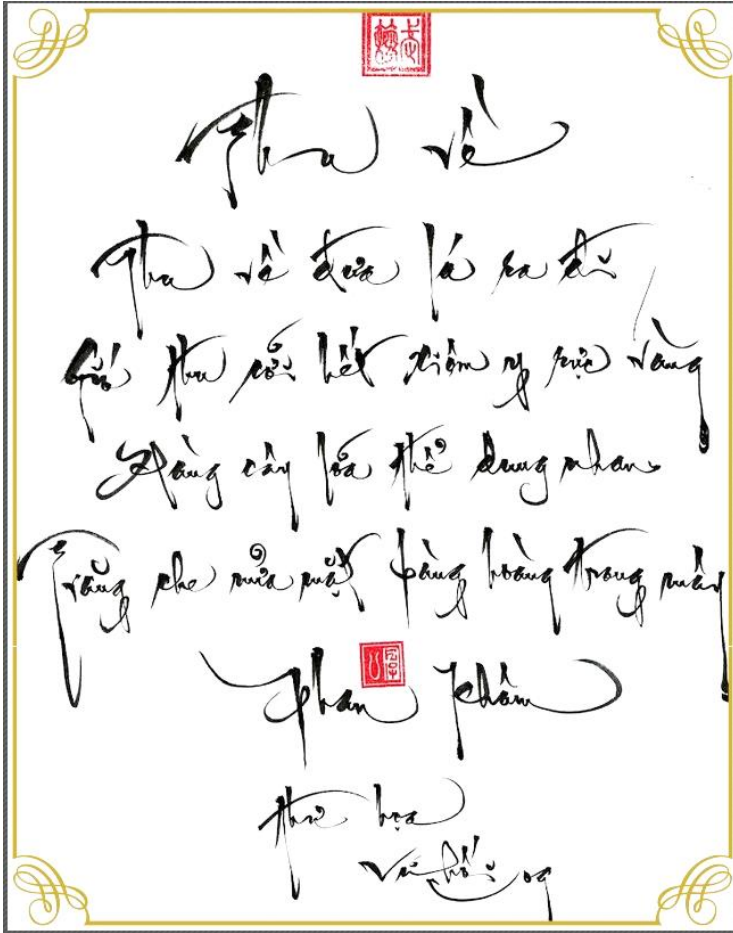
Ban Điều Hành Cỏ Thơm và thân hữu đang chuẩn bị một buổi họp mặt trưa ngày 9 tháng 9, 2023 ở khách sạn Marriott Fairview Park, thành phố Falls Church, tiểu bang Virginia. Đây là lần đầu tiên Cỏ Thơm tổ chức ở địa điểm này sau 3 năm tạm ngừng “họp mặt thường niên” vì đại dịch covid-19. Chúng tôi rất vui và hân hạnh được sự hưởng ứng nồng nhiệt từ văn thi hữu, độc giả, các hội đoàn quanh vùng Hoa Thịnh Đốn. Sẽ có bài tường thuật và hình ảnh để gửi đến quý vị trong số 102.

Đầu tháng 7, Cỏ Thơm nhận được tin buồn trễ: Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên – tác giả của ca khúc nổi tiếng “[Trăng Mờ Bên Suối](#)” – đã vĩnh viễn ra đi ở tuổi 93. Ông cũng là Giáo sư về Luật và Khoa học Chính Trị của một số đại học ở Pháp. Mời quý vị xem trang tưởng niệm ông Lê Mộng Nguyên ở website Cỏ Thơm sau đây: <https://cothommagazine.com/wp/tuong-niem-nhac-si-le-mong-nguyen-1930-2023/>

THÂN CHÚC QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH LUÔN ĐƯỢC NHIỀU SỨC KHỎE VÀ BÌNH AN.
Xin họp gặp lại vào số 102, dự định phát hành vào đầu tháng 12, 2023.

PHAN ANH DŨNG

(Rockville, Maryland USA – 30 tháng 8, 2023)



Thu Vè

Thu vè đưa lá ra đi
Gió thu thổi hết xiêm y rực vàng
Hàng cây lả tả rụng nhan
Trắng che nửa mặt bàng hoàng trong mây

Thơ: **Phan Khâm** / thư họa: **Vũ Hối**

BỘ MÔN NHIẾP ẢNH

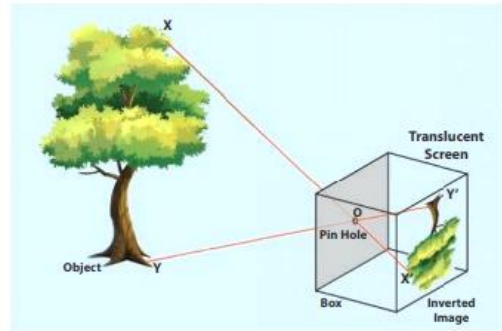
** Phạm Văn Tuấn **

Từ khi biết nhìn ngắm hình dáng của mình qua một mặt nước yên lặng hay nhờ một tấm gương, con người đã mơ tưởng tới việc giữ lại hình ảnh của mình trên một mặt phẳng hay muốn có hình ảnh lưu lại được lâu dài. Ước mơ này đã trải qua nhiều thế kỷ và đã được thực hiện nhờ hai thành công không liên quan gì tới nhau. Thành công thứ nhất là việc tìm ra nguyên tắc phòng tối và thành công thứ hai bắt đầu ở sự khám phá ra ảnh hưởng của ánh sáng đối với một vài hóa chất khiến cho sau này hình ảnh được ghi lên các phim nhạy cảm đối với ánh sáng.

Vào thế kỷ thứ 5 và thứ 4 trước Công Nguyên (CN), nhà vật lý người Hy Lạp là Aristotle và nhà toán học người Hy Lạp là Euclid đã mô tả loại máy ảnh dùng lỗ thủng nhỏ (pinhole camera) rồi sang thế kỷ thứ 6 (sau CN) nhà toán học Byzantine tên là Anthemius of Tralles đã dùng loại máy ảnh thô sơ (camera obscura) trong các thí nghiệm của ông ta.

Bộ môn nhiếp ảnh ra đời khi Leonard da Vinci, một họa sĩ trứ danh người Ý, tìm ra nguyên tắc phòng tối vào thế kỷ 16. Theo nguyên tắc này, một lỗ nhỏ trên một bức tường trong một căn phòng tối om đã khiến cho ánh sáng từ bên ngoài

đi vào và in lên bức tường đối diện hình ảnh của cảnh vật bên ngoài.



Nguyên tắc phòng tối đã khiến cho người ta chế tạo được một hộp nhỏ, một mặt có đục một lỗ nhỏ và mặt đối diện có đặt một miếng kính mờ để hứng lấy hình ảnh hiện lên. Nếu đặt thế vào lỗ nhỏ một thấu kính hội tụ, hình ảnh hứng được sẽ sáng sủa hơn và rõ ràng hơn. Chiếc hộp có thấu kính ở mặt trước và kính mờ ở mặt sau là chiếc máy ảnh thô sơ.

Hai hóa chất bị hóa đen khi đưa ra ánh sáng là nitrát bạc và clorua bạc. Khám phá ra nitrát bạc (silver nitrate) là Albertus Magnus (1193-1280) còn Georg Fabricius (1516-71) tìm ra clo-rua bạc (silver chloride). Tới cuối năm 1565, Georg Fabricius nhận xét rằng clo-rua bạc có thể hóa đen. Nguyên nhân của tính chất này là do ánh sáng mặt trời, đã được J. H. Schulze chứng minh vào

năm 1727. Vào khoảng 10 năm sau, Hellot thuộc Hàn Lâm Viện Khoa Học Pháp nhận thấy rằng các vệt nitrat bạc phết lên trên một miếng giấy hóa đen khi phơi ra ánh sáng mặt trời. Tính chất của muối bạc được nhận biết qua hàng thế kỷ nhưng người ta chưa thành công trong việc giữ lại hình ảnh.

Vào năm 1780, nhà vật lý người Pháp Charles đã dùng giấy thấm muối bạc mà đặt dưới các bức vẽ trên thủy tinh, ông đã thu được các bóng mờ của bức vẽ, nhưng chỉ giữ được các bóng mờ đó trong một thời gian ngắn.

Tại nước Anh vào khoảng năm 1802, Wedgewood đã đặt lá cây lên tờ giấy nhạy cảm rồi phơi ra ngoài nắng. Phần tờ giấy chứa muối bạc bị ánh sáng tác dụng đã hóa đen, trong khi phần ở dưới lá cây vẫn còn trắng. Người ta phải xem hình ảnh này dưới ánh sáng của một ngọn nến bởi vì thời đó chưa có phương pháp nào giữ lại được hình ảnh. Dù vậy, phần giấy chứa muối bạc cũng vẫn bị tác dụng dần dần và một ngày nào đó, hình ảnh biến mất.

Trong khoảng các năm từ 1816 tới 1840, nhiều khám phá khoa học đã là nền móng cho môn Nhiếp Ảnh. Trước tiên, Joseph Niepce, một nhà phát minh người Pháp, đã dùng một hình ảnh vẽ lên giấy mờ, đặt lên trên tấm thiếc có vec-ni rồi phơi ra ánh sáng. Thí nghiệm này gặp thất bại nên đã khiến cho Niepce đi xa hơn. Năm 1826 Niepce dùng nhựa judée hòa tan trong dầu

lavande để làm chất nhạy cảm. Phần nào của bức ảnh bị phơi ra ánh sáng sẽ trở nên không hòa tan trong khi các phần không phơi bày sẽ tan trong dầu hòa.

Trong khi Niepce thực hiện các thí nghiệm thì Jacques Louis Mandé Daguerre, một họa sĩ người Pháp chuyên vẽ phong kịch trường, lại quan tâm tới nguyên tắc phòng tối với ý muốn dùng nguyên tắc này vào công việc làm ăn hàng ngày. Khi Daguerre nghe tin Niepce thực hiện được các thí nghiệm về việc ghi lại hình ảnh, Daguerre liền tới gặp Niepce và hai người cộng tác với nhau vào năm 1829 trong các thí nghiệm nhiếp ảnh. Hai nhà phát minh này đã tìm ra được một phương pháp cho hình ảnh tiềm ẩn (latent photographic image) và hình ảnh này phải được làm thể hiện lên bằng cách dùng các hóa chất.

Vào năm 1833, Niepce qua đời, không được thấy thành quả của công cuộc nghiên cứu. Daguerre tiếp tục nốt và thành công vào năm 1838 về phép in Daguerre hay daguerreotype. Phép in này gồm 5 giai đoạn. Trong giai đoạn thứ nhất, một bản kim loại được đánh bóng và phủ bạc lên trên. Giai đoạn thứ hai gồm việc phơi bản kim loại trên hơi iode để có iốt-bạc. Như thế bản kim loại đã trở thành bản nhạy cảm. Rồi bản nhạy cảm được đặt vào máy chụp hình trong 1 hay 2 giờ đồng hồ bởi vì vào thời bấy giờ, độ nhạy cảm còn rất yếu và vật

kính cũng kém sáng. Sau đó người ta tráng bản nhạy cảm bằng hơi thủy ngân, hơi này đọng lên trên phần nào đã được phơi ra ánh sáng để tạo thành một hợp chất không hòa tan. Cuối cùng bản kim loại được đặt vào trong một dung dịch hypô và chất này giữ lại hình ảnh lâu dài.

Vào thời gian đó, nhiều người vẫn thích thú khi có một bức ảnh chân dung. Muốn chụp chân dung, người mẫu phải ngồi im ngoài nắng từ 15 đến 20 phút. Để giữ cho người mẫu ngồi im và đỡ mỏi, người ta đã phải dùng tới một thứ ghế có tựa lưng và tựa đầu, và bác thợ ảnh mang dụng cụ trên lưng nặng đến 30 kg, đi khắp nơi, từ thành thị tới thôn quê để hành nghề nhiếp ảnh.

Trong phép in daguerréotype, người ta chỉ lấy được một tấm ảnh là dương bản, trong khi đó tại nước Anh, một nhà nhiếp ảnh tên là Talbot đã thành công vào năm 1833 trong việc chế tạo âm bản nhờ đó mà người ta có thể có nhiều dương bản. Talbot đã khám phá ra đặc tính của acid gallic và dùng chất này làm chất hiện hình. Nhờ cách trên và cũng nhờ các máy ảnh có vật kính càng ngày càng tốt, Talbot đã rút ngắn thời gian phơi ra ánh sáng từ 60 phút xuống 3 phút.

Vào năm 1847, Niepce de Saint Victor, anh em bà con với Nicéphore, tráng mặt nhạy cảm trên kính có phủ chất albumine. Năm 1851, Archer là một nhà điêu khắc ở London đã tìm ra chất collodion. Collodion là hóa chất cấu tạo bởi bông gòn, acid nitric và acid sulfuric.

Archer đã lấy collodion hòa với các hóa chất nhạy cảm đối với ánh sáng rồi để lên trên một mặt kính. Như vậy mặt kính đã được tráng qua một lớp thuốc mỏng để trở thành kính ảnh. Người ta phải dùng ngay thứ kính ảnh này bởi vì để lâu, kính ảnh sẽ mất nhạy cảm. Cũng do phương pháp này mà người thợ chụp ảnh thời đó phải chế tạo lấy âm bản trước khi dùng và vì vậy, dụng cụ của một nhà nhiếp ảnh thực là nặng nề và phiền phức.

Một phương pháp nhiếp ảnh khác gọi tên là “cynotype process” đã được John Herschel phát minh, về sau phương pháp này được gọi là “blueprint”. Vào năm 1819, Herschel khám phá ra chất sodium thiosulphate là chất hòa tan của silver halides rồi qua năm 1839, Herschel là người đầu tiên làm ra được âm bản thủy tinh (glass negative) đầu tiên. Vào tháng 3 năm 1851, Frederick Scott Archer phổ biến trong tờ báo The Chemist phương pháp “collodion bản ướt” (the wet plate collodion process).

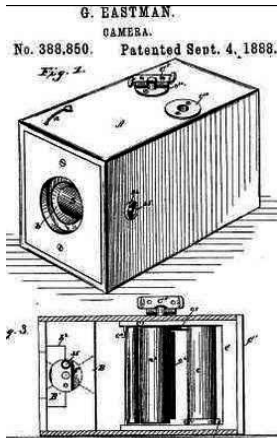
Tới năm 1871, nhà vật lý người Anh tên là Maddox đã dùng chất gélatine thay thế cho collodion và thay iode bằng bromure. Phương pháp dùng bản khô có chất gélatine-bromure là một bước tiến rất lớn, đã giữ cho bản chụp ảnh có hiệu lực trong một thời gian lâu dài hơn nhiều. Rồi kính ảnh là một thứ hay bề vớ đã khiến cho người ta phải tìm cách thay thế bằng một thứ khác. Nhiều công cuộc

ngiên cứu đã được thực hiện nhưng đều không mang lại kết quả cho đến năm 1887, Hannibal Goodwin, một giáo sĩ ở New Jersey, Hoa Kỳ, phát minh ra phim ảnh bằng chất celluloid. Nhờ phim ảnh, phim cuộn và phim miếng được chế tạo và đã cải tiến kỹ nghệ chụp ảnh.



Hannibal Goodwin

David Houston



Máy ảnh cũng được các nhà phát minh cải tiến. Trong khoảng các năm từ 1881 tới 1902, David Houston ở tiểu bang North Dakota, Hoa Kỳ, đã chế tạo được một máy ảnh kiểu hộp (box) và một máy

kiểu xếp (folding). Houston gọi phát minh của mình là Kodak, một từ rút nguồn từ tên tiểu bang của ông ta.

Bộ môn nhiếp ảnh còn được một nhân vật góp công vào bằng các cải tiến quan trọng: ông George Eastman.



Eastman quan tâm tới nhiếp ảnh từ năm 1878 khi ông ta chuyên làm và bán các bản thu ảnh khô. Eastman cũng nghĩ tới việc thay

thế kính ảnh bằng một thứ khác, ông ta đã thử với cả giấy như Talbot đã làm, nhưng không thành công. Vào năm 1887, Goodwin gửi tới Eastman phim celluloid để bôi hóa chất trong khi vài năm sau đó, một người thợ của Eastman cũng tìm ra được một chất celluloid tương tự. Cũng vì thế đã xảy ra cuộc xô xát về quyền lợi giữa Eastman và Goodwin. Cuộc kiện tụng kết thúc vào năm 1914 và Eastman phải bồi thường cho Goodwin 5 triệu Mỹ kim. Tuy nhiên vì Goodwin chết trước đó 14 năm nên chỉ những người thừa kế nhà phát minh đó là được hưởng tiền bồi thường. Vào năm 1886, Eastman mua lại bằng sáng chế của Houston với giá 5 ngàn Mỹ

kim và như vậy chiếm được danh hiệu Kodak. Khi đã có cả máy ảnh lẫn phim ảnh, Eastman liền khuếch trương kỹ nghệ nhiếp ảnh khắp nơi.

Bộ môn Nhiếp Ảnh Màu (Color photography) được nhiều nhà khoa học khám phá từ thập niên 1840. Các thí nghiệm đầu tiên về chụp ảnh màu đòi hỏi thời gian phơi sáng (exposure) rất dài, từ vài giờ tới vài ngày và người ta chưa biết cách giữ sao cho màu sắc không bị bạc hay mất màu. Tấm ảnh màu đầu tiên được nhà vật lý James Clerk Maxwell chụp vào năm 1861, đã dùng tới nguyên tắc phân cách ba màu chính (the three color separation principle), tức là dùng các kính lọc đỏ, lục (green) và xanh (blue). Tới cuối thập niên 1860, Louis Ducos du Hauron đã dùng tới phương pháp các màu bổ túc (complementary colors). Khám phá về nhạy cảm thuốc nhuộm màu sắc (dye sensitization) do nhà hóa học Hermann Vogel vào năm 1873 đã giúp cho việc tăng thêm độ nhạy cảm với các màu lục, vàng và đỏ.

Phương pháp Autochrome được anh em Lumière đề nghị vào năm 1907 rồi phương pháp Kodachrome được Kodak đưa vào thị trường năm 1935. Qua năm sau, 1936, hãng Agfa đưa ra một phương pháp tương tự, đó là Agfacolor

Neu, rồi hãng Polaroid vào năm 1963 trình bày cách chụp hình lấy ảnh liền.



Anh em Lumière

Năm 1981, hãng Sony đưa ra thị trường loại máy ảnh không cần dùng phim mà dùng tới bộ phận “charge-coupled device”, đó là loại máy ảnh Sony Mavica. Ngành Nhiếp Ảnh Số Tự (digital photography) bắt đầu khi hãng Kodak sản xuất ra loại máy ảnh DCS 100, loại này lúc đầu rất đắt tiền nhưng về sau, nhờ nhiều phát minh về miếng nhạy cảm hình ảnh điện tử (electronic image sensor), việc ghi lại hình ảnh là công việc ghi chép các dữ kiện điện tử và không phải là sự thay đổi hóa học (chemical changes) trên phim và giấy ảnh.

Qua thế kỷ 21, hơn 99% các hình ảnh chụp được là do dùng các máy ảnh số, kể cả các máy chụp ảnh gắn vào trong các máy điện thoại tinh khôn (smartphones)./.

Phạm Văn Tuấn

EM CÒN TRONG THƠ

Êm buồn nhìn lá thu rơi
Sương giăng đầy lối một đời tìm nhau!
Thời gian lặng lẽ phai màu
Về dòng sông cũ
nghe sầu mênh mông!
Tình em vỗ cánh phiêu bồng
Chờ nhau hóa đá hư không bến bờ!
Yêu em viết mấy vần thơ
Xót xa trăng mộng thẫn thờ bến mơ!
Mưa buồn dạo khúc tình thơ
Giọt sầu nhỏ xuống hoen bờ ái ân!
Gọi tên em biết bao lần
Đường khuya giá buốt
xoay vần trầm mê!
Theo em quên nẻo đường về
Hương xưa còn mộng lời thề gió bay!
Lá rơi làm buốt trắng gầy
Em theo vào mộng
tháng ngày thành thơ.

Đỗ Bình



CỐI TÌNH

*Chiều cuối thu lá vàng bay khắp lối
Diu em đi trong vạt nắng xanh xao.
Tóc em bay thoảng mùi hương cỏ nội,
Tình trao nhau... ôi trái cấm ngọt ngào!
Em chợt đến như cuồng phong bão nổi,
Trời bao la ta mắc cạn nhánh sông!
Dựa vai nhau hai mảnh hồn buộc vội
Đời phù du xin giữ chút tình nồng.
Vui em nhé, dù non cao tuyết phủ,
Quên nẻo về hồn trượt xuống vực sâu,
Cứ mặc ta nơi đây thắm mịt mù,
Thành sương khói hóa vần thơ hư cấu.
Tình tuyệt diệu thắm nụ hôn khờ dại,
Ta vì em, đành gục ngã bên đời
Dấu ngàn sau hồn hút bóng xa xôi,
Ta vẫn nhớ... màu môi em đắm đuối.*

Đỗ Bình

CON ĐƯỜNG MANG TÊN ... THANH

**** Nguyễn Thị Thanh Dương ****

Tôi đành vay mượn tên nhạc phẩm “Con đường mang tên em” của Trúc Phương để đặt cho con đường nhà tôi vì quá hợp lý luôn, không thể đặt tựa đề khác được.

Con đường này dài hơn một cây số nhưng chỉ một đoạn đường ngắn nơi khu buôn bán gần những trại lính thật khó mà tin nổi 9 căn nhà liên tiếp nhau đã có 3 người con gái tên Thanh, thật ngẫu nhiên chúng tôi cùng lứa tuổi mới lớn, lại ngẫu nhiên nữa là có hai người cùng họ Nguyễn Thị... Chẳng biết từ bao giờ hàng xóm đã tự phân loại cho khỏi lầm lẫn là gọi tên Thanh đi kèm theo tên của bố chúng tôi. Căn đầu tiên là Thanh Giai, tới tôi căn nhà thứ 4 là Thanh Đệ (hai nhà Thanh này đều là cửa hàng bán cà phê nước giải khát) và Thanh Pa tê là căn nhà thứ 9 (nhà này bán Pa tê thịt nguội vì chính bố của Thanh người ta cũng gọi là “ông Pa tê”)

Rõ ràng thế mà vẫn có sự lầm lẫn.

Hàng ngày ngoài giờ đi học tôi phải phụ mẹ bán hàng. Một hôm có anh chàng đẹp trai ăn mặc điệu đàng lịch sự dừng xe Vespa trước cửa quán nhà tôi, anh tháo kính đen, nheo mắt nhìn lên số nhà rồi nhìn vào trong quán thấy tôi nên anh mạnh dạn bước vào. Thấy anh mỉm cười tôi cũng mỉm cười tưởng là khách hàng quen. Dáng vẻ anh thành phố thanh lịch sang trọng thế kia chẳng lẽ

ghé quán để uống mấy thứ nước ngọt màu mè xanh đỏ vàng tím như chai bạc hà, chai cam đỏ, chai kem sô đa hay chai xá xị con cọp. Tôi mời hỏi:

-Anh uống gì, cà phê sữa đá, sô đa sữa hột gà, sô đa chanh đường hay nước vắt cam tươi?

Chàng lững lơ:

-Em cho anh uống gì cũng được.

Người khách này dễ tính thật vào quán người ta mà mặc cho chủ quán muốn bán gì uống nấy.

-Anh uống cà phê sữa đá nhé.

Chàng gật đầu có vẻ hài lòng làm như vừa được tôi săn sóc hậu hỉ. Khi tôi mang ly cà phê ra bàn chàng nhìn tôi bằng ánh mắt thân mến:

-Thanh khỏe không?

Tôi giật mình sao anh chàng lạ hoắc này biết tên mình. Tôi phụ mẹ bán hàng bấy lâu nay hầu như quen thuộc nhiều mặt khách nhưng mặt người này thì là lần đầu. Mà thôi khách nhớ nhà hàng chứ nhà hàng làm sao nhớ hết từng người khách. Tôi đáp lại:

-Vâng, em bình thường, anh khỏe không?

Chàng hớn hờ:

-Anh khỏe nên hôm nay mới đến ra mắt em đây. Em ở ngoài đời khác trong hình làm anh bất ngờ, nhưng em trong hình và em ngoài hình đều rất dễ thương.

Lần này tôi giật mình thật sự, tôi linh cảm ngay có sự lầm lẫn. Đây không phải người khách vào quán tôi để uống giải khát mà anh đi tìm người con gái tên Thanh nào đó không phải là tôi. Tôi bối rối:

-Anh và em chưa quen nhau bao giờ, em có gởi hình cho anh đâu.

Chàng ngỡ ngàng:

-Em tên Thanh phải không?

-Đúng rồi, em là Thanh.

-Anh là Trần Hữu Minh đây mà.

Chàng móc trong túi áo một lá thư đã đóng dấu bưu điện:

-Thư em viết cho anh nè, em cho anh địa chỉ quán cà phê nhà em đây, hôm nay chúng ta hẹn gặp mặt nhau sau vài tháng làm quen qua mục tìm bạn bốn phương trên báo.

Tôi nghĩ ngay đến Thanh Giai cô nàng xinh đẹp và luôn mơ mộng một chàng trai vừa giàu sang vừa đẹp trai.

-Anh ơi, vậy là Thanh kia chứ không phải Thanh này, nhà nó cũng bán quán cà phê, căn đầu tiên đó anh.

Chàng đẹp trai ngỡ ngàng:

-Thế mà anh hỏi thăm nhà cô Thanh bán cà phê bác kia chỉ ngay quán này và anh thì nhìn vội số nhà lại thấy bóng dáng em nên anh cứ tưởng...Cho anh xin lỗi nhé.

-Không sao, chúng em cùng tên, nhà cùng bán hàng cà phê giải khát, số nhà nó 111 số nhà em 114 na ná nhau nên bị lộn hoài, mà còn có cô Thanh thứ ba nữa cơ, anh mà lạc vào nhà nó là phải...mua Pa tê thịt nguội đó.

Chàng đẹp trai ra khỏi quán tức thì bố tôi hầm hầm gọi tôi vào trong:

-To gan nhỉ, dám hẹn hò bồ bịch đến tận nhà lại còn trao đổi thư từ với nhau.

Bố đi tìm cái roi tôi phải vội vàng giải thích kéo bị đòn oan:

-Anh ấy đi tìm Thanh nhà ông Giai chứ không phải con.

Buổi chiều tôi gặp Thanh Giai kể cho nó nghe từ đầu đến cuối tôi suýt bị bố đánh đòn vì sự trùng tên này. Nó bảo khi làm quen anh Minh qua thư từ nó lấy biệt hiệu là Kiều Diễm, nhưng khi cho anh địa chỉ đến nhà phải nói tên thật là Thanh cho anh dễ tìm chứ cô Kiều Diễm ai biết đâu mà chỉ.

Chuyện tìm bạn bốn phương như một cuộc vui ngắn ngủi chẳng mấy khi nên duyên nợ. Sau đó Thanh Giai lên xe hoa với người khác, một támm chồng như ước mơ, anh ấy con nhà giàu có, là lính kiểng Quân y trong Tổng y viện Cộng Hòa, rồi Thanh Đệ cũng lấy chồng, chỉ còn Thanh Pa tê nhỏ hơn chúng tôi một hai tuổi thì chưa.

Năm 1975 đã làm thay đổi mọi cuộc đời, mọi thứ trong cuộc sống, nhưng định mệnh vẫn cho chúng tôi ở cùng một con đường như bấy lâu dù chúng tôi đã qua thời thiếu nữ. Chồng Thanh Giai bị mất tích ngay những ngày đầu 30 tháng Tư 1975, toàn bộ gia đình chồng đã di tản đi Mỹ, thế là Thanh Giai bơ vơ không nơi nương tựa đành mang hai con về xóm cũ ở chung nhà cha mẹ ruột và buôn bán kiếm sống. Thanh Đệ thì từ khi lấy chồng đã mua một căn nhà trong xóm, chồng đi tù cải tạo ngày ngày tôi vẫn ra quán cà phê nhà cha mẹ bán hàng,

Thanh Pa Tê vẫn chưa lấy chồng, ở cùng cha mẹ.

Căn nhà thứ 6 bỗng đổi chủ, một gia đình đến mở cửa hàng bán gạo và chà gạo, thời buổi bao cấp gạo xấu người ta phải đem chà lại cho sạch cám trắng gạo để dễ ăn, trời xui đất khiến sao mà chị chủ nhà cũng tên Thanh. Chị được hàng xóm gọi là Thanh Chà Gạo. Thế là 9 căn nhà liền kề nhau bây giờ có thêm một Thanh nữa là 4 người phụ nữ mang tên Thanh. Càng thêm ngẫu nhiên đến lạ lùng, càng thêm khó tin. Chắc khúc đường này có duyên với những người tên Thanh?

Một hôm có thằng bé đứng lóng ngóng trước cửa nhà tôi, thấy tôi nó mừng rỡ reo to cả xóm đều nghe:

-Cô Thanh ơi trả lại mẹ cháu bịch cám, nãy chà gạo xong cô quên chưa đưa mẹ cháu.

Tôi chỉ nhà bên cạnh:

-Sang bên đó mà đòi cám nghe cháu.

Thế mà cũng làm nhà được mới lạ, nhà Thanh chà gạo có máy chà gạo, bụi cám bay đầy nhà, có những bao gạo chồng chất mà thằng nhỏ vẫn đi lộn sang quán cà phê nhà tôi.

Vụ lộn nhà đòi bịch cám còn đỡ hơn vụ này. Con bé chừng 12 tuổi đạp xe dừng trước cửa nhà tôi nó dựng xe và bước vào, tôi tưởng nó vào uống giải khát, nhưng chẳng nói năng chi, nó móc túi lấy ra tờ giấy đưa cho tôi. Tôi tò mò và ngạc nhiên mở tờ giấy ra đọc, ghi từng ngày như sau: Ngày ..tháng...1 ký đậu xanh nửa ký bột năng.

Ngày..tháng...một ký đậu đỏ một ký đường cát trắng. Ngày...tháng...một ký đậu ván một ký đường cát trắng, ba gói phở tai. Tổng cộng số tiền là....

Tôi nhìn con nhỏ và ngỡ ngác hỏi:

-Ừa, giấy gì đây sao toàn là đường đậu?

-Dạ, má con nói đưa đi đọc tờ giấy này cho kỹ càng ngày tháng rành rành ra đó để đi đùng cái cổ như bữa hôm.

-Ừa... má con là ai?

-Bà Tư Đanh bán chạp phô trên chợ Hạnh Thông Tây đó, Di mua mỗi đường đậu của má con đó.

Xong nó ngọt ngào rất bài bản để đòi nợ:

-Di Thanh làm ơn cho con xin tiền mấy thứ này, di đã hẹn mấy lần mà chưa thấy trả nên má con biểu con đi lấy tiền.

Trời, lại một sự làm lẫn người tên Thanh, là Thanh Giai chứ còn ai vào đây nữa. Tôi với Thanh Giai có mắc mớ gì không mà khi trước có chàng trai đến nhà tìm Thanh đòi nợ tình, khi nay con nhỏ đến đòi nợ tiền. Thời buổi bao cấp của khó người khôn, người ta mở thêm quán giải khát cạnh tranh nhau buôn bán nên cà phê nhà Thanh Giai và nhà Thanh Đệ đều ế hơn xưa. Tôi sau khi mở cửa hàng xay bột nước không đủ sống liền quay trở lại bán hàng cà phê giải khát như cũ, nhưng cũng chỉ đủ cầm cự qua ngày còn Thanh Giai xoay sở bán đủ thứ, khi là xe bánh mì, khi thì bày bán bún riêu, khi thì hàng cơm tấm, càng bán càng cạn vốn nên nàng đổi sang bán xe chè đá đậu. Tôi bảo con nhỏ:

-Di tên Thanh nhưng không hề mua thiếu đường đậu má con mà là Thanh kia kìa, căn nhà đầu tiên có xe đá đậu lù lù đó bộ con không nhìn thấy hả?

Con nhỏ bị quê, giựt lấy tờ giấy nợ trên tay tôi và đạp xe về một cái tới đúng nhà Thanh Giai, đúng người mà nó cần gặp.

.....

Khi gia đình tôi xuất cảnh đi Mỹ, Thanh Giai vẫn buôn bán lẻ tẻ nuôi hai con, Thanh Chà Gạo càng ngày càng đắt hàng và phát triển bỏ mỗi gạo đi nhiều nơi. Trong số 4 người tên Thanh thì Thanh Chà Gạo là đại gia giàu có nhất, phải chi ai đó lầm lẫn tưởng tôi là Thanh đại gia thì tôi cũng được oai phong le lói vài phút giây.

Ngày tôi đi xuất cảnh, Thanh Pa tề nói đùa “chị Thanh sang Mỹ tìm người nào giới thiệu cho em đi”. Nhưng chỉ một năm sau tôi nghe tin Thanh Pa tề đã lên xe hoa sau nhiều năm kén chọn...suýt nữa bị ế chồng. Rồi tôi được tin Thanh Giai đã kết duyên với một cán bộ và mẹ con dọn vào ở trong khu cư xá cán bộ với ông ta, đồng thời ông xin cho nàng một chân thư ký trong nhà máy nơi ông làm việc. Mới đây nhất năm 2021 khi Việt Nam đang bùng lên dịch Covid làm bao người thiệt mạng vì chưa được

chích ngừa trong số đó có Thanh chà gạo, đại gia lăm tiền nhiều của nhưng ở Việt Nam tiền của cũng chẳng dễ gì mua được thuốc chích ngừa thời điểm ấy, coi như Thanh đại gia đã ra đi oan uổng, nghĩ mà thương.

Thế là con đường “định mệnh” mang tên Thanh ngày nào giờ đã chẳng còn ai tên Thanh ở lại. Mỗi Thanh một phương trời.

Thanh Đệ là tôi hiện nay sống ở Mỹ, nhà tôi trên con đường này hàng xóm toàn là Mỹ, là Mẽ chắc chắn chẳng có ai tên Thanh để mà trùng. Nhưng vẫn...có sự lầm lẫn, chẳng vì tên Thanh mà vì trùng số nhà. Hai lần bà Mẽ ở con đường kia trong cùng khu phố tìm đến nhà tôi để trao lá thư đi lạc và tôi cũng đã có lần tìm địa chỉ nhà bà Mẽ để trao gói quà ông bưu điện giao lầm.

Nguyễn thị Thanh Dương



ĐỢI BẠN

*Nửa khuya đợi bạn từ xa tới
Cửa mở cầu thang để sáng đèn
Bạn tới lúc nào không biết nữa
Mưa thả đều trên giấc ngủ đen*

Mai Thảo

KHÁCH HẸN

*Ao hồ tiếng ếch gần xa
Mai vàng tiết lạnh nhà nhà hoa rơi
Nửa đêm cái hẹn qua rồi
Quân cờ gõ nhằm làm rơi hoa đèn.*

(**Nguyễn Bính** dịch “Ước Khách” của **Triệu Sờ Tú** đời Đường)

Tạ ơn Rừng

Tạ ơn Rừng cho ta nguồn tâm sự,
Cội rễ muôn trùng thăm thẳm hoang vu.
Suối nỉ non bản trường ca tình tự,
Vách đá vang lời vọng cổ thiên thu.

Trăng cô đơn
vẫn nằm nghiêng cửa động.
Đỉnh hồng hoang còn e ấp sương mù,
Tóc liễu buông dài thướt tha gió lộng,
Tiếng thì thầm trong lòng núi âm u.

Tạ ơn Rừng cho ta đường cổ tích,
Dáng xuân sơn kiêu diễm tự ngàn xưa.
Nét sử vàng chói lòa sườn thạch bích!
Hồn muôn năm uy liệt chẳng phai mờ!

Rừng trải bạt ngàn, tay Rừng mở rộng,
Ôm giang sơn trong lòng Mẹ Âu Cơ.
Đứng hiên ngang
giữa mưa trào gió lộng,
Ru hồn thiêng
từ những buổi hoang sơ...

Tạ ơn Rừng
cho hương hoa nguồn sống,
Muôn giải đường đèo,
mây lướt thên thang.
Ánh lửa bập bùng,
tiếng cồng khua động,
Hồn núi oai hùng,
hồn nước mệnh mang!

Ta ở nơi đây nhớ Rừng nhớ Núi,
Năm tháng kéo dài cuộc sống lê thê...
Một mai hoa vàng nở bên bờ suối,
Rừng Thiêng ơi, ta sẽ trở về!

Trần Quốc Bảo *Virginia*

Nhớ về:

“Chợ Chôm Hồm”

Chúng ta ở xứ văn minh,
Cần mua gì, đến shopping quen rồi.
Có ai nhớ, thuở xa xôi...
Quê mình, họp chợ ngay nơi lề đường?

“Chợ Chôm Hồm”... nét dễ thương,
Tiện đâu họp đấy, vệ đường ven đê!
Đó là sinh hoạt miền quê,
Bày hàng: rau quả, cam lê vườn nhà.

Một rổ trứng, mấy con gà...
Chất chiu nuôi nắng, đem ra bán dần.
Bà con mình sống bình dân,
Ưa ngồi chôm hồm,
quây quần bên nhau!

Chợ nghèo, tan họp rất mau,
Thuận mua vừa bán, có đâu rành ràng!
Thể hiện tập quán thôn làng,
Cũng là sinh thái Miền Nam xưa rày.

Tình quê chơn chất, quý thay!
Ra “Chợ Chôm Hồm”
xum vầy tương thân.
Bán mua chào hỏi ân cần!
Chợ quê biểu lộ tinh thần Miền Nam.

Sống hiền hòa, chẳng gian tham,
Bà con mình, lấy chữ “Tâm” làm đầu!
Từ Bến Hải, đến Cà Mau...
Biết bao hình ảnh trong đầu,
không quên!

Trần Quốc Bảo *Virginia*

Ừ NHỈ, NGƯỜI ĐI NGƯỜI ĐI THẬT!

**** Vưu Văn Tâm (Germany) ****

*“Tống biệt hành” nay có khác không?
Nẻo về phai nắng, nhạt hoàng hôn
Sầu thương dâng tím phương trời nhớ
Ly khách xa rồi, ai ngóng mong?*

1.

Đã bao năm rồi mà Tám vẫn u hoài mỗi khi dừng chân ở một bến sông và nhìn con nước xuôi ra biển rộng. Tám nhớ vô vàn những ngày lưu trú ở Rạch-Giá để chờ ngày đi vượt biển. Chiều rơi hờ hững trên sông, buổi chiều màu tím, tím hơn cả màu hoa lục bình. Người chị gái trong nhà bắc nồi cơm lên bếp, rồi chạy ra sau hè chỉ ngón tay về hướng mấy đê lục bình đang trôi lững lờ và nói:

- Theo mớ lục bình trôi hết khúc sông này là tới cửa biển. Giờ này nước ròng chảy xiết nên lục bình kết lại thành chùm và trôi nhanh hơn. Mấy chùm bông tím tím, ngó đẹp quá hén nhỏ. Khi nước lớn, lục bình trôi tản mạn rời rạc, thấy lẻ bạn lắm!

Ngó mặt Tám còn ngu hơn mặt sông, chị tươi cười tiếp nối câu chuyện:

- Ở đây sông buồn mà biển cũng buồn. Mà sống ở Sài-Gòn ngựa xe rộn rịp, dzia đây chắc nhớ nhà lắm há!

- Ở đây, em không thấy buồn mà chỉ có nỗi sợ lo thôi, chị ơi!

- Ôi, đừng có lo nhỏ ơi, anh Hai mà đã "mua" tụi nó hết rồi! Mà chỉ ở lẩn quẩn trong nhà hay chạy ra đàng sau thôi chứ

đừng có lảng vảng ngoài hàng hiên nhen, mắt công thiên hạ để ý!

Thời gian trôi nhanh quá, đâu còn chiếc đò ngang nào để cho Tám một lần qua giang về thăm chốn cũ. Rạch-Giá, thành phố ven biển trù phú, hiền hoà quanh năm sóng vỗ. Ngôi nhà ngói đỏ ven sông đã ba lần tiếp đón Tám và cho Tám tá túc để chờ ngày xuống tàu đi vượt biển. Mấy anh chị trong nhà thiệt thà, tử tế, cho Tám được ăn cơm chung, ăn ngày ba bữa đủ đầy với cá, với thịt. Buổi tối, mấy anh chị còn mở mấy cuốn băng nhạc Duy Khánh, Hoàng Oanh cho Tám nghe nữa.

Nửa đêm về sáng, chị đánh thức Tám dậy và thúc giục:

- Dậy, dậy, nhỏ ơi, bẻ rồi!

Chị chống chèo đưa Tám đi được một khúc sông và anh chờ sẵn trên bờ mương để chờ Tám ra bến xe bằng xe Honda. Bến xe Rạch-Giá không biết ngủ, kẻ mua người bán tấp nập, tiếng gọi nhau chen giữa tiếng rao hàng rộn vang giữa đêm hôm khuya khoắt. Tám kể anh nghe, ngày hôm sau là ngày thi ra trường, nếu "đi" không được thì Tám cũng muốn về kịp lúc để cùng được thi góp mặt với bạn bè. Anh muốn Tám được đi chuyến xe sớm nhất để kịp về Sài-Gòn nên đã trả giá và mua được

"cục gạch" sát cửa phòng vé. Tường cũng nên nhắc lại, sau năm 1975, tại những nơi công cộng như bến xe, nhà ga, thậm chí cả rạp hát, bọn "đầu nậu" vé chợ đen thường đặt khá nhiều cục gạch, cục đá hay thùng thiếc trước phòng vé và sau đó bán lại "chỗ tốt" cho những ai có nhu cầu cấp bách mà không thể chờ đợi hay không thích sắp hàng xa mút mắt. Cuối cùng, anh cũng mua được cái vé xe như ý nguyện của Tám. Khi xe bắt đầu lăn bánh chuyển hướng Sài-Gòn, anh vẫn còn nấn ná và dõi mắt trông theo. Hai anh em ngó thấy nhau qua tấm kính mờ đục của chiếc xe đồ khi trời chưa sáng hẳn. Hình bóng anh xa dần và mờ khuất. Ừa, Tám đi thiệt rồi và hơn bốn mươi năm chưa lần nào quay trở lại!

2.

Chiếc phi cơ lăn dài trên phi đạo rồi cất cánh bay cao. Ngó qua khung cửa nhỏ, những con đường, góc phố đã xa dần, Sài-Gòn cũng xa và những nhánh sông bàng bạc màu phù sa vẫn âm thầm trôi xuôi ra biển lớn. Nước mắt Tám dần dựa khi nghĩ đến hai mươi ngày đoàn tụ ngắn ngủi, được gặp lại má sau mười bốn năm xa cách. Ngày vui bao giờ cũng qua mau. Hai má con ít nói với nhau được điều gì, chỉ lặng lẽ ngồi bên nhau hàng giờ, nhìn nhau rồi mỉm cười mà nghe niềm hạnh phúc trào dâng trong từng mạch máu. Thỉnh thoảng, má thủ thỉ những câu chuyện xa lơ xa lắc, thuở

Sài-Gòn yên bình với bao tà áo lụa. Rồi giông bão kéo về, cuộc sống làm than, bao người thân cứ lần lượt bỏ xứ ra đi mặc cho gian nan, nguy hiểm chực chờ.

Mười bốn năm trước, má tiễn Tám đi, sống chết phận người và cũng không hề nghĩ có ngày được hội ngộ. Đưa người nhưng không đưa sang sông, sóng chưa tràn bờ mà sao nước mắt má ràn rụa. Chiếc xe lam nặng nề lăn bánh rồi khuất nẻo, má vẫn còn đứng đó, chiếc áo bà ba màu tím hoa cà điểm bông li ti và cái quần Mỹ-A mờ dần trong sương sớm. Một tay quẹt nước mắt, còn tay kia má vẫy vẫy như tiếc nuối một tình thương vừa âm thầm chấp cánh bay xa.

Lần này Tám cũng từ giã má, tuy không giống như lần ra đi của mười bốn năm biệt xứ nhưng sao vẫn nghe lòng bùi ngùi. Mây xám đang lũ lượt kéo về, trời đang mưa hay có giọt lệ nào vừa rơi xuống, nghe buồn tủi mênh mang.

3.

Sau hơn tiếng đồng hồ ngồi ở cổng chờ, Tám là một trong những hành khách sau cùng bước vào máy bay. Nghĩ đến niềm vui của những ngày qua, Tám nghe lòng mình xuyên xao, day dứt. Bạn bè mấy mươi năm mới được tao phùng sau lần chia tay ở năm học cuối. Bốn mươi năm sau, cuộc đời rẽ chia năm bảy ngã, đũa đã đề huề một gánh thê nhi, gia đình đầm ấm trên quê hương mới, đũa

khác còn lao xao đi tìm hạnh phúc khi mái đầu đã điểm tuyết, pha sương. Những vòng tay ôm thắm thiết, những câu chuyện râm ran bên cạnh niềm vui tao ngộ kéo dài như không bao giờ dứt. Mùa thu ở Santa Ana ấm áp đến lạ thường. Những tia nắng vàng tươi trải rộng giữa bầu trời biêng biếc một màu xanh. Những con đường xa lộ thênh thang nhưng sao thấy thật gần vì nơi gặp gỡ là những gương mặt đã có nhau một thời tuổi trẻ. Ngồi bên nhau mà nhắc lại những tháng ngày hoa mộng cũ, nơi sân trường dưới ngàn bóng lá xôn xao. Kể ở lại chấp nhận những thiệt thòi, người bước xuống tàu dần thân trên cuộc hải hành đầy sóng gió.

Chia tay nhau lần này biết bao giờ mới có dịp gặp nhau lần nữa. Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu, buồn từ ngã bảy ngã ba buồn về. Tám bụi ngùi và để mặc cho những dòng nước mắt cứ tuôn rơi. Ngoài khung cửa kính, vài cơn mưa nặng hạt vừa mới đi qua và để lại một bầu trời xám đục, dưới đất một khoảng sân loang loáng nước. California thường bị hạn hán nhưng hôm chia tay, mưa kéo qua thành phố, mưa thấm ướt đất và làm thắm tươi hơn màu xanh của lá, của hoa. Những hình ảnh xưa và nay cứ đan xen như một cuốn phim không đoạn kết. Hình như thời gian cũng thu ngắn lại theo những nghĩ suy bời bời. Nước mắt Tám rơi rơi khi nhìn ra ô cửa kính mờ đục một màu đen.

Cô tiếp viên có đôi mắt xinh đẹp đi ngang, gương mặt lộ vẻ áy náy và cất giọng nhẹ nhàng:

- Is there any way I can help you?

- Danke, ich bin ok!

(Cám ơn cô, tôi không sao!)

Nghe được ngôn ngữ bản xứ, cô mỉm cười bước đi và quay trở lại sau vài ba phút. Trên tay cô là ly cà-phê bốc khói và đĩa bánh cookies. Cô vui vẻ nói:

- Etwas Süßes macht wieder fröhlich!

(Một chút ngọt ngào sẽ làm mình vui trở lại!)

Máy bay hạ cánh an toàn sau mười mấy tiếng đồng hồ rẽ mây, lướt gió. Cô tiếp viên ban này đứng cạnh cửa ra vào để tiễn khách. Đôi mắt xinh đẹp đó nhìn Tám cười thật tươi để lộ hai hàm răng trắng sáng:

- Wir sind wieder in Deutschland, sei froh und alles Gute!

(Chúng ta đã về đến Đức, hãy vui lên và xin cầu chúc bạn mọi điều lành!)

Chân bước hững hờ trên những con đường quen thuộc, mùa thu đang bước vào giai đoạn cuối. Lá vàng héo khô theo những cơn gió nhẹ lia cành và xào xạc trên lối nhỏ, đường thôn. Phố xá sáng rực ánh đèn để đón chào mùa lễ Thánh. Ừa, Tám đã xa thiệt rồi những buổi họp mặt chung vui, những gương mặt bạn bè quen thuộc. Chia tay nhau lần này và biết đến bao giờ mới có dịp gặp nhau lần nữa. Dịch giã, chiến tranh và nhiều hệ lụy đã khiến cho ngày tương

phùng còn miên viễn, xa xôi. Dù kẻ ở người đi nhưng vẫn ấm áp trong lòng bao niềm thương, nỗi nhớ. Gửi lại những cơn sóng lao xao ở Huntington Beach hay ở Laguna, trả lại những tia nắng trên hè phố Bolsa chen chúc những quán hàng, bỏ lại bầu trời xanh tươi như bức họa với những cành cọ vươn mình trong gió sớm và xin được mang theo những gương mặt của tháng ngày thân ái đó. Ngày vui nào cũng qua mau cũng như tuổi xuân qua đi có trở lại bao giờ. Trong lòng Tám, hình như khúc

“Tống biệt hành” xa xưa như đang vọng lại giữa trời mùa thu Tây Âu dịu hiu, héo hắt ..

*"Người đi, ừ nhỉ người đi thật
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu say". (*)*

Vưu Văn Tâm (Germany)

(*) Tống biệt hành, Thâm Tâm, 1940



NGƯỜI BỆNH TRỌN ĐỜI

Ước chi có đủ thì giờ
Chực luôn phòng đợi
để chờ ngắm em!
Văn phòng không mở về đêm
Để anh thức trắng
dài thêm mộng vàng!

Chao ôi, đôi mắt dịu-dàng:
Yên bình mở lối địa-dàng là đây!
Loạn bên Tàu, giặc bên Tây
Thả gươm, buông súng,
về xây nghiệp lành.

Mắt em thu hút hồn anh,
Cõi tiên đôi lứa song-hành bên nhau.
Không-gian hoà hợp sắc màu,
Mượt-mà giai-diệu,
ngọt-ngào phương-hương.

Em là giọt nước cành dương
Cho tim anh sẽ hồi hương xuân-thời.
Xin làm người bệnh trọn đời
Được em - thầy thuốc -
trở tài... lương y...

THANH-THANH

Mây

Tôi bỗng nhận ra chiếc xe chạy ngay phía trước mang bảng số có chữ viết tắt tình cờ là tên đầy đủ của thầy: NXH. Tôi nói với cô em gái ngồi cạnh, *nhìn kìa, bảng số xe nguyên tên thầy H luôn! Tháng chín này là thầy mất 9 năm rồi đó. Ừ, Nhanh quá!* Hai chị em tôi đều học Triết với thầy, thầy Nguyễn Xuân Hoàng. Một cái tên của một thời còn nhớ và nhớ mãi. Một cái tên là tựa bài thơ của tôi làm ngày 13 tháng 9 năm 2014, ngày thầy mất.

N.X.H.

*Bỏ tháng chín mùa xuân khô cạn kiệt
Đời rong rêu lưu lạc một nhánh buồn
Chữ từng chữ lấp vào chừng không đủ
Bụi rác về che khuất những âm u.*

*Hoàng hôn xuống và mùa xuân vội khép
Đời theo đời chữ theo chữ tìm nhau
Một đôi khi hụt hẫng nhớ thuở nào
Kẻ tà đạo cuồng quay trong giông bão.*



Hè năm nay nóng nhiều hơn mấy năm trước. Trên đường xuống chơi vùng tây nam Florida, trời xanh cao, mây trắng mỏng nhẹ bay làm dịu đôi chút cái nắng bứt rứt gay gắt của buổi trưa. Nhìn mây tôi nhớ đến một tựa truyện của thầy: Người Đi Trên Mây. Thầy là một nhà văn mà tôi đọc nhiều nhất. Đương nhiên rồi, phải không?

Mây như tơ, nhìn mây bay như lụa
Người đã đi chân bước nhẹ như mây
Nhớ đến người, cuộc đời này vốn dĩ
Mây rồi tan như người đến rồi đi.

Trời mênh mông
bỗng thấy buồn bất chợt
Như mây trôi buồn nắng nhớ nhạt nhài
Nhưng gió qua sẽ đem mây trở lại
Vì người đi để nhớ lại cho người.

Ý Anh - 8/8/2023

Có một chuyện tình như thế không?

*** NGUYỄN XUÂN HOÀNG ***



Sáng nay, mở computer tôi thấy một mail lạ. Thường thì tôi vẫn delete hoặc cho vào spam ngay những mail không biết xuất xứ, nhưng mail này khiến tôi dừng lại vì dòng chữ trên ô subject: XIN DUNG DELETE MAIL CUA K. Mail của K.? K. là ai? Tôi có một người bạn tên K. Nhưng bạn tôi đã “ra đi” vào những ngày cuối của cuộc chiến tại Sài Gòn. K. nào? Tôi bấm chuột, kéo xuống. Đọc.

Gửi ông H.

Tôi gửi thư này theo lời yêu cầu của bà Huyền, thân mẫu của anh K. bạn của ông. Tôi là cháu của bác Huyền. Trong một dịp tình cờ tôi vô tình nhắc đến tên ông qua một bài viết của ông trên trang mạng điện tử, bác Huyền hỏi tôi có phải ông ngày xưa ở Nha Trang không? Và ông có phải là bạn cùng lớp của K. con trai bác không? Nếu ông đúng là người bạn của K., bác tôi muốn biết tin tức của ông. Bác tôi hiện sống ở Hà Nội. Năm nay bác Huyền tôi đã 88 tuổi. Rất mong được thư ông. PTL

Tôi không quen ông PTL, nhưng tôi có biết ông là một nhà nghiên cứu văn học trong nước. Thỉnh thoảng tôi cũng có dịp đọc bài của ông. Đây là lần đầu tiên tôi đọc thư ông. Tôi sẽ trả lời thư ông L. Và chắc chắn tôi sẽ liên lạc với Mẹ Huyền. Đúng bà là mẹ của K. bạn học thời nhỏ của tôi, và bà cũng là Mẹ của tôi, như Mẹ tôi cũng từng là Mẹ của K. Tôi muốn kể cho ông PTL biết đôi điều về K. và ... tôi. Tôi muốn tặng bài viết này cho Mẹ Huyền của chúng tôi.

1.

Không biết điều gì đã kéo chúng tôi lại gần nhau, mặc dù hai chúng tôi khác nhau về nhiều phương diện. K. đẹp trai, con một, dân “bắc-kỳ-di-cư”. Còn tôi, dân địa phương, mặt mũi không giống ai, nhà lại đông “dân cư”. Cũng như nhiều gia đình di cư khác, lúc đầu nhà của K. ở trên một khu nhà tạm ở dưới Cầu Đá, Nha Trang, trước khi dọn đến một căn nhà gần thành phố hơn.

Những ngày mới bước vào lớp, K. được xếp ngồi ở bàn đầu, sát bên tôi. Bọn ma cũ luôn bắt nạt ma mới. Và K. luôn luôn là nạn nhân của mấy tay ngồi cuối lớp. Chính tôi lúc đầu cũng không ưa K., nhưng ngồi bên nhau lâu chúng tôi dần dà thích nhau. Tôi hỏi “cậu có cần tôi nói chuyện với chúng nó để cho cậu yên không?” K. nói “cám ơn cậu, không cần đâu. Cậu để tôi tự giải quyết.” Và K. đã giải quyết cách nào tôi không biết, chỉ

thấy sau đó, không đũa nào chọc phá “bắc-kỳ-cá-rô-cây” K. nữa.

Cái khác nhau lớn nhất giữa K. và tôi là chuyện học. Tôi thích toán và thường đạt điểm cao về môn này, trong khi K. chỉ ưa chuyện văn chương. Có lần thầy Phan N. dạy môn Văn trong khi trả bài luận, đã làm cả lớp ngạc nhiên khi nói: “Tôi muốn giới thiệu với các em, một nhà văn trong lớp chúng ta: Phạm Thế K. Bài luận của K. không chỉ là một bài luận mà là một truyện ngắn, một truyện ngắn đặc sắc.” Thầy nhắc đi nhắc lại “một truyện ngắn đặc sắc” mà thầy được đọc từ bài viết của một học sinh từ mấy chục năm đi dạy đến nay. Và thầy đã làm copy phát cho cả lớp cùng đọc.

Bài viết nói về ngày K. giã từ Hà Nội. K. nhắc đến bạn bè thầy cô, khí hậu thời tiết, tình cảm của một đứa trẻ trước một chuyến đi sẽ là mãi mãi. Hà Nội trong trí nhớ của một cậu bé 14 tuổi. K. nói đến một cô bé học cùng lớp đã khóc khi chia tay vì gia đình của cô quyết định ở lại. Còn mẹ K. là một phụ nữ xinh đẹp, bà giống như chị của K. hơn là mẹ. K. còn có ông chú là một nhạc sĩ nổi tiếng. Những chiều cuối tuần, bọn tôi thường kéo nhau ra bờ biển nghe ban nhạc của những người di cư chơi các ca khúc của ông. Đó những bài nhạc luôn luôn nhắc về một Hà Nội đã xa, một Hà Nội trong trí nhớ. Những ca từ thấp thoáng trong bài luận của K.

Mẹ K. thương tôi như bà thương K. Nhờ bà, tôi biết bún chả Hà Nội, canh giò thì là, những món ăn đặc biệt Bắc Kỳ mà trước đó tôi chưa hề được ăn. Về phần mẹ tôi, bà cũng đặc biệt thương K. và bà

luôn đem K. ra để làm gương cho tôi soi.

"Học hành như thằng K. mới là học, chứ đâu như mày. Học trò gì mà không bao giờ có một cuốn tập cầm tay." Có lần bà nói với K., “con nhớ nhắc nhở nó học hành dùm cho má. Má lo cho tương lai nó quá.” Bà giống mẹ của K. gọi bọn tôi là con và xưng mình là mẹ. Thật ra, tôi biết, má tôi chỉ nói thế chứ trong lớp tôi chỉ kém môn Văn chứ các môn khác tôi đâu có thua đũa nào.

Trong khi đó thì mẹ của K. cũng thường nhắc: "Con nhớ bảo vệ K. nhé. Đừng để đũa nào hiếp đáp K. nhé. Con nhé!" Bà nói thế thì tôi nghe thế chứ thật tình K. không hiếp đáp người khác thì thôi chứ làm gì có chuyện người khác hiếp đáp K. Điều đặc biệt là hai bà mẹ của chúng tôi chưa hề một lần gặp nhau.

Năm 1956, gia đình K. dọn vào Sài Gòn, vì bố của K. nhận được một chức khá lớn trong chính phủ. Hôm tiễn K. ra ga xe lửa, mẹ K. ôm tôi nói: “Con có muốn vào Sài Gòn sống với K. và mẹ không?” Tôi không biết nói sao. Vào Sài Gòn ở với K. thì được, nhưng tôi sẽ ở đâu? Trường nào sẽ nhận tôi? Nhưng K. vào Sài Gòn được ít lâu thì ông anh tôi từ Ban Mê Thuột cũng được đổi về Sài Gòn làm việc ở Quân Khu Thủ Đức. Anh biên thư về nhà xin phép má cho "nó vào trong này để con dạy dỗ nó, theo dõi chuyện học hành của nó, kéo nó trở thành bọn đầu đường xó chợ mất."

Thế là K. và tôi lại gặp nhau. K. ở Chu Văn An học ban C. Tôi vào Petrus Ký học ban B. K. học ban C vì giỏi sinh ngữ, và văn. Tôi theo ban toán và thật tình tôi

không ưa chuyện thi phú “vớ vẩn” như tôi vẫn thường nói với K. Năm Đệ Nhất, K. đã có truyện và thơ đăng trên tạp chí Hiện Đại của thi sĩ Nguyên Sa. Còn tôi, không có gì kéo tôi ra khỏi những định lý, định đề, những con số và những bài toán khó và ...

K. và tôi cuối tuần nào cũng gặp nhau. Mẹ của K. thường hỏi: Tuần này cả nhà ăn gì nào? Bún chả nhé? Có bữa bà nhắc K. hôm nay mẹ có món canh giò thì là đấy, gọi bạn con đến đi.

Trong đầu tôi lúc đó ngoài Euclid, Riemann, Lobatchewsky ra, bao giờ tôi cũng có ý nghĩ là phải làm sao cho trái đất này rung lên, làm sao có thể đi sâu xuống tận cùng dưới đáy đại dương, làm sao bay lên những vì sao, làm sao? Có lúc tôi nghĩ chiến tranh là cần thiết. “Si vis pacem, para bellum.” “Muốn hoà bình phải có chiến tranh.” Tôi ghét những giọt nước mắt. Tôi khinh bỉ sự đau khổ. Còn K.? “Đau khổ là một thứ tình cảm cần thiết. Bất cứ sự đau khổ nào cũng làm cho người ta lớn lên. Chỉ có hạnh phúc làm người ta nhỏ lại.”

Tôi mơ ước mình sẽ trở thành nhà khoa học, và những phát minh của tôi sẽ biến đổi cả thế giới này. Tôi muốn khám phá những bí ẩn của vũ trụ, trong khi K. chỉ muốn khám phá những bí mật của tâm hồn. Có lúc tôi nghĩ ước gì mình có thể chế tạo được chiếc máy “làm ra những nụ cười”. K. thì bảo tôi “cậu là người tưởng tượng giỏi sao không viết văn đi, còn khoa học ấy à, có ghê gớm đến đâu đi nữa cũng chẳng giải quyết nổi được chuyện con người đâu. Thế kỷ này không có Albert Einstein thì thế kỷ khác

cũng sẽ có thôi, chứ thế kỷ này mà không có Nguyễn Du thì chưa chắc gì thế kỷ khác sẽ có.”

Chúng tôi càng lớn lên càng thấy mình quá khác biệt nhau, nhưng không hiểu sao chúng tôi bao giờ cũng tìm đến nhau trong những lúc khó khăn nhất. Chúng tôi biết rằng mỗi người chỉ là một nửa của người kia. Phải có một nửa kia, chúng tôi mới hoàn toàn là một con người.

2.

Sau khi tốt nghiệp trung học, mặc dù là con một, K. nhất định thi vào Võ bị Đà Lạt, còn tôi thì vào Văn khoa, ban Triết. Có vẻ như mỗi đứa chúng tôi vẫn đang đi tìm cái mà chúng tôi thiếu hồi thời học trung học. Ra trường K. đi Không quân, tôi vẫn còn được đi học nhờ nhà tôi có cả hai ông anh đều đi lính.

Chúng tôi đang đi tréo đường nhau, nhưng cái khoảng cách giữa chúng tôi dường như bỗng thu ngắn lại. K. khoẻ mạnh hơn, vững chãi hơn. Cái vẻ yếu đuối ngày xưa không còn nữa. Còn tôi thì bắt đầu quan tâm tới thế giới chữ nghĩa, văn chương. Khoảng cách giữa hai chúng tôi biến mất dần nhờ con đường mang tên Nguyễn Bình Khiêm.

K. yêu một người Trưng Vương, còn tôi làm công việc đi theo bạn đến “châu” một cô gái ở con đường đầy bóng mát để bạn tôi yên chí lấy tinh thần “nhìn người yêu hững hờ bước đi, mắt không hề ngoảnh lại”. Đó là chữ nghĩa của K. khi viết về N., người mà K. yêu.

Phải nói N. là một cô gái đẹp lạ lùng. Từ cổng trường túa ra, giữa những chiếc áo dài trắng toát, N. nổi bật lên như một ngôi sao. Mái tóc ngắn chải kiểu con trai, hai con mắt to và đen, đôi môi hơi dày, nhưng chiếc răng khểnh làm cho khuôn mặt của N. trở nên quyến rũ mời gọi. Lần đầu tiên theo K. "*châu N.*", K. vỗ vai tôi chỉ người thiếu nữ xinh đẹp kia và hỏi "cậu thấy con bé đó thế nào?" "Thế nào là thế nào?" Ngay lúc đó, tôi thấy K. đứng bất động nhìn N. đi qua, đi qua như một người lạ mặt. Cho đến khi N. bước lên chiếc xe có tài xế đón, K. mới chịu chở tôi ra về.

N. có biết là K. yêu cô không, tôi không biết. Điều duy nhất tôi biết đó là chưa bao giờ tôi thấy N. dừng chân nói với K. một lời nào.



Gần một năm trôi, theo K. *châu N.* ở đường Nguyễn Bình Khiêm, tôi khám phá ra mình không có người yêu. Không phải vì tôi không muốn yêu ai, nhưng nếu có muốn thì chắc cũng chẳng có ai yêu mình. Em gái tôi bảo anh học chỉ cái môn triết học, gần ời là gần, nói năng

chẳng ai hiểu ra làm sao cả, đưa con gái nào ngu lắm mới yêu anh. K. bảo "này, cậu bỏ dùm tôi ra khỏi cái đầu rắc rối của cậu mấy ông Jean-Paul Sartre, Martin Heidegger, Emmanuel Kant, và Nít Niết đi,... cho con nhờ tí. Không biết tình yêu à. Thế thì sống để làm gì nhỉ?"

Có lần tôi hỏi K. "Này ông, cứ đứng nhìn người ta như vậy mãi sao? Muốn gì thì nói đi chứ, bạn." K. bảo "cần gì nói, cứ đứng nhìn thế này là nói rồi. Bây giờ đến lượt cô ấy phải nói chứ tại sao tớ phải nói nhỉ?" K. cười: "Mỗi người đàn bà là một bí ẩn: một giọng nói, một cử chỉ, một niềm im lặng." Tôi hỏi K. ai đã nói thế? K. bảo thì cái lão Le Petit Prince đã nói thế. K. gần như thuộc nằm lòng những câu của St. Exupéry trong cuốn Le Petit Prince. Tôi hiểu tại sao anh chọn binh chủng không quân. Có lần K. nói K. mơ ước được sống và chết như St. Ex. Sống như một nhà văn, chết như một phi công. Thời gian đó ở Sài Gòn, người ta vẫn hay nói một câu rất thời thượng của St. Ex: "Yêu nhau không phải là nhìn nhau mà cùng nhìn về một hướng."

Mối tình thầm lặng ấy của K. kéo dài bao lâu, tôi không nhớ. Có thời gian K. đi Cần Thơ, rồi ra Nha Trang. Sau đó là Đà Nẵng và mất liên lạc. Còn tôi, sau chín tuần ở Quang Trung, chuyển qua Thủ Đức. Ra Vùng Một chiến thuật. Bị thương nhẹ trong một vụ đụng độ, rồi may mắn được trở lại Sài Gòn. Đơn vị 3 Quản trị. Tôi trở lại nhà trường.

Tôi vẫn chưa có người yêu.

3.

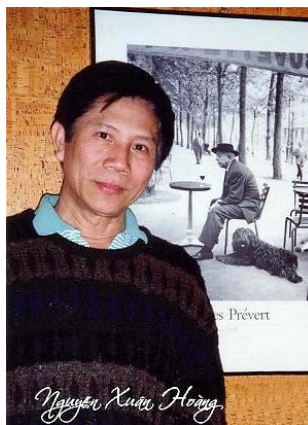
Nhiều năm sau, gặp lại K. tại quán Cái Chùa Sài Gòn, chúng tôi đã không còn trẻ nữa. Mẹ tôi đã qua đời. Mười ba anh chị em trong gia đình tôi đã ly tán. Hai ông anh tôi, một chết mặt trận Đông Hà, một là thương phế binh. Bà chị tôi lấy chồng bỏ quê hương đi xa. Tôi hỏi K. "lâu nay có gặp N. không, cô ấy bây giờ ra sao?" K. cười: "Có, thỉnh thoảng chúng tôi có gặp nhau... Cô ấy đã lập gia đình." "Thế những điều ông định nói với cô ấy đã nói được chưa?" "Chưa. Vả lại, nếu nói thì nói trước khi người ta lấy chồng, chứ bây giờ còn nói gì."

Đó là lần sau cùng tôi gặp K. Bởi vì anh đã chết trong những ngày cuối của cuộc chiến tranh Việt Nam. Người ta đưa xác K. về nhà anh ở Phú Nhuận trong những ngày tháng Ba, Bảy Lăm, những ngày mở màn cho một Sài Gòn bắt đầu hỗn loạn. Suốt mấy ngày liền, tôi ở nhà K., ngồi bên quan tài anh. Mẹ K. già sụm thấy rõ. Cụ ôm tôi khóc, gào lên; "Con ơi là con. Sao con bỏ mẹ mà đi thế này!" Bức ảnh của K. rọi lớn đặt trên bàn thờ. Đôi mắt sáng. Nụ cười buồn. Một khuôn mặt "bô" trai. Những người sĩ quan đứng bên quan tài anh đổi phiên nhau.

Sáng ngày động quan, bất ngờ tôi thấy một thiếu phụ bước vào. Chiếc áo dài màu trắng, hai con mắt to và đen, chiếc răng khểnh. N. đến trước mặt tôi chào hỏi như một người quen đã lâu không gặp. Tôi đưa cho chị cây nhang. N. chấp hai tay đưa cao lên trán, đứng lặng hồi lâu. Tôi có cảm tưởng là lâu lắm. Và khi chị bỏ tay xuống xá mấy xá trước khi quỳ lạy trước quan tài K. Tôi nhìn thấy

những giọt nước mắt của chị. Những giọt nước mắt lặng lẽ chảy dài trên một khuôn mặt xanh xao. Tôi thấy như mình đang đứng với K. ngày nào trên con đường Nguyễn Bình Khiêm đầy bóng mát, nhìn xéo qua cổng trường Trưng Vương. Con đường cát đỏ, một bên là Thảo cầm viên và một bên là ngôi trường của N. Và người thiếu nữ với mái tóc cắt ngắn, hai con mắt to và đen, chiếc răng khểnh đang bước đi, đầu ngoái lại nhìn chúng tôi với một nụ cười buồn. Tôi nhớ câu của St. Ex có lần K. nói: "C'est tellement mystérieux, le pays des larmes."

Mối tình ấy có thật không hay chỉ là trong trí tưởng của tôi?



NGUYỄN XUÂN HOÀNG

* *Antoine de Saint-Exupéry*, [1900-1944] nhà văn phi công Pháp, tác giả *Courrier Sud* [1929], *Vol de Nuit* [1931], *Terre des Hommes* [1939], *Le Petit Prince* [1943],



Chép lại
để tặng
Độc Giả
Thưa 1961

Đm tởn rên Lúa
Chuyến bắt về,

Thuyền treo sóng mắt Đm trắng Đm
Những Đm chú le buồn không nói
Nét lúa bầy Đm giấc ngủ mê

Mười ngón tay Đm lúa nguyên cày
Hỏi đi! Hỏi chuyến kiếp về Đm?
Ta cứ giả tron lòng, trình bạch
Ngường Đm Đm như Nô Chúa Gấu
Đm với ta Chung một hạt ky
Hồn thân vào nét chữ cuồng si
Chiêm bao Đm gột giấc mê hoặc
Trang giấy bầy mũi tóc ái phi...

Đinh Hùng

Thủ bút của thi sĩ Đinh Hùng
(Trích từ tập thơ “ ĐƯỜNG VÀO TÌNH SỬ ”)

NGƯỜI THIẾU NỮ ĐẾN CHÙA BUỔI HOÀNG HÔN



Người thiếu nữ
đến chùa
Cầu Nguyện...
Nàng thưa: PHẬT
và âm thầm Cầu Nguyện,
Nàng kể chuyện
Chuyện đau sầu Cơ khổ trần gian!
Chuyện chiến tranh tàn phá tan hoang
Chuyện đau sầu, cơ khổ trần gian...
Chuyện chiến tranh tàn phá tan hoang

Cầu Xin PHẬT thương người trần thế
Nàng âm thầm kể ... âm thầm kể!
Cứ như thế, thời gian thật lâu,
PHẬT ngồi nghe, nghe đã rất lâu
Nàng cứ quỳ như thế,
Lệ rơi ... tràn Lệ!
Ơi, chuyện buồn nhân thế
Ơi, chuyện buồn của Nàng
Và còn bao nhiêu chuyện buồn thảm
của nhân gian ...

Người Thiếu Nữ Đến Chùa Buổi Hoàng Hôn,
Nàng quỳ rất lâu ...
Xin PHẬT nghe nàng kể
Cứ như thế, nàng miên man kể ...
Chuyện Tháng Chín, năm Hai Ngàn lẻ
một.
Thế Giới nhân loại bàng hoàng!...
Trái Tim! Đau Xót!
Biển Lệ ngập tràn ...
Tiếng kêu Trời! Cao ngất núi non!
Đau Thương! Ly Biệt! Kinh Hoàng!
Ra đi! Từ đó ngỡ ngàng biển dâu...

Tâm sự kẻ tha phương
Quê mình đã đau thương ...
Quê người cũng đau thương!
Làm sao Nàng kể hết
Ánh mắt Nàng tha thiết ...
Tấm lòng Nàng tha thiết
Thiết Tha Nàng Nguyện Cầu,
Nàng Nguyện Cầu ...

Trần gian hết khổ đau
Người Người Thương Yêu nhau
Nhân Ái Khắp Hoàn Cầu...
Nguyện Cầu,
Nàng Nguyện Cầu ...
Nàng Nguyện Cầu ...

Tuệ Nga - Oregon, Mùa Nguyện Cầu

NGƯỜI THIẾU NỮ ĐẾN CHÙA BUỔI HOÀNG HÔN

(thơ Tuệ Nga - phổ nhạc & hoà âm Quang Đạt) - ca sỹ Vân Khánh

<https://www.youtube.com/watch?v=DV12qQivIdU>

NGƯỜI ĐÀN ÔNG HẤP DẪN

** NGUYỄN LÂN **

Thế nào là người đàn ông hấp dẫn? Chắc quý vị nữ lưu nhao nhao lên: điều đó phải hỏi chúng tôi chứ nhà văn Nguyễn Lân làm sao biết được?! Nói đúng ra bài viết này thu thập ý kiến của nhiều người trong giới phụ nữ, gia đình, bè bạn, họ hàng, và các cựu nữ sinh thân cận của tác giả.

Khởi đầu hỏi ý kiến vợ trước. Bà vợ cười mím chi: “Nếu được chọn lựa lần thứ hai, sẽ là một người hoàn toàn khác biệt với anh”. Nghe mà giật mình. Nhưng nghĩ lại thấy có lý. Thứ nhất, mình chủ quan, cứ tưởng mình “ngon”, cứ tưởng bỏ! Thứ hai, con người sinh ra thông thường hay thay đổi quan niệm “sống”. Chợt nghĩ câu thơ “đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn” mà hết buồn! Biết mình vỡ cái ngu. Cô em dâu thì nói ngay, không đắn đo: “Người đàn ông hấp dẫn phải là người có power, có uy quyền. Phải là người “hét ra lửa, mưa ra khói”. Phải có cái oai. Ai thoát thấy cũng nể sợ. Cô em họ thì cho rằng, thực tế là phải có tiền, giàu thì càng tốt “có tiền mua tiên cũng được”. Những lời nói của người thân làm mình thấy đau đau, nhức nhức. Nghĩ đến mẹ. “Bà cụ” tôi góa chồng năm 32 tuổi - tuổi thanh xuân – đang ngồn ngộn sức sống. Vậy mà khi

có người đến hỏi, muốn chấp nối tư duyên, mẹ tôi đã chối từ. Tôi cố gắng hỏi lý do vì trong con mắt tôi ngày đó, người đàn ông đến sau cha tôi là một người học thức, có địa vị, đẹp trai. Mẹ tôi chỉ vấn gọn: “Mẹ rất hạnh diện là vợ của ba – nhà văn, nhà cách mạng Hoàng Đạo – mẹ tôi nhấn mạnh - dù thời gian chung sống không được bao lâu. Nhưng con biết đấy, ba con là người “trâu chết để da, người ta chết để tiếng” – làm sao mẹ dám bước thêm bước nữa?!”

Người nhà thì thế, còn bạn bè ra sao? Một bà bạn có đấng lang quân gầy yếu, bé nhỏ tuyên bố: Người tôi yêu phải cao lớn, vạm vỡ, ra dáng một trượng phu. Chắc oai như Từ Hải “Râu hàm, hàm én, mày ngài / Vai năm thước rộng, thân mười thước cao”. Một bà khác thêm: cũng chưa đủ. Hấn phải có cặp chân mày võ tướng đen nhánh, xếch ngược, mũi trâu, miệng rộng, giọng oang oang như lệnh vỡ ... mới là đàn ông! Đó có phải là cái đẹp của phái nam trong sách tướng?! Một vị nữ lưu chêm vào: Không cần! Tâm cỡ nào cũng được miễn là “hấn” không có dáng ... đê đê (!). Chẳng hiểu đê đê là gì. Hỏi, mới vỡ lẽ là cái dáng thô kệch, đê tiện – lưng cánh phăn, chân vòng kiềng hay chữ bát, đi đứng xuệch xoạc, hoặc khúm núm. Có người

lại phát biểu: Ôi! Khúm núm là tính của cái thằng dễ bảo, chịu khó nghe vợ. Có chồng như vậy mới khỏe, không lo nó mất la mà y lét thấy gái là hai tròng mắt đảo loạn lên! Dễ sợ!

Một nữ sĩ nhỏ nhẹ: Tôi thích người “vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa” như chàng Kim trong truyện Kiều. Lại thêm một mẫu nam hấp dẫn nữa. Cô khác phát biểu hùng hồn: “Ồ! Tôi khoái những trang thiếu niên tóc dài phủ gáy, vẻ bất cần đời - chắc là kiểu James Dean của thập niên 60! Lanh lạnh một giọng nữ lưu: “Không! Đàn ông phải có ria mép, khi nói hàm ria rung rung mới quyến rũ, khi hôn những sợi râu cứng gọi tình cọ xát trên môi má mình mới đã! Ôi cha! Sensual! Chắc là type Clark Gable. Rợn người thật! Rồi: Cặp mắt phải sâu thăm thẳm mang nặng ý tình hay lạnh lùng khiến phụ nữ như bị xâm chiếm, bị mê hoặc. Tiếng ai chặn ngang: “Thế ư?! Tôi, thì thích cái nhìn dã thú, man rợ như lột trần cả thân thể, cả tư tưởng của đàn bà”. Lạ thật!

“Mẫu đàn ông của em là nghiêm nghị, đứng đắn (kiểu tây gỗ?), lời nói phải cân nhắc chỉnh đốn ý tình. Tác phong có xa cách, khinh bạc mới hấp dẫn được nữ sinh như em”. Một cô cựu nữ sinh của tôi tâm sự. Còn em thấy những đấng tu mi hói đầu lại nhiều đàn ông tính. Nghe đâu người nào không tóc là vì cơ thể tiết ra kích thích tố nam

(testosterone) nhiều. Điều đó có đúng không nào?

Một giọng Huế yêu kiều cất lên: “Tác phong càng xa cách khinh bạc càng là người mang nặng tâm sự u uẩn không được toại chí trong đời. Đó là người có dĩ vãng u buồn, có quá khứ đau thương. Sống với người như vậy thì hoặc mệt mình vì phải nhẫn nhịn hoặc làm đối tượng trở nên căm nín vì e ngại bà vợ khôn ngoan. Thế là đức lang quân phải “lụy”. Đâu có thoải mái!? Làm sao trò chuyện với nhau để “ý hợp tâm đầu”? Thật khó chịu! Tôi thích người cởi mở, dám nói và thành thật. Thêm nữa, một giọng Bắc đồng dục – mà phải nói đúng, có ích cho người nghe, không phét khoác. À mà nàng kia, sao lại thích tu mi nam tử không tóc? - Đã nói là hấn có nam tính vì male hormone nhiều trong huyết quản. Như vậy mới khiến mình cảm thấy rất “em gái hậu phương”, đây nữ tính bên cạnh hấn. Và bụng phệ là người “tốt bụng”, là phát tướng phát tài. À, ra thế! Đó là kiểu lý giải của cô này. Thật ngộ ngộ!

Thế nào là thanh âm quyến rũ? Một giọng trầm ấm, một giọng nhẹ nhàng êm ái hay một giọng thanh cao vút mà không chói tai (kiểu tenor của Bằng Kiều) - giọng sao cũng được miễn là đừng áp úng, đừng cà lăm, đừng có vẻ nghẹn ngào “rặn” ra từng chữ, nghĩa là nói trôi chảy, dễ hiểu thì bọn ta mới thông cảm dễ dàng. Đâu đây một giọng

Quảng cất lên: thế mi không biết “rặn” ra từng chữ là có thời gian suy ngẫm để dễ bề bóng gió xa vời sao? Ô! Kinh nghiệm bản thân, những vị nào “áp úng không ra được nửa lời” lại là những người chồng chung tình vì “sự thể” đó tán gái làm sao được. Trên đời có những vị nữ lưu rất weird – thích những đấng râu mày vừa què què, vừa cù lằn. Đúng là “nhân tâm tùy mạng mỡ”.

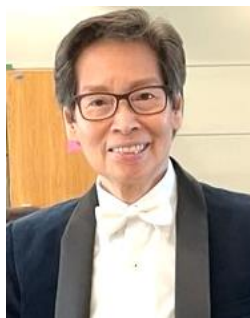
Dáng thế nào là hấp dẫn nhĩ? Cô thì cho là phải điệu bộ như tài tử ciné Âu Mỹ. Cô thì nghĩ là cứ tự nhiên mới hay. Trịnh trọng, phô trương quá dễ thành giả dối, có khi lại dơ dáng, trông thô thiển nữa. Cô thì thích vẻ cương quyết, cứng rắn. Cô khác lại chuộng vẻ ngây thơ trong sáng (có trở thành khờ khạo không nhĩ?). Chắc cô này giàu tình mẫu tử. Nhưng đa số các mệnh phụ tôi quen đều sợ quý ông nhiều mặc cảm, tự ti lẫn tự tôn. Thiển nghĩ, mặc cảm rất “người” nhưng nên cố tránh, cố dẹp... cứ dần dần để dễ lấy cảm tình của quý vị nữ lưu. Phải không các trượng phu?

Rồi, một giọng nói thật êm ái làm tôi lắng nghe: Với em, người đàn ông thu hút em là người có lý tưởng, là người làm ích cho xã hội, là người có tính khí, có trí sắp đặt, theo đuổi sự nghiệp mà không cầu danh lợi cho bản thân, là người tâm hồn phóng khoáng, hướng

thượng, biết cảm thông, yêu nghệ thuật, và có nhiều sở thích giống mình. Em thì thế, còn chị tránh xa những đấng râu nệ cổ, hủ lậu, những người khur khur ôm lấy cái cũ mà không thềm mở mắt nhìn thế giới tiến bộ chung quanh. Ái chà! Thế thì chúng ta suốt đời phải học! Mệt... nhưng đừng nghĩ thế. Cứ cho là có lý, là đúng sẽ cảm thấy tâm hồn tươi mát, thể xác trẻ trung. Có phải không, các bạn?

Còn ngoại hình có cần không? Cũng chẳng cần. Nhưng trong phim “Le bossu de Notre Dame”- mà tôi thích cả mấy chục năm nay - người đẹp Esmeralda rất sót sa anh chàng gù xấu xí Quasimodo nhưng chưa bao giờ nàng yêu chàng!

Vậy, nói sao đây?



NGUYỄN LÂN

Hiệu đính mùa Hè 2023



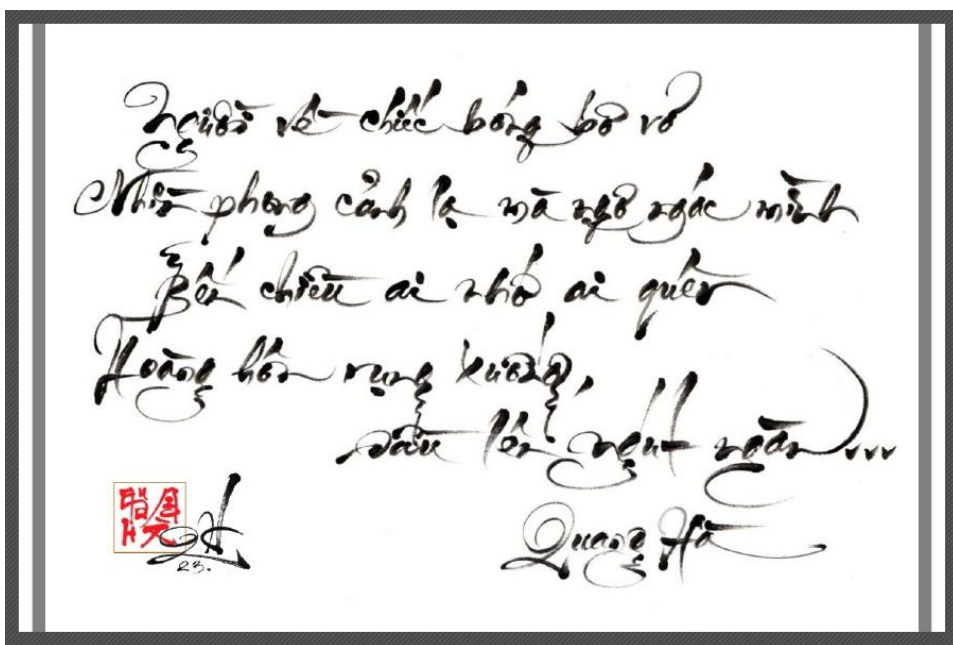
Ngữ Giàn Thiên Lý

Ngập ngừng cơn gió hẹn chiều sang
Lấm tấm đời thông nắng rã vàng
Lau lách đìu hiu, màu cỏ lợt
Dưới triền con sóng vỗ miên man

Cuối dốc nhà ai hoa trước ngõ
Mấy chùm phơn phớt tím pha sương
Ở đây đâu có giàn thiên lý?
Mà gió nghe chừng thoang thoảng hương...

Thiên lý là xa mù vạn dặm
Lòng quê hoa cỏ dậy bên đường

quanghà, Hwy-1, 10/2012



THÁNG 4 OAN NGHIỆT

*** Hồng Thủy ***

Tháng 4 năm 1975 đối với tôi đã là một tháng mang nhiều kỷ niệm đau thương nhất. "Nước mắt, nhà tan" phải rời bỏ quê hương yêu dấu, lưu lạc sang xứ người với 2 bàn tay trắng. Bước vào cuộc sống hoàn toàn đổi khác như chết đi sống lại, luân hồi sang một kiếp sống mới, để suốt 48 năm qua mỗi lần tháng 4 đến nỗi đau vẫn âm ỉ kéo dài.

Đã vậy mà Tháng 4 năm nay còn cướp đi người bạn đời yêu dấu của tôi một cách tức tưởi bất ngờ, nhanh chóng ngay trước mắt tôi... để từ bây giờ cho đến khi nhắm mắt xuôi tay tôi cũng không sao quên được nỗi kinh hoàng trong giây phút tử biệt sinh ly nghìn trùng xa cách ấy. Sao cái tháng 4 trăm hoa đua nở, anh đào khoe sắc, đẹp đẽ thơ mộng như vậy, mà lại tàn nhẫn với tôi đến thế? Nỗi buồn tai họa mất nước chưa đủ hay sao? Kể từ nay tôi phải gọi THÁNG 4 là tháng oan nghiệt, là con quái vật khổng lồ đã lấy đi tất cả niềm vui và lẽ sống của tôi.

Chúng tôi đã sống bên nhau gần 62 năm. Chưa bao giờ phải "đại chiến bằng võ lực" hay "đấu võ mồm" bằng những lời thô tục. Họa hoạn chỉ là những cuộc "chiến tranh lạnh" ngăn ngủi mà thủ phạm bao giờ cũng là tôi.

Tôi về với anh khi mới 19 tuổi, cái tuổi mà thập niên 50-60 thời của tôi còn rất ngu ngơ. Ngày nay trái lại, các cô cậu 19 tuổi thì đã biết nhiều thứ lắm rồi. Tôi đã

lọt vào lưới tình của chàng Đại Úy HQ hào hoa phong nhã vì bộ quân phục trắng tinh bắt mắt và lối tán gái thần sầu.



Những bông hoa hồng đỏ thắm gửi về nhà tôi tới tấp, hoa kia chưa kịp tàn, hoa mới đã liên tiếp gửi đến. Kết quả là một đám cưới linh đình. Chẳng bao lâu 4 nhóc tí lần lượt ra đời khiến những ước muốn mộng mơ về cuộc sống hôn nhân của tôi tan mau như những bong bóng xà phòng. Những thơ, những mộng của cuộc sống lứa đôi bị những tiếng khóc trẻ thơ làm bay đi hết.

Các con chưa kịp lớn thì đã phải rời xa quê hương, bắt đầu cuộc đời trên xứ người với hai bàn tay trắng. Làm việc đầu tắt mặt tối thì làm gì còn thì giờ và hứng khởi để mà mùi mẫn mộng mơ? Các con lớn dần, xong Trung học, Đại học, "Tiểu đẳng khoa rồi đại đẳng khoa". Lo cho chúng có gia đình đàng hoàng cũng là lúc hai vợ chồng bước vào tuổi

xế chiều. Lúc này mới được thông thả vui chơi với bạn bè. Nay tiệc mai tùng, vợ vui bạn vợ, chồng vui bạn chồng. Ngoài ra vẫn phải đi làm nên ít có thì giờ sống riêng tư với nhau. Mãi đến khi con "cô vít" đến, hai vợ chồng đều không dám ra ngoài, "cắm trại chăm phần chăm" hai vợ chồng mới có cơ hội khắng khít bên nhau. Cả hai bỗng tìm ra chân lý, hạnh phúc biết bao khi được ở gần nhau, săn sóc nhau, tâm sự vui buồn về những tháng ngày qua để thật sự hiểu nhau hơn, thương quý nhau hơn. Chưa bao giờ chúng tôi cảm thấy hạnh phúc như vậy và chợt nhận ra đã lãng phí quá nhiều thời gian đáng lẽ phải dành cho nhau. Nhìn những sợi tóc bạc thưa dần, những nếp nhăn hằn sâu thêm, những bước đi không còn nhanh nhẹn của nhau nữa. Chúng tôi xót xa nghĩ đến một ngày rồi cũng phải xa nhau, một người ra đi, một người ở lại cô đơn trong căn

nhà thênh thang vắng lặng. Chúng tôi trân quý từng giờ từng phút bên nhau.

Tôi còn nhớ có hôm ngồi trong nhà nhìn ra cửa sổ, tuyết rơi trắng xóa, đẹp nhưng thật lạnh lẽo và thật buồn, anh bỗng nhìn tôi ánh mắt thật vui, thật nồng ấm, anh nói: "*Cám ơn CHÚA, tuổi này chúng mình còn có nhau. Tưởng tượng tuyết rơi nhiều như hôm nay, không đi ra ngoài được, ngồi trong nhà một mình cô đơn thì buồn đến chừng nào?*"

Anh ơi! mùa đông năm nay sẽ có người "buồn đến chừng nào" như anh nói đó. Anh có thấy tội nghiệp đã bỏ em sống chơ vợ quăng đời còn lại một mình vắng bóng anh không?

Hồng Thủy

CẢM ƠN ANH

*Có người hỏi em sao hay mơ mộng quá?
Sao lúc nào cũng như đóa hoa tươi?
Có người hỏi em sao luôn mỉm miệng cười?
Và mắt như sao trời trong những ngày thật đẹp.
Biết trả lời sao trên trang thơ hạn hẹp?
Vì tình yêu anh cho em là vũ trụ bao la
Là trăng thanh, là gió mát, là nắng ấm chan hòa
Là những lời dịu dàng khi em vừa thức giấc
Là những lời ân cần sau một ngày mệt nhọc
Là tất cả nông nân trong tiếng gọi...
" Minh ơi!"*

*Xin cảm ơn anh, đã đến trong đời
Để cho em biết "Tình Yêu tuyệt vời..."*

Hồng Thủy

Cầu Mong Được Trúng...

Diễn Châu (Cát Đơn Sa)

(Truyện được tác giả xây dựng theo những bản tin & sự việc không may đã xảy ra cho một số người may mắn trúng số...)

Hai vợ chồng Búp là một gia đình thuộc loại nghèo. Họ sống trong một khu nhà dơ bẩn. Dù là ở Mỹ, nhưng cuộc đời không khác gì ở những thành phố nghèo hèn nhất trên thế giới.

Tiền để tiêu xài hàng tháng, là do họ lãnh từ sớ xã hội. Sớ dĩ họ được lãnh tiền này là vì họ có ba đứa con nhỏ. Trong nhà, người chồng thất nghiệp nhưng không đủ dữ kiện để được hưởng lợi tức từ tiền thất nghiệp, đâm ra cha mẹ phải ăn bám vào đồng tiền lãnh được nhờ mấy đứa con!

Búp và Lam không phải là hạng người làm biếng. Lúc đầu, họ cũng cố gắng đi làm, xoay trở... khi đó Lam có bầu, bụng bắt đầu lớn thì nàng ở nhà để lo nấu cơm, giặt dũ và chờ sanh con. Dù có muốn làm thêm chủ cũng không giao việc, họ không muốn Lam đi làm và sanh tại hãng thì sẽ bị bồi thường tổn kém.

Búp và Lam ra ở riêng được hai năm nay. Buổi ban đầu thì cũng tạm tạm. Từ khi Lam nghỉ làm, tiền lương của Búp cũng vẫn có thể đủ chi tiêu cho hai vợ chồng, nếu không có phong trào những sòng bài được chấp nhận cho mở ra khắp các thành phố, chứ không chỉ tại Las Vegas cùng cả tiểu bang Nevada như trước nữa.

Nhiều người, phải nói rất nhiều gia đình Việt Nam đã mắc vào cái tệ nạn này! Từ những người giàu có, họ dần dần trở

thành trắng tay, bán tổng bán tháo "business" hay nhà cửa của mình, cũng không trả nợ nổi!

Có những người với cơ sở thương mại lớn lao, hàng bán chạy, đông khách, tiền thu vào như nước... thế mà vì vợ hay chồng, hoặc cả hai mê bài bạc, chỉ trong vòng vài năm là tiêu tan khánh kiệt, thân bại danh liệt, mắc nợ như chúa chổm!

Người vợ khi mê đi đánh bài, thua hết tiền... thường gạ người đàn ông ngồi cùng bàn, liếc mắt đưa tình, trao đổi tình cảm, sau đó hẹn hò lên phòng ngủ ngay trên lầu để hoà nhập thân xác, có tiền đánh tiếp.

Không lâu sau ông chồng cũng biết, gia đình trở nên xào xáo, con cái nhếch nhác không ai lo, cơm nước chẳng ai nấu! mấy đứa con có cha mẹ mà như con mồ côi bị bỏ rơi thật là tội nghiệp... sau đó thì dĩ nhiên đi đến chia tay, ly dị.

Có không ít gia đình vợ hay chồng chán sống, lao đầu vào xe lửa hay nhảy lầu, uống thuốc tự tử cho xong đời mang nặng nợ nần, bị người ta săn đuổi đòi tiền, uy hiếp... khi đánh bài thua tiền.

Cũng có những người chơi bài cho vui. Họ biết dừng lại khi thua một số tiền khoảng vài trăm, hay ăn được vài trăm cũng đứng lên... tụm chung, thua nhiều hơn ăn, nhưng đánh mà trong lòng không có sự hơn thua, sát phạt, máu đỏ đen thì không sao! ham quá sẽ từ chết

tới bị thương, vì người ta mở "business sòng bài" không phải đi dâng tiền của mình cho thiên hạ xài!

Lúc mới theo bạn bè vào sòng bài, Búp chỉ biết và thích chơi kéo máy, môn này dễ, cứ nhét tiền vô là nhấn nút thôi, mỗi ngày hơn một tiếng sau giờ làm rồi mới về nhà. Mặc ai cười hay nói gì thì nói, Búp cứ dấn lòng lấy ra tờ hai chục đô, nhét vào máy, rồi nó nhảy lên cho biết có bao nhiêu "credit", thì cứ nhắm theo đó mà chơi, chơi 5 cent một lần.

Lần đầu đến đây, Búp may mắn ăn được bốn trăm. Hôm đó Búp vui quá, về nhà khoe um xùm với Lam, không giấu diếm mình đi đánh bài. Lam nghe chồng nói thì sáng mắt, đòi lấy tiền ngay.

- Thôi, ăn được rồi đừng có đi tới đó nữa... nếu anh trở lại, thế nào cũng bị thua cho coi!

Búp trả lời:

- Anh đâu có chơi nhiều. Anh chỉ kéo máy thôi. Chơi mấy chục bạc nhiều khi trúng cũng ngon.

Vì mắc em bé, nên Lam chỉ nhắc nhở Búp như vậy, chứ Búp có tiếp tục tới đó, thì Lam cũng đâu biết mà cản. Đi làm về trễ hơn một tiếng là chuyện thường tình. Lam dễ dãi, cứ nghĩ mỗi khi ra sờ, Búp cò thưa nói chuyện với bạn bè, rồi tà tà lái xe, hay ghé đâu đó mua đồ lặt vặt... về giờ đó cũng phải rồi.

Búp lần đầu tiên ăn bạc, hứng chí còn hứa khi nào con lớn một chút, sẽ đưa Lam vào đó ăn Buffet cho biết.

- Trong sòng bài, họ bán "buffet seafood" và nhiều thứ ngon trên thế giới, mà rẻ nữa... mấy đứa bạn anh nó chơi nhiều

hay sao, mà họ cho thẻ ăn free nữa đó, tội nó đưa gia đình đi ăn hoài.

Lam lắc đầu:

- Thôi, ăn buffet mình hay có tính tham, ăn cố cho nhiều mập chết! em không ham đâu!

Rồi Lam hỏi:

- Nếu mà phải mua vé ăn, thì họ lấy bao nhiêu một người?

- Gần ba chục!

- Vậy mà rẻ gì! Em thấy báo quảng cáo mấy tiệm Tàu ngay đây, nó bán Buffet cả mấy trăm món, mà ăn "dinner" có mười hai đồng một người. Tội gì phải đi lên núi ăn cho xa, vừa tốn xăng lại mất tiền đóng cho tội nó sáng bóng đèn.

- Là sao?

- Bộ anh không hiểu hả? Chẳng lẽ ăn xong anh ngồi một đồng ra đó. Người ta hay rảo rảo một lát cho đỡ tức bụng, rồi lại tấp vào một bàn hay cái máy nào đó mà đánh bài, thế nào cũng lòi ra năm chục, một trăm... thế là đi đong!

- Anh đâu có mê bài bạc. Em nói làm như kinh nghiệm lắm vậy.

- Thì hồi xưa em có đi sòng bài mấy lần rồi. Tội bạn nó mời đi vô đó ăn sinh nhật, nên em mới biết. Có điều tính em không thích đánh bài, nên đỡ mất tiền. Nhiều người rất là đam mê thứ này, tiêu tủng gia đình cũng không ít!

- Chưa gì mà em đã nói vậy rồi. Anh mới vô đó có một lần, lại đánh ăn tội nó nữa, có thua đâu mà em sợ dữ vậy!

- Tại anh chưa mê. Cho dù là anh thắng, nhưng mà đi hoài, thì thành thói quen,

có ngày anh sẽ mê cho coi... lúc đó thì tan nhà nát cửa vì con ma đánh bài!

Búp cau mặt:

- Đừng có lo, anh không có mê đâu mà em sợ!

Rồi Búp lảng:

- Đưa lại cho anh một trăm chứ, để anh bỏ bóp tiêu.

Lam đưa tiền cho chồng, nhưng thắc mắc không biết anh chàng nhà mình có máu mê cờ bạc hay không? Cầu trời không có, không thôi thì vô phước lắm!

Ngồi vào bàn ăn, hôm nay Lam chiên con cá rô phi dòn rụm. Con cá to gần ba pounds, mà hai vợ chồng ngon miệng ăn hết. Kèm theo là rau muống luộc chấm với nước mắm chiên cá tỏi ớt. Một tô canh nước rau luộc được cho vào vài lát cà chua đỏ, cũng như nặn hai lát chanh, làm cho nước thật mát khi nuốt vào cổ họng.

Xới cho Búp chén cơm thứ ba, Lam thấy cho dù ở trong khu nhà nghèo, nhưng với số tiền Búp kiếm được hiện nay, thì cũng đủ sống. Cầu trời cho tương lai ngày mai cũng được như hôm nay, hay khá hơn thì càng tốt! vì như vậy đã hơn biết bao nhiêu người nghèo khổ trên thế giới rồi.

Nhưng từ khi sinh con Bé Nhỏ được tám tháng, Lam lại có bầu sinh đôi lần thứ hai, lấy có cơm nước hay bị trễ nãi, Búp ngồi lại sòng bài lâu hơn. Lúc này thì Búp đã biết xử dụng nhuễn như mấy loại máy. Thích chơi máy nào ngon, máy nào dở là biết hết! Vì về trễ, Búp hay lấy có đủ thứ, lúc thì sinh nhật bạn bè ở sở, khi thì làm thêm việc over-time... Giấu

dầu cũng lòi đuôi, bởi tiền Búp đưa về nhà đã bị lấy ra ít nhiều, trước khi giao cho Lam.

- Tại sao hồi xưa đi làm về, mỗi khi đến ngày lãnh lương anh đưa luôn cái "check" cho em, mà bây giờ lại bày đặt đi lấy tiền mặt, lại đưa ít hơn hồi đó là sao?

- Thì nhiều khi anh cần tiêu, phải vào nhà băng mà "cash" tiền chứ.

- Anh cần tiêu cái gì? Lúc này em nghi ngờ anh lắm đó nghe!

- Nghi cái gì?

- Anh có mèo hả?

Cái mặt Búp cau lên thấy rõ:

- Bậy bạ... Mèo chó gì!

- Vậy sao tiêu tiền dữ vậy?

- Anh lấy chút xíu chứ nhiều!

- Chút? Hồi xưa anh giữ có ba trăm để đồ xăng, uống cà phê, mua đồ ăn trưa, còn bây giờ anh lấy thêm bao nhiêu anh biết không?

- Bao nhiêu?

- Sáu trăm đó. Anh tưởng em không biết hả? Đó là chưa kể anh được lên lương. Em chỉ tính đứng theo lương hồi xưa thôi.

Búp chống chế:

- Xe bị hư, anh phải đi sửa chứ bộ.

Nói vậy, nhưng Búp biết đã lấy bớt tám trăm tiền lương trước khi đưa cho Lam. Nàng nói đúng, được lên lương là Búp giấu cái check, không muốn cho Lam biết việc này! Lam là người đàn bà khéo làm khéo ăn. Dù chồng đưa ít tiền hơn,

nhưng cũng biết xoay trở cho đủ trong nhà. Với Lam một người có tâm hồn bình dị, chỉ biết vui với trong gia đình, chồng con, đủ tiền trả tiền nhà, tiền ăn uống là hạnh phúc.

Từ ngày biết chơi kéo máy rành, Búp thua liên tiếp! Nếu Lam mà biết Búp đã mượn bạn mấy ngàn để đánh bài bị thua, thì Lam còn lo lắng và tức biết chừng nào! Lam tiếc tiền, vì số tiền Búp đưa về ngày càng ít ỏi. Chi tiêu trong nhà không nhiều, cũng bởi Lam có đi mua sắm gì, ngoài việc lâu lâu vác cái bụng bự, đẩy con đi bộ ra ngôi chợ nhỏ của Mẹ gần nhà mua chút ít thịt cá, rau quả vật vãnh, và bình sữa tươi cho con.

Cuộc sống cứ thế lặng trôi. Cái dòng mê bài thì giống nhau, hay mê bất cứ gì cũng giống nhau! Đã ăn quen thì nhịn không quen! Búp bị ám ảnh bởi ba con số 7, mấy trái nho đỏ trong máy! cả khi ngủ.

Lúc nào Búp cũng ao ước mình liên tiếp trúng được một hàng những cái hình gì trên máy có thể "win" được cao nhất! Nói cho cùng, thua mười mấy ngàn, thì cũng có lúc Búp may mắn thắng được một, hai ngàn. Số tiền này, có kinh nghiệm rồi Búp đâu có khoe âm lên với Lam như trước nữa, để bị vợ tịch thu!

Rồi cũng tới ngày Lam đập bầu. Đêm đó, Búp ngồi luôn trong sòng bài đâu có về! Lam ở nhà gọi máy thì Búp tắt phôn! Mà thường khi lên núi đánh bài, ít khi ai gọi được phôn. Lam phải kêu tắc xi, gọi con gái cho hàng xóm, tự mình ên đi vào nhà thương, sau đó để sinh đôi hai thằng cu, trong lúc ba chúng nó đang ngồi chầu chực trong sòng bài để mượn tiền bạn chơi tiếp!

Búp hay vin vào có Lam gần sanh, cũng cần tiền để tiêu dùng trong nhà. Búp hy vọng nếu gỡ gạc, có thể trúng được một số tiền lớn, hay độc đắc đâu biết chừng! Niềm hy vọng càng dâng cao, mãnh liệt hơn khi ngồi trước máy, đam mê nhìn vào những cái hình đang chạy đi động trên đó.

Chiều tối ngày hôm sau nữa, Búp mới vác cái mặt chầy dài vì thua bài vào nhà thương thăm vợ con! Tội nghiệp cho đứa con gái nhỏ của hai người, cứ ra đằng trước ngóng qua nhà mình coi bố mẹ về chưa, vì nhà hàng xóm là người Mẹ, má nó quen chứ nó đâu có biết ai trong nhà đó!

Rồi vợ chồng con cái lại bồng bế nhau về! Bây giờ thì Búp không đi sòng bài nữa! Tiền vay mượn bạn lên đến hơn mười ngàn rồi! Ăn chẳng thấy đâu mà toàn là thua! Không đi vì sợ gặp bạn bị đòi tiền, và cũng đang chưa hoàn hồn vì thua cạn túi, tiêu nguyên cái check lương nửa tháng không còn một xu! Lam cũng nhờ trời, sanh xong là khoẻ liền! Tự mò ra bếp lấy gạo nấu cháo cho cả nhà. Đúng là con nhà nghèo, trời sanh trời dưỡng!

Chỉ với chút thịt heo xay và vài múi tỏi, cộng hành lá còn thừa trong tủ lạnh, Lam chế biến ra nồi cháo thịt thơm ngon trong chốc lát! Nhìn gia đình ăn cháo, Lam cũng xót xa thở dài! Lam nào có biết gì ngoài việc lo toan trong gia đình. Làm sao mà cái gia đình này đủ sống, nếu hoàn cảnh như vậy kéo dài!

Nói cho cùng, số lương của Búp nếu không bị ăn bớt, thì sống như Lam cũng đủ. Nhưng bị chồng lấy bớt tiền, trừ đi tiền thuê nhà, điện nước phôn hàng

tháng gần một ngàn bạc thì Lam chỉ còn vài trăm để tiêu!

Mà vài trăm đó nhiều khi còn không ở trong túi Lam lâu, vì Búp hay năn nỉ vay mượn. Thương chồng, với chút hy vọng hảo huyền là biết đâu Búp sẽ thắng được số tiền lớn, nên Lam lại đưa... dù có thở dài thường xuyên vì hành động hơi ngu đó của mình.

Phải chi Búp đừng lấy tiền đi đánh bài, thì Lam đã để dành được số tiền kha khá! Không trở nên túng thiếu, bị bạn bè đòi nợ như bây giờ! Kể ra ở trong cái hoàn cảnh đó, mới biết khó xử, và cũng chỉ còn biết nghiêng theo định mệnh mà thôi! Gia đình lâm vào khó xử, nói đúng ra thì chính cá nhân Búp lâm vào cảnh khó xử. Bao nhiêu vòng vàng của hồi môn của Lam theo Búp đi vô tiệm vàng bán hết, để Búp có mà gỡ gạc!

Cho đến ngày Búp bị sa thải cùng với vài nhân viên khác vì kinh tế đi xuống, hăng đẹp tiệm! Không có tiền thất nghiệp bởi Búp làm việc với một hãng của người Hoa, mà nghe nói chính hãng ông ta cũng đang bị điều tra vì gian lận, làm lậu sao đó!

Thế rồi theo lời chỉ vẽ, trong khi chờ đợi Búp kiếm việc mới, họ xin được tiền xã hội lẫn bảo hiểm y tế vì có ba đứa con còn nhỏ! Dĩ nhiên là cha mẹ cũng được ké. Đây là một chuyện Búp cho là may. Vì khi Búp đi làm, không hề có bảo hiểm y tế. Khi Lam có bầu, phải mua riêng cho vụ sinh đẻ mà thôi!

Tiền xã hội để nuôi con, dĩ nhiên là do thói hư tật cũ lưu truyền, máu nghiền bài bạc nổi lên... Búp lại chữa từ Lam. Búp học được thói năn nỉ năn nỉ rất hay, khiến cho Lam xiêu lòng! Dù sao thì

những đứa trẻ không bị đói, vì khi mua thức ăn, Lam được trả bằng một loại "card" riêng!

- Anh đâu có muốn đánh bài, anh cũng muốn dứt, nhưng anh phải lấy lại số tiền anh mất em à! Tính ra thì anh nướng vô đó cũng nhiều rồi.

Nhiều là bao nhiêu thì Búp không nói, nhưng cũng khá nhiều.

Những khi thấy các ông bà kéo máy reo lên sung sướng vì được trúng lớn, Búp ao ước phải chi đó là mình. Nếu trúng lớn, thì Búp sẽ không bao giờ trở lại còn đường bài bạc này nữa! Ngày sinh nhật của Lam cũng gần kề. Lam đã hy sinh cho Búp rất nhiều. Lam chưa bao giờ đòi hỏi hay trách móc nặng lời, khi Búp làm tiêu tan sự nghiệp gia đình!

- Chắc cái số của ông phải có vợ bên cạnh mới thắng lớn được.

Câu nói giỡn chơi của một người bạn đánh bài khiến cho Búp bậ lòn? Có thật như thế không? Hay là đưa Lam đi với mình một lần! Búp cứ cảm thấy một cách nôn nóng, và tin chắc rằng thế nào mình sẽ thắng độc đắc trong sự nghiệp kéo máy! Một hôm, Búp nhờ bà Mễ cạnh nhà coi con cho hai vợ chồng, Búp nói với Lam:

- Gởi con một bữa, tới chỗ sòng bài anh ăn tối rồi coi cho biết, anh có vé ăn free... em thấy người ta cũng thắng nhiều lắm đó.

Lam nghe lời Búp, đi coi cho biết một lần cũng không sao. Hai người ăn uống no nê xong, Lam đi vòng vòng coi... người ta đánh bài thật đông, nhất là giới cao niên! Tới trước cái máy đang nhấp nháy

máy chữ "million dollars" đèn màu đỏ, Lam dừng lại.

- Máy này trúng triệu phú hả anh?

- Ủ, ở đây có ba cái như vậy, anh thì hay chơi ở cái máy trong kia.

Lam chăm chú nhìn rồi ý kiến:

- Công nhận họ trình bày như vậy thu hút khách bỏ tiền chơi thật đông. Mà phải chơi năm đồng một lần quay hả?

- Ủ!

- Mắc quá, anh thấy không, nãy giờ người ta ai cũng bỏ ra khoảng năm chục, một trăm để quay vài lần, mà có ai trúng đâu!

- Vậy bây giờ em quay thử đi.

- Thôi, tốn tiền lắm, năm đồng mua được gần hai gallons sữa cho con.

- Cứ chơi đại đi, coi như em trả tiền bữa ăn hôm nay.

Lam đứng suy nghĩ, quả thật cái máy hút mắt người xem. Nó lôi cuốn quá. Ai cũng muốn quay thử để được trúng! Xem nào, nếu trúng thì được ba triệu đô la. Năm đồng đổi lại ba triệu, ham quá chứ! Trong lúc Lam suy nghĩ điều đó, thì có bao nhiêu người dừng lại bỏ tiền quay thử một vài lần, không trúng bỏ đi thì lại có người khác đến.

- Quay thử đi em.

Tiếng của Búp hồi thúc. Chính Búp cũng đã bỏ tiền và nhấn nút vài lần rồi. Cuối cùng Lam tặc lưỡi, mở bốp lôi ra tờ năm đồng còn mới, nói với Búp.

- Coi như em với anh thử thời vận xem sao, một lần thôi nghe anh.

- OK.

Lam bỏ tiền vào máy, nhấn nút. Trật! Nổi thất vọng hiện lên trên mặt. Lam chép miệng:

- Em biết là rất khó trúng! Thôi đi anh.

Nhưng Búp chưa chịu:

- Anh thấy em còn một tờ năm nữa, hay cho anh mượn đi.

- Ủng lắm, chơi mấy cái máy khác còn nhấn được nhiều lần, ở đây chỉ được một lần!

- Thì cho anh mượn đi.

Nhìn nét mặt Búp khẩn khoản, Lam rút tờ năm còn lại ra.

- Nè, tặng anh đó, tụi mình hùn nghe.

Búp bỏ tiền vào máy, nhấn nút. Thật bất ngờ, những âm thanh từ chiếc máy đột nhiên kêu rú lên kinh khiếp, đèn đuốc sáng choang, chớp chớp inh ỏi... Búp nhảy lên:

- Trúng rồi, Lam ơi trúng rồi.

- Trúng, trúng bao nhiêu?

- Không biết, nhưng trúng rồi.

Trời ơi, Búp đề tay lên ngực, không thể tin được! sướng quá, dù không phải là trúng triệu, nhưng lần này chắc chắn là số tiền không nhỏ. Búp ôm chầm lấy vợ nhảy tưng tưng.

Người "manager" của sòng bài hiện ra. Ông ta đưa mắt nhìn hai vợ chồng, rồi bắt tay Búp:

- Chúc mừng ông bà đã trúng triệu phú.

Hai người run chân như đứng không vững, họ đưa mắt nhìn nhau rồi sau đó run rẩy theo người quản lý vào văn phòng, vừa đi vừa nhận nhiều lời chúc

mừng của người đánh bài bu quanh để coi.

Sòng bài sau khi làm giấy tờ, đưa cho hai vợ chồng một trăm ngàn tiền mặt trước, trong lúc họ sẽ gửi số tiền trúng vào trong cái check sau. Cuộc đời trước mắt bây giờ là thiên đường. Búp và Lam đưa nhau ra một tiệm cà phê sang trọng trong sòng bài, cùng ngồi nhấm nháp ly nước cho tâm hồn lắng xuống chứ chưa về vội! Vẫn còn run chưa lái xe nổi! Thịnh thoảng nhìn xấp bạc trăm mới toanh trong bóp, Lam cười:

- Thôi nha anh, từ nay coi trả hết nợ rồi đừng có đánh bài nữa... anh mà đánh là thua nữa, tiền vô túi họ lại!

Búp mơ màng dẹt miệng:

- Không đâu, anh nhất quyết không đi tới sòng bài nữa, anh sẽ trả hết nợ, mua một nhà hàng đang có đông khách, để tự anh đứng ra điều khiển để kiếm sống cho gia đình từ đây cho tới già, mình cũng mua một cái nhà cho đảng hoàng, giúp bạn cũ nghèo một số tiền.

- Tụi mình và các con đi Việt Nam chơi một chuyến.

- Đi Hawaii nữa.

- À, mình phải đưa con đi Disneyland cho biết.

Búp quàng tay lên vai Lam, âu yếm:

- Ngày mai anh đưa em đi mua một cái hộet xoàn thiệt lớn cho em đeo, với lại hai chục lượng vàng để em lặn lưng, đền bù cho mấy cái nữ trang của em, mà anh đã bán để đánh bài.

Lam cười tươi rói:

- Thôi, em không cần đeo hộet xoàn đâu! Tiền trúng sau khi trừ thuế, chắc cũng không còn nhiều, mình để tiền làm ăn, có công việc vững chắc nuôi sống gia đình, cho con mình vào đại học sau này. Em thích mỗi ngày anh đi làm về đúng giờ, gia đình mình hạnh phúc ăn uống quây quần bên nhau, là em thấy mãn nguyện rồi.

Hai vợ chồng rù rì ngồi bên nhau xây dựng tương lai bắt đầu tươi sáng từ đây. Lát nữa khi về, Lam sẽ đưa hẳn cho bà hàng xóm một trăm đồng, để cảm ơn đôi khi bà đã coi con cho nàng không lấy tiền, chắc bà ta sẽ ngạc nhiên lắm.

Đưa nhau ra xe, Búp thật thoải mái. Trả nợ xong cho mấy người mà Búp mượn tiền, số bạc một trăm ngàn giờ đây không còn là mối lo nữa! Sau đó, trừ đi những thuế má, chi tiêu, cũng còn gần hai triệu để làm ăn, thật là trời thương.

Chiếc xe lên dốc hơi nặng nề, phải mua ngay chiếc xe khác. Chiếc này cũng chạy cả mười năm rồi! Sắp hư tới nơi... Những chiếc xe sau thường qua mặt vì xe Búp chạy hơi chậm!

Trời bắt đầu tối, sương mù xuống khó thấy đường nên Búp chạy chậm hơn theo lời yêu cầu của Lam! Giờ này người ta đang ăn tối nên ít người lái xe trên lộ. Nhưng rồi Lam bắt đầu lo lắng, khi thấy một chiếc xe đi theo sau nãy giờ mà không chịu vượt qua. Đến một khúc quanh, bất ngờ chiếc xe tăng tốc, nó nhè ngay đít xe của Búp mà húc một phát, không nặng lắm, nhưng đủ làm chiếc xe lúi vào vệ đường!

Chưa kịp hoàn hồn, thì trên xe đó nhảy xuống hai gã đàn ông đã theo Búp từ trong sòng bài, mặt được bịt lại bằng

chiếc vớ ny long của đàn bà. Cả hai tên chạy đến bên xe Búp, mở cửa lôi Búp ra một cách mạnh bạo, đánh liên tiếp tới tấp những cú đấm hung bạo vào mặt và bụng của Búp, khiến cho Búp té nhào không kịp trở tay.

Lam hét lên kêu cứu! Nhưng rồi nàng cũng bị một cái tát toé lửa trên má, bị giật ngay cái xách tay đang nằm trên đùi. Tên cướp mở bóp, thấy xấp tiền mới tinh và giấy tờ trúng số nằm trong đó, đưa mắt nhìn tên kia hást hàm, rồi cả hai chạy về xe của tụi nó.

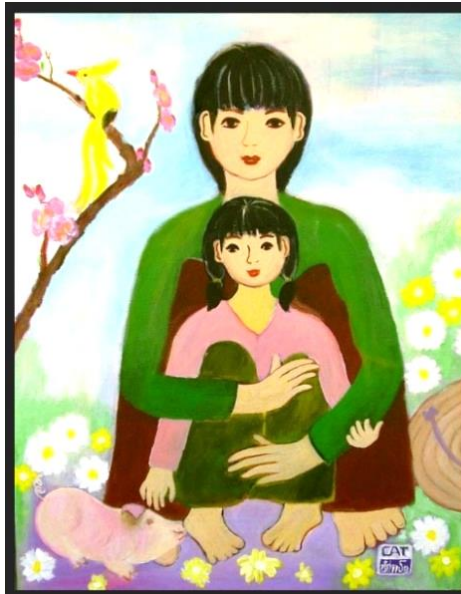
Lam ngòì chết sững, việc xảy ra mau quá, chỉ trong tích tắc. Búp nằm bất động ngay dưới đất, ngoài lề đường, máu me đầy mặt. Lam cố gắng vùng lên, định leo qua ghế của người lái, nhảy xuống coi chòng ra sao, thì chiếc xe phía sau của hai tên ăn cướp đã chòmm lên, lái xe vòng lại, bánh xe rít mạnh cán qua người Búp một cách tức tưởi!

Tiếng hét điên dại của Lam đã khiến những chiếc xe đi ngang qua sau đó ngừng lại! Rồi cảnh sát, xe cứu thương đến... Búp đã chết, do bị xe cán qua người. Búp được đưa lên xe cứu thương, Lam lên xe cảnh sát.

Hai vợ chồng cách đây chưa được một tiếng đồng hồ ở trong sòng bài đang lên hương, với những toan tính dật mọng đầy hạnh phúc... bây giờ hai người hai ngã, âm dương cách trở đôi đường, tiền bạc không một xu!

Lam nhìn theo bóng chiếc xe cứu thương từ từ chuyển bánh, đầm đìa nước mắt. Khuôn mặt Búp và lời nói còn vắng vắng đâu đây: "Anh hứa với em, nhất quyết không bao giờ tới sòng bài nữa".

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)



MẸ và CON - Tranh: Cát Đơn Sa



Cơn Mưa Hạ

Mấy tuần nắng cháy rát da
Chợt cơn mưa đến thiệt là đã ghê
Cơn mưa ngập cả lối về
Vườn hoa tắm mát hả hê rạng ngời
Trước vườn hoa rụng tả tơi
Cơn mưa thấm đất khắp nơi nước đầy
Múa trong những hạt mưa bay
Bụi tre nhắm mắt mê say ngọt ngào
Hôm nay ướt đẫm mưa rào
Khung trời mát mẻ lao xao tiếng lòng
Đứng nhìn mưa đổ bên song
Giọt mưa rỉ rả theo dòng miên man
Cây hoa dâm bụi chưa tàn
Nhờ cơn mưa Hạ vừa sang trở mình
Ngày mai cây trở hoa xinh
Cám ơn trời đã thành linh đổ mưa...

Y THY VÕ PHÚ - 071523

Lý Rau Má

Uống lý rau má nằng xay
Ôi chao sảng khoái
ngát ngây trong lòng
Mát từ ngoài lẫn vào trong
Lo âu căng thẳng cũng không còn gì!
Trưa hè nắng nóng một ly
Thơm ngon thanh nhiệt
mụn chi cũng tàn
Giảm cân hiệu quả mát gan
Tốt cho tim mạch nhẹ nhàng thanh thoi
Một ly rau má tuyệt vời
Cho làn da đẹp sáng ngời trẻ trung
Dân gian thuốc quý để dùng
Anh trồng em hái ta chung tay nào
Sau vườn, bụi cỏ, bờ ao
Khắp miền đất nước
ngọt ngào yêu thương
Ly rau má thêm tí đường
Tình quê giản dị thơm hương đậm đà!

Y THY VÕ PHÚ - 072723

TRÊN CẦU GOLDEN GATE

Nếu một ngày ai đó thấy chán đời
Đi lang thang trên cầu Golden Gate
Đừng vội nhảy xuống biển tìm cái chết
Dù buồn đau làm chết cả tâm hồn.

Người hãy ném xuống biển những muợn phiền
Và nước mắt của những lần đã khóc
Dòng thủy lưu dưới chân cầu chảy xiết
Sẽ mang nỗi buồn trôi đi rất xa.

Người hãy ném xuống biển một cành hoa
Để đưa tiễn nỗi ngậm ngùi lần cuối
Để đưa tiễn tâm hồn mình yếu đuối
Những lúc tâm hồn cảm thấy chông chênh.

Golden Gate cuộc sống vẫn vô biên
Người không đến nơi đây để tuyệt vọng
Cầu vươn lên trong sương mù ảo mộng
Cầu kiêu kỳ trong đời thật bão mưa.

Biển lạnh dưới cầu gợn sóng bao la
Người không đến nơi đây lòng hạn hẹp
Hãy đi cho hết chiếc cầu dài rộng
Đời còn chờ nhiều giấc mộng còn xanh.

Từ San Francisco phía bờ Nam
Vĩnh biệt nỗi buồn người sang phía Bắc
Giữa bao người lạ qua cầu xuôi ngược
Thấy lòng mình lại bận rộn ngược xuôi.

Nếu một ngày nào tình hết. Anh ơi
Em thả thất tình cánh buồm lộng gió
Thuyền sẽ mang tình mù khơi quá khứ
Em đứng trên cầu tìm lại bình yên.

Nguyễn Thị Thanh Dương
(Feb. 07- 2023)



ĐÀN BÀ ĐỂ CÓ MẤY TAY

*** LS. Ngô Tăng Giao ***

Trong cuộc sống gia đình nhiều đáng mày râu hạnh phúc lớn tiếng ca tụng vợ rằng: “*Vợ là một đóa hoa hồng*” nhưng cũng có một số lại sâu thẳm và nổi điều bằng câu thơ rằng “*Vợ là sư tử Hà Đông trong nhà!*”.

Sư tử Hà Đông là câu nhằm ám chỉ về những người đàn bà đánh đá, có tính ghen tuông, dữ dằn, và không hề chịu nhường nhịn ai. Khi nổi “máu tam bành, lục tặc”, họ có thể làm cho các đức ông chồng kinh hồn, táng đờm phải bạt vía, nhiều khi... mất mạng. Từ “động phòng” cho tới “động tâm” và cuối cùng đưa tới “động thủ” nhiều khi cũng chẳng lâu la gì cho cam.

Tuy Hà Đông trong câu trên chỉ là một địa danh thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc không phải là Hà Đông của nước Việt ta nhưng trước vành móng ngựa ở khắp nơi trên thế giới bà con ta thấy các nàng “sư tử” này khi nổi máu lên cơn thịnh nộ thì không còn ngần ngại mà không làm nhiều chuyện kinh hồn!

Người ta luôn nhắc đến đại văn hào Shakespeare. Trong tác phẩm King Lear ông nói rằng: “*Khí giới của đàn bà (women’s weapons) là những giọt nước mắt!*”. Vậy mà trong thực tế có nhiều nàng ra tay với nhiều kiểu khí giới thật... dễ sợ!. Lúc này phải xin ngả mũ chào mà ngâm câu thơ của cụ Nguyễn Du trong truyện Kiều rằng:

“*Đàn bà để có mấy tay
Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan!*”

Xin sưu tầm ít chuyện về đề tài này:

CHUYỆN KHẬP NĂM CHÂU

Vợ đề chết chồng bằng... mông.

Chuyện bên nước Nga: Bà Tatyana, 45 tuổi và nặng 101 kg bị buộc tội cố sát sau khi uống quá nhiều rượu” rồi cãi nhau với chồng là ông Aidar và dùng mông đề lên nạn nhân đợi cho đến khi ông chịu “van xin tha thứ” và chịu “xin lỗi” thì mới ngưng, nhưng quá trễ, nạn nhân đã chết ngạt mất rồi.

Bà Tatyana cho biết chỉ muốn “làm ông ấy bình tĩnh”, sau khi 2 người đã uống rượu, nhưng sau đó thấy ông chồng bất tỉnh nên bà hét lên. Hàng xóm tới cứu xong Aidar đã chết tại hiện trường. Xét nghiệm pháp y sau đó cho thấy nạn nhân tử vong vì “nghet thở do bị chặn đường hô hấp”, do ông úp mặt xuống nệm. Bà vợ đã dùng mông đề lên cổ nạn nhân và “dùng 2 chân kẹp đầu để ông ấy không ngóc dậy được”.

Vợ xúi tình nhân giết chồng.

Chuyện nước Brazil: Năm 2016, cảnh sát tìm thấy thi thể cháy đen của ông Kyriakos Amiridis trên một chiếc xe bị đốt cháy rụi ở Rio de Janeiro. Ông này từng là đại sứ Hy Lạp. Trước đó, vợ ông là bà Francoise có quan hệ tình ái với một gã quân cảnh tên là Gomes.

Gomes thú nhận đã sát hại ông đại sứ theo yêu cầu của tình nhân là bà vợ, và hắn bị tù 22 năm. Bà vợ ông đại sứ bị kết án 31 năm tù vì tội chủ mưu giết chồng. Một bị cáo khác là bà con với

Gomes, bị ngồi tù một năm vì giúp giấu thi thể ông đại sứ.

Ông chồng (59 tuổi), lập gia đình với bà vợ năm 2004 và họ có một con gái. Ban đầu, bà vợ báo cáo chồng mất tích. Bà khai với cảnh sát rằng ông thuê xe rồi lái đi mà không nói đi đâu. Ngày hôm sau, cảnh sát tìm thấy chiếc xe bị đốt cháy bên dưới cây cầu, trên xe có thi thể ông chồng. Các nhà điều tra tin rằng ông bị sát hại ở tại nhà trước khi thi thể được đem đi phi tang.

Vợ giết chồng vì bị từ chối quan hệ tình dục.

Chuyện nước Ấn Độ: Năm 2013 hai vợ chồng bà Vimla Vaghela, 54 tuổi và chồng là Narsinh ở nhà vào một buổi trưa. Bà vợ khai rằng đã nổi cơn thịnh nộ và đánh chồng tới tấp sau khi ông này từ chối quan hệ tình dục với mình. Người vợ nghi ngờ ông chồng ngoại tình nên mới không chịu thực hiện bổn phận làm chồng. Trong cơn thịnh nộ, bà này chụp lấy cây gậy và đập túi bụi vào đầu chồng. Kết quả là ông thiệt mạng do bị đa chấn thương.

Bà vợ bị kết án tù chung thân và buộc phải nộp phạt một số tiền mặt. Do không có tiền trả, bà này sẽ phải ngồi tù thêm 6 tháng.

Vợ đâm chồng 140 lần cho đến chết

Chuyện nước Mỹ (Florida): Năm 2022 bà Joan Burke, 61 tuổi, đâm chồng đến chết bằng 140 nhát dao (stabbing husband more than 140 times) trong nhà bếp của họ.

Bà vợ nằm yên trên giường và không thèm nói một lời gì với cảnh sát khi họ tới nơi. Nạn nhân là ông Melvin Weller (62 tuổi). Khám nghiệm tử thi người ta

thấy ông chồng bị đâm đến cả 140 lần. Ngoài ra ở trên phần đầu cũng bị chém liên tục đến bể sọ. Bà vợ bị truy tố về tội cố sát!

Vợ đâm chồng vì tưởng chồng chụp ảnh cùng “gái lạ”.

Chuyện Mexico: Nàng Leonora R. bị bắt vì tội cầm dao đâm chồng do ghen tuông. Rất may đó là những nhát dao vào phần mềm nên không nguy hiểm tới tính mạng. Nguyên do là khi xem qua điện thoại của chồng nàng được cho là đã nhìn thấy những bức ảnh thân mật giữa chồng với một người phụ nữ trẻ tuổi. Sau đó, nàng đã nổi cơn ghen, chửi bới và cầm dao đâm chồng.

Nhưng hóa ra sự thật anh chồng đã tìm thấy ảnh giường chiếu thân mật của mình và vợ trong một email cũ. Để nhớ “một thời ta đã yêu”, anh này liền tải toàn bộ album về điện thoại để thỉnh thoảng lôi ra ngắm. Nhưng ai ngờ, vợ anh không nhận ra đó chính là hình ảnh bản thân nàng ngày trẻ hồi còn... “anh đưa Ngọ về”. Chị vợ bị đối mặt với cáo buộc bạo lực gia đình.

Vợ đánh chồng vì chồng xin hôn trước khi ngủ.

Chuyện nước Anh: ông Monty (59 tuổi) là chồng cô Kathryn Borthwick (26 tuổi). Ông chồng đòi... hôn vợ trước khi ngủ nhưng cô vợ trở nên cộc cằn dù chồng chỉ “xin” một nụ hôn. Cô cũng đang say rượu. Cô tức giận dùng cái đồng hồ báo thức nện vào đầu chồng. Sau khi đồng hồ bể, cô vợ lại tiếp tục dùng điện thoại di động đập lên đầu chồng. Xe cứu thương được gọi đến chở ông chồng với cái đầu bê bết máu đi cấp cứu. Đây không phải lần đầu tiên

cô vợ trẻ hành hung chồng, nhưng ông vẫn... im re. Ông này xứng đáng nhận chức “người chồng lý tưởng”.

Vợ đánh chồng vì chồng không ngừng... đánh “rắm”.

Lại chuyện nước Mỹ (Florida): Bà Dawn Meikle, 55 tuổi, đang nằm trên giường cùng ông Donald Meikle thì người vợ thúc cùi chỏ vào cánh tay chồng vì ông này “đánh mắm” bên dưới tấm chăn. Khi ông chồng không ngừng chuyện đó lại thì người phụ nữ đã đá chồng mình văng khỏi giường. (Woman attacks Farting husband).

Sau khi không khí trong lành trở lại, ông Donald leo trở lại lên giường. Nhưng rồi sau đó, ông lại tiếp tục đánh mắm. Hồ sơ cảnh sát cho biết người vợ sau đó tiếp tục màn thúc cùi chỏ và đá chồng lần thứ hai. Ông Donald khai đã cố gắng khống chế người vợ “vì lý do an toàn cá nhân” và bị người phụ nữ cào cấu trong lúc xô xát.

Bà vợ rúc vào phòng tắm, gọi cảnh sát và xịt hơi cay để ngăn chồng áp sát. Cảnh sát đến và bắt giữ bà Dawn. Bà bị đưa vào tù vì tội bạo hành. Nơi đây bảo đảm là không khí... thơm tho hơn!

Vợ đánh chồng tới chết vì nghi chồng “tè dầm”.

Chuyện năm 2010 tại Quý Châu nước Trung Hoa: Hai vợ chồng đã cưới nhau được 18 năm, chồng hơn vợ tới 24 tuổi. Người con của hai người cho biết mẹ mắng chửi và đánh đập cha là chuyện như cơm bữa. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về cách sống. Mẹ là người ưa sạch sẽ còn cha lại là người thích luộm thuộm như rửa rau không sạch, quét nhà còn bẩn v.v...

Một đêm nghi ngờ ông Hoàng tè ra giường, vợ đã luôn miệng càu nhàu, mắng nhiếc chồng. Sau đó, vợ tìm một chiếc chày gỗ đánh liên tiếp vào người ông chồng. Ông chồng bị tấn công bằng gậy khiến toàn thân bị bầm tím, gãy 7,8 xương sườn lồng ngực bên trái, thủng phổi trái dẫn tới tràn máu màng phổi và suy hô hấp tới chết. Tòa xét xử và kết án cô vợ 15 năm tù!

Chồng bị vợ đánh vì không chịu xóa ảnh khỏa thân trên điện thoại.

Chuyện nước Mỹ: Cảnh sát Florida bắt giữ một phụ nữ bị cáo buộc đánh đập chồng mình. Cô tên là Summer Cade. Vì hai vợ chồng sắp ly dị nên cô sợ chồng phát tán những bức ảnh khỏa thân của cô trên điện thoại của chồng. Cô lo rằng chồng sẽ không xóa những bức ảnh nói trên và sợ anh sẽ cho những người khác xem chúng.

Cade khai đã nhiều lần yêu cầu chồng xóa những bức ảnh đó đi. Khi người chồng không thỏa mãn yêu cầu này thì Cade lập tức nháy bổ vào người anh ta và đánh văng cặp kính của chồng. Sau đó, cô bắt đầu đánh anh ta cho đến khi người chồng chấp nhận đưa điện thoại cho cô xóa đi những bức ảnh gây tranh cãi. Người chồng sau đó đã gọi số điện thoại khẩn cấp 911 và Cade bị bắt giữ vì cáo buộc bạo hành gia đình.

CHUYỆN NGƯỜI NƯỚC VIỆT

Việt Nam ta có lẽ cũng không chịu thua kém nước ngoài. Báo chí tường thuật rất nhiều vụ xung đột vợ chồng.

Hai vụ vợ “thiến” chồng vì ghen.

1) Tại Hoa Kỳ: Bà Catherine Kiều Becker (48 tuổi) bị tố cáo cắt đứt dương vật chồng (60 tuổi). Bà bị truy tố các tội danh hành hạ, cắt rời cơ thể, với yếu tố tăng nặng vì gây thương tích trầm trọng và sử dụng dao. Nếu bị kết tội cho tất cả các tội danh, bà có thể bị tuyên án tù chung thân. Số tiền thế thân được ấn định là \$1 triệu.

Bà bị tố cáo đã trộn thuốc vào món súp có đậu hũ và thịt bò xay mà chồng thích, cho chồng ăn để ông này bị ngủ mê, sau đó trối ông lại, rồi lúc ông thức dậy thì bà cắt bộ phận trên của ông, bỏ vào máy xay rác trong bồn nước, rồi bật máy. Vừa cắt, bà vừa gằn giọng “đáng đời ông” (you deserve it).

Bà Kiều lồng lộn ghen tức vì chồng quay lại với người tình cũ.

2) Tại Canada: Bản tin ngày 10-7-1997 cho biết “Bà Trần Kim Phượng ở Vancouver, 37 tuổi, có máu Hoạn Thư nặng vì ông chồng 40 tuổi, tuy đã có 6 mặt con mà lại quá bay bướm. Không còn cách nào để giữ chồng, bà Phượng quyết định hạ độc thủ. Đợi lúc ông chồng ngủ say, vào hồi 4g30 sáng, bà “thiến” chồng, tay cầm dao bén, cắt thật ngọt. Có lẽ bà Phượng đã từng theo dõi vụ Bobbitt bên Mỹ, cũng bị vợ “thiến” nhưng lại cắt không sát, và chỉ liệng quanh đầu đó, khiến cảnh sát kiếm lại được kịp thời, và kỹ thuật y khoa hiện đại đã giúp nối thành công giúp anh chồng “hoạt động” trở lại bình thường. Vì thế bà Phượng đã cắt “sát gốc”, rồi bỏ vô bồn cầu, giựt nước cho trôi mất tiêu.

Ông chồng được chở vào bệnh viện Vancouver, dù máu ra nhiều nhưng không đến nỗi nguy hiểm đến tính mạng. Chỉ có điều đáng buồn là y sĩ Richard

Warren của khoa giải phẫu chỉnh hình cho biết: vì bị cắt “sát gốc” nên chỉ có thể giải phẫu cho ông chồng bất hạnh này tiểu tiện được dễ dàng thôi, và khi đi tiểu thì phải ngồi thụp xuống như đàn bà.

Bà Phượng đã bị bắt và bị truy tố tội tấn công gây thương tích trầm trọng cho người khác. Lúc bị cảnh sát giải đi, bà không thèm che mặt hoặc cúi mặt.

Vợ giết chồng vì bị bắt quan hệ tình dục.

Năm 2015, Tòa Án Nhân Dân huyện Cẩm Khê (VN) mở phiên xử sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị Hương Lan - thủ phạm trong vụ giết chồng chấn động tỉnh Phú Thọ năm 2013.

Tại tòa, bị cáo khai rằng, tuy đã nửa đêm nhưng chồng vẫn bắt quan hệ tình dục nên giữa hai người xảy ra cãi cọ. Do thiếu kiềm chế, Lan đã vớ cây gậy, đánh liên tiếp vào mặt và đầu chồng khiến anh này tử vong. Lan bị tòa tuyên phạt 16 năm tù.

Vợ giết chồng rồi phi tang xác dưới ao

Ma Thị Mơ ở Tuyên Quang (VN) với chồng tên là Thiện thường xảy ra mâu thuẫn rồi xô xát, đánh nhau. Một lần cãi nhau vào năm 2019 anh Thiện tức giận, chạy lấy 1 con dao rồi xông lại, một tay cầm dao và tay còn lại ghì vào cổ Mơ. Mơ dùng tay đẩy Thiện ra và khuyên chồng bình tĩnh. Sau đó Thiện ra ngồi uống bia ở một cái bàn ngoài sân. Anh đặt dao ở trên bàn và không ngừng buông lời dọa giết Mơ và cả bố mẹ đẻ của Mơ.

Bực tức trước lời lẽ của Thiện, lần này Mơ quyết định sẽ không bỏ qua nữa. Lợi dụng lúc Thiện đang uống bia,

Mơ lấy 1 đoạn gậy gỗ dài 0,5m đứng ở phía sau rồi vung gậy trúng vào vùng đầu khiến Thiện ngã nằm bất động. Thấy Thiện nằm im không cử động, Mơ cũng chưa xác định được Thiện đã chết hay chưa nhưng lo sợ bị phát hiện, Mơ đã kéo chõng ra phía bờ ao nhằm tạo hiện trường giả. Mơ đẩy chõng xuống ao nước. Sau đó Mơ đi rửa sạch tay chân, vào nhà thay quần áo.

Đến 9h cùng ngày, mẹ đẻ của Thiện tới hỏi Mơ là Thiện ở đâu thì Mơ nói dối là Mơ và chồng cãi lộn, đánh nhau rồi vật lộn đẩy nhau xuống ao. Thiện muốn dìm Mơ xuống ao nhưng Mơ thoát ra được và chạy về nhà. Hiện không biết chồng đang ở đâu. Thấy Mơ nói vậy, bà mẹ Thiện đã gọi người nhà đến tìm và phát hiện Thiện đã chết dưới ao ngay trước nhà.

Nghi ngờ về cái chết bất thường của Thiện gia đình đã trình báo cơ quan công an. Nạn nhân được xác định tử vong do "chấn thương sọ não". Cuộc điều tra sau đó thấu thập được đủ bằng chứng. Và Mơ sẽ được vào tù để thoải mái mà... mộng với mơ!

Giết chồng vì... mâu thuẫn gia đình

Theo thông tin từ phía Công an Bình Dương (VN) cung cấp thì người đàn ông bị chặt đầu và cái đầu bị vứt trong thùng rác là Trần Thanh Tú (37 tuổi) và nghi phạm của vụ việc là người vợ Hoàng Thị Hồng Diễm (32).

Tại cơ quan công an, bước đầu Diễm khai sau khi giết chồng bằng dao, Diễm

phân xác làm nhiều bịch rồi dùng xe máy chở đi vứt ở các bãi rác. Xong xuôi, Diễm mang xe máy có dính máu về tiệm sửa xe thay vỏ xe, rồi vứt luôn con dao hung khí ngay bãi rác đầu phòng trọ. Còn nguyên nhân sát hại chồng là do mâu thuẫn vợ chồng.

Vợ giết chồng chỉ vì 10.000 đồng.

Vụ án năm 2015: sau khi đi bốc vác thuê về được 20.000 đồng, Lê Thị Thủy (40 tuổi), ở Hà Tĩnh (VN), phát hiện mất một tờ 10.000 đồng. Nghi chồng là anh Võ Hồng Sơn (41 tuổi) lấy nhưng khi gặng hỏi thì anh này phủ nhận.

Không kiểm chế được, Thủy cầm cổ áo chồng kéo vào phòng, do anh này tàn tật nên bị ngã xuống thềm nhà.

Lúc này, Thủy đập nhiều phát vào vùng bụng, cổ, mặt của chồng. Mặc bệnh u đại tràng lâu năm nên khi bị tác động mạnh anh Sơn đã vỡ đại tràng dẫn tới tử vong.

Vụ án "CÔ QUỜN" tẩm xăng đốt chết chồng vì ghen.

Chuyện xưa: Xin nhớ lại hồi khoảng năm 1953-1954 ở Saigon có vụ án "Cô Quờn" tẩm xăng đốt chết chồng vì ghen làm xôn xao dư luận một thời. Cô Quờn đốt và đâm chồng chỉ vì thầy Sĩ, chồng cô vô cùng bội bạc với vợ. Khi ở lục tỉnh về Saigon, hai vợ chồng cô nghèo lắm, ăn ở trong một chiếc ghe. Nhờ cô chịu khó làm ăn vất vả nên mua được căn nhà, kinh tế gia đình khá lên. Có lẽ vì quá lao lực nên cô mắc bệnh lao phổi,

chồng chê nên cưới một cô vợ khác tên Hoa, trẻ đẹp, sexy... Ngày xảy ra án mạng, thầy Sĩ ra lệnh cho cô Quờn phải chuẩn bị phòng ốc để đón cô Hoa về ở chung (lúc đó chưa có luật Gia Đình của bà Nhu nên VN vẫn còn chế độ đa thê). Cô khóc lóc không chịu liền bị ông chồng đập lộn xuống ván.

Quá uất hận, cô Quờn đợi chồng ngủ say, khoá cửa, sau khi mang vào phòng hai thau dầu hôi và một con dao. Cô tạt dầu hôi vào mình chồng và đốt lửa. Nóng quá thầy Sĩ chạy lung tung nhưng không thoát ra khỏi phòng được. Mỗi lần đến gần cô thì bị cô này tạt thêm dầu... Khi thầy Sĩ ngã xuống, cô còn cầm dao đâm vào bụng thầy Sĩ và quậy quậy, rượt lòi ra.

Lúc đó dư luận toàn nước Việt ta (trước 1954) đều bình vực cô Quờn vì cho rằng nếu đàn ông không có thói trăng hoa thì phụ nữ làm sao lâm vào cảnh phạm tội. Cho nên mặc dù bị truy tố tội mưu sát nhưng cô bị xử rất nhẹ. Toà án Đại Hình Saigon xét xử đã tuyên phạt cô Quờn 5 năm cấm cố với tội danh "Giết người có dự mưu". Ở tù được hơn 2 năm, cô được TT. Ngô Đình Diệm ký lệnh ân xá.

Nhân câu chuyện ghen này nghệ sĩ Trần Văn Trạch hứng chí viết bài nhạc vui "*Đốt hay không đốt thì... cắt phứt đi cho rồi. Ta ta ta tà tá ta...*"

Vũ Thành An trong "Bài không tên số 4" ngay sau khi tự hỏi "*Lệ xóa cho em được không những kỷ niệm đắng*" đã chọn ngay "nước mắt" làm giải pháp "*Khóc cho vui đi những nhục hình...*". Như thế nhạc sĩ đã tỏ ra cùng đồng điệu với văn thi sĩ Shakespeare nói trên mà giải quyết mọi việc rất ôn hòa! Tiếc rằng nhiều vị nữ lưu lại không chịu nghe những lời khuyên này.

Kể chuyện tòa án thì thấy còn nhiều vụ án nữ lưu phạm tội khác nữa, không phải chỉ riêng vì ghen tuông mà thôi! Nhưng thật ra đó chỉ là một thiểu số ngoại lệ! Không nên "vơ đũa cả nắm"!

Hơn nữa chính ngay các ông chồng cũng nhiều người "ra tay" sát hại vợ chứ không riêng gì phái nữ!

Từ cổ chí kim "quý bà" luôn được quý trọng đấy nhé! Nhớ xưa kia vua François 1er từng có một câu nói để đời: "*Cung điện mà không có đàn bà thì cũng giống như khu vườn trong hoàng cung mà không có bông có hoa vậy*".

Còn triết gia Lessing thời ca tụng: "*Đàn bà là kiệt tác của vũ trụ*".

Và văn thi sĩ Victor Hugo thì nói: "*Nếu Thượng đế sáng tạo ra người phụ nữ trước thì người đã thôi không sinh ra các loài hoa*".

LS. Ngô Tăng Giao



CHUYỆN TRONG MƠ

*Ô hay đáy nước khéo mò trăng
Ước cưới mây bay ghẹo ả Hằng
Đến thẳng Dao tri xem vũ hội
Lén vào Kim điện dự châu văn
Sáng thăm núi Thái ngồi lưng cọp
Chiều viếng biển Đông dựa cánh bàng
Cạn chén quỳnh tương cùng bóng nguyệt
Ngâm thơ bạch Tuyết ngắm sông băng.*

LÝ HIẾU

THOÁNG HƯƠNG XƯA

Đêm về thoáng gọn làn hương
Thương cô em nhỏ má hường ngày xưa
Hẹn hò trời bỗng giăng mưa
Dù che nồng ấm cho vừa xuyên sao
Lá thư nắn nốt lén trao
Pensée trang vở ép vào mộng mơ
Tình đầu hai đứa ngây thơ
Tóc xanh chưa nhuộm bụi mờ thời gian
Mộng đời thêu dệt chứa chan
Một thời đắm thắm hiền ngoan tan rồi
Phương nào hoài vọng xa xôi
Tiếng lòng trở giấc đêm trôi ưu sầu
Tâm hồn chôn dấu tình sâu
Dư âm ngày cũ giọt ngâu bên trời
Trăng thanh huyền hoặc gọi mời
Canh thâu thao thức mộng vời trăm năm.



Đ T Minh Giang

NÀI CHO CHẬM LẠI BƯỚC CHÂN CHIỀU

Hãy chậm lại bạn ơi đừng vội vã
Cuộc tao phùng chưa mãn chớ đi xa
Những chức danh thời cuộc gán ấy à
Nỗi nhọc nhằn nhiều hơn là hãnh diện

Hãy nhõn nhợ mặc xe đời tiệm tiến
Chung vòng quay
không dễ bước ra ngoài
Gian nan nhiều đã giẫm lấm chông gai
Vòng nguyệt quế ai người cài lên áo

Khói mịt mù tung khung trời huyền ảo
Những vãn thơ giăng mắc tít đầu non
Đời lãng tử vai gươm đầu gối sách
Gió giật đưa mây, trăng lịm bên cồn

Lúc ngựa gục rừng khuya vàng lá úa
Lạnh canh tàn buồn bã bến sông xưa
Áo rách bướm
còn phương nao vá nữa
Đắng cay hồn
nghe gió lộng chiều mưa

Thời gian trôi chậm chậm
chuyển qua mùa
Trầm thắm ngâm
bao nỗi buồn nhân thế
Mười năm dài
cuộc đời thành hoang phế
Đành chịu mang nhiều tủi khổ vậy thôi

Dừng chân đây chầm chậm
bạn đường ơi
Rượu còn nóng
nguyên bầu chưa nóc cạn
Nhìn phía trước với tay xa điểm hẹn
Đường quanh co
bàng bạc váng sương chiều

Ngõ vô thường
mòn vết bước chân xiêu
Xin nán lại chiều ơi rơi chầm chậm...!

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt
(Trích thi tập “Trôi giữa dòng đời”)



Ở MỘT NƠI TÌNH NGƯỜI QUÁ LẠT

*** NGUYỄN VĂN SÂM ***

Giữ thói quen đi bộ từ tầng bửng sớm bấy lâu nay ở bên đó, Già Phát thức dậy ngay từ khi ánh sáng đầu ngày mới le lói ở cuối chơn trời đương cố gắng vươn tay qua những chòm cây còn ướt sương trên cành lá. Già đi qua xóm chợ, rẽ xuống bờ sông ngang trước mặt ngôi nhà kỷ niệm của người thương khách từng là tình nhơn của một nữ sĩ Pháp sanh trưởng ở Việt Nam mà cuộc đời được quay thành phim ăn khách mấy năm về trước. Ngôi nhà xưa, cổ kính nhưng đồ sộ, vững chắc, im lìm trong giấc ngủ, tương phản với sự nhếch nhác, rộn rịp của quán lều chứa đồ của bạn hàng mang đủ thứ thập vật đến từ trong đồng gần đó hay các đồ máy ghe máy ở tuốt mút thiệt xa. Già thích quan sát cũng như thích hòa mình với cuộc sống của dân quê lao động nên thông thả đi dạo chợ sớm, cái cảnh nhộn nhạo của buổi hừng đông coi vậy mà hấp dẫn vô vàn với Già.

Già chú ý đến một ông lão lớn hơn mình chừng 5, 10 tuổi gì đó, khó đoán được vì khuôn mặt khắc khổ nhăn nheo như hầu hết người nghèo khó ở vùng quê, đương ngồi trước mái hiên một gian hàng chưa mở cửa, bên cạnh một bó chổi tàu cau. Ông già méo mặt ngó xuống cái chơn đương bị chảy máu do bị xe đụng chừng đầu năm mười phút trước.

Máu từ vết thương vẫn ròng ròng, ông lão ngó quanh quất tìm một thứ gì đó có thể lau máu. Già Phát lên tiếng:

“Anh kiếm xin miếng vải sạch sạch mà lau, xài giẻ hay giấy dơ thà rằng đừng xài. Nguy hiểm lắm.”

Ông lão ngược mắt lên ngó Già rồi vẫn quơ đũa đùa một chút giấy báo lãn lóc dưới đất trước mặt, lau chỗ vết thương, chép miệng:

“Cũng phải lau đỡ thôi. Không có thứ gì sạch hơn. Cái thằng ác ôn, sáng sớm mà chạy mau quá mạng, đụng mình rồi còn sùng sộ. Thôi nhịn nó, lo cho thân mình tốt hơn là chửi bới, gây gổ...”

Một người đàn bà đẩy cửa tiệm bước ra, ngó xéo qua ông lão rồi đuổi xô nặng nhẹ nào là sáng sớm máu dơ xui xẻo, nào là để bó chổi choán chỗ không cho bà mở cửa tiệm...

Ông lão vác bó chổi lên vai. Hơi cồng kềnh chút đỉnh nhưng cũng không nặng bao nhiêu, bước đi khập khểnh. Già Phát động tâm, hỏi:

“Anh bán tới chừng mấy giờ thì hết bó chổi này?”

“Làm sao biết được? Thường thì tới trưa, chợ vừa tan tan thì cũng hết.”

“Được chừng bao nhiêu tiền?”

“Ồi, chừng trăm ngàn chứ bao nhiêu. Mần từ chiều hôm quá tới khuya lờ khuya lác mới được bi nhiêu đó. Bán hết thì có chút đỉnh. Mà bữa nay bị xe đụng chắc là đi không được, đành chịu ế!”

Già Phát thò tay vô túi. Hai tấm giấy năm trăm ngàn mới bỏ vô trước khi ra khỏi khách sạn đề phòng đập bẻ trứng gà

trúng vịt của người ta vẫn còn đó. Già kín đáo xếp chúng lại bằng mấy ngón tay vẫn thọc trong túi.

“Thôi anh lấy đỡ chút này, bữa nay anh đi thẳng về nhà lo thuốc men, đừng bán nữa. Mớ chổi đó dành cho tuần tới.”

Cặp mắt ông lão tròn vo, tưởng chừng như Tiên, Phật hiện ra giúp mình. Già Phát thấy vui vui trước sự ngạc nhiên vui mừng đó của người đối diện. Một triệu đồng bằng năm chục đô. Mình cũng chẳng nghèo hơn khi đưa số đó cho người cần, nhưng chắc chắn mình giàu hơn về mặt tinh cảm vì đã biết buông bỏ, chia sẻ.

Ông lão bán chổi gật đầu chào Già Phát hai ba lần nữa rồi cà thọt bước đi. Chợ sớm vẫn ồn ào nhưng Già Phát không nghe gì hết, chỉ thấy lòng mình rộn rã một niềm vui. Ngoại vật như tan biến hết thảy, chỉ còn là một tĩnh lặng thơ thối Niết Bàn mà Già Phát là một người đương ở bên trong.

2.

Trời Sài Gòn nắng chan chan, không khí đương nhảy múa luân vũ mà Già Phát phát lãnh từ đầu tới từng ngón cẳng. Già chưa biết phải phản ứng làm sao cho đúng. Đánh lộn tới sứt đầu mẻ trán thì nguy hiểm quá mà chưa chắc ăn. Chạy kêu được công an tới thì chắc mẫm là nó đã rời khỏi địa bàn rồi. Cũng có thể tui nó ăn chịu hay có những lý do mà mình lạ nước lạ cái không thể nào cãi lý được. La lớn để cầu may có người tới giúp thì bảo đảm dân tò mò bu coi thừa cơ giật hốt thì nhiều mà kẻ giúp đỡ thì chưa chắc đã có mống nào. Đành bó tay thôi. Răng Già Phát đánh bò cạp, chửi Già Phát run run như đứng không vững.

Muốn nói xin lại chút tiền thì cũng nói không thành tiếng. Người đàn bà trẻ đầu ấp tay gối với Già cả năm nay giờ coi bộ xển lển, làm thình như là muốn ngó chỗ khác để cho qua tang lè.

Già áp úng:

“Đâu... em nói coi chuyện ra làm sao mà tầy huầy như thế này? Cậu này là ai vậy?”

Em không trả lời, chỉ vắn tắt như mọi khi:

“Còn hỏi?”

Rồi em ngó qua thằng nhóc. Thằng nhóc trừng mắt bậm trợn với Già:

“Cha già chúa Ôn, cụp pha xuống đi. Ngó gì? Móc mắt cho thành Đờ Chiểu bây giờ! Còn không chịu biến nữa, hay là đợi ăn dao?”

Vừa nói nó vừa ngồi xuống, bộ tịch tự tin, hai tay móc ra hai con dao Thái Lan dài sọc kẹp đầu sẵn trong nách, dần mạnh lên bàn. Em giật mình thụt lùi vô vách, lấy tay che miệng, sợ hết vía.

Già Phát từ tốn:

“Thì cậu cũng đưa trả lại cho tui chút đỉnh chứ kiểu này thì kẹt quá. Tiền đâu tui chi trả này nọ những tháng ngày sống ở đây?”

“Trả cho mấy dao thì có. Ông già mượn vợ tui cả năm nay thì ai trả thiệt thòi cho tui đây. Quần thảo nó đã đời rồi, còn ức hiếp gì nữa. Bao nhiêu đó còn quá rẻ. Trả bằng mạng già mới xứng. Thiệt là đồ Yamaha!” Rồi nó phóng một dao phập lên bàn, cán dao lay động phát ra âm thanh ghê ghê răng. Vừa cười khẩy vừa nghiêng hàm, nó hăm he: “Thằng này không ưa nói nhiều nha. Cũng không ưa

lùm xùm lèng xèng. Ai chọc giận là thằng này xin chút lòng heo làm tiết canh đó.”

Già Phát tiu nghiu dợm cẳng bước ra, tức tối nhưng cũng muốn phì cười khi nhớ lại danh từ mà thằng nhóc gán cho mình: Yamaha, Già Mà Ham. Thiệt cũng không oan lắm, hình như mình có chút ham hồ gì đó trong vòng một năm nay trong chuyện háo hức đi đi về về!

Bỗng thằng nhóc đập bàn, lườm lườm Già như muốn ăn tươi nuốt sống:

“Nè già dịch, tính đi đâu đó, bộ dễ hả? Đứng lại. Cái con Trời đánh này mày xét coi kếp lão của mày còn điểm địa ở đâu không. Tụi bây với nhau chắc mày biết rõ khứa lão điểm tiền ở chỗ độc nào. Đừng để tao phải ra tay.”

“Còn gì nữa mà xét. Chả có nhiều anh lấy hết rồi.” Rồi cô ả quay qua người tình hờ: “Thôi đi ra đi ông ơi! Lớng ngớng hoài thấy bắt mệt!”

Già Phát thảm cảm ơn em. Nó vậy mà cũng hạ thủ lưu tình. Nó biết ông còn chút đỉnh bỏ trong vớ mà không khai ra. Đây là một trong số rất ít lần con Huệ nói câu dài.

Già bước như chạy ra cửa. Căn nhà thân thuộc, cái gạch cửa Già thường đứng dựa ngó mong ra hẻm, kéo vài hơi thuốc sau những phút giây lên Tiên dối tuổi cả năm trời nay giờ sao như hang cọt. Xin giã từ. Già mừng rơn khi được bước qua nó mà không nghe tiếng đe dọa từ phía sau.

Lách qua mấy cái bàn choán lối đi của vài ba quán nhậu trong hẻm, Già Phát không buồn ngó mấy ánh mắt của những bợm nhậu ngưng mấy phút chai

chú chai anh bắt măn ngó Già khi Già tránh mấy cục xà bàn lấp trũng đi sát vô bàn nhậu của họ. Mấy đĩa tiết canh đồ lòm rắc lòng heo thái nhỏ nằm lơ trên trên một hai bàn nhậu đương để cho ruồi thường thức trước khiến Già nhớ tới câu nói của thằng nhóc hồi nãy. Già tính thầm trong bụng về số tiền còn lại để trang trải những việc cần thiết. Già tính lời phải nói sao với con cái khi trở về. Bước ra tới đường cái tưởng là dễ thở hơn nhưng Già cảm thấy nhức đầu vì tiếng xe cộ, vì khói xăng tràn ngập, vì những cái giựt mình khi xe Honda xẹt bất thình lình tới gần đụng mình. Già húng háng ho và thấy ử ử oải.

Thằng chó chết, đợi mình đem tiền về nhiều mới ra tay. Chuyện này đành ôm bụng mà chịu chớ nói ra càng thêm nhục. Ba chục ngàn chớ bộ ít sao! Già lằm bằm như người mất trí, chỉ muốn ngã sụp xuống như thân chuối đổ rồi ra sao thì ra.

3.

Già Phát theo bạn bước vô một quán cà phê ôm ở cuối con hẻm nhỏ. Cả đoạn đường dài toàn là quán cà phê ôm và quán nhậu. Không có căn nào là nhà ở thuần túy. Người bạn liên tục trấn an Già rằng quán này chủ hơn tử tế, không chặt đẹp, mấy em cũng dễ coi. Già không thấy hứng thú với chuyện ôm ấp mấy em đáng tuổi cháu con mình nên chỉ ậm ừ cho qua. Đi vì nể bạn và tò mò hơn là ham thích.

Hai ba cô gái mặc quần áo có chút hở hang đương ngồi bó gối tán dóc lật đật đứng dậy chào khách và đưa mớ-nu giới thiệu mấy loại cà phê. Già Phát kêu theo bạn cho có rồi băng quơ ngó ra

đường, không chú ý gì tới mấy em. Một lúc lâu ớn hai ly cà phê phin mới được bung ra.

“Hai anh cảm phiền cho xin tiền trước.”

Con số nói ra Già Phát hơi giật mình. Cao bằng cả chục lần bên đó. Gì mà dữ vậy? Già Phát nghĩ bụng. Người bạn của Già biết ý nên hào sảng móc tiền trả. Trong khi cô gái dậm cẳng bước đi thì Già Phát dúm thêm một ít nữa rồi nói cảm ơn. Con nhỏ tròn mắt ngó Già, lí nhí một cách thân thiện lẫn bối rối:

“Xin cảm ơn hai anh. Hai anh không có gì mà phải cảm ơn tụi em.”

Già nói ra ý nghĩ chơn thật của mình:

“Mấy con còn trẻ quá mà kêu chúng tôi bằng anh nghe sao kỳ kỳ.”

“Ai vô đây thì cũng là anh em suốt. Tứ hải giai huynh đệ mà!” Rồi cô ta bẹo má già. “Có để đái gì đâu mà con con bố bố.”

“Thôi kêu bằng bác đi con!”

Cô ta chóng cảm mình lên đỉnh đầu của già. Già nhắm mắt, nín thở.

“Có chút máu thịt cật ruột nào mà bác bác cháu cháu. Em từng thấy nhiều anh còn lớn tuổi hơn mấy anh nữa, lúc đầu nghiêm trang, sau rồi tay chươn còn quờ quạng kinh hồn hơn thiên hạ nhiều. Hết biết luôn!”

Già Phát làm thinh, ngó qua thì bạn mình đã yên vị, đương thì thắm tâm sự ngày Xuân với một em tóc nhuộm vàng có bộ ngực bốc lửa đưa chòm ra phía trước khoe khoang.

“Thôi cô vô làm gì thì làm đi, tui cần chút yên tĩnh ngồi đây thưởng thức cà phê...”

Một cái bĩu môi dài sọc. Người bạn của Già đang cười hú hí, một tay ôm eo em nhí còn tay kia thì mò mẫm tham lam... Già ngó lơ chỗ khác và thấy như mình thừa thãi khi có mặt ở đây.

Lâu lắm người bạn của Già mới nói:

“Tiền ngồi gần người đẹp đã tính rồi. Không ngồi gần thì lỗ.”

“Tôi thà chịu lỗ chứ cái điệu này không quen, thấy chướng chướng.”

Người bạn của Già biết tánh bạn mình nên làm thinh, tiếp tục hưởng cảm giác đồng thời của tay, mũi, miệng...

Một người đàn ông cỡ tuổi của Già dáng dấp coi bộ trang nhã, quần áo sạch sẽ, ôm cặp da đi vô quán, xâm xâm tới bàn của Già mời coi bói. Cô em hồi nãy từ bên trong bước ra, liếng thoảng ca ngợi tài của thầy bói và và năn nỉ Già cho mình tiền để coi bói xem tại sao mấy tháng nay mình xui quá, làm gì cũng hư hại, tiền đổ ra như nước.

Cũng là những lời nói chung chung, lèo mếp của người kiếm sống bằng lời nói dối trá lừa phỉnh về một tương lai tươi đẹp của người coi, kèm theo những câu thiệu về tuổi tác hạn, vận, đại hạn, đại kiết, trung hạn, xung khắc, kỳ tuổi này tuổi kia cốt tạo lòng tin để thiên hạ xi tiền ra.

Già Phát thấy vui vui. Cha thầy bói này kiếm chút tiền còm, còn đáng thương hơn mấy cha nội ngoại cảm ở đây, mấy ông Trời con nói dóc về sửa ong chúa, mấy bác sĩ nắn gân chế ra cả trăm loại thuốc, bịnh nào cũng có, bán đầy trời nhằm móc túi mấy người đau chươn phải hả miệng, chất lưỡi tự an ủi bằng câu phước chủ may thầy, có tin có lành...

Rồi không biết ông ứng bà hành gì Già Phát đưa tay cho ông ta bói.

“... Số ông thông dong, nhìn tướng cũng biết mạng ông ở dưới chơn ông Huỳnh Đế, nghĩa là mạng có phước đi du lịch xa, lâu dài, nhiều lần. Sang hơn biết bao nhiêu người suốt đời ru rú trong làng trong xóm. Tui nói hồng trúng thì ông liệng đồ nghề tui ra đường để tui bỏ nghề luôn! Tuổi ông năm nay nếu theo sách xưa như *Diễn Cầm Tam Thế* hay *Dịch Lý Qui Nguyên* thì trên sáu mươi là đã quá số rồi, không coi được nữa Nhưng mà thời đại mới này Mỹ Nga phóng vệ tinh, phóng người lùm lùm lên vũ trụ làm lệch đi nguyên lý âm dương của Trời Đất nên số mạng con người ở dưới địa cầu này bị ảnh hưởng. Bây giờ như loại tới bây mười hai tuổi mới hết số, nghĩa là ai cũng có số mạng thay đổi xui hên thêm một kỷ nữa. Ông tuổi Dần, năm nay năm Thân. Dần Thân Tỵ Hợi, tứ hành xung, năm nay ông xui từ đây tới cuối năm, phải cúng sao giải hạn hay làm phước lớn mới qua khỏi đại hạn sắp tới. Hạn lớn lắm!”

Già Phát giựt mình, trước khi qua đây đi khám bệnh mới biết trong máu có mỡ hơi nhiều, áp huyết lên cao, đầu gối thỉnh thoảng sưng rồi xẹp, tuyến tiền liệt phình đại. Không phải xui là gì? Rồi chuyện vợ chết gần cả năm không khai để vẫn lãnh tiền già của vợ bây giờ bị kêu lên bắt trả lại, dầu mỗi tháng chút ít cũng là... xui. Thêm nữa, tiền bảo hiểm như thọ của vợ bị mấy đứa con xúm lại năn nỉ mượn gần hết, hồng phải xui là gì? Gần đây nhứt là mấy cái thẻ tín dụng đòi tiền phạt trả trễ mấy tháng mình bỏ về VN tới hơn bốn trăm đồng. Chắc chắn xui là đây rồi. Trí Già miên man lục lọi chuyện này

chuyện kia những lúc gần đây. Ờ mà còn nữa, tháng trước xuống phi trường họ bắt chờ giấy tờ gì đó một lúc lâu ớn, cuối cùng thiên hạ về hết ráo mới tới lượt mình. Hai thùng đồ bị rạch xéo dán lại ai cũng thấy rõ mà không biết khiếu nại với ai. Về tới khách sạn soát lại mới hay đồ vật có giá chút đỉnh và thuốc men mất hết. Tới cái máy chụp hình cũ tính đem về cho thằng cháu cũng không cánh mà bay! Vậy chẳng phải xui là gì?

Ông thầy bói nhấn mạnh hơn:

“Cần phải làm phước để giải hạn. Làm phước như thế nào thì tôi không biết, mà có biết cũng bất khả lậu.” Rồi ông chép miệng bộ thiết là nghiêm trọng: “Không dám đâu!”

Con bé này giờ ngồi im lắng nghe bây giờ mới ông ọ:

“Thôi anh làm ơn cưới em đi làm phước. Em đương cô đơn.”

Già Phát ngó qua con nhỏ. Con nhỏ mình mẩy coi cũng được ớn, chết là nó chỉ lớn hơn cháu ngoại mình chừng chục tuổi là cùng. Nó nói chuyện vô duyên trời thần, ở gần nó chắc đau tim mà chết có ngày. Già làm thỉnh lơ mơ nghe ông thầy bói nói về chuyện sao hạn, về giải hạn. Nghe hoài một điệp khúc tới bực mình. Già phán một câu làm cụt hứng mọi người:

“Ồi! Bói ra ma ấy mà, con người ta sống trên đời thì phải có lúc hên lúc xui, cúng giải cũng chẳng nhằm nhò gì. Hồi xưa mấy ông Ba Tàu bày đặt ra bói toán, phong thủy để bàn tán cho vui cửa vui nhà, mấy ông Việt Nam sau đó cứ nhắm mắt tin càn .. Bá vợ! Bá vợ hết!”

Già Phát thao thao còn ông thầy bói thì lặng lẽ xếp lại đồ nghề, ngồi làm thỉnh chờ tiền quẻ. Thái độ của ông ta bình tĩnh, chịu đựng, có chút ê chề nhưng mà không lộ vẻ giận dữ hay bất bình. Già Phát thấy mình bất lịch sự, vội móc tiền ra trả, hậu hỉ như là chuộc lỗi.

Trời ngả về chiều. Mây bồng kéo tới giăng giăng. Một vài giọt mưa phất phất xuống mặt đường rồi bốc hơi tan biến do sức nóng còn lại trên mặt nhựa. Gió bồng thổi mạnh hơn, hất tạt nước vô tới chỗ khách ngồi rồi trút xuống ào ào, một lúc không lâu thì nước đã mấp mé tới thềm nhà.

Một cô gái ướt mẹp bước mau vô quán. Mặt bầm tím một bên, buồn bã, cặp mắt một trời u sầu, nhìn Già Phát rồi gật đầu chào bác. Già thấy vui vui.

Tiếng hai bạn gái của cô ta trao đổi nhỏ nhỏ với nhau:

“Rồi! Con Huệ lại bị đập nữa. Điệu này hoài chắc có ngày mà chết sớm. Kêu nó bỏ đi, không biết nó ăn giống gì mà ngu quá, cứ chần chờ...”

Cô gái đi thẳng ra sau. Bên ngoài gió thét gào. Già Phát lơ mơ với hoạt cảnh vừa xảy ra trước mắt.

4.

Nằm gát đầu lên bụng con Huệ để lấy lại sức, Già Phát hỏi:

“Thương không?”

“Biết còn hỏi.”

“Sao bị đánh hoài mà trước đây em không tìm cách trốn khỏi tay thằng qui đó?”

“Bờ!”

“Nữa nhe!”

“Dịch vật!”

“Bữa trời mưa hôm, mình gặp nhau lần đầu, anh thương em liền.”

“Duyên nợ.”

“Em có cần tiền để trả nợ cho nó và bọn đầu gấu không?”

“Thôi, kỳ lắm!

“Vậy thì sao?”

“Trốn luôn.”

“Tháng tới anh về bên mấy tháng lo chuyện nhà cửa bên đó ở đây một mình nếu có chuyện gì thì sao?”

“Tới đâu hay đó.”

“Cả tuần nay anh đi ăn nhậu với thằng Khu Vực mấy lần, có gì thì em cầu cứu nó. Anh ứng trước cho nó chút đỉnh rồi!”

“Vô ích. Thêm tròng khác thôi.”

“Nói chuyện với em mệt thấy mồ, cứ xài một hai chữ không. Nói nguyên câu được không hè?”

“Quen rồi!”

“Vậy thì làm sao em tiếp khách. Làm sao nói chuyện yêu đương?”

“Đâu cần đâu!”

“Ờ há! Mà từ lúc nào mình đổi từ bác-cháu qua anh-em vậy?”

“Bữa em trúng gió.”

“Rồi em nhờ anh cạo gió cho em.”

“Đừng nói nữa. Mắc cỡ lắm!”

“Ai mắc cỡ?”

“Ai thì biết!”

....

“Lúc anh mới mượn nhà cho em ở trốn thằng đó, em khỏi bị đánh đập, có thích không?”

“Cô đơn. Nhớ!”

“Nhớ ai?”

“Ai thì biết! Bác!”

Có tiếng cười dòn của hai người. Một lúc sau.

“Lúc còn làm ở quán cà phê, có nhiều người si em không?”

“Cả rồi.”

“Anh cũng vậy. Lớn tuổi mà còn duyên ngầm, đi đâu mấy cô cũng theo quá xá!”

“Sao chọn em?”

“Thì làm phước chớ sao? Thấy em như con mèo ướt bữa đó. Mèo ướt mà còn bị chó vật nữa.”

“Nằm vậy tội thì có, phước gì!”

“Trước đó là lòng tốt thì có phước. Sau này hư trừ bớt chút đỉnh cũng còn phước chán.”

“Trừ tới số âm vô cực luôn.”

Già Phát giựt mình. Con nhỏ biết dùng chữ số âm vô cực trong trường hợp này không phải là người ngu. Tiếc là nó quá trẻ, mình không thể lâu dài được. Mà đã lỡ ăn thua, không thể rút lui được nữa. Phải lo cho nó thôi, dầu nó không trực tiếp đòi hỏi gì. Già tính chuyện này về bản sẽ nói với mấy con là mình rút tiền để dành từ đó tới giờ về đây lo xây nhà dưỡng già. Các con không thể lo được cho ba, thôi đừng can mũi can lái gì hết, để ba tìm người lo cho thân già của ba. Con nhỏ cũng đáng để cho mình lo, như là làm phước.

5.

Một tuần sau ngày bị gỡ tay lấy tiền, Già Phát lấy hết can đảm quay trở về xóm có căn nhà thân thuộc cũ. Quang cảnh chung không thay đổi nhưng cánh cửa nhiều kỷ niệm của Già cả năm nay thì đóng im ỉm. Mấy cái bàn nhậu như là cỏ dại đã lan ra lấn chiếm gần hết cái sân. Có tám bản giấy treo to-òng teng trên cánh cửa, chữ nguyệt bạch ngoạc: *Nhà cho mượn. Xin liêng hệ số*

Già Phát bước thẳng đi luôn, hy vọng trong xóm không còn ai nhớ tới bản mặt mo của mình nữa. Tiền đã ra đi, tức thiệt, nhưng hy vọng cái xui cuối năm của mình cũng theo đó mà bay đi, coi như là mình giúp vốn cho một cặp vợ chồng trẻ nghèo có tiền làm ăn, đổi đời. Già quên phứt đi một năm hưởng xuân đối tuổi của mình mới vừa qua. Đi ngang

mặt hai đứa nhỏ ghè chóc ồm o đương
ngồi ăn xin ở đầu hẻm Già Phát cũng
quên luôn chuyện thí cho chúng nó chút
đỉnh để làm phước như đã từng quên
bấy lâu nay.

Trời trưa nắng thiệt gắt, có tiếng la ó ồn
ào: “Bắt cướp! bắt cướp! Nó cướp xe
của người bị tai nạn!” Hai đứa nhỏ ăn
mày nhăn mặt, nheo nheo mắt, còng
lưng xuống cái lon không. Xe cộ vẫn xẹt
qua xẹt lại như từ trước tới giờ. Chỗ
người bị tai nạn đằng kia, người coi như
kiến bu mỗi lúc mỗi nghệt. Già chột nhớ
tới ông lão bán chổi, và con nhỏ ứa nói

một câu bằng hai ba chữ vừa mới lướt
qua trong đời Già. Sau khi làm phước
cho ông lão bán chổi thì thấy lòng thơ
thối, còn sau khi làm phước cho con nhỏ
này sao mà tâm can trĩu nặng âm u quá.

Kỳ hen?

Nguyễn Văn Sâm

(Victorville, CA, Sept. 2-19, 2012)



DIAMANT

Voyageur de l'infini
Tu poses et reposes regard en égard
Dans ta gloire, meneur de vie
Tu tournes et cours de phrases en
larmes.
De type d'homme fouillant la terre
Un amour d'enfer dans les ténèbres
Jusqu'au mec volant le ciel
Bonheur de paradis et d'en servir.
Tu souffres de nature, gouffre de
palme
Tu sombres de vie et tu éblouis
Tu détruis en folie et tu construis
Oh ... oh, DIAMANT.
Tu ressors des batailles et tu en sors
Tu embellis des amours et tu retires

Comme tu as changé au fil de ton sort
Oh ... oh, DIAMANT.
Poseurs de temps en temples
Tu descends et reprends bagage en
gage
Dans le monde déposant tes cendres
Mais tu meurs point, la mort dans
l'âme.
De femmes nues en robes de saphir
Tu sors avec elles des nuits sans
remords
En putains sur trône tu les a mises
En guise de ta foi sans loi ni sort.

Diễm Hoa

(Traces d'amour)

KHÚC QUANH ĐỜI

** TRẦN C. TRÍ **



KHÚC QUANH ĐỜI – EXISTENTIAL
WINDINGS / CẢM TÂM

Dòng xe cộ dừng sững lại, cơ hồ như trong một tấm hình chụp. Hướng bắc cũng như hướng nam trên xa lộ bây giờ là hai con rắn dài ngoẵng, bất động dưới ánh nắng gay gắt giữa mùa hè. “*Cali là như thế này đây sao?*” Đây không phải là nhận xét của anh, mà là của Hiền, dân North Carolina, nhân chuyến hấn về chơi với anh một tuần lễ. “*Ừ, lâu ngày tôi cũng quen rồi.*” Anh cười cười đáp. Còn bao nhiêu điều quanh đây mình cũng đã quen thuộc, có lẽ vì không lựa chọn gì được. “*Lấy thời gian kẹt xe trên xa lộ cộng với thời gian ngủ,*

ông còn lại được bao nhiêu?” Hiền lại càu nhàu. Anh bật cười không nói gì thêm, nhưng thầm nghĩ, cũng đúng, và cũng đáng buồn. Phần thời gian còn lại, trừ đi hết những chuyện phiền toái, những việc phải làm, còn được là bao. Ý nghĩ này của anh cũng chẳng phải là mới mẻ, vì từ lâu Edgar Faure đã chẳng bảo “*On ne vit en fait que pour quelques instants, intenses et privilégiés, le reste du temps on attend ces moments-là,*” là gì?

Trên nguyên tắc, từ khúc xa lộ này về nhà anh chỉ còn khoảng mười phút nữa là đến, nếu không bị kẹt xe. Một chữ **NẾU** to tướng. Anh tặc lưỡi một cái, nhưng cũng hơi mừng khắp khởi vì thấy dòng xe đã chuyển động lại được một chút. Tuy vậy, tình hình trông cũng không có vẻ khả quan hơn là mấy. Chiếc xe của anh nhích từng vòng bánh một. Còn đỡ hơn là đứng yên một chỗ. Anh lại tặc lưỡi, và thêm một cái nhún vai. Lơ đãng ngó qua bên phải, anh nhẩn nha nhìn những tấm bảng ghi tên đường và số exit, từ gần đến xa dần, xa dần. Fairview, Harbor, Euclid... *Wait a minute!* Từ xa xa, anh đã nhìn thấy tấm bảng đến sau Euclid. Anh đưa tay giụi mắt thật mạnh rồi nhìn lại để chắc chắn là mình không nhìn lầm. Không thể như vậy được! Anh đã lái xe trên xa lộ này từ sở về nhà mấy ngàn lần trong đời đi làm, biết chắc chắn là Nha Lộ Vận không có thêm một lối ra nào sau Euclid—số 12, vì sau đó phải là exit Brookhurst—số

14. Vậy mà... vậy mà... rõ ràng là bây giờ lại có thêm exit số 13, mang tên Escape.

Anh thấy tưng tức ở ngực, muốn ngộp thở. Mồ hôi toát ra như từ tất cả các lỗ chân lông trong người anh, không phải vì trời đang nóng như đổ lửa—anh có bật máy lạnh trong xe—mà hiển nhiên là vì cái exit Escape mang số 13. Dáo dác nhìn quanh, anh nhận ra xe cộ đã di chuyển thoáng ra hơn lúc nãy, và lồi vào exit Escape như đang gọi mời anh. Có vẻ như không chiếc xe nào muốn rẽ vào đó cả. Mọi exit khác vẫn bị nghẽn lại, khó lòng mà luồn lách để vào, chỉ trừ Escape, hết sức thông thoáng một cách lạ kỳ. Anh tặc lưỡi lần thứ ba trong buổi chiều hôm nay, lần này không phải vì chán ngán với cảnh kẹt xe, mà vì đang quyết định liều lĩnh dẫn thân vào một chỗ rẽ bất ngờ. Anh ngoái lại phía sau, nhìn qua vai để chắc rằng không có xe phía sau, rồi bẻ tay lái sang lane bên cạnh, đi vào exit 13.

Khác với đa số các lối vào, Escape không dẫn vào đường trong thành phố mà chuyển qua một xa lộ khác. Qua đến xa lộ mới, mang tên là Memory Lane, anh thấy một không khí khác hẳn. Nền trời bây giờ là một màu cam nhạt, ửng một chút qua sắc hồng. Trên xa lộ, xe chạy lác đác, thông thả, không ngột ngạt như chỗ anh vừa thoát ra. Anh hơi giật mình khi thấy xe chỉ chạy theo một chiều—chiều xe anh đang chạy—không có chiều ngược lại. Được một khoảng, anh mới để ý thấy các bảng chỉ dẫn không có những cái tên bằng tiếng Anh quen thuộc nữa, mà chỉ là những con

số... những con số trùng hợp với các năm, 2022, 2021, 2020, 2019, 2018... Không dừng anh mỉm cười nhẹ, cảm thấy vui vui với ý nghĩ là mình đang được trở về với những gì đã qua. Đầu để gì có một cơ hội như thế này. Anh tình nghịch tự hỏi, *“Mình sẽ chọn năm nào đây? Mình sẽ đi đâu và gặp những ai?”* Anh vụt hiểu ra là mình phải chọn một năm nào đó để có thể gặp những người còn sống trong thời gian ấy, chứ không thì...

Trong đầu anh chợt bừng lên hình bóng của những người thân yêu, bạn bè xưa cũ, như trên màn ảnh khổng lồ của một rạp chiếu bóng. Trong những hình ảnh đó, tự dưng Nhã và Ái trở thành close-up, chiếm trọn cả không gian. Nhã và Ái! Hai chị em sinh đôi—một phần của đời anh khi tuổi anh vừa lớn, làm sao anh quên được. *“Thế thì mình phải chọn năm nào mà hai cô cùng còn sống thì mới gặp được cả hai.”* Nhã mất đầu vào khoảng đầu thế kỷ hai mươi mốt, theo lời người chồng cũ của cô—mà cũng là bạn của anh—đã cho biết. Còn cái chết của Ái thì bất ngờ đối với anh hơn. Từ lâu, anh đã biết Ái phải ngồi xe lăn sau một cơn đột quỵ. Anh không biết gì hơn về Ái, chồng con ra sao. Gần đây, anh tình cờ nghe tin Ái mất. Cũng sững sờ vài giây. Hỏi lại anh chồng cũ của Nhã thì anh này trả lời khá thờ ơ, bảo đúng vậy, nhưng cũng không rõ là lúc nào. Thờ ơ cũng phải, đối với một *ex-sister-in-law*.

Nếu vậy thì anh phải chọn thập niên 90 mới được. Anh nhấn ga cho xe chạy

nhanh hơn một chút, đi qua các exit của hai thập niên năm 2000, và hỏi hộp nhìn các tấm bảng ghi các con số bắt đầu bằng 199... Đến tấm bảng 1995, anh mím môi, cho xe vào exit, vừa hoang mang, vừa hiếu kỳ, không biết mình đang thực sự đi về đâu. Exit này dẫn đến một xa lộ mới mang tên Countries. Điều đặc biệt là tấm bảng chiếu sáng bằng kỹ thuật số, liên tục đổi qua các thứ tiếng khác nhau như Pays, 국가, Países, Quốc Gia, دولة, Landoj, χώρες, Mga Bansa, країни, Maat, 国, šalyse, v.v. “A, đây là xa lộ để vào các nước trên thế giới,” anh thích thú nghĩ thầm. Chắc là tên các nước xếp theo thứ tự mẫu tự tiếng Anh nên anh phải lái thêm một hồi lâu nữa mới thấy tấm bảng Vietnam–Việt Nam–[ቬតnam]ቬតណាម... bên tay phải.

Anh thở phào, cho xe vào exit Việt Nam. Bây giờ phải chọn thành phố. Đây là một sự chọn lựa quan trọng. Nhã ở Thủ Đức, còn Ái ở Cam Ranh. Anh không chắc mình có đủ thì giờ—hay nhiên liệu—để đi cả hai nơi. Kim đồng hồ xăng trước mặt anh đã xuống khá thấp. Anh chỉ có thể chọn một nơi. Các bảng tên dọc theo xa lộ bây giờ hoàn toàn bằng tiếng Việt, cho thấy các tỉnh, chắc phải vào một tỉnh rồi mới thấy tên thành phố hay thị xã. Ái ở Cam Ranh, thuộc tỉnh Khánh Hoà, còn Nhã ở Thủ Đức, thuộc thành phố Sài Gòn. Vừa vào xa lộ, anh thấy tấm bảng Cà Mau hiện ra trước mặt. “*Minh đang ở chỗ cuối cùng của đất nước,*” anh nhủ thầm. Thật nhanh trong đầu, anh nghĩ mình chỉ có thể ghé Thủ Đức thăm Nhã,

còn Ái thì hãy còn xa tít tắp tận miền Trung. Anh chột cười nửa miệng, ngày xưa Ái là người yêu của mình, còn Nhã chỉ là một cái bóng mờ trong cuộc tình của hai đứa. Vậy mà bây giờ anh chỉ có thể đến thăm Nhã. Rồi anh băng khuông nhớ lại một đêm mùa hè năm cũ.

Đêm đó, cái nóng hừng hực của ban ngày đã dịu xuống theo buổi chiều, khi bóng đêm khởi sự khoác lên khu vườn lớp áo mỏng như tơ, thoang thoang mùi dạ lý hương trước sân nhà. Anh ra ngồi ở hàng hiên, hít thở hương thơm dịu dàng của hoa dạ lý, quên đi buổi trưa nóng gắt vừa qua. Hành lý của anh đã sẵn sàng cả rồi, chỉ còn mươi ngày nữa là anh sẽ khăn gói ra Huế vào học Đại Học Sư Phạm. Suốt tuần nay, người anh lằng lằng, nửa như đã từ già Nha Trang mà đi rồi, còn nửa kia như đã vật vờ ra đến Huế. Anh không thấy mình thuộc vào nơi nào cả. Có tiếng chuông bấm từ ngoài cổng vọng vào. Tiếng chuông mà trước đây anh đã từng hỏi hộp chờ, ban ngày hay ban đêm, để mong Ái đến. Bây giờ, nghe tiếng chuông reo, anh thấy ơ hờ không thể tả. Anh uể oải đứng lên, với tay lấy cái chìa khoá treo trên vách rồi thong thả đi ra cổng.

Ái đứng ở cổng thật. “Bây giờ mà còn đến đây làm gì nữa”. Anh nảo nề, hí hoáy tra chìa vào ổ khoá, chỉ mong nó mở không được, để anh có thể bảo Ái, “Cô về đi. Khoá cổng bị hư rồi.” Nhưng cái ổ khoá vẫn bật ra một cách đầy khiêu khích. Anh thở dài mở cánh cổng. Ái im lặng dắt xe đạp vào. Mọi sự y như ngày xưa, xem như chẳng có gì thay đổi, trừ

sự thình lạng đến nghệt thở giữa hai người. Vào đến trước thềm nhà, Ái lẳng lẳng dựng xe, ngồi xuống thềm nhà, chỗ hai người vẫn thường ngồi bên nhau như trước. Anh cũng ngồi xuống theo, tuy cố giữ một khoảng cách xa hơn thường lệ.

Cả hai cứ ngồi im bên nhau như thế một lúc thật lâu. Rồi người cất tiếng đầu tiên là Ái. “Khi nào anh đi?” Câu này hình như cô đã hỏi hơn một lần, và lần nào anh cũng đã trả lời. Tuy vậy, anh vẫn đáp, “Cuối tháng này.” Rồi lại im lặng. Một lát sau, Ái móc trong túi ra một xấp tiền xếp phẳng phiu, giúi vào tay anh. Anh hơi giật mình, nhíu mày hỏi, “Cái này là cái gì vậy?” Ái cúi nhìn những cái bóng lá in trên nền đất, do ánh đèn từ trong nhà hắt ra. “Em có chút đỉnh đưa anh mang theo tiêu trong thời gian đầu ở ngoài đó.” Anh vừa muốn rót nước mát, vừa thấy một cơn giận dữ từ đâu ùa tới. Anh cắn chặt môi, giúi xấp tiền trở lại vào tay Ái. “Cảm ơn Ái, nhưng tôi có đủ rồi. Ái giữ mà tiêu.” Anh còn muốn nói thêm, “Tôi thà chết đói chứ không cần tiền của cô,” nhưng anh ghìm lại được. Ái tần ngần ngồi thêm một lát nữa, rồi thở dài đứng lên, chào anh ra về. Anh cũng đứng bật dậy như một cái máy, đưa Ái đi ra cửa. Ngôn ngữ bây giờ quá dư thừa. Ái ra đến cổng, leo lên xe, đạp đi. Anh thẫn thờ nhìn cái bóng xe và người in trên nền đường ngập ngụa ánh sáng vàng vọt hắt ra từ mấy ngọn đèn nằm chờ ngủ trong đêm khuya.

Hai ba ngày sau đó, Nhã đến thăm và chào anh trước khi anh lên đường. Nhã

cũng móc trong túi ra đưa anh một xấp tiền, “Đề anh uống cà-phê và nhớ lại những ngày ở Nha Trang với bọn này,” cô ân cần bảo thế. Và lần này anh vui vẻ nhận món tiền, nói lời cảm ơn Nhã, và thoáng nghĩ, “Có lẽ đừng ai yêu ai thì mọi sự sẽ tốt đẹp hơn, chẳng có gì phải lẩn tránh trong lòng.”

Nhưng ngày đi Huế chưa đến mà anh lại được bà di họ ở Cầu Đá gọi cho đi vượt biên, không phải tốn một đồng nào. Mọi việc diễn ra bất ngờ quá, anh chẳng kịp làm điều gì. Chuyến hải hành bỏ nước ra đi của anh đúng là thuận buồm xuôi gió, chỉ năm ngày sau là đến bến bờ tự do. Lúc đã êm ấm trong căn nhà lợp tranh ở trại tỵ nạn, cởi bỏ bộ đồ duy nhất trên người ra, anh mới thấy lại xấp tiền của Ái đưa. Anh cảm động nhìn những tờ giấy bạc, không phải vì chúng có in hình của một nhân vật ít ai muốn nhắc đến tên, mà vì chạnh nghĩ đến Nhã chắc đã phải nhịn ăn cả tháng trời mới có ngần này đưa cho mình. Vậy mà bây giờ những đồng bạc đó đã trở thành những tờ giấy lộn. Những tờ giấy bạc đó, tuy vậy, đến bây giờ anh vẫn còn giữ.

Lúc anh vừa thấy bảng tên Thủ Đức cũng là khi kim đồng hồ xăng đã xuống gần chữ E trên đồng hồ. Trời đã sụp tối. Anh cho xe rẽ vào exit. Thành phố về khuya ủ ê dưới ánh đèn mờ ảo, với những bóng người, vài chiếc xe qua lại vội vàng như trong một cuốn phim kinh dị. Anh đã thuộc lòng địa chỉ của Nhã lâu nay, tìm đến nhà cô cũng không khó lắm. Nhà của Nhã nằm trong một cái xóm nhỏ, trông thật ọp ẹp, dù đã được

bóng đêm che bớt đi những đường nét vụng về. Anh đậu xe lại, hồi hộp tiến đến gõ cánh cửa xiêu vẹo. Có tiếng lục đục trong nhà một lát rồi cánh cửa bật mở. Người đó không phải là Nhã. Anh ngập ngừng hỏi, “*Đây có phải là nhà của cô Nhã không cô?*” Người đàn bà lớn tuổi gật đầu, không có vẻ gì là ngạc nhiên khi thấy người khách lạ đến vào lúc khuya khỏa như vậy. “*Cô ấy nằm ở trong này.*” Bà ta quay vào, dẫn lối cho anh đi theo. Vào đến phía trong, sau một tấm phen chắn tạm bợ, dưới ánh đèn néon hiu hắt, anh thấy một người đàn bà nằm xoã mớ tóc bạc trắng trên gối. Nhã đây sao? Người đàn bà cao giọng, “*Có ông này đến thăm cô.*” Bà ta ra ngoài một chút rồi mang vào một cái ghế đầu cho anh ngồi. “*Nhã, tôi là Tâm đây nè. Còn nhớ tôi không?*” Người đàn bà cố mở một nụ cười héo hắt, “*Anh Tâm! Em nhớ chứ. Anh ở bên Mỹ về thăm em đó hả? Anh đã gặp Ái chưa?*” Anh lắc đầu, “*Chưa, nhưng tôi chỉ đến thăm Nhã thôi.*” Nhã nằm im một lúc rồi lại hỏi, “*Anh về đây có chuyện gì không?*” Anh thoáng giật mình, thật tình không biết đã chọn exit 1995 để muốn gặp lại hai chị em với mục đích gì. Rồi làm như chợt nhớ ra, anh bảo, “*À, tôi muốn gọi lại cho Nhã số tiền ngày xưa Nhã cho tôi để đi Huế đó mà. Tôi đã không bao giờ ra học Đại Học Sư Phạm mà lại mang theo số tiền đó qua tận bên Mỹ.*” Nhã ngó anh dăm dăm, “*Số tiền nào? Đại học nào? Em không nhớ.*” Anh gượng cười vui, “*Không sao, miễn cô còn nhớ tôi là Tâm thì vui lắm rồi.*” Anh lấy cái bóp trong túi quần ra, loay

hoay tìm được khoảng sáu, bảy chục đô-la, đặt xuống cái bàn nhỏ bên cạnh giường và thở dài thật nhẹ. “*Xin lỗi Nhã. Tôi đi vội vàng, không sắp đặt gì cả, chỉ có trong người bấy nhiêu đó thôi. Nhã dùng tạm để thuốc thang. Tôi sẽ gọi thêm sau.*” Nhã đưa tay vén mớ tóc loà xoà trên trán. “*Cám ơn anh. Anh về thăm em như thế này là quý lắm rồi. Em cũng không còn được bao lâu nữa đâu.*” Rồi cô đổi giọng, cố làm ra vui vẻ. “*Ái mà được gặp anh lúc này chắc nó mừng lắm. Tội nghiệp, nó cũng chẳng hơn gì em. Cũng bệnh hoạn rề rề. Được một cái là Cường chăm sóc Ái hết lòng.*” Anh giật mình. “*Nhã nói Cường nào?*”— “*Cường trong nhóm bạn cà-phê của mình ngày xưa, làm sao anh Tâm quên được há?*” Anh nghe cả người tê tái, không nói được lời nào. “*Anh không biết thật hả? Vậy lâu nay anh không nghe gì về Ái sao?*”— “*Tôi chỉ biết là Ái bệnh, cũng nghe là cô ấy có chồng, chỉ không ngờ đó là Cường.*”— “*Còn anh, vợ con ra sao?*”— “*Một vợ hai con, Nhã ạ. Tụi nó cũng lớn hết rồi.*” Nhã thở dài, “*Mới đó mà đã chín năm rồi, anh Tâm há.*” Anh đính chính, “*Ba mươi bảy năm, Nhã ạ. Chắc Nhã quên năm nay là năm 2023. Tôi vượt biên năm 1986 mà.*” Nhã tròn mắt, “*Năm 2023? Bộ bên Mỹ tính năm khác ở Việt Nam à?*” Anh vội đánh trống lảng, “*À, không. Chắc tại Nhã cũng thấy tôi già đi nhiều há.*”

Đêm dường như khuya lắm rồi. Người đàn bà có lẽ đã đi ngủ từ lâu. Anh nghe có một tiếng mèo kêu vẳng lại từ trên một nóc nhà nào đó. Nhã nằm im, không

nói gì nữa. Hơi thở của cô đều đều, tuy không êm mà khò khè như thể phổi không được thông. Anh nhẹ nhàng đứng dậy, nhìn cô bạn ngày xưa, bây giờ là một bà già nằm rũ rượi trên gối chần xô lệch. Gian phòng ảm thấp, xông lên một mùi hăng hắc, bệnh hoạn. Anh nén một tiếng thở dài, quay trở ra cửa. Ra đến bên ngoài, anh cẩn thận khép cánh cửa cũ kỹ lại sau lưng. Giã từ Nhã. Giã từ Ái. Giã từ 1995.

Đường phố hầu như không còn ai. Chiếc xe của anh lướt nhanh trên mặt lộ vắng tênh. Anh nhác thấy một người phu đổ rác bên vệ đường. Đi một đoạn nữa, anh gặp một người cảnh sát giao thông đang đứng hút thuốc ở một ngã tư. Hình như gã vừa hút thuốc vừa ngủ gật. Anh cho xe tấp vào lề, ló đầu ra chào, *"Anh ơi, hướng nào đi ra xa lộ Quốc Gia vậy anh?"* Gã cảnh sát nhướng đôi mắt buồn ngủ lên, hỏi lại, *"Xa lộ Quốc Gia nào? Ông muốn hỏi Quốc Lộ 1 ở đâu hả?"* Anh lặp lại, *"Không, xa lộ Quốc Gia, để trở lại Mỹ."* Gã cảnh sát cười khẩy, nhại lại, *"Ra xa lộ Quốc Gia để đi Mỹ? Thôi đi cha nội, ông say rồi! À á, say xỉn rồi mà còn lái xe há! Cha nội muốn về đồn ngủ qua đêm không?"* Anh nghe như hoả bốc lên đầu, bây giờ thì muốn say thật, *"Tôi không say, và tôi cũng không giỡn. Tôi cần ra lại xa lộ Quốc Gia, tìm exit Hoa Kỳ, rồi chuyển qua exit 2023 để về nhà."* Gã cảnh sát đã tỉnh ngủ hẳn, cười hăng hắc, *"Ngộ há. Lại có vụ lái xe thẳng về bên Mỹ nữa ta! Ông uống bao nhiêu chai vậy?"*

Anh giận dữ nhấn chân ga thật mạnh, cho xe chạy thẳng về phía trước. Vậy thì tự mình tìm đường ra exit cũng được. Chỉ cần đi ngược lại hồi nãy thì sẽ tìm ra chỗ mình đã từ xa lộ vào. Đêm bỗng mờ mịt hẳn. Sương khói từ đầu toả xuống dày đặc khiến anh khó nhọc lắm mới nhìn thấy được phía trước. Những ngọn đèn vàng hai bên đường, những ánh đèn giao thông xanh đỏ thỉnh thoảng nhấp nháy trước mặt anh. Nhưng anh cứ cho xe chạy thẳng, bất kể xanh hay đỏ gì nữa. Đường phố bây giờ đã hoàn toàn trống trơn. Không còn người phu đổ rác nào, không còn người công an nào vừa hút thuốc vừa ngủ gà ngủ gật. Anh bắt đầu cho xe quẹo phải, rồi quẹo trái, rồi lại quẹo phải. Đường nào cũng như đường nào. Cả thành phố mang một bộ mặt đồng điệu, dừng dưng. Dãy nhà hai bên đường trông như những cái hộp im lìm. Có cái tối om, có cái le lói ánh đèn. Lác đác như những con đom đóm đứng yên một chỗ. Tất cả là một sự nổi tiệp lạnh lùng, thản nhiên. Không còn chỗ bắt đầu, không còn nơi chấm dứt. Không có lối ra, không cả lối vào. Có thật bây giờ là hai mươi tám năm về trước không. Có thật nơi này là quê hương mà ngày xưa mình đã dứt áo ra đi không. Mình đã sắp đến nhà rồi, chỉ còn mười phút nữa. Sắp hết kẹt xe đến nơi. Mình muốn tìm lại exit Escape. A, tất cả vấn đề chỉ là ở chỗ đó. Chỉ là Escape ra hay Escape vào. Có vậy thôi.

TRẦN C. TRÍ

CHUYỆN DÒNG SÔNG THE RIVER'S STORY

*Dòng đời là chuyện của dòng sông
Xuống thác lên ghềnh tới biển đông
Như nước có nguồn cây có cội
Dòng đời là chuyện của dòng sông*

*Cứ sống theo nhau những nhịp cầu
Biết rằng còn lắm nỗi thương đau
Bao nhiêu hệ lụy đang ràng buộc
Cứ sống theo nhau những nhịp cầu*

*Hàng vạn dòng sông giữa cuộc đời
Bọt bèo phiêu bạt, nước đang trôi
Vẫn mang thân phận thời lưu lạc
Hàng vạn dòng sông giữa cuộc đời.*

*Ngày nào không nói chuyện dòng sông
Ngày đó hoang vu giữa cánh đồng
Hiu quạnh, trống không, không tất cả
Ngày nào không nói chuyện dòng sông.*

PHAN KHÂM

The flow of life is the story of the river;
Down falls, up rapids, to sea: its attributes.
Like water has a source, trees have roots
The flow of life is the story of the river.

Let's live together like spans of bridge
Knowing that there is still a lot of pain.
So many consequences are to constrain:
Let's live together like spans of bridge

There a thousands of rivers in life
Duckweeds drift, the water is flowing on.
Still bearing an exile's status though
bygone
There a thousands of rivers in life

A day without talking about the river
Must be a wild day in the middle of field
Loneliness, nothingness, all unhealed:
A day without talking about the river.

Translation by **THANH-THANH**



ĐÔI MẮT BÌNH AN ĐÊM

** Trường Đình **



Từ viễn cảnh trong đêm, trăng hát ca tình yêu, đỉnh cao của mộng mơ lấp lánh.

Ánh sáng cảm thức rộn rạo, những vì sao an bình tĩnh thức. Thời gian gặp gỡ thời gian. Ý thức từng khoảnh khắc, hy vọng cho tình yêu chân nghĩa đã tìm thấy.

Vùng sáng lóe của đèn trời, tia chớp ngời mới rục. Điểm quán sát nhận ghi không xét đoán ở mọi vật thể đợi chờ chiêm chiêm từ giấc ngủ say, gọi lại tỉnh thức trên cùng. Sóng trầm trên mặt bề tĩnh lặng, xua đuổi bóng tối của biển lạnh. Đuốc soi những chiều kích thước triển vọng của sự tăng trưởng xanh tươi. Nghệ thuật sống chánh niệm.

Bầu trời sách treo, những vì sao dáng điệu, những ánh sáng yêu kiều, những nụ cười nồng ấm, những tiếng nói của từ ngữ khóa lòng, phục thuyết trên ý nghĩ của vùng trời thi tứ trong đêm. Cuốn sách tình yêu của thế giới thăm sâu, đôi mắt bình an trong đêm quang đấng. Sự sống chuyển trò sự sống.

Khung trời sáng trăng, ánh sáng hy vọng trong đơn côi trải ngang những góc cạnh tăm tối, như kim cương bóng mịn, lóe ngời. Sự trường nở thâm sâu trên cõi đời. Tia sáng chiếu hừng tia sáng.

Thiên đàng diễn bày xuống, gió lừng lơ nhẩn nại, trăng uốn cong, sao thức giấc. Mọi nơi chốn nhìn tịch lặng, món quà tưởng thưởng của an lành trong đêm ngay trong phút giây thực tại này.

Đôi mắt thì thầm từ những vì sao cần mật, những làn sáng óng ánh, những cưỡi bước gọi tình trong màn đêm doi dôi, làm chủ tọa trên vách đứng của những ngọn đồi mù sương. Sự yên tĩnh ánh sáng quạt xòe những thanh âm im lặng. Mùa xuân tình yêu vô tư không nghĩ tưởng, gọi về trong thình lảng lần nữa xuyên qua đôi tai của hồ nước lóng lánh. Yên lắng thì thầm yên lắng.

Đêm dài tĩnh mịch. Ánh trăng du hành qua bóng tối mê cung. Cuối miền xa, đêm hát ca điệu nhạc mộng trải dịu mềm trên vàng trắng ánh bạc. Tạo hóa lại ngân vang, leng keng tiếng nói giữa thực tại màn đêm. Ánh trăng bơi, đêm tắm gọi thời trang. Nàng sông mỉm cười e thẹn, vần thơ của vũ trụ bẩm sinh. Mọi hữu thể reo hò xúng xẻng, nổi sôi trời dậy. Sự an bình trong đôi mắt đêm. Gió khiêu vũ hân hoan, trời cao kéo màn mở rộng. Ngàn giọt trăng hài hòa làm tinh tú trong đôi mắt xanh của hồ nước biếc. Bóng đêm đuổi chạy thanh thoát, đời sống của tạo hóa: Nhận Lãnh & Tặng Trao trên từng mỗi phút giây chánh niệm.

Tia chiếu mới từ hoàng hôn ngủ sớm, như những nụ cười sinh khởi của thời gian mở bừng mền thương. Rộ nở ánh

sáng của thế giới thiên thần, những viên trăng tái sinh khiêu vũ. Sự mát tươi của không gian lồng gió dệt thêu trên cành lá. Tạo hóa ôm chăm tạo hóa.

Nét mặt mới trên nụ mưa, bùng bọt bóng hân hoan. Chuỗi trắng đêm trong tâm tưởng sáng chiếu điềm nhiên. Mảnh tim trực diện, tình bạn mến thương của những tầng mây Chia Cách và Sum Vầy. Vàng trắng hùng điệu nằm cao vót, rải truyền chiếu sáng với niềm khoan dung đời. Bầu trời sinh động của thế giới điềm tô ngay trong sát na thực tại này.

Ánh mắt long lanh, khuôn mặt đất trời sát gần, mảnh đời vô thường hiện ẩn, giọng điệu ngọt ngào lẩy nhanh, bí mật yên ắng ở phía sau ngôn từ, nồng nàn tình yêu tương lai trong ký ức thực tại. Thứ tha và được tha thứ. Yêu thương và được thương yêu, để dựng xây tổ ấm phúc hạnh ngay bây giờ và nơi đây.

Trường Đình

UK, sương mù giữa 2023



ĐỜI LẠC NHAU RỒI

*Đời lạc nhau rồi, chẳng thấy nhau
Đêm thâm canh vắng dạ vương sầu
Thời gian chậm chậm vào quên lãng
Cảnh cũ hoang tàn với bể dâu.*

*Trầm tư hồn mộng đời du mục
Một bóng cô đơn tóc bạc màu
Thế sự du du vào tận thế
Tương lai con cháu sẽ về đâu?*

*Về đâu còn thuộc vào thông số
Số phận số đời mã số câu
Mau mau lên kịp con thuyền mộng
Thế giới bên kia chắc nhiệm mầu.*

*Đời lạc nhau rồi thương nhớ nhau
Đêm đêm vang tiếng vọng kinh cầu
Có duyên không nợ trời chia cắt
Ôm mãi trong lòng mối hận đau.*

Đăng Nguyên - Maryland, cuối Xuân 2023

BÀ CHÁU

** Tiểu Thu – Canada **

-Bà nội ơi xong chưa? Con đói bụng lắm rồi nè!

Tiếng thằng cháu nội từ ngoài cửa vọng vào. Bà Thơ vội cầm cái ví và chùm chìa khóa xe, vừa đi ra cửa vừa nói:

-Làm gì mà gấp dữ vậy chớ con. Bà ra liền đây nè. Coi chừng trời sắp mưa, nhớ đội cái casquette để khỏi ướt đầu rồi bị cảm lạnh.

Thằng Minh chúa ghét đội mũ nên vội nói:

-Hổng sao đâu nội. Mình chạy qua chợ Adonis gần xịt, trời chưa mưa đâu. Con thấy đài khí tượng nói tới 6 giờ chiều mới mưa lận. Bây giờ mình chưa tới 12 giờ mà nội.

Bà Thơ chỉ có một thằng cháu nội nên cưng nó lắm. Nhứt là từ nhỏ ba má nó bắt hai chị em nó ở nhà phải nói tiếng Việt, nên nó nói thiệt rành. Nhớ lúc thằng nhỏ mới 4 tuổi, bà chở nó đi Nha sĩ. Lúc chạy trên xa lộ, nó hỏi:

-Bà nội ơi, phải mình đang đi xa lộ hông? Mẹ con hổng dám chạy ra xa lộ tại thấy người ta chạy xe lẹ quá mẹ con sợ! Bà nội ơi, cái «cao ốc» đằng kia cao quá.

Những danh từ thằng nhỏ dùng khiến bà Thơ ngạc nhiên quá đỗi. Hai chị em nó cách nhau 5 tuổi. Nhớ lần hai ông bà chở bé Như vào nhà thương thăm thằng cu Minh mới sanh. Lên tới phòng thấy ba nó đang thay tã cho thằng cu, bé Như nhìn chăm chăm nhưng chẳng nói gì.

Trên đường về nhà, con bé ngồi trên ghế dành cho trẻ con ở băng sau. Mọi ngày nó nói lú lo không ngừng, nhưng hôm nay con nhỏ có vẻ trầm tư, rồi chợt nói:

-Bà nội ơi, con thương em con lắm. Mà con không thích...con cu của nó!

Nghe lời phát biểu ngây thơ của con cháu, vợ chồng bà Thơ không nhịn được phá lên cười làm con nhỏ tự ái bật khóc bù lu bù loa:

-Con không thích ông bà nội cười con! huhu

Bà Thơ cố nín cười, giải thích:

-Con đừng giận ông bà nội. Tại con nói tức cười quá nên ông bà nội mới cười. Con biết hôn, em con là con trai, khác với con là con gái. Con trai thì phải có ...con chim. Con nhìn vài bữa thì quen thôi.

-Con chim là gì vậy nội?

-Thì cái mà con nói không thích đó. Mình kêu nó là con chim nghe hay hơn là con cu. Bà Thơ giải thích với con cháu nội.

Sau đó có lẽ bị sốc sao đó mà con bé bị đái dầm mỗi đêm. Đêm nào mẹ nó cũng phải lột miếng ni lông trên tấm drap, bên trên lại trải thêm một lớp khăn lông để thấm nước tiểu, vì con bé không chịu mặc tã. Cả 6 tháng sau mẹ nó mới lấy hẹn cho con bé đi khám bác sĩ. Một hôm

từ nhà trẻ về, bé Như đang ăn lát bánh mì trét mứt dâu, bỗng cười lỏn lẻn nói:

-Bà nội ơi, con muốn kể cho bà nội nghe cái này...mà thôi con hồng nói đầu.

Bà Thơ cười cười :

-Phải chiện đái dầm hôn?

Con bé cười nhưng có vẻ mắc cỡ : - dạ phải đó bà nội.

-Vậy bác sĩ nói sao kể cho bà nội nghe đi.

-Bà nội biết hôn, bác sĩ nói con bị «khủng hoảng tâm lý» mới đái dầm đó bà nội! Lần này thì bà Thơ kinh ngạc thật sự. Một con bé 5 tuổi nói mình bị khủng hoảng tâm lý một cách tỉnh bơ! Nhưng bà không dám cười như lần trước sợ con bé lại khóc bù lu bù loa. Bà phải an ủi, bảo rằng nhà có hai chị em mới vui, chớ một mình con thì buồn vì không có ai chơi với. Mai mốt lớn lên, chị em giúp đỡ lẫn nhau cũng tốt. Con bé nghe bà nói thì gật đầu, nhưng không chắc nó có hiểu hay không nữa.

Giờ đây bé Như đã mười sáu tuổi. Con bé đơn sơ, không chững diện như bạn đồng trang lứa và chăm học khiến bà Thơ cũng an tâm. Còn thằng cu Minh cũng sắp mười một tuổi. Nó kén ăn vô cùng nên ốm nhom. Nghe bà nội than thở : «Sao con ốm nhom ốm nhách, ăn như mèo hử, coi chừng thiếu sức khỏe học hành không giỏi nghen con» là nó trấn an : «Con khỏe lắm mà nội. Con không thích mập đâu. Mập xấu lắm!»

Mỗi tuần ông bà giữ nó ba hoặc bốn lần, vì ba mẹ nó đi làm về trễ. Bốn giờ ông đi đón cháu ở trường, về nhà bà đã làm

sẵn món gì đó, nhè nhẹ thôi, cho nó ăn lót dạ chờ cơm tối. Đúng năm giờ là ông kèm nó làm bài vở đến 6 giờ. Sáu giờ rưỡi ăn cơm. Tỉnh thoảng ba nó ghé ăn luôn rồi đón nó về nhà. Lần nào giữ cháu, bà Thơ cũng cố làm những món nó thích như thịt kho nước dừa với trứng, cá hồi chiên nước mắm, chả trứng, canh sườn non hầm cà rốt, khoai tây, chou fleur... Lâu lâu bà đổi món canh chua đầu cá hồi, thằng cháu cũng thích. Chỉ có điều lạ là cả hai chị em nó đều không thích tôm, ngay cả tôm hùm. Nhưng tuy ép cách mấy nó cũng chỉ ăn một chén là bụng đũa. Thấy con cháu nhà người ta ăn hai, ba chén cơm mà bà xót xa cho thằng cháu nội! Thấy bà than thở hoài, ông an ủi «thôi kệ. Tại tạng người nó vậy!» Tuy nhiên từ khi cu Minh bị Covid, nhiều lần nghe nó nói “bà nội ơi, con thờ khó quá. Có khi con đau ở ngực” làm bà lo lắng không yên! Chắc phải cho thằng nhỏ đi khám bác sĩ. Nghe nói di chứng của bệnh Covid là khó thở và mệt mỏi. Mà mấy triệu chứng này bà thấy thằng cháu nội của mình đều có.

Bà Thơ queo xe vào parking của siêu thị Adonis. Bà thấy bên cạnh xe, trên một cái sạp lớn có chất đầy những bao đất đen và phân tôm. Hai thứ này đang bán hạ giá vì đã giữa mùa hè. Bà bảo thằng cháu nội phụ khiêng 3 bao phân tôm bỏ lên xe đẩy. Mấy giây bầu, mướt, khổ qua, dưa leo trong vườn rau lá vàng úa, có lẽ thiếu phân. Mà một phần cũng bởi thời tiết năm nay xấu quá. Cứ mưa sục sùi và lạnh. Bao nhiêu hoa lá trong vườn cứ gục đầu, củ rú thấy mà thương! Mọi năm, cuối tháng bảy là vườn của bà đẹp rực rỡ, đủ màu sắc lộng lẫy, ong bướm

dập diu ai thấy cũng trầm trồ. Nhưng năm nay thật eo sèo, chỉ có cúc vàng là vẫn sồn sờ. Chẳng những vậy, chúng còn lán đất giành dân, mọc luôn qua đám cúc đỏ, chen vào đám cúc trắng khiến hai loại này bị o ép, chỉ còn le hoe vài cây! Mấy cụm hồng gặp mưa triền miên cũng bị nầm, lá lốm đốm vàng úa rụng tả tơi! Bà Thơ nghĩ không chừng thêm chút phân bón, rau cỏ và hoa lá cũng sẽ tốt hơn. Nhứt là 2 chậu rau càng cua, trồng cả tháng rồi mà chúng vẫn nhỏ xíu thấy phát rầu! Nhớ năm ngoái, vào tháng này là vợ chồng bà đã được thưởng thức món rau càng cua bóp dầu dấm, bên trên phủ lớp thịt bò xào hành tây có rắc chút đậu phộng rang giã nhỏ. Ông Thơ mê món này lắm. Ông nói rau càng cua ăn giòn, ngọt mà lại mềm mại. Ăn mát cả đầu lưỡi.

Còn một điều lạ lùng không thể giải thích được là cây lê nhà bà năm nay trái chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Mọi năm, từ khi trồng, mỗi mùa cây cho hơn một trăm trái dòn tan, ngọt lịm. Vậy mà năm nay chỉ thấy toàn lá là lá. Chiều hôm qua đi dạ tiệc nhà người bạn, bà Thơ hỏi chị bạn thân:

-Giàn nho nhà chị năm nay vẫn sai oằn như mọi năm phải không?

Chị bạn lắc đầu: - Được đúng 2 chùm! Mọi năm phải gọi cả phố đến hái về ăn mới hết đấy. Chẳng hiểu năm nay chúng bị gì nữa!

Tối đó bà Thơ hỏi thêm vài người bạn, được biết năm nay cây nhà nào cũng không có trái, kể cả táo và mận. Vậy là

bị cả làng chó không phải một mình nhà bà mất mùa. Cũng an ủi phần nào.

Vào trong siêu thị, đi ngang hàng thịt, thấy thịt bò bít tết loại AA đang bán hạ giá, biết thằng cháu nội rất thích ăn bò bít tết bà Thơ chọn mua luôn 5 vỉ, mỗi vỉ có 2 miếng. Cơm chiều nay bà tính hai ông bà, ba cu Minh, thêm nó nữa mỗi người một miếng. Số còn lại bà sẽ đem đông lạnh dành cho thằng cháu ăn từ từ. Mong là ăn thịt bò nó sẽ có da có thịt hơn.

Vậy mà vừa về đến nhà lúc 1 giờ thằng cu kêu đói bụng, muốn ăn bò bít tết. Bà Thơ vội lấy 1 miếng đem rửa sạch để chiên. Bà lấy chai sốt BBQ định ướp thịt nhưng cu Minh nói “bà nội chỉ cần ướp muối với tiêu thôi”. Tuy vậy bà cũng rắc thêm chút tỏi bột. Xong xuôi bà bắc chảo lên, bỏ bơ vô chảo cho thơm lừng rồi mới chiên. Cu Minh thích ăn thịt vừa chín tới trong khi ông nội nó thích ăn chín hoàn toàn. Ba nó lại thích bên trong còn sống sống. Chín người mười ý thiệt nhức cái đầu!!! Bà Thơ bỏ miếng thịt vào đĩa, xắt thêm cho cháu mấy lát dưa leo, mấy lát cà chua và ít sà lát. Bà phải ép nó ăn rau vì cu cậu thường bị bón. Nhìn thằng cháu ăn ngon lành bà Thơ thích lắm, âu yếm vuốt tóc nó rồi đi làm cho mình một ly cà phê.

Chờ cháu ăn xong bà dọn dẹp rồi mới lấy nón lá đội đầu, định ra vườn làm việc. Cu Minh theo ra hỏi: -bà nội cần con phụ gì không bà nội? Bà Thơ nhờ cháu bê mấy bao phân tới gần giàn bầu, khổ qua để bà bón thêm vào gốc. Tuy mới gần 11 tuổi nhưng cu Minh cũng

mạnh ra trò, bê bao phân gọn hơ. Trong khi bón phân, bà Thơ nhờ thằng cháu nhỏ cõ dại trong mấy đám rau tía tô, kinh giới. Mấy loại rau này đến mùa thu hột sẽ rớt xuống đất, rồi mùa xuân mọc lên như nấm! Năm nào bà cũng phải “kính mời” bạn bè đến lấy đem về trồng. Đặc biệt những bạn người Bắc rất mê rau kinh giới. Họ ăn kinh giới chấm mắm tôm. Một cặp bạn người Bắc sau khi bưng mấy chậu kinh giới về thì “lại quả” cho bà một chậu lá mơ. Mà tức cười là mỗi lần nhìn chậu lá mơ lông, bà lại nghĩ đến món thịt cầy. Hình như người Bắc ăn thịt cầy với lá mơ thì phải. Riêng một anh bạn người Bắc thì kể: “hồi còn nhỏ ở ngoài Bắc, lúc tản cư về nhà quê tôi bị kiệt lị nặng lắm. Bà cụ tôi lấy lá mơ nấu nước cho tôi uống. Vậy mà khỏi bệnh đấy. Ngoài ra lá mơ cắt nhỏ trộn trứng chiên cũng ngon bá cháy!”

Nhìn thằng cháu nội lui cui nhỏ cõ, bà Thơ liên tưởng đến hồi mới mua căn nhà này, ba cu Minh cũng bằng tuổi nó bây giờ và mẹ bà cũng còn tại thế. Bà cụ còn mê trồng rau hơn bà thập phần. Lúc ấy vườn sau nhà lâu ngày không người ở (chủ cũ qua đời vì đau tim, bà vợ bán nhà về ở với con trai) cỏ dại mọc tung bưng. Bà Thơ mắc đi làm một tuần sáu ngày nên mẹ bà phải một mình dọn dẹp cỏ dại, lấy chỗ trồng rau. Ba thằng cu Minh cũng phụ bà ngoại làm vườn như nó bây giờ. Bà bồi hồi thăm nghĩ đúng là tre già măng mọc. Sóng sau dồn sóng trước. Ngày nào tóc bà còn xanh, má đỏ môi hồng mà bây giờ đã qua tuổi

thất thập cổ lai hy. Tóc đã trắng như mẹ bà thuở ấy, mắt mờ, má hóp và răng cõ cái mất cái còn. Ăn thứ gì cũng phải nấu thật mềm. Ngày xưa ăn mỗi bữa hai chén cơm, bây giờ chỉ còn lưng chén. Ăn nhiều cái bao tử lại làm khó dễ, ọc ạch không tiêu! Giờ đây bà mới thấy đời người quá ngắn ngủi. Còn biết bao nhiêu điều muốn làm mà không thực hiện nổi vì sức lực càng ngày càng tẻ! Nhứt là sau khi bị nhiễm Covid hồi năm ngoái tới giờ. Mỗi lúc trời dù hơi trở lạnh là bà lại bị cảm, ho hen cả tuần...

Đang thả hồn vào dĩ vãng, bà Thơ bị tiếng gọi của cu Minh kéo về hiện tại:

-Nội ơi, đừng quên là chiều nay cô ba mời ông bà nội ăn cơm đó nha.

Ờ, xem chút nữa bà quên (trí nhớ của ông bà mấy năm gần đây kém quá!). Chiều nay vợ chồng con gái bà mời đến nhà ăn BBQ ngoài vườn. Chúng nó sẽ nướng sườn bò Đại Hàn là món mà ông Thơ và cả thằng cu Minh rất thích. Bà đứng lên phủ tay nói:

-Ừ, thôi mình vô nhà. Nội sửa soạn tắm rửa rồi mình đi là vừa.

Cu Minh mắt sáng rỡ, cười thật tươi, dạ một tiếng lớn trước cái viễn ảnh sẽ được thưởng thức món ăn khoái khẩu...

Tiểu Thu Canada

Hè tháng tám 2023



MỘT CHUYỆN TÌNH

** PHẠM THÀNH CHÂU **

Lúc còn dưới tiểu học, bài tập làm văn nào cũng bắt đầu bằng hai chữ nhân dịp, kể chuyện này tôi cũng xin... “Nhân Dịp”!

Nhân dịp được thất nghiệp, máu giang hồ nổi lên, tôi bèn rủ một người bạn làm một chuyến du lịch vòng quanh nước Mỹ để thăm bạn bè. Bạn tôi có số nhờ vợ. Vợ chồng hẳn có một tiệm chạp phô bán gạo, mắm, ớt, tỏi đủ thứ bà rằng. Vợ hẳn cứng hẳn rất mực, hễ hẳn làm gì có vẻ lao động chân tay là bị cự ngay “Không ai mượn làm chuyện đó, tránh ra!”. Đúng là hẳn tốt nghiệp “Ngạch Cai-Trị”! Hẳn muốn gì, vợ hẳn đều răm rắp tuân lệnh một cách vui vẻ. Còn tôi thuộc loại tứ cố vô thân, chẳng có vợ con, nhà cửa gì nên rất thành thời!

Chúng tôi ở miền Đông Bắc Hoa-Kỳ, dự định đi xuống miền Nam, vòng qua Cali, rồi lên phía Tây Bắc.

Lúc đó vào cuối năm âm lịch, khoảng tháng Hai dương lịch mà tuyết và gió lạnh vẫn chưa bớt, nhưng càng về phương Nam, trời ấm dần. Trạm đầu tiên cũng là trạm chính mà tôi cố ý ghé là nhà Hùng ở tiểu bang Georgia. Vợ chồng Hùng đã chờ sẵn ở phi trường đón chúng tôi về nhà. Hôm đó đúng vào ngày ba mươi Tết, trời đã về chiều, gió hơi lạnh lại lất phất mưa, giống hệt những ngày giáp Tết ở miền Trung Việt-Nam. Nhà Hùng không lớn lắm nhưng

có vườn cây cảnh rất đẹp, đứng trên lầu nhìn ra giòng sông phía xa, bên kia là những đồi cây xanh, lờ mờ trong sương như một bức tranh Tàu. Hai đứa tôi được giành cho hai căn phòng nhỏ trên lầu. Tắm rửa xong thì đã sẵn một bàn đồ nhậu ở sân thượng mà Hùng gọi là tiệc đón Giao-Thừa. Vợ Hùng làm đồ nhậu rất tuyệt. Nhớ lại sau ngày sập tiệm bảy năm ở Sài-Gòn, mấy tay Hành-Chánh chạy được về cũng khá đông, thường được Hùng mời về nhà nhậu mấy bữa trước khi đun đầu vô rọ “Cải-Tạo”! Hùng làm ở Bộ Kinh-Tế nên thời gian đầu vẫn được “Lưu Dụng”, sau khi mấy cậu Việt-Cộng quen việc rồi thì được đuổi về, dù sao cũng thoát được nạn đi “Cải... Tạo”! Vợ Hùng, người Bắc, rất khéo chế biến món ăn. Cô ta vẫn như trước kia, thỉnh thoảng dưới bếp chạy lên canh chừng, xem thiếu món gì thì tiếp tế. Cô có một đức tính rất quý là chẳng bao giờ bỏ vào tai những gì chúng tôi nói với nhau. Bây giờ lớn cả rồi, chuyện lằng nhằng không còn thú vị nữa. Chúng tôi thích nói chuyện mĩa mai, thâm thúy hơn. Sau hơn hai mươi năm chúng tôi mới gặp nhau, ôn lại bao kỷ niệm, từ những ngày sống trong Ký-Túc Xá ở đường Trần Quốc Toàn cho đến khi ra trường mỗi đứa một nơi. Chúng tôi chỉ kể lại những chuyện vui, chuyện oái ăm thôi. Thực ra, ở tù rồi ra tù, đâu cũng vậy, chẳng có gì

đáng buồn. Ngay cả việc tôi bị vợ bỏ cũng chẳng làm tôi quan tâm! Tuy nhiên bạn bè thường rất ngại, không muốn nhắc đến chuyện đó, tưởng như thế là lấy cây mà chọc vào vết thương lòng của tôi khiến tôi đau đớn lắm! Ai cũng coi tôi như kẻ ngã ngựa, bỏ vợ thì được chứ vợ bỏ đúng là mất mặt nam nhi! Ngày tôi qua xứ Mỹ, có được số điện thoại, tôi gọi cho Hùng, vợ Hùng mừng lắm cứ giành điện thoại hỏi tôi đủ điều, nhưng khi nghe tôi bảo “Bị vợ bỏ rồi” là không hỏi nữa! Đàn bà rất tò mò chuyện này, vợ Hùng coi bộ ầm ức muốn biết vì sao tôi bị vợ bỏ “Bây giờ vợ tôi ở đâu, có chồng khác là ai?”.

Tôi biết tâm lý đó nên khi rượu đã ngà ngà, tôi bảo.

– Tôi biết bà Hùng muốn nghe chuyện tôi bị vợ bỏ ra sao? Bây giờ tôi kể, coi như món quà tôi tặng bà, để bà khỏi thắc mắc hoài tội nghiệp!

Cô ta làm bộ miễn cưỡng.

– Cái ông này! Ai lại đi nghe chuyện đời tư của người ta!

– Bộ bà không muốn nghe sao? Thì thôi, tôi kể nhỏ nhỏ cho phe đàn ông nghe.

– Ông này... Cứ coi như chuyện đùa. Nhưng ông kể chứ không ai ép đâu nhé!

– Nhưng bà đã lo cho mấy đứa nhỏ ăn chưa? Hay bắt chúng nhịn miệng đãi khách?

– Có cô chúng lo rồi. Đáng lẽ cho cô ấy và các cháu lên chào hai bác, nhưng vì hai bác còn mệt nên để ngày mai!

– Được rồi ngồi xuống đây, tôi kể, nhưng hơi dài dòng một chút!

Tôi quen vợ tôi trong một tiệc cưới của một người bà con ở Đà-Lạt. Lúc đó tôi học năm thứ hai Đốc-Sự Hành-Chánh. Tiệc cưới nào cũng giống nhau, nhưng mình là người ở Sài-Gòn náo nhiệt, lên Đà-Lạt tự nhiên thấy khác liền, cảnh đẹp mà buổi tối thật yên tĩnh. Tôi được xếp ngồi cạnh một cô gái coi cũng đẹp, nhưng điều làm tôi chú ý là vẻ điềm đạm, chín chắn của cô. Cô thường yên lặng như chìm đắm vào một ý nghĩ nào đó. Tôi gọi chuyện thì được biết cô đang học Luật ở Sài-Gòn. Chúng tôi trao đổi nhau địa chỉ trước khi ra về, nhưng ngay lúc đó trời đổ mưa. Tôi hỏi cô ta về bằng gì? Cô bảo có người nhà đem xe đến đón. Từ nhà hàng ra cổng phải qua một vườn hoa, tôi hỏi cô xe hiệu gì, màu gì để tôi ra xem chừng, hễ xe đến tôi sẽ báo, cô khỏi phải ra vào ướt át. Cô bảo nhà có ba chiếc xe nhỏ nên không biết xe nào sẽ đến đón. Thời đó, ai sắm được một chiếc xe du lịch đã là sang trọng rồi, đằng này gia đình cô có đến ba chiếc ắt phải giàu và đông người lắm! Hôm sau tôi đến thăm cô. Đó là một ngôi biệt thự rất xinh, trên đồi thông trông ra hồ Xuân-Hương thật nên thơ. Cô sống một mình, phía sau là gia đình người quản gia và nhà để xe. Cô bảo còn gia đình người chị nữa nhưng đã đi Đức nghỉ hè rồi vì người chị có chồng dân Đức. Sau đó về Sài-Gòn cô hay đến Ký-Túc Xá trường Hành-Chánh thăm tôi. Chúng tôi thường đưa nhau đi ăn quà rong, xem ciné giống như những cặp tình nhân khác!

Tính cô ít nói, ít khi biểu lộ tình cảm. Vậy mà chúng tôi cưới nhau không phải do tôi ngỡ ý mà là cô ta! Tôi nhớ năm đó, sau hôm thi tốt nghiệp xong tôi và cô đi xem phim ở rạp Rex. Phim dở quá, chúng tôi nói chuyện rì rầm với nhau. Đột nhiên cô hỏi:

“Ra trường rồi anh có định lấy vợ không?”

“Về các Tỉnh buồn lắm, có lẽ phải kiếm một cô vợ!”

“Anh có định cưới em không?”

“Không! Bỏ bịch nhau thì được!”

“Sao vậy?”

“Vì gia đình em giàu quá, người ta bảo anh đào mỏ, vả lại em dư sức lấy Kỹ-Sư, Bác-Sĩ! chọn anh làm gì?”

“Em không hiểu ý anh muốn nói gì?”

“Em sung sướng quen rồi, nếu theo anh về Tỉnh lẻ, có khi về các Quận thôn quê, em chịu sao thấu?”

“Anh đừng lo chuyện đó. Hay là anh chê em, hay là anh đang yêu ai?”

“Anh không chê em, anh cũng yêu em nữa! Nhưng yêu ít hơn một người khác!!!”

Cô tò mò một cách bình tĩnh:

“Em có thể biết được người đó là ai không? và chuyện hai người đi tới đâu rồi? có định cưới nhau không???”

“Đúng ra là chuyện một người chứ không phải hai người! Anh yêu cô ta hơn hai năm rồi, trước khi gặp em nữa kia! Nhưng cô ta không đáp lại vì cô đang có người yêu! Thực ra anh được gặp và nói chuyện có một lần thôi, còn những lần khác chỉ ngồi trong quán bên đường

nhìn cô ta! Anh tưởng quen với em sẽ quên được cô ta vì em đẹp hơn! Nhưng rồi chẳng có gì thay đổi trong tình yêu của anh!!!”

“Anh yêu thì cứ yêu nhưng đừng hy vọng gì, đừng phá đám người ta! Ngoài ra, còn có người nào anh có cảm tình nhất?”

“Sau đó là em!”

“Không chê em, cũng có yêu em nữa, anh lại thấy cần một người vợ, vậy anh chọn ai?”

Tôi ngạc nhiên trước lối lý luận thẳng thắn và thực tế của cô. Lúc bấy giờ tôi không có một chút ý niệm gì về gia đình cả vì giấc mơ của tôi về một ngày được sống với người con gái tôi yêu đơn phương kia chỉ là không tưởng!

Thế là chúng tôi cưới nhau! Hôm ra trường, chọn nhiệm sở ở Bộ Nội-Vụ, vợ tôi dặn, cố chọn cho được tỉnh Lâm-Đồng. Chuyện đó quá dễ vì tôi đậu cao, nhiều ưu tiên hơn các bạn! Nhưng tôi thắc mắc thì vợ tôi kể rằng. Chị cô có chồng dân Đức, họ đang thầu vận chuyển tất cả những gì của Quân-Đội Đồng-Minh từ các hải cảng miền Trung lên Cao-Nguyên, làm chủ hàng mấy chục chiếc xe tải. Họ còn có cả một hệ thống đại lý phân bón và thuốc sát trùng cho toàn miền Trung. Nay thấy cô em lập gia đình, cô chị nhường cho em các đại lý từ Dầu-Dây, Long-Khánh lên đến Di-Linh, Đức-Trọng.

“Nhưng anh không quen họ hay năn nỉ ai cả!”

“Anh khỏi làm gì, chỉ cần các Cán-Bộ Xã, Ấp biết anh là chồng em là đủ, còn mọi việc để em!”

Tôi nghe có lý nên làm theo như lời vợ tôi dặn. Tôi làm Trưởng-Ty Hành-Chánh tỉnh Lâm-Đồng. Những dịp Tỉnh họp Quận, Xã tôi vui vẻ chào hỏi mọi người, có khi mời họ uống cà-phê, ăn điểm-tâm nhưng tuyệt nhiên không đả động gì đến chuyện làm ăn của vợ tôi! Chúng tôi dọn lên Đà-Lạt, mỗi tuần tôi về nhà một lần. Vợ tôi sinh được một thằng con rất kháu khỉnh. Công việc kinh doanh của vợ tôi cũng chẳng có gì vất vả, thỉnh thoảng cô đi một vòng các đại lý để thăm viếng, tìm hiểu còn mọi việc có nhân viên lo cả!

Chúng tôi sống với nhau được ba năm thì xảy ra vụ "Sập Tiệm" năm bảy lăm. Trước vụ Di-Tân Chiến-Thuật từ Cao-Nguyên về, tôi được thư của vợ tôi từ Sài-Gòn nhắn tôi về gấp, tòa Đại-Sứ Đức sẽ đưa cả gia đình lên máy bay, tên tôi đã có trong danh sách chuyến bay rồi. Sau đó tôi lại được liên tiếp hai lá thư cầm tay nữa. Tôi viết trả lời vì bận việc, nếu không về kịp gia đình cứ đi trước, đừng lo cho tôi! Thực ra Đà-Lạt, Lâm-Đồng đâu có bị tấn công, công việc các Ty, Sở Tòa Hành-Chánh lúc đó cũng chẳng ai cần nữa, nhưng tôi không rời Nhiệm-Sở! Sau này tôi mới biết, không phải chỉ riêng tôi, biết bao Đơn-Vị Hành-Chánh, Cảnh-Sát, Quân-Đội Cấp Chỉ-Huy đã chạy đâu mất tiêu mà người Chiến-Sĩ vẫn không rời Vị-Trí Chiến-Đấu cho đến khi gục chết vẫn không hề ân hận điều gì?!

Họ cảm thấy Đất Nước Lâm Ngụy, Bi Đất đến độ chỉ biết đem thân ra chống đỡ một cách tuyệt vọng, quên cả Bản-Thân, Cha Mẹ, Vợ Con. Khi tôi về thì tất cả đã đi rồi. Tôi đi tù, và bây giờ ngồi đây. Chuyện chỉ có thế!!!

Vợ Hùng có vẻ bất mãn.

– Nhưng ông phải tìm cho ra vợ con chứ! Ông không thương vợ con ông à?
– Thương chứ, nhưng tìm vợ con để làm gì? Mỗi người đã có một số phận! Cứ để cho vợ tôi coi như tôi đã chết rồi! Hơn hai mươi năm không có tin tức chồng, dù thương yêu bao nhiêu, cô ta cũng không thể làm "Hòn Vọng Phu" được! Còn thằng con, có thể Mẹ nó bảo rằng tôi đã chết hoặc người Cha sau này là Cha ruột của nó! Ở bên Đức chắc chắn họ sung sướng, thế là tôi yên tâm! Làm xáo trộn sự yên tĩnh của họ chẳng có lợi cho ai cả!!!

Mọi người yên lặng như đang tưởng niệm đến bao Mối Tình, bao Gia-Đình tan nát vì Chiến-Tranh! Và trong không khí yên bình của một đêm cuối năm ở xứ người, bỗng xôn xao trong tâm tưởng hình ảnh Đất Nước Thân Yêu năm nào trong những ngày khói lửa tang thương...

Vợ Hùng chợt lên tiếng.

– Theo ông kể thì chẳng biết vợ ông có thương yêu ông không nữa?

– Lúc đầu tôi cũng phân vân như thế. Nhưng càng về sau, sống với nhau, tôi mới hiểu tấm lòng của vợ tôi. Người con gái dù có yêu ai bao nhiêu cũng không bao giờ tỏ tình trước, vậy mà cô ta dám

gợi ý cho tôi cưới cô, nhưng khi biết được tim tôi đã gởi cho người khác, tuy tranh đấu được tôi trong vòng tay, nhưng cô không bao giờ biểu lộ tình cảm nữa! Cô đã dang tôi cả Trái Tim, Tâm-Hồn và cả Cuộc-Đời nữa, nhưng chỉ nhận được ở tôi cái Bản-Năng, cái Lương-Tri của một Người Chồng có học, đứng đắn thế thôi! Tôi thấy mình ở tù là đáng đời, chẳng phải vì Việt-Cộng trả thù mà chính Trời phạt tôi đã phụ một Tấm Chân Tình! Tôi không xứng đáng với Tình Yêu của cô ta! Hạnh-Phúc trong tay không chịu hưởng lại chỉ Tư-Tưởng đến một Bóng Hình xa xôi, vô vọng! Tôi vừa đau đớn vừa cầu mong Cô Ta yêu được người Chồng sau này!!!

- Nhưng theo ông kể, ông chỉ gặp cô gái kia chỉ một lần mà lại yêu say mê, dai dẳng như thế, chuyện cũng khó tin.
- Chính tôi cũng không hiểu mình nữa. Có lẽ Trương Chi giải thích được vì sao anh ta chỉ gặp My Nương có một lần mà thất tình đến độ quả tim hóa đá luôn.
- Ông thử kể cô ta hương trời sắc nước ra sao và gặp trong trường hợp nào.
- Chuyện chẳng có gì ly kỳ nhưng hơi rắc rối. Tôi nhớ lễ Giáng Sinh năm đó, tôi cùng vài người bạn đi nhà thờ Đức Bà xem người ta đi lễ. Tất cả các lối đến nhà thờ đều cấm xe cộ nên ngang chợ Bến Thành chúng tôi gửi xe đi bộ, chen lấn với mọi người tìm ngắm người đẹp. Một lúc sau tôi bị lạc mất bạn. Đang nhượng cổ tìm kiếm, bỗng tôi thấy một cô gái cũng đang ngơ ngác nhìn quanh, có lẽ cô cũng lạc bạn như tôi.

Trong mắt tôi, cô nổi bật như đóa hoa rực rỡ giữa đám cỏ dại. Chẳng phải cô đẹp nhưng có những nét đặc biệt mà tôi tưởng như quen biết, thân yêu từ lâu lắm. Da cô ngăm ngăm, hai mắt đen nhánh dưới đôi lông mày rậm, khi tôi đến gần, cô nhìn tôi với tia nhìn sáng rực như quật mạnh vào nơi sâu kín nhất tâm hồn khiến tôi ngất ngây. Tôi rung động cả thần trí lẫn thể xác, như chết chìm trong một hạnh phúc tái ngộ đầu từ kiếp trước. Giây phút bất chợt đó, tôi biết tôi đã yêu.

Trang phục cô màu đen, tóc ngang vai, cô cài trên tóc một đóa hoa vàng, không rõ hoa giấy hay hoa nhựa, hai tai cô cũng có hai đóa hoa vàng nhỏ. Hình ảnh đầu tiên đó đến bây giờ vẫn còn nguyên trong trí tôi. Khi tôi đến gần cô thì giọng người như đặc cứng. Cô bị xô đẩy và muốn thoát ra khỏi đám đông một cách tuyệt vọng.

Tôi đến phía sau cô, đẩy những cậu thanh niên vừa la cười vừa giả vờ ngã vào người cô. Chúng tưởng tôi là người thân của cô nên lỏng ra. Hai tay tôi giăng ra như một cái khung và cô ở giữa được an toàn. Chúng tôi trôi theo giòng người. Cô biết tôi bảo vệ cho cô nhưng không nói gì. Thỉnh thoảng cô khựng lại, ngã vào ngực tôi. Đầu cô vừa tầm mũi tôi, tôi nhận được mùi thơm con gái ngọt ngào từ mái tóc, từ người cô toát ra. Giọng người càng chen lấn, cô càng như nằm trọn trong vòng tay tôi, nhưng tuyệt nhiên tôi không có một ý nghĩ vẫn đục nào. Cô thân yêu, quý giá và cao sang

đến độ tôi tưởng mình là tên nô lệ được
hân hạnh bảo vệ cho một nữ hoàng.

Buổi tối hỗn độn như thế mà tôi thấy thế
gian vắng lặng chỉ còn mình tôi với cô ta
mà thôi. Mùi thơm đó, làn da mềm mại
của lưng cô, ngực cô, cánh tay cô cứ
vương vấn mãi trong tôi thành một ước
ao mãnh liệt đến bờ vợ vì tuyệt vọng.

Khi chúng tôi thoát ra khỏi đám đông, cô
quay lại nhìn tôi mỉm cười. Đồi tôi chưa
bao giờ thấy một nụ cười đẹp và làm tôi
sung sướng đến như thế, và đó là lần
duy nhất tôi được ân sủng tuyệt vời cô
ban cho. Rồi cô bước nhanh hơn như
muốn rời tôi. Tôi vẫn đi theo, cô quay lại
nói: “Cám ơn!”

Tôi cố đi song song với cô và hỏi:

“Cô đi nhà thờ phải không?”

Cô gật đầu, tôi nói:

“Cho tôi đi theo với!”

“Để làm gì?”

“Để cầu nguyện với Chúa!”

“Cầu nguyện gì?”

“Cầu nguyện cho chúng mình yêu
nhau!”.

Cô quay nhìn tôi, lắc đầu:

“Không được đâu! Tôi có người yêu rồi!”

Tôi kêu lên: “Thôi chết! Tôi làm sao sống
nổi đây?!”

Cô làm thinh, đi nhanh hơn nữa. Biết là
cô chán tôi vì câu tán tỉnh rẻ tiền đó nên
tôi đi chậm lại, tần ngần nhìn theo cô
đang khuất dần vào đám đông! Thế là
tôi thành kẻ thất tình. Chiều nào tôi cũng
ra đường Lê-Lợi, quăng từ chợ Bến-
Thành đến đường Tự-Do, đi lang thang
lên xuống để hy vọng mong manh gặp

lại cô! Trước kia, tôi cũng có thói quen
lang thang như thế, ghé nhà sách Khai-
Trí tìm một quyển sách, vô quán cà-phê
ngồi nhìn thiên hạ qua lại. Bây giờ tôi
được thêm cái thú chờ mong!

Đôi khi tôi đến cả nhà thờ Đức Bà, đứng
dưới tượng Đức Mẹ làm thăm cầu
nguyện “Lạy Mẹ cho con gặp lại nàng,
chỉ một lần nữa thôi, con nhớ nàng
lắm!”. Tôi không phải con chiên Công-
Giáo, nhưng hình như Đức Mẹ nghe
thấy và thế là tôi được gặp cô ta lần thứ
hai! Hôm đó, tôi ra chợ Bến-Thành coi
thiên hạ sắm Tết. Từ xa, chỉ thấy dáng
người tôi biết ngay là cô ta rồi! Cô đi với
bạn trai, cô mặc áo màu xanh nhưng
vẫn đeo đôi hoa vàng. Lần này tôi quyết
theo cô đến nhà. Cũng may, chỗ gửi xe
của tôi và cô gần nhau nên tôi theo cô
về đến quận Tư. Hóa ra là nhà người
bạn học mà tôi có đến vài lần nhưng tôi
chỉ đứng ngoài chờ hấn vào lấy gì đó
trước khi đi chơi với nhau. Lẽ ra với
người khác đó là dịp bằng vàng để được
làm quen với cô ta, nhưng vì biết cô đã
có người yêu lại thêm mặc cảm cô
chẳng thèm để mắt đến tôi nên tôi không
dám đến nhà người bạn ấy nữa! Sợ cô
ta gặp tôi, nhớ ra, rồi kể lại chuyện tán
tình lãng nhãng của tôi, chỉ thêm xấu hổ
chứ chẳng được gì!

Nhưng tôi không thể quên được cô nên
mỗi chiều tôi vào một quán cà-phê trước
nhà cô chờ ngắm cô đi học về, khi thì
với người yêu, khi thì một mình! Trong
đời dù trai hay gái, ai cũng trải qua vài
mối tình bất ngờ, đơn phương như thế

nhưng rồi cũng sẽ quên đi! Vì đó chỉ là tiếng kêu vô vọng! Duy với mối tình này tôi không bao giờ quên. Sau này ra Trường đi làm việc nơi xa nhưng có dịp về Sài-Gòn tôi lại ghé quán cà-phê ngồi nhìn qua nhà cô. Có lẽ cô đã theo chồng nhưng tôi vẫn tưởng tượng rằng cô vẫn còn ở trong đó, vẫn đi lại, nói năng, sinh hoạt bình thường! Đó là cách để tôi đỡ nhớ cô, để mơ tưởng được nhìn thấy cô! Ngay cả khi đi tù về, tôi hành nghề đập xích-lô, mỗi khi ngang trước nhà cô là tôi gác xe ngồi nhìn vợ vẫn, làm như đang chờ khách! Dù tôi biết nhà đã đổi chủ từ lâu nhưng khi đến nơi thân yêu mơ hồ ấy tôi cảm thấy cuộc đời lẻ loi của mình như có một chút an ủi, một chút vui! Nếu nói rằng mỗi người một Định-Mệnh thì đúng là tôi sinh ra chỉ yêu có mình cô ta thôi!

Mọi người vẫn yên lặng. Vợ Hùng phê bình một câu.

– Tưởng ông kể chuyện tình lâm ly, gay gắt lắm, không ngờ chẳng có gì cả. Thế ông có biết bây giờ cô ta ở đâu, ra sao không?

– Câu đó tôi định hỏi vợ chồng bà!

– Cái ông này! Vợ chồng tôi có dính dáng gì đến người ông yêu đâu!

– Sao không. Đó là cô Mai! Em gái ông Hùng chứ ai?!

Vợ Hùng trợn mắt lên vì ngạc nhiên. Hùng gật gù bảo:

– Tớ nhớ ra rồi, lúc ở trường Hành-Chánh, tớ có nghe hình như có cậu nào yêu em tớ, tớ không để ý, hóa ra là cậu!

– Tôi vượt cả nghìn cây số xuống đây chỉ cốt hỏi một câu là bây giờ cô Mai ra sao? Chiến-Tranh, Ly-Loạn... Tôi chỉ sợ cô gặp chuyện không may!

– Chồng cô là Thiếu-Tá Nhảy-Dù, tự tử chết trong trại Hoàng-Hoa-Thám ngày ba mươi tháng tư năm bảy lăm. Hai đứa con tốt nghiệp Đại-Học, đã lập Gia-Đình! Hiện cô sống một mình.

Vợ Hùng bảo tôi “Chờ đấy!”, rồi vội vã xuống lầu. Một lúc sau, cô đi lên và nói lớn:

– Cô ấy đang ở bên Việt-Nam, ông có dám về tỏ tình một lần nữa không?

– Tôi ước được gặp cô ta một lần nữa, cho đỡ nhớ! Lúc đó có lẽ tôi sẽ liều mạng bảo với cô rằng “Tôi yêu cô”! Thế là tôi mãn nguyện rồi! Còn chuyện cô đáp lại, coi bộ khó vì lúc trai trẻ còn bị làm ngơ, bây giờ thì hy vọng gì?

– Nhưng cô ta cũng lớn tuổi rồi, sợ ông không nhận ra nữa đấy!

– Làm sao tôi quên được đôi mắt và miệng cười. Chỉ cần thấy dáng người sau lưng, tôi tin mình sẽ nhận ra cô ngay!

Đã hai mươi năm chúng tôi mới có dịp nhậu nhẹt, cười nói thoải mái với nhau. Tôi không biết uống rượu, chỉ một lon bia là đã mơ màng rồi, nhưng tối đó tôi uống hơn chục lon, quả là một kỷ lục! Có điều sau đó tôi phải chạy vào phòng vệ sinh ói thốc tháo ra! Tôi chỉ kịp giặt nước, rửa mặt qua loa là mắt tối sầm lại, đứng không vững, các bạn vội dìu tôi lên giường. Người tôi toát mồ hôi, nằm bẹp, nhưng một lát sau cũng cảm thấy một

bàn tay dịu dàng dùng khăn nóng lau mặt tôi rồi đắp mền cho tôi.

Sáng hôm sau tỉnh dậy, người vẫn còn ngày ngật, đầu nhức nhối khó chịu. Tôi nghe tiếng vợ Hùng dặn dò ai đó ở dưới nhà.

– Khi ông ấy dậy nhớ chỉ viên thuốc trên bàn rồi pha cho ông ấy một ly cà-phê, hỏi có ăn cháo không thì nấu. Tụi này đi chợ độ một giờ sau sẽ về. Tôi giao ông ấy cho cô trách nhiệm đấy nhé!

Có tiếng đối đáp nho nhỏ rồi tiếng cười rộ lên, tiếng chân xa dần ra phía sân nhà. Tôi dậy đánh răng, rửa mặt xong lần xuống bếp. Nhà vắng hoe, trên bàn ăn có ly nước lạnh và viên thuốc. Tôi ngồi xuống uống thuốc rồi vung tay xoa xoa mặt, miết mấy ngón tay lên lông mày cho bớt nhức đầu. Bỗng tôi nghe tiếng nói.

– Anh uống cà-phê nhé!

Tôi ngẩng lên thấy một người đàn bà quay lưng về phía tôi đang vụng vụng ga, tiếng lửa cháy phì phì nho nhỏ.

– Dạ, chị cho xin một ly.

– Anh ăn cháo nhé!

– Dạ không, cảm ơn chị.

– Gớm, lúc tối các ông nhậu nhẹt... Sao mà lảm thế!

Tôi lừ như trả lời.

– Bạn bè lâu ngày mới gặp nhau!

Người đàn bà mặc đồ đen, nhìn sau lưng dáng thon thả, tóc hơi ngắn, đôi vai nhỏ. Tôi chợt rúng động tâm thần, người run lên.

– Cô Mai!

Cô quay nhìn tôi, môi mím lại như đang dọa nạt một em bé, nhưng đôi mắt cô sáng lên một nụ cười triu mến, long lanh niềm vui. Hai tai cô vẫn y nguyên hai đóa hoa vàng, giống như hoa mai, loại hoa chỉ nở vào dịp Tết ở quê nhà. Cô nói chậm rãi:

– Từ nay em cấm anh không được uống rượu nhiều nữa!

Sau này cô ta kể với tôi rằng cô đã khóc khi rình nghe tất cả!!!

Phạm-Thành-Châu



Buổi Sáng Hôm Sau

*Em thu mình giống con tôm,
Tay anh em gói, anh ôm em nằm.
Mắt em ngó mãi xa xăm,
Qua khung cửa sổ đăm đăm anh nhìn.
Sáng nay trời đất lặng yên
Cứ vui nằm nường ai phiền ai đâu.*

NGUYỄN PHÚ LONG

Hải Âu Nhớ Biển

Từ đây tâm tư thăm thẳm
Hình ảnh em đậm nét thừa ban đầu.
Ta và em, Ngưu Chửc đợi mưa Ngâu,
Chờ đàn quạ bắc cây cầu Ô Thước.
Vẫn nhớ em, hàng mi cong lướt lướt
Dựa vai anh, hôm ấy thật là thu,
Mây lạnh giăng biển
Vắng đục sương mù
Cho hai đứa kề nhau tìm thân ấm.
Em mảnh mai như cành lan ướt đẫm,
Giọt sương đêm còn thấm áo vai gầy
Tay qua vai bờ môi mặm ngắt ngầy
Mặc trời đất, mặc ân tình màng muện.
Hai hải âu bên cạnh nhau luống cuống
Soãi bước lang thang



chẳng biết về đâu.

Đám mây buồn len lén nơi thâm sâu
Che nhạt nguyệt,
giấu nỗi buồn vạn cổ...
Nghe rì rạc ven hồ con sóng vỗ,
Đầu thông già than thở gió vi vu,
Trong tâm tư vạn sự đắng rói bù,
Hai hải điều lặng nhìn nhau tư lự...
Nay xa xôi, biết làm sao tâm sự,
Mong suy tư
nhưng nhớ chợt thặng hoa,
Cách cảm thần giao ta được gặp nhau,
Dù một phút giao thoa rồi tan biến...
Ta ngồi đây, hải âu chừ nhớ biển!

Githéa Hoàng Hy, tháng 8, 2023

Hè Đến Sau Màn

Lung linh hoa nắng nở trên màn
Báo hiệu vàng dương chuyển đến Nam
Lơ lửng trời xanh mây lãng đãng
Bồi hồi dạ rói nhớ miên man
Nhớ em bên xóm ngân lời hát
Nhớ phượng men sông cột nắng vàng
Nhớ tiếng cốc trưa sau lũy đậu
Nhớ điều phía ruộng sáo chiều vang...

Nhớ chiều lộng gió sáo chiều vang,
Nhớ bút nhớ nghiên bồng ngõ ngang
Nhớ sách buồn thiu nằm xó tủ,
Nhớ bài e thẹn ẩn vào ngăn.
Nhớ ai bến lến trao hò hẹn,
Nhớ tóc bay bay ướp mộng vàng...
Chỉ chút nắng hoa trên cửa sổ
Cho ta sống lại giấc hè sang.

Githéa Hoàng Hy, sơ hè 2023

MƯA-NHAN SẮC-DÒNG ĐỜI LUÂN LƯU

**** Nhất Phương ****

[Chuyện cổ tích Uyển Nhi kể]

Vũ vô kiềm tỏa, năng lưu khách

*Câu của Thầy Đàm Thiện Huy

Sắc bất ba đào, dị nịch nhân

*Câu đối lại của trò Nguyễn Thanh Giản

[Tài liệu trên Net]

Sau ngày đất nước chia đôi, tuy chỉ mới góp mặt với đời hơn một năm, Nhi đã phải âm thầm sống xa cha mẹ vì tình hình bất ổn dưới làng quê (sau này nghe lời ngoại kể lại như vậy).

Cha mẹ Nhi lên thủ đô làm ăn sinh sống, tránh xa bầu không khí bao trùm muôn vẻ hoài nghi, sáng trắng chiều đen thưở bấy giờ. Mỗi tháng, hoặc bất cứ lúc nào thuận tiện, cha mẹ sẽ thay nhau, cố gắng về thu hoạch hoa màu, thăm ngoại, thăm Nhi một buổi, rồi tất tả trở lên Sài-Gòn, không bao giờ dám ở lại khi bóng hoàng hôn trùm phủ khắp thôn làng, ảm đạm các gam màu tang thương của thời cuộc.

Cha chỉ là một thương buôn đúng nghĩa, mua bán đủ thứ mặt hàng, từ kẹo bánh “cao cấp” của thị thành đến nông phẩm trong vườn nhà ngoại. Cha hiền từ nhân hậu, là người con có hiếu, là “chàng rể út” hiếm quý của ngoại Nhi. Tên cha là Ánh Dương, không những làm tốt tươi lá cỏ khu vườn hương quả, mà lại còn cẩn thận điểm tô thêm màu diệp lục lên cảnh vật êm đềm, nhận được biết bao lời ngợi khen, thương quý của cả xóm làng thời bấy giờ.

Rồi một ngày không hẹn trước, không biết nguyên nhân nào xui khiến, cha bỗng về thăm ngoại và muốn ở lại qua đêm, bất ngờ quá làm ngoại kinh ngạc. Từ khi cậu lớn của Nhi qua đời vì bị kẻ gian ám hại, ngoại khóc đến gần mù đôi mắt, nhìn đâu cũng phủ một màn sương lằng đặng bao trùm... Ngoại kể, thấy cha về, ngoại gọi cha tới gần, vò đầu cha như đứa con trai lâu ngày về thăm mẹ. Ngoại khóc. Những giọt nước mắt của ngoại rơi xuống đầu cha Ánh Dương không ngừng, lả tả như mưa... Ngoại biểu cha đi tắm rồi ăn cơm kẹo trẻ, mai sớm phải lên đường ngay. Bỗng dưng có tiếng chó hừng hực sủa. Trong đêm thình vảng, tiếng chó tru như tiếng gọi hồn, điềm báo trước hãi hùng kinh dị. Ngoại vội ra hiệu biểu cha vô núp, ẩn mình sau bồ lúa cao gần đặng nóc nhà. Vậy mà cha vẫn không thoát được. Họ dẫn cha đi với nhiều lý do không hề có thật. Cha bị bắt đi đâu? Cha đi mãi không về, tuyệt tích từ hôm ấy. Bóng đêm úp chụp lên cuộc đời của mẹ Nhi, thật phũ phàng như màn tối vô hình trùm phủ cả đôi bờ gập ghềnh của dòng sông nhẩn tâm chia lìa Nam Bắc.

Từ lúc Nhi không còn cha nữa, mẹ vẫn tiếp tục con đường tìm kế sinh nhai như cha đã làm, vừa để giữ tròn kỷ niệm với cha, khỏa lấp nỗi buồn, vừa giúp ngoại có thêm phương tiện tài chánh, chăm sóc bảo quản khu vườn của tổ tiên bao đời truyền lại cho con cháu ở làng quê. Mẹ là cô con gái út của dòng họ Phạm, không những đẹp nhất làng nơi mẹ hiện

hữu, mà lại còn được đi học cả hai chương trình Việt Pháp nữa. Không biết nhan sắc của mẹ Nhi có đủ đẹp để ứng vào câu đối “sắc bất ba đào, dị nịch nhân” của người xưa?

Miền Nam Việt-Nam, được người dân “khẳng định” rõ ràng rằng một năm chỉ có hai mùa mưa nắng, chẳng hề hấn gì đến tứ thời Xuân Hạ Thu Đông mà cố đô Thăng Long hay Hà Nội từng phải gánh chịu hoặc được thừa hưởng. Những ai có cơ hội thăm đăm chuỗi ngày mưa dầm ở làng quê Long Xuyên, Châu Đốc, Cần Thơ, Bạc Liêu, Bến Tre..., sẽ rất thích thú tận hưởng âm thanh rạt rào tràn lan vô cùng ấm áp của ngàn hạt mưa vây kín cả khung trời...

Vẫn theo lời lớp lang Ngoại kể, vào năm 1960, có “người khách trung niên lạ mặt” quá bước ngang nhà, xin được tạm trú ở hàng hiên, chờ tạnh cơn mưa sẽ tiếp tục cuộc hành trình (không biết về đâu). Mưa không muốn chịu lòng người phiêu bạt, nên trận mưa ấy, chẳng những không tạnh mà còn rơi miên man, nặng hạt suốt ngày đêm, khiến người khách lạ không thể lên đường. Ngoại là người hiếu khách. Mẹ cũng vậy. Bất cứ ai lỡ đường lỡ bước, ngoại cũng cho tạm trú tại nhà, cơm nước tuy quê mùa nhưng tinh tươm đầy đủ. Lần này vẫn không ngoại lệ. Cả ngoại và mẹ chỉ muốn giúp người, chẳng hề thắc mắc để tìm hiểu lý do về sự có mặt của “người khách không mời” tại quê mình, lại còn là miền “xôi trộn đậu”. Trận mưa năm ấy là trận mưa dầm, kéo dài lê thê bất tận suốt mười bảy ngày, mười tám đêm. Đã là mưa vườn thì không thể được gọi bằng hai tiếng [Mưa Rừng](#) [tác giả Huỳnh Anh],

không giống chuyện tình dở dang, ngân nga như trong bài hát ấy. Đó là trận mưa định mệnh, thay đổi cả nửa cuộc đời sau của mẹ Nhi. Năm 1960, mẹ Nhi mới chẵn tròn 30 tuổi. Người khách lạ năm xưa, sau này trở thành ba Dượng của Nhi. Ông là người có tri thức, tuy không thể so sánh bất cứ về phương diện nào đối với cha ruột của Nhi [hẳn là như thế trong lòng Nhi], nhưng ông đã vì ngoại, vì mẹ Nhi mà thực hiện khá nhiều điều quan trọng an quê, khiến Nhi thật lòng khâm phục.

Nhi vẫn không thể khẳng định được điều gì ở lứa tuổi ấu thơ cho đến tận bây giờ, khi cả mẹ và ba dượng đã không còn tại thế. Mẹ thì cả quyết, ba thì cả nể. Có phải vì vậy mà ba mẹ mới phải lòng nhau, hay chỉ bởi trận mưa tầm tã lê thê năm nào “vũ vô kiềm tỏa nắng lưu khách?” Mẹ Nhi là người phụ nữ ẻo lả, yếu đuối về thể hình, nhưng bà rất kiên cường, biểu hiện bản lãnh trong mọi trường hợp bà cho là quan trọng. Năm 1960, Nhi được bảy tuổi. Nhi còn quá nhỏ để phụ mẹ việc trong nhà ngoài ngõ, nhưng Nhi không làm mẹ khó xử bởi sự hiện diện của người ba Dượng bao giờ.

Ba Dượng của Nhi, tên ông đồng nghĩa với sự kiên nhẫn, kiên tâm, kiên trì, trồng cây để chờ thu hoạch, và nhất là sự kính nể kẻ trên người dưới để êm cửa êm nhà (hay để dễ gặt hái kết quả tốt đẹp về sau?!). Tên ba là Kiên An. Nhờ trận mưa vườn đã giữ chân ông, giữ luôn tình cảm của ngoại, để bà thuyết phục mẹ Nhi bước thêm bước nữa. Cũng vì mẹ Nhi sẽ tình thương cho ông, gọi ông bằng hai tiếng Ba Kiên, nhưng không bao giờ gọi bằng tiếng cha như khi Nhi

nhớ về cha Ánh Dương.

Mà đúng thật, ba Kiên cũng có thể gọi là khá tốt đối với Nhi. Duy nhất một điều Nhi có thể khẳng định rõ ràng: Nhi rất cảm ơn ông. Ba Kiên An đã mua cho Nhi một chiếc xe đạp mới nguyên, rất đẹp. Ba chở Nhi đi học hết lớp ba trường làng, rồi khuyến khích Nhi lên thị thành, ở tại ngôi nhà có sẵn do cha Ánh Dương để lại, học tiếp chương trình tiểu học rồi vào trung học. Lúc bấy giờ, khuôn mặt Chiến Tranh càng ngày càng rõ nét, méo mó, lệch lạc và tăm tối như sắc diện của mù phù thủy già độc ác, tước đoạt biết bao cuộc đời vô tội của người miền Nam vốn yêu chuộng hòa bình. Ba mẹ Nhi vẫn lên xuống thủ đô Sài-Gòn mỗi tháng một lần, đem hàng từ quê bỏ mỗi sỉ, luôn thể thăm Nhi và mua các thức ngon của thị thành về cho ngoại như cha Ánh Dương thuở trước. Nhi chú tâm vào đèn sách, không hề thắc mắc hay nghi ngờ tại sao ba Kiên An có thể đi đi về về ngôi nhà của ngoại mà chớ trong làng chưa bao giờ dám sữa (như đã từng dai dẳng sữa để giết chết cha Ánh Dương của Nhi)?!

Dòng đời lặng lẽ trôi xuôi, êm đềm như đám lục bình trên các dòng sông chín nhánh. Rồi đến một ngày... một ngày định mệnh khác, cũng thật oan nghiệt như ngày Nhi mất biệt cha Ánh Dương; ngày mà mẹ Nhi bất ngờ biết rõ, Ba Kiên là người từ bờ Bắc xâm thực xuống phía Nam của bờ sông chia đôi đất nước.

Lúc ấy Nhi đã mười một tuổi, năm đầu trung học, về lại làng quê thăm ngoại, sau đó tiếp tục sống đời học sinh ở thị thành. Việc gì đã xảy ra làm khủng

hoảng gia đình Nhi đến thế?

Mẹ tiếp tục nhắc lại câu chuyện đời mình, khiến lòng Nhi bồi hồi xúc động... Nhớ tới đoạn này, dù bây giờ Nhi đang chạm tay vào nấc thang thất thập, cực diện của năm nào ngày nào đã trở thành quá khứ, nhưng Nhi rất hãnh diện và một lần nữa chân thành được cảm ơn ba, cảm ơn “người khách lạ năm xưa”, lạ lẫm từ ngôn ngữ, bỗng trở thành “chàng rể chân thành” ở cuối miền thôn xa tít tắp, tận Cửu Long giang, âm thầm cứu giúp cho những người không cùng chính kiến. Mẹ Nhi, người phụ nữ rất dễ mến nhưng cũng rất quê mùa, tuy cá quyết nhưng không thể thông hiểu tận tường về việc “đem mạng dân lành đổi cuộc chơi”. Điều gì khiến lòng ba thay đổi hẳn hướng đi của mình khi đã tự chọn? Giữa khi thời cuộc nhiều nhượng, nhan sắc hoa Trang mộc mạc của mẹ có đủ để ứng vào câu đối “sắc bất ba đào, dị nịch nhân” hay không?

Một buổi sáng đang ở Sài-Gòn, ba vừa đi đâu đó mới bước vô nhà, vội bảo mẹ sửa soạn gấp để quay lại thôn làng với ngoại. Mẹ vô cùng kinh ngạc, vì hàng hóa cau xoài chưa bán hết, còn gởi ở các vựa cầu Ông Lãnh. Ba chậm rãi nói mẹ nên nghe ba, không thể không về, cả Nhi nữa. Như đã thưa ở trên, “mẹ Nhi là người phụ nữ ẻo lả, yếu đuối về thể hình, nhưng bà rất kiên cường, biểu hiện bản lĩnh trong mọi trường hợp bà cho là đúng, là quan trọng (với bà). Giọng bà tuy êm ái nhưng khá đủ để tỏ rõ ý định của mình:

-Nếu ba của Nhi không nói rõ tại sao mình phải về ngay, thì mẹ Nhi cũng sẽ không về, vì theo dự tính, sớm lắm phải

vài ngày nữa mới bán hết hàng được, còn Nhi, nên để con ở lại Sài Gòn tiếp tục học, không thể bắt...

Nét mặt và sự im lặng lúc bấy giờ của ba Kiên An khiến mẹ dồn dập hỏi:

-Hay có chuyện gì cấp bách, thật sự quan trọng đến với thôn làng, với gia đình chúng ta hay sao?

Ba nhìn mẹ, rồi chậm rãi bảo Nhi:

-Con ra tiệm thuốc tây mua cho ba ống thuốc nhức đầu Optalidon đi Nhi.

Tuy vắng mặt không bao lâu, nhưng khi ba cầm hộp thuốc Nhi đưa, Nhi thấy cả ba lẫn mẹ đã sẵn sàng để lên đường trở về quê ngoại.

Là đưa con nít nơi xẻo thôn bình dị, Nhi không mấy quan tâm tới việc làm của ba mẹ. Bất ngờ được trở lại thăm ngoại dẫu yêu, Nhi mừng hóm. Xe qua khỏi cầu Bình Điền, Bình Chánh, Bến Lức, Trung Lương..., gió chiều lồng lộng thổi. Mọi người liu riu dật dờ theo từng cơn dãn xốc trên chuyến xe cuối ngày trong ánh vàng rơi giữa mênh mông ruộng đồng mạ non xanh tươi mơn mớn. Mãi mãi, Nhi yêu cuộc sống êm đềm, thấm đẫm nhan sắc thanh xuân của đám đồng đồng ngả ngón trên quê hương thống khổ của Nhi.

Sáng sớm hôm sau, vừa khi vàng dương chói lọi đan quện cùng tiếng máy bay thám thính xa xa, Nhi đã mặc xong chiếc áo bà ba trắng, quần đen, mang dép “mo cau”, nhanh nhẹn bước lên bờ U (vì được trồng hai hàng cây Mù U), con đường đất nổi liền khu nhà ngoại Nhi với bà con chòm xóm.

Lên đến con Lộ Tẻ, thay vì quẹo trái như thường lệ nếu muốn tham dự khu chợ

Chòm Hỏm, Nhi rẽ phải dẫn tới làng Phú Điền. Thực hư ra sao, lúc bấy giờ Nhi không thể biết, chỉ làm theo mệnh lệnh của ba Kiên An sai bảo (với sự khuyến khích của mẹ) nên nhứt định Nhi phải hoàn thành.

Vừa đi vừa nghĩ ngợi lung tung, bất chợt Nhi nghe có tiếng nói khề khàng, tuy nhỏ xíu nhưng rất nghiêm nghị:

-Đứng lại cô bé, đi đâu sớm quá vậy?

Nhi run lẩy bẩy, lắp bắp trả lời:

-Con... con đi tìm các bác...

Tiếng nói sắc lạnh, khô khan vang lên lần nữa: -Bác nào?

-Dạ, các bác mũ nâu hôm nay vô thăm làng con...

Hoàn toàn im lặng, im lặng... khiến hai hàm răng Nhi đánh “bò cạp” không còn kiểm soát được nữa. Bỗng Nhi giật mình khiếp hãi khi nghe tiếng gì sột soạt phía sau lưng. Len lén quay đầu, quân phục “quen thuộc” của người lính mũ nâu đập vào mắt giúp Nhi hoàn hồn, tim bót đập liên thình,...(lúc ấy Nhi sẽ ra sao nếu bất ngờ nhìn thấy bộ bà ba đen quần chiếc khăn rằn quanh cổ?!).

Nhi vội cất lời chậm rãi, cố gắng nhớ để lập lại đúng những gì ba Kiên An đã căn dặn trước lúc ra đi:

-Các chú đừng tiến quân tới nữa. Cách chỗ này không xa lắm chỉ là “khoảnh chợ Chòm Hỏm” của dân làng con đang buôn bán chớ chẳng có gì khác, *nhất là trong lúc này*. Nhưng để vào được chợ, phải đi qua một chiếc cổng tre đan xiêu vẹo, được dựng sơ sài, nhưng hôm nay không vô hại như mấy ngày trước. Các chú nên quay trở lại bến đò.

-Này, cô bé không sợ chết sao ăn nói lung tung bậy bạ gì vậy? Quân đội đang hành quân sao phải quay về?

-Con đang theo học ở Sài-Gòn sao phải

trở lại ngay để chờ gặp cho được các chú? Con sợ chết lắm chú ơi, nhưng ba con nói một người chết vẫn tốt hơn nhiều người chết, còn con thì không bao giờ muốn ai bị chết...

Người lính mũ nâu im lặng. Nhi bâng khuâng lên nhìn vào đám hoa cỏ dại tím tím mọc um tùm hai bên con đường đất, nhiều nhất là bông Mắc Cỡ, hay còn được mệnh danh là bông xấu hổ. Người làng Nhi thấy sao nói vậy, không văn chương chữ nghĩa kiểu “Hoa Trinh Nữ” như nhạc sĩ 3T. Làm sao biết có bao nhiêu chiếc mũ nâu đang hiện diện nơi này, được âm thầm phủ che bằng những cánh hoa mong manh khép nép? Nhi không cảm nhận bất cứ tiếng thở nào chung quanh chỗ mình đang đứng, cho dù nhẹ nhất. Điều này khá phù hợp với những gì mẹ kể về mấy cậu lớn, mấy ông anh họ trong gia đình khi theo học trong các quân trường, phải tuyệt đối tuân hành quân lệnh.

Trong khoảnh khắc thời gian không thể đếm, tự nhiên Nhi cũng nín thở luôn. Rồi nhớ lời dặn dò của mẹ, không từ mà biệt, Nhi quay nhanh trở lại con đường cũ, đi như chạy, cố sức bước ngược đến bờ U. Thấp thoáng bên hàng rào trồng toàn cây Trà, ba Kiên An và mẹ Nhi đang nóng lòng dõi mắt chờ trông.

Như đã thưa, ngôi làng Nhi ở là ngôi làng “xôi trộn đậu”, bà con ban ngày cũng nhiều mà “kẻ thù” ban đêm cũng không phải ít. Cha Ánh Dương của Nhi chẳng phải đã mất tích biệt tăm vì sự “ít-nhiều” này hay sao?! Nhưng khi các chú mũ nâu đến, hôm ấy khung trời vừa đủ sáng, là bình minh nắng dọi, tin hay không còn tùy vào sự suy nghĩ của các chú ấy. Ba Kiên An nói, các cấp chỉ huy

vốn dĩ rất nhạy bén, sẽ cân nhắc, dự đoán mọi điều hơn thiệt phải đối mặt nơi con đường phía trước, để cuộc hành quân đạt nhiều thành quả hơn khi quay về bên kia lần chỉ đỏ.

Đón Nhi trong vòng tay thương yêu, ba mẹ bảo Nhi cùng vào thưa với Ngoại, gia đình con phải lên Sài-Gòn ngay hôm nay để tiếp tục bán cho hết các kiện hàng vẫn còn tồn đọng.

Tối hôm sau, bên ly nước dưa tươi mát, ba cho biết tin tức từ quê nhà:

-“Vài con bò con lạc lối, chạy qua cổng làng, vướng vào dây cột tổ ong... đã chết thảm vì nhảy loạn, té xuống hầm chông cọc nhọn gắn chi chít ở hai bên mé lộ’.

Dòng đời vẫn mập mờ lờ lững trôi xuôi, gia đình Nhi càng lúc càng sống nhiều hơn ở thủ đô Sài-Gòn, vùng hậu phương tạm ổn, hạn chế tối đa những lần trở lại ruộng vườn xưa để thu hoạch hoa màu. Nhất là ba Kiên An, không bao giờ còn dám ở lại qua đêm như cha Ánh Dương thuở trước.

Quê hương Việt Nam của Nhi, trong chiến loạn, có biết bao nhiêu “truyện cổ tích” cần được nhớ về?!

Và...,

Cho đến tận bây giờ, trong đáy tim Nhi luôn luôn ghi đậm sắc màu dễ thương của loài hoa Mắc Cỡ và vũ điệu tuyệt vời của hai chú bò con.

Nhất Phương



Tăm Hương

*Thủy Xuân Tiên, một làng nghề Hà Nội
huyện Ứng Hòa, thôn xã Quảng Phú Cầu
đóa trầm hương, những miệt mài thế kỷ
màu sẫm hồng trên từng mỗi cây vầu*

*chấp bàn tay mà thương về quê mẹ
Phú Lương Thượng, hình ảnh đẹp trăm năm
đất trời hiện dưới nắng chiều dịu mát
tay chẻ vầu, bóng cha già xa xăm*

*làng quê chiều, đôi tay gầy truyền thống
cây tăm hương, thôn Đạo Tú Cầu Bàu
miền cổ kính nơi đồng bằng bắc bộ
chốn tâm linh, nụ trầm quế Xà Cầu*

*ngành cây nứa, cây vầu và nhựa trám
giọt mồ hôi tỉ mỉ những kỳ công
để trao người chút hương lòng thanh đạm
khẩn nguyện đời cho thế giới an bình*

*chiều hương sen, dăng nén nhang Tiên Đế
đình Quảng Nguyên, thờ Bộ Lĩnh Đại Vương
thuở năm xưa, cõi nước Đại Cồ Việt
vẫn còn đây lịch sử của quê hương*

*mãi nghìn năm, chiều mai này vẫn thế
Quảng Phú Cầu thoảng ngát đóa sen hồng
khói mây bay, vẽ lên màu chuyện kể
Việt Nam mình, những dĩ vãng trầm hương.*



Trường Đình

UK, sương mù già 2022

+ Làng Hương Quảng Phú Cầu:

Quảng Phú Cầu, một xã làng thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, nằm ở huyện Ứng Hòa, cách trung tâm thành phố Hà Nội khoảng trên 30 km. Gồm có 6 thôn là Xà Cầu, Quảng Nguyên, Phú Lương Thượng, Phú Lương Hạ, Cầu Bàu và Đạo Tú. Nơi đây, nổi tiếng với nghề làm hương từ những cây vầu, đã hơn một trăm năm nay. Trước đây, người dân nơi này sống bằng nghề làm nhang thủ công, nhưng ngày

nay họ đã tận dụng nhiều máy móc và phát triển nền kinh tế quê làng với nâng suất khá cao và đồng lương tương đối cho người nghệ nhân. Ngoài việc xã cung cấp đến thị trường những hương trầm, hương quế, hương bài, đặc trưng là hương đèn làm từ than thảo mộc và nhựa trám rừng, với 3 loại sản phẩm chính là nhang nén, nhang nụ và nhang vòng, nơi đây xã còn có các sản phẩm khác làm từ tre nứa như tăm tre, chổi tre và que xiên.

Hiện nay, nghề làm tăm hương tập trung chính ở 3 thôn là Phú Lương Thượng, Đạo Tú và Cầu Bàu, với cơ sở Thủy Xuân. Làng nghề Xà Cầu cũng là một trong những điểm tâm linh tìm đến, đối với khách du ngoạn trong và ngoài nước. Đặc biệt là ở làng Quảng Nguyên có đình thờ Đinh Tiên Hoàng Đế, là vị tướng tài có công dẹp loạn 12 sứ quân để dựng xây thống nhất cõi nước Đại Cồ Việt năm xưa. Ngài Đại Vương Đinh Bộ Lĩnh được xem là vị hoàng đế đầu tiên của nước Việt Nam sau thời kỳ bắc thuộc của các triều đình Trung Quốc đô hộ.



MÀU THU và MÀU BIỂN MẶN

*Sớm hôm nay cùng em ra biển vắng
Bỗng đâu đây có chiếc lá vàng bay
Con gió lùa lành lạnh gió heo may
Cầm tay em ngoan hiền, nghe ấm lại
Đi bên em, mong con đường dài mãi
Rung tiếng lòng nhè nhẹ, gió lao xao
Bờ môi hồng tha thiết muốn gọi trao
Ta không nhớ..
dòng đời đang có mặt!
Nàng thu tới, hai mảnh hồn se thắt
Nắng long lanh
hòa lẫn bóng hương yêu*

*Ta làm thơ, dù trời đã xế chiều
Ôi ngậy ngát vì.. em và biển mặn!
Bước có đôi, cuộc đời thôi im lặng
Hạ võ vàng, đơn lẻ. Chớm thu sang
Hàng cây xanh
thay áo mới muện màng
Em tôi đó, màu thu in trong.. mắt.
Hoa thu nở, men tình lên bất chợt
Rượu đêm tàn..
say khướt với môi em...*

Bùi Thanh Tiên

Ocean City, Ngày 29-8-08

MƯA – Cao Nguyên



*Mưa! Mưa! mưa em, trời mưa ...
Có phải nhờ mưa mà mình gặp nhau?
Gặp giữa đời thường, gặp trong thơ.
Với đời thường, hay trong thơ, mưa dễ
thương khi mưa vừa đúng lúc, mưa vừa
niềm mong. Lãng mạn, nhẹ nhàng và
thích thú, như hồi biết tựa đầu vào nhau
dưới cái tán dù nhỏ xíu, thềm nhìn giọt
nước lăn theo sợi tóc em chảy xuống vai
trần.*

*Mưa! mưa! mưa em, trời mưa
Câu thơ giản dị mà dễ thương quá
chùng, dễ thương như em chưa từng
trau chuốt để đỡ vướng bụi đời, khỏi
nhìn vào gương thấy mình lạ hoắc.
Bởi dễ thương vậy, nên anh sợ em sẽ
ướt trong mưa khi anh ngoái nhìn em
vừa ra khỏi cửa, ra với thiên nhiên với
trời rây nắng.
Vậy mà gió đã lay mưa,
cho anh có cơ làm vừa lòng em.
Mưa! mưa! mưa rộn đường thơ*

Trong thơ anh, có những cơn mưa buồn
nặng trĩu. Viết rồi, chẳng lẽ xóa đi.

Dẫu gì, những giọt mưa Ngâu vẫn còn
tồn tại, cho thơ có cơ nắm lại bàn tay
vuốt qua một thời, vuốt qua một đời! Mà
không quên, để lòng tự nhủ: âu đó cũng
là một kỷ niệm đẹp. Một chuyện tình đẹp
tựa vào lưng huyền thoại:

*Tặng em những sợi mưa Ngâu
anh vừa hái được trong màu thời gian*

Thật tình, anh muốn viết về những điều
nhẹ hẫng như mơ. Nhẹ hẫng như nụ
cười em, như tiếng chim hát trong vườn
thơ:

*Có tiếng chim hát vui buổi sáng
trong khu vườn anh đang gieo thơ*

Mỗi cơn mưa, báo một vụ mùa, báo một
khoảng thời gian vừa vụt qua, mất hút.
Để thấy tiếc hay là thấy sợ những mắc
xích thời gian siết lại, cuốn mình quăng
vào cái trũng hư vô! Vậy mà anh sợ
không gian hơn là thời gian, vì trong
không gian luôn có những nghi hoặc kể
cả sự nghi hoặc niềm tin:

*Chữ em là thánh thể
người nói đó bụi trần
lời anh là sông bể
kẻ nghĩ đó vực thâm*

*ta với ta là bạn
anh với em là tâm
đời nghìn năm phi bóng
trên năm tháng hương trầm*

Thời gian ươm mầm, thời gian kết
nụ đơm hoa.
Không phải là vui hơn sao, và nắng, và
mưa dự phần vào sự tái tạo niềm tin trên
những úa tàn. Hãy nhận sự vươn lên,

đừng nghĩ về sự hủy diệt dưới sức hút
khắc nghiệt của đời.

*Em có thấy một dòng sông mới
dâng phù sa vào gốc mạ thơm
trên cánh đồng anh vừa nghĩ tới
không hề lưu dấu vết cặm hờn*

*Time goes, you say?
Ah no! Alas, Times stays, we go.
Thời gian qua? Nàng ơi... Không phải,
Chúng ta qua, Thời gian ở lại.*

Lời trong bài "The Paradox of Time" của
Henry Austin Dobson hay tuyệt vời phải
không em!

Dừng không, chiều nay sao thấy buồn
chỉ lạ, khi ngoài trời mưa Thu lay bay.
Lại phảng phất những dòng chữ qua
mưa tạt vào mái hiên xưa.

*Mưa! mưa! mưa rộn đường thơ
về mai em nhé, ngỡ chờ nắng hong!*

Cao Nguyên



CHIỀU XA QUÊ

**Bước lên xe bus mỗi chiều
Bước vào đời mới ít nhiều ngạc nhiên.
Một đô một chỗ bình yên
Ngoài kia thiên hạ nổi chìm mặc ai.
Xe đi không vội đường dài
Mang theo mình những mặt người lạ nhau.
Tóc và da đủ sắc màu
Cùng đau chung một nỗi đau quê người.
Ngang qua góc vắng bồi hồi
Một giàn mướp đẹp nắng phơi sắc vàng.
Thiếu con bướm trắng bay ngang,
Thiếu câu thơ cũ, hoa vàng vô duyên.
Xe ngừng, kẻ xuống, người lên.
Buồn se áo nỉ, buồn tênh tiếng giầy.
Đèn đêm khép lại một ngày.
Trời thu sầu lạnh vai gầy xác xơ.
Nửa đời bỏ lại hững hờ
Nửa đời sau có bao giờ lại yêu.
Sống buồn như thể sống vờ.
Sống vui như thể cơn mơ kéo dài.**

KIỀU GIANG

(trưởng nữ của nhà văn Hoàng Hải Thủy)

Kỷ Ưc Rồi

Pleiku đờ

Mây che phỏ núi, phỏ mù sương
Đồi cao che nắng, rừng se lạnh,
Bụi đờ ngọp trời, cơn lốc xoay
Em mênh mông. Và ta hiu quạnh.

Đà Lạt mơ

Thốt nhiên rục rờ rừng hoa vàng,
Em chân trần, tung tăng đồi cỏ,
Tóc xoã bay, như mây trời bay.
Suối hát tình ca, nghiêng thác đổ.

Huế buồn

Mưa, hay nước mắt nàng công chúa?,
Lạnh giá Hoàng Cung, tím một trời,
Ngơ ngác người xưa, buồn sông núi,
Vang vọng về đâu, tiếng khóc cười?.

Sài Gòn nhớ

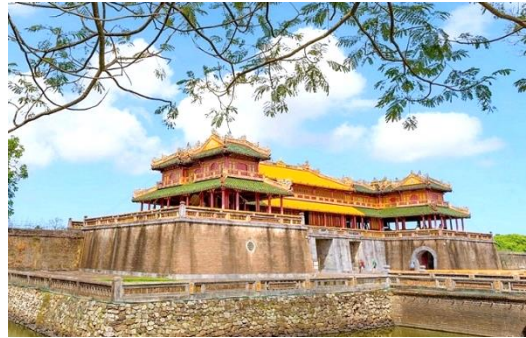
Con phố nhỏ như dáng em gầy,
Những hẹn hò như mưa như nắng.
Lối cũ, người xưa, mộng rất xưa.
Vẫn đàn ca, sao nghe tĩnh lặng?.

New York trắng

Tuyết mù khơi, da em nguyệt bạch,
Hắt hiu cành lá, công viên buồn.
Hoa đặng ngập phố, đêm màu trắng,
Có người mơ ngủ, nhớ quê hương.

Tuệ Trung

30-04-2023



NHỮNG VẦN THƠ' của TRƯƠNG ANH THỤY

CHỪNG

Chân chôn trong trì giới
Chân cột vào đỉnh chung
Chỉ cần cơn gió nhẹ
Là ta ngã như không!

MỘT CHÂN DUNG

Một túi thơ đầy ấp
Một bầu rượu trắng trong
Dưới chân đôi dép cỏ
Tít mắt ngạo cuồng phong.



NGỒI SUÔNG

Ta đứng giữa bao la
Trong sát na vô thường
Chẳng tìm ta chân ngã
Đành tắt đuốc ngồi suông!

LÒNG KHÔNG

Bốn bề vừa gang tấc
Trăm năm gọn một giây
Thân thể như bèo bọt
Vui, buồn tựa bóng mây
Được hỏi:
Chuyện đời sao biếng nải?
Lòng không còn biết nói gì đây.

QUÊ HƯƠNG THỨ HAI CỦA TÔI – Phần 1

**** Ý NGUYỄN ****

Sau đêm pháo kích kinh hoàng tại phi trường Tân Sơn Nhất, gia đình chúng tôi được Toà Đại Sứ Mỹ giúp lo di tản tới đảo Guam ngày 7 tháng 5, 1975. Tại đây chúng tôi phải chuyển qua nhiều trại tiếp cư khác trước khi tới trạm Pendleton ở San Diego, California. Gia đình chúng tôi may mắn có vợ chồng cô em ở Albuquerque, New Mexico bảo lãnh nên được đi định cư sớm hơn. Nếu không, phải đợi tới cả năm không chừng!

Vào tuần lễ thứ hai của tháng 6 năm 1975, từ phi trường Los Angeles, gia đình chúng tôi được đi định cư tại thành phố Albuquerque bằng đường hàng không. Ngồi trong chiếc phi cơ khổng lồ lặng lẽ vượt không gian, tâm hồn tôi lúc đó thanh thản đượm chút băn khoăn. Tôi nhắm hai mắt lại để hình dung ra một khung trời mới lạ của mảnh đất tự do tràn đầy hứa hẹn. Nhìn sang mấy ghế gần bên, ai nấy trong gia đình tôi đều ngủ vùi không nhúc nhích. Nghĩ tới vài giờ nữa đây được đặt chân lên miền đất hứa, được gặp lại gia đình cô em chồng mà lòng tôi những xôn xang mong đợi. Nhìn các con tôi đang được mấy cô chiêu đãi viên hàng không săn đón và chăm sóc rất tận tình khiến tôi thấy vui trong lòng làm sao. Các cháu tỏ vẻ thoải mái nghe các cô thăm hỏi, mặc dầu không biết một câu tiếng Anh nào. Họ tíu

tít chụp hình. Họ thực dễ mến. Chúng tôi vừa trải qua gần một tháng trời *nằm gai nếm mật* từ cái đêm bị pháo kích tại Tân Sơn Nhất, những ngày “tắm nắng gội sương” trên đoạn đường di tản cam go cùng những ngày ở trong trại tị nạn, bây giờ được tiếp đãi ân cần tự nhiên cảm thấy ấm lòng.

Ra đón chúng tôi tại phi trường Albuquerque hôm ấy là gia đình cô chú John, người bảo trợ chúng tôi. John là em rể nhà tôi. Hồi năm 1970 chú ấy làm phóng viên cho một tờ báo quân đội Mỹ ở Long Bình, Biên Hoà. Còn Bích, em gái nhà tôi làm việc cho cơ quan Mỹ trong căn cứ Long Bình. Do đó hai người quen biết nhau một thời gian rồi sau cô theo chồng về Mỹ.

Căn nhà cô chú John nằm trên đường Nambe NE thành phố Albuquerque, một khu sát chân núi Sandia, trông sang trọng và đắt tiền. Nhà gạch, có ba phòng ngủ mà gia đình chúng tôi gồm 8 người lớn bé, đã chiếm mất hai phòng. Hai cô chú ở một phòng cùng với cháu Michael vừa được một tuổi. Ngay từ ngày đầu, chúng tôi được hướng dẫn nhiều điều cần thiết để thích nghi với cuộc sống mới tại một thành phố lạ. Trời đã vào hạ nhưng từ miền nhiệt đới đến đây, ai nấy vẫn cảm thấy lạnh lạnh, co ro, xuýt xoa bên cạnh cô chú John đến là ngỡ ngàng ngừng, không giống ai.

Albuquerque là một thành phố lớn nhất thuộc phía tây của tiểu bang New Mexico, dân số lúc đó khoảng dưới năm trăm ngàn người mà đa số là người gốc Tây Ban Nha (Hispanics) và dân da đỏ (Native Indian). So ra không có gì là đồ sộ, quyến rũ như nhiều nơi khác trên nước Mỹ, nhưng không hiểu sao thành phố này lại được mệnh danh là Enchantment Land với ngọn núi Sandia ngạo nghễ nằm chắn gió ở phía đông, một thắng cảnh tuyệt đẹp về mùa đông, tuyết phủ trắng xóa đủ độ dày để thu hút khách du lịch khắp mọi nơi về trượt tuyết. Dòng sông Rio Grande thơ mộng uốn lượn phía tây thung lũng cũng luôn luôn được người ta nhắc đến. Đúng là thành phố sa mạc vì khí hậu nơi đây rất khô khan và thiếu màu xanh của lá. Lúc đầu chúng tôi cảm thấy rất ngỡ ngàng trước những căn nhà Adobe mái bằng (flat roof) thấp lè tè, tường vách màu nâu. Ít lâu sau chúng tôi mới rõ đây là thành phố mới thuộc tiểu bang cũng mới có tên là New Mexico. Nhiều người thường lẫn lộn New Mexico với nước láng giềng Mexico (Mễ Tây Cơ). Sau này chúng tôi được biết thêm về tiểu bang New Mexico với nhiều di tích lịch sử, gồm những thắng cảnh đặc biệt được ghi nhận là kỳ quan của thế giới, chẳng hạn như Động Hang Dơi (Carlbads Cavern), White Sand, đường cáp treo (Tramway) dài nhất thế giới chạy từ chân núi vượt qua hai ngọn núi cao rồi mới tới đỉnh Sandia. Thủ đô của Tiểu bang là Santa Fe, cách thành phố Albuquerque khoảng một giờ lái xe. Tại nơi này vẫn còn mang nhiều di tích lịch sử của thời kỳ người Tây Ban Nha đến chiếm đóng. Ít người biết đến một phòng thí nghiệm nguyên tử tầm vóc (Los

Alamos Lab) được dựng lên tại khu vực gần Santa Fe. Theo lịch sử thì tiểu bang New Mexico trước kia thuộc về các bộ lạc Da Đỏ, nên hiện giờ vẫn còn nhiều bộ lạc ở rải rác trong khắp tiểu bang. Họ vẫn giữ phong tục tập quán của riêng họ mặc dầu nền văn minh cận đại của nước Mỹ vây quanh mà họ không bị ảnh hưởng. Hiện nay vẫn còn nhiều người Indian lớn tuổi không nói được tiếng Anh.

Qua vài ngày nghỉ xả hơi, cô chú John đưa gia đình chúng tôi đi thăm mấy người thân trong gia đình chú ở South Valley của thành phố. Chú John sinh ra trong một gia đình gốc người Spanish, theo đạo Thiên Chúa Giáo. Bố mẹ chú, ông bà Aragon rất ngoan đạo. Chú là người con trai thứ ba trong gia đình. Cũng may cả nhà tôi ai cũng nói được tiếng Anh ngoại trừ ba đứa nhỏ và bà nội các cháu nên việc giao tiếp ban đầu không có gì trở ngại. Họ có vẻ nể nang chúng tôi. Gia đình ông bà Aragon đón tiếp chúng tôi thật niềm nở; tặng quà bằng tiền mặt cho chúng tôi nữa. Tôi còn nhớ bà Vailola, người chị dâu của chú John đưa tôi một phong bì trong đó có \$50 đô la. Cử chỉ thực tế và nồng hậu của họ đã khiến chúng tôi rất cảm động. Cụ bà Aragon khoản đãi chúng tôi những món ăn thuần túy của người Spanish như Tamalé, Burrito, Posolé v.v...rất đặc sắc và lạ miệng. Cho đến bây giờ, chúng tôi vẫn thích những món ăn độc đáo này mỗi lần ghé Mexican Restaurant.

Sáng sáng chú John đi làm, cô Bích đưa chúng tôi đi thăm thành phố và dẫn đến những khu shopping mua sắm, các siêu thị bán đồ ăn như Safe Way, Albertson v.v... Nơi nơi đối với chúng tôi lúc ấy đều khác biệt và hấp dẫn. Choáng cả mắt! Có lần khi đi qua quầy bán chuối chín vàng, chúng tôi ghé vào mua. Buồn cười quá, Bích nói, ở Mỹ chuối chỉ để cho khỉ ăn làm chúng tôi khựng lại, nhưng vẫn mua về. Khi thấy ông xã tôi cầm cái sách tay cho tôi, cô nói ở đây đàn ông không sách ví cho vợ, trông kỳ lắm, làm chúng tôi bật cười nhưng không phản đối. Sau này mới biết tất cả không phải thế mà ngược lại. Nghĩa là người Mỹ ăn chuối thoải mái và chồng sách ví cho vợ là chuyện bình thường.

Vào một chiều cuối tuần cô chú John đưa tất cả nhà đi ăn ở tiệm Royal Fork – All You Can Eat. Tiệm ăn này quả thực rất mới lạ với mọi người. Nhớ lại những ngày ăn uống trên tàu thiếu thốn bây giờ đứng trước những khay đồ ăn đủ mọi món thực hấp dẫn và lạ mắt...nào là gà chiên, khoai tây rán, mì sào sốt cà chua, meat balls, meat loaf, rau sà lách trộn đủ loại, trái cây tráng miệng như dưa hấu, cam tươi, nho, dứa v.v...ông xã tôi và hai thằng cháu Khánh, Hào ăn uống xả láng, hết lượt này đến lượt khác vẫn chưa thấy ngừng. Ôi, nói ra rõ xấu hổ. Nghĩ lại thấy chú John quả thông minh, biết được mấy thằng cháu đang sức ăn sức lớn nên vào tiệm ăn này đúng ý hết chỗ nói. Thử tưởng tượng một đại gia đình gồm tới 12 người lớn bé, nếu phải đi ăn ở tiệm gọi từng món (seat down dinner) chắc chắn phải tốn kém lắm.

Chiều về, sau bữa ăn, chú John hướng dẫn cho ông xã tôi và hai cháu

Khánh, Hào học lái xe hơi. Về điều này chú hết sức cẩn thận, chỉ dẫn mọi người từng ly từng tí mặc dầu ông xã tôi ở Việt Nam vẫn thường lái xe Jeep nhà binh và công xa. Dù gì lái xe ở Mỹ có nhiều luật lệ giao thông nghiêm ngặt và khác biệt hơn ở Việt Nam nên chú cẩn thận như vậy là phải. Sau khi lấy được bằng lái xe, ông xã tôi được chiếc Vega cũ; Khánh mua được chiếc Camaron. Có xe rồi phải nghĩ đến chuyện đi kiếm việc làm. Sáng ra hai chú cháu xách xe đi hết nơi này đến nơi khác xin việc. Khá vất vả vì không có nghề chuyên môn và tiếng Anh thì cũng chập choạng. Các con tôi, Long, Ly và Phượng bắt đầu đi học tại mấy trường tiểu học công lập trong thành phố nhưng được cái gần nhà. Bà nội các cháu hàng ngày đưa đón hai đứa nhỏ, còn cháu Ly đã học hết Đệ Thất Trường Trưng Vương, nay xin vào lớp 6 Middle School có xe bus đưa đón tận nhà.

Dần dà Hào xin được việc làm ở tiệm ăn Lota Burger gần nhà, vợ chồng tôi và cháu Khánh được một người Việt Nam giới thiệu vào làm việc cho hãng Levi's & Strauss, sản xuất quần Jean. Tôi còn nhớ đó là ngày 22 tháng 6 năm 1975. Lúc ấy, kiếm được một việc làm bất kể lương trả ra sao chúng tôi vẫn hăm hở đi làm. Ông xã tôi nguyên là SQ Biệt Phái làm việc tại Bộ Tài Chánh. Cháu Khánh đã xong đại học và đã đi làm, còn tôi làm việc cho Tòa Đại Sứ Mỹ tại Saigon. Bây giờ chúng tôi phải làm một công việc lao động chân tay, theo hệ thống giây chuyền (assembly work) đương nhiên là vất vả. Nhưng không làm việc này, lấy gì mà sống. Thiết nghĩ có việc làm là tốt rồi. Cũng may giá sinh hoạt trong giai đoạn này rất thấp. Một

gallon xăng giá có 42 cents. Cho nên lương giờ của chúng tôi là \$2.30 mà vẫn đủ sống. Ngày làm việc 8 tiếng đồng hồ. Mỗi sáng phải thức dậy thật sớm để kịp tới xưởng may trước 6 giờ. Chiều về đến nhà ai nấy đều mệt phờ râu. Tôi nghiệp cháu Khánh và ông xã tôi cả đời chưa từng cầm đến cây kim khâu. Bây giờ phải điều khiển cả một giàn máy may điện chằng chịt những sợi chỉ ngang chỉ dọc, xuyên qua xuyên lại hai cây kim một lúc nên thật luống cuống. Vậy mà sau vài giờ được huấn luyện, cả hai chú cháu đã tỏ ra rất thông thạo, đập máy may một lèo, mắc chỉ đầu vào đó. Đúng là *"bung đoi đầu gói phai bô"*. Phần tôi, khỏi phải bàn, vì đây là nghề của nàng. Công việc của tôi là may một đường thẳng từ cặp quần xuống đến gấu quần. Ông xã tôi may từ đũng quần xuống đến gấu và cháu Khánh may hai gấu quần. Mỗi ngày, một người thợ phải hoàn tất 6 xe, mỗi xe là 60 chiếc quần jean. Mặc dầu tôi đã biết may, nhưng công việc ở đây đòi hỏi phải có sức khỏe, nhất là ở đôi chân và đôi cánh tay. Do đó hai chú cháu đạt tiêu chuẩn thật dễ dàng. Phần tôi, tôi cố gắng thế nào cũng không thể đạt được năng suất 6 xe, thành thử chiều nào cũng vậy, trước giờ về cháu Khánh và ông xã đều đưa phiếu dư cho tôi để mình có đủ năng suất trong ngày. Đúng là khôn vặt! Nhìn mấy cô Mỹ da đen, người to lớn, khỏe mạnh như đàn ông làm công việc này quá dễ dàng, trong khi mình thì yếu xìu. Với tôi, muốn đạt được năng suất quả là khó khăn. Tôi quá bất mãn và ngán ngẫm. Trong khi ngồi may, hai vai tôi mỗi nhừ, tứ chi bải hoải nghĩ mà tủi thân, lại nhớ Sài Gòn quá chừng làm nước mắt cứ thế mà trào ra. Khi biết được trong hãng may này

có hai vị sĩ quan cao cấp của QĐVNCH trước đây, bây giờ gặp thời thế, thế thời phải thế, họ phải làm thợ sửa máy may có sao đâu. So ra mình đâu có là cái thứ gì mà phải bất mãn, phải mặc cảm. Ai cũng vậy, mới đặt chân đến mảnh đất tự do này đều cần có công ăn việc làm để ổn định cuộc sống cho nên gặp việc gì làm việc nấy. Nghĩ vậy tôi mới bớt buồn trong lòng.

Mặc dầu cô chú John đối đãi với chúng tôi rất cởi mở và chân tình nhưng không hiểu sao nỗi nhớ về quê nhà dường như lúc nào cũng dày vò, ám ảnh tâm trí tôi. Đêm đêm những cơn ác mộng về ngày di tản 30 tháng Tư vẫn chập chờn trong giấc ngủ... *"Lần thì tôi xục xạ đi kiếm ông xã hoặc các con tôi cho kịp lên máy bay. Lần thì tôi thấy tôi một mình lênh đênh trên biển cả mà gia đình chẳng có ai ở cạnh bên. Tàu nhỏ neo tôi tuyệt vọng lo lắng khóc ròn. Có lúc nằm mơ thấy mình chạy ngược chạy xuôi lái xe Honda lên toà Đại Sứ Mỹ đợi để được vào phía trong nhận chỉ thị, nhưng người ta xếp hàng đông ỏi là đông mình không sao lọt vào được."* Bùng tỉnh dậy áo tôi ướt đầm mồ hôi. Thở ra cái phào, thế ra mình vừa mới trải qua một cơn mơ không có thật! Những cơn ác mộng như thế cứ tiếp nối đến trong giấc ngủ của tôi trong một thời gian dài. Nhiều lúc nghĩ lại nếu ngày đó gia đình chúng tôi không ra khỏi Việt Nam và ông xã tôi bị bắt đi tù ngoài Bắc như bao nhiêu quân nhân VNCH thì không hiểu tình cảnh gia đình của chúng tôi sẽ ra sao? Tương lai của các con tôi sẽ như thế nào?

Làm việc cho hãng Levis khoảng hơn hai tháng, chúng tôi dành dụm được ít tiền nên có ý định đi thuê nhà ở riêng.

Căn nhà đi thuê này nằm trong khu bình dân, có 3 phòng ngủ, phòng khách phòng ăn rộng rãi thoáng đãng. Chúng tôi cảm thấy thoải mái hơn là ở chung nhà với cô chú John, rất phiền phức cho cả chủ nhà lẫn người ở nhờ. Nhiều lúc thèm món ăn Việt Nam quá chừng nhưng không dám nấu sợ mùi cá mùi nước mắm tanh tươi xông cùng nhà. Chúng tôi thấy gần ba tháng trời cô chú cư mang như thế là quá tốt, quá đủ rồi.

Độn vào căn nhà thuê, thiếu đủ thứ, chúng tôi phải đi mua đồ tái dụng của Good Will. Bạn bè cô chú John người cho thứ này kẻ cho thứ khác từ bát đĩa đến nồi niêu song chảo. Thời thì họ đem đến đủ thứ đầy ngập cả nhà. Một buổi chiều, ông Bobbie Nobles, Giám Đốc chương trình thiện nguyện USCC của tiểu bang New Mexico nhân lúc ghé thăm gia đình tôi, thấy mọi người ngồi chòm hóm dưới sàn bếp ăn cơm, ông lắc đầu ái ngại. Ngày hôm sau ông đem đến cho gia đình tôi một bàn ăn tròn và 6 cái ghế. Đúng là buồn ngủ lại gặp chiều manh. Ông Nobles lúc xưa vốn là một trung tá không quân Hoa Kỳ, đã từng phục vụ tại Việt Nam trong cuộc chiến vừa qua. Cho nên, khi biết có người Việt Nam đến định cư tại thành phố này ông đã tình nguyện đứng ra giúp đỡ tận tình. Ông ta đúng là một người Mỹ tốt bụng.

Cũng nhờ có ông Bobbie Nobles giới thiệu nên tôi đã xin thôi việc ở hãng may Levi's và sang làm việc cho Chương Trình Định Cư Người Tị Nạn Đông Dương (NMIRRP) tại thành phố Albuquerque. Giữa lúc tôi đang ngán ngẩm về công việc vất vả của mình tại hãng Levi's nay được làm việc tại văn phòng khiến tôi rất vui. Vào một ngày

đầu tháng 3 năm 1976, tôi bắt đầu công việc mới của mình. Chương trình này mới thành lập và nhận quỹ từ tiểu bang New Mexico để lo định cư người Việt đến từ các trại tạm cư tại các tiểu bang California, Kansas, Florida và Pennsylvania. Giám Đốc là ông Jimmie Glenn, một sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến biệt phái. Phụ tá của ông là một phụ nữ người Việt có tên họ giống y như tôi. Công việc của tôi là thư ký hành chánh kiêm thông dịch tại văn phòng. Không phải đi ra ngoài như anh Ng.Th.Thực lo về nhà cửa cho đồng bào mới đến, cô Ng.Ph. Ninh lo kiếm công ăn việc làm, cô Ng.B. Hạnh lo việc thông dịch về y tế tại bệnh viện UNM và cô Anh Trần phụ trách vấn đề học vấn. Riêng anh Đ.Đ.Kỳ làm thông dịch viên cho hãng giết bò ở thành phố Belen. Khi tôi rời hãng may Levi's, nhà tôi vẫn tiếp tục làm việc tại đây, nhưng sau đó anh kiếm được một việc trên văn phòng lo về Kế Toán Sản Xuất. Ba năm sau, anh xin nghỉ việc để trở lại TVI Community College. Tốt nghiệp anh làm việc cho công ty Điện Tử Digital. Vì muốn có một công ăn việc làm khá hơn nên "học ngày không đủ, tranh thủ học đêm", anh vẫn ịch theo đuổi chương trình đại học tại UNM cho đến khi tốt nghiệp. Khi hãng anh đóng cửa, anh làm việc cho ông Bobbie Nobles qua Chương Trình Tương Trợ Người Tị Nạn (Mutual Assistance Association for Refugees) một thời gian rồi sau đó anh được tuyển vào làm Case Manager tại Bệnh Viện Nhi Đồng "Young Children's Health Center" thuộc Viện Đại Học UNM cho đến ngày nghỉ hưu năm 2005.

Trong những ngày làm việc cho Chương Trình Định Cư, hàng ngày ra



Tác giả làm việc với Indo-China Refugee Resettlement Program in New Mexico

phi trường đón đồng bào mới tới, tôi những ước ao một ngày nào đó sẽ đón được những người ruột thịt của mình còn bị kẹt lại ở Việt Nam. Tôi đã ôm ấp giấc mơ này có đến cả chục năm. Sau cùng, tôi đã bảo lãnh được gia đình người chị gái sang đoàn tụ với chúng tôi tại thành phố sa mạc này.

Thời gian làm việc cho Chương Trình Định Cư không tới một năm, nhưng mối giao tình giữa tôi và đồng bào tị nạn rất là khăng khít. Giờ đây đôi lúc nghĩ lại những người mà tôi đã tận tình giúp đỡ, tôi cảm thấy vui vui trong lòng. Hầu hết những đồng bào đến định cư tại đây đều là những người vượt biển, được gọi là thuyền nhân (Boat People). Khi ở trong trại tạm cư trên đảo Guam, một số quý vị này không hiểu vì lý do gì mà lại khai sục xuống tới hàng chục tuổi. Khi đến nước Mỹ họ mới vỡ lẽ ra sự thiệt thòi này nên đã tìm đến văn phòng chúng tôi nhờ giúp đỡ điều chỉnh lại giấy tờ. Qua chương trình Định Cư và Sở Di Trú (INS) của

tiểu bang, tôi đã giúp sửa đổi lại giấy tờ cho đúng ngày sanh thực sự của họ. Họ rất sung sướng vì có đủ bằng chứng để không phải đi làm mà lại còn được hưởng tiền trợ cấp an sinh xã hội (SSI).

Cùng trong thời gian này, có một cặp vợ chồng trẻ cưới nhau trong trại tị nạn ở đảo Guam, khi đến định cư tại thành phố này người vợ sắp đến ngày sinh nở nên anh chồng mỗi lần gặp tôi tại văn phòng đều nhắc: "*Chị ơi, khi nào vợ em đi sanh chị nhớ đến thông dịch cho vợ em với nhé*". Nhận lời cho chú ta vui, chú thực tình việc thông dịch ở nhà thương là trách nhiệm của cô Bích Hạnh.

Vào một buổi chiều, tôi đang lo cơm nước cho gia đình thì nhận được điện thoại của chú ta nhờ đi thông dịch cho cô vợ đang đỡ dạ đẻ. Té ra chú Hà vẫn muốn tôi thông dịch cho vợ chú. Vậy là tôi phải nhờ bà nội các cháu lo dùm việc cơm nước rồi lái xe thẳng lên bệnh viện UNM ngay.

Sau khi lo xong thủ tục giấy tờ của bệnh viện, chúng tôi theo cô y tá vào phòng đợi. Ngay lúc này đây nhìn bà bầu nhăn nhó vì đau đẻ, tôi có cảm tưởng như chính mình đang đỡ dạ vậy. Cô ta người lùn tịt mà cái bụng to chình ỉnh thấy mà thương. Tôi đã từng là mẹ, đã từng trải qua những cơn đau đẻ như cô nên rất thông cảm. Mỗi lần cơn đau ập tới là mỗi lần cô rên xiết vì đau đớn, mồ hôi nhễ nhại. Những lời an ủi của tôi lúc đó rất thừa thãi, chẳng thể nào giúp cô dịu được cơn đau. Bất chợt tôi nhớ lại ngày xưa khi sanh con, tôi cũng

đã từng trải qua những cơn đau bụng quằn quại như thế này. Lúc đó vì thương tôi, mẹ an ủi: “Đàn ông đi sông có bạn. Đàn bà đi cạn chỉ có một mình”, ý mẹ muốn chia sẻ cái đau đớn của con mình mà không thể làm gì khác được. Đúng như câu nói của các cụ thường ví “Đau đẻ như ngựa ghê đòn ghen” thì đủ biết cơn đau đẻ nó kinh khủng đến mức nào. Tôi nghiệp, cô Na chịu đựng đau đớn như thế có đến 3, 4 tiếng đồng hồ mà em bé vẫn chưa chịu ra.

Đang lúc lo giúp cho cô Na chưa xong, tôi lại được gọi sang phòng sanh ở cuối hành lang để thông dịch cho một sản phụ khác. Vừa ngó đầu vào cửa phòng tôi thấy bà Ban đang nằm trên bàn sanh nhăn nhó rên la, cô y tá nhờ tôi hỏi bà đã muốn sanh chưa, câu hỏi chưa dứt lời thì em bé đã tuột từ lòng mẹ ra ngoài, khóc oe oe trên hai bàn tay cô y tá. Mọi người có mặt lúc đó há hốc miệng ngạc nhiên. Với tôi đây là lần đầu tiên chứng kiến cảnh sinh con như thế này, tôi buột miệng nói: “Ôi, sanh gì mà dễ dàng thế!” và nghĩ thầm chửi bùa cho cô Na đỡ dạ cả mấy tiếng đồng hồ mà chưa sanh được. Sản phụ này sanh con dạ, lần này là lần thứ 7 hay thứ 8 gì đó nên bà sanh quá dễ dàng. Trong chớp nhoáng tôi thấy lo ngại cho sự sanh con quá dễ dàng của bà. Ý nghĩ này chưa ra khỏi đầu óc tôi thì ngay lúc đó mấy cô y tá xúm xít quanh bà ta để lo tiếp máu. Bà Ban bị băng huyết, máu ra xối xả. Ngay lập tức bà được đưa sang phòng cấp cứu. Một nữ bác sĩ được gửi đến và việc tiếp máu tiến hành ngay. Giây nhợ giăng mắc tứ tung, bình dưỡng khí cùng nhiều dụng cụ y khoa để sẵn bên giường bệnh. Bà bác sĩ loay hoay mãi mà máu vẫn tuôn chảy không sao cầm

lại được. Nhìn cử chỉ lúng túng và nét mặt lo lắng của vị y sĩ này làm tôi thấy ái ngại cho tính mạng của bà Ban. Bà Ban nắm chặt lấy tay tôi run rẩy nói: “Chắc tôi chết mất cô ơi? Tôi trấn an bà: “Bà đừng sợ, Bác Sĩ đang lo tiếp máu và bà sẽ lành mạnh lại thôi”. Thế rồi một bác sĩ chuyên khoa khác được gửi tới. Thời gian như ngưng lại. Mọi người trong phòng mỗ nín lặng đối diện với những giây phút căng thẳng này. Tôi thực lo lắng vì dù gì tôi rất gần gũi quen thuộc gia đình bà qua những dịch vụ tương trợ như kiếm công ăn việc làm cho hai vợ chồng bà cũng như việc học hành cho mấy đứa con. Nhưng rồi, thời khắc nguy ngập qua đi khi ông Bác Sĩ báo tin mọi chuyện đã hoàn thành mỹ mãn. Bà Ban đã thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Bà mệt quá, thiếp đi. Mọi người thở ra nhẹ nhõm. Tôi đã lấy lại tinh thần và cảm thấy dễ chịu dù vừa trải qua một đêm dài không ngủ trong bệnh viện để thông dịch cho hai bà bầu.

Khoảng hai tuần lễ trước khi Chương Trình Định Cư đóng cửa, tôi được gửi đi học một lớp kế toán cấp tốc tại ABC Business College. Sau đó tôi được giới thiệu làm việc cho SEAC (Social Economic Assistant Corp., một cơ quan chuyên lo kiếm công ăn việc làm cho những người thất nghiệp trong thành phố. Cũng nhờ làm việc cho SEAC nên sau này tôi được nhận vào làm việc tạm thời cho chương trình huấn nghệ của thành phố Albuquerque (City/CETA-Title VII) (30/9/1978). Chương trình CETA lo việc huấn luyện nhân viên ngay tại các hãng xưởng (OJT- On The Job Training), nghĩa là chủ hãng chỉ phải trả cho học viên một phần nào đó của số lương, phần kia do

CETA đòi thợ. Sau khoá học, họ sẽ trở thành nhân viên thực thụ của các hãng xưởng này. Từ đó tôi được thân nhận là nhân viên chính thức có chức vụ mới là Chuyên Viên Đặc Vụ (Program Specialist) cho Department of Family Community Services thuộc thành phố Albuquerque. Ông xếp tôi lúc đó là một cựu Trung Tá Không Quân Hoa Kỳ (USAF), đã từng tham dự vào cuộc chiến Việt Nam trước đây. Biết tôi là người Việt Nam nên ông rất tin tưởng và mến mộ. Ông là một người thẳng thắn và rất gần gũi với nhân viên dưới quyền ông. Trong hai năm làm việc với ông tôi được thăng trật tới hai lần. Điều này đã khiến bà Giám Đốc Department khó chịu. Mỗi năm nhân viên được phê chuẩn về khả năng làm việc của mình (Job Performance Evaluation) trong đó tôi được ông Marshall phê điểm cao hơn trung bình làm bà Giám Đốc phật ý nói ông phải đổi lại, nhưng ông trả lời: *“Yen’s daily job performance is absolutely great, she deserves for what she’s done, I can’t change differently. If you want to change the way I did, then you do it, not me.”* (Tạm dịch là: *Việc làm hàng ngày của bà Yến rất giỏi, bà ta đã rất xứng đáng được phê chuẩn như thế, tôi không thể đổi khác được. Nếu bà giám đốc muốn thay đổi việc phê chuẩn này là tùy bà, tôi thì không*). Kết quả bà ta đã phê điểm ông thấp dưới trung bình, còn điểm của tôi bà để nguyên. Ông nói với tôi, ông chẳng quan tâm (he doesn’t care). Ông nhận xét việc làm của tôi ra sao ông phê điểm như vậy. Quả thực tôi không thể ngờ, một người Mỹ thứ thiệt như ông đã có tính tình thẳng thắn đến

thế. Ông không nghĩ về ông mà chỉ nghĩ về người khác. Hành động này khiến tôi khâm phục ông và thương quý ông vô cùng. Sau khi về hưu được một hai năm ông bị truy tim (heart attack) và qua đời. Vào ngày lễ cầu hồn cho ông tại một nhà thờ Tin Lành, tôi là người độc nhất bật khóc thành tiếng khi ký tên mình vào cuốn sổ lễ tang trước bao nhiêu con mắt hiếu kỳ ngó tôi trân trân, nhưng nào có ai hiểu rõ thâm tình của tôi đối với ông Robert Marshall nó sâu đậm biết là nhường nào! Ông đích thực là một ân nhân của tôi.

Thời gian khoảng gần hai năm làm việc tại đây, ngoài công việc văn phòng tôi còn lo giúp thông dịch cho nhiều học viên người Việt theo học các khóa huấn nghệ, mãn khoá họ được giới thiệu vào làm cho hãng Ethicon (Johnson & Johnson) sản xuất dụng cụ y khoa, hay các hãng kim hoàn sản xuất đồ trang sức bằng đá xanh turquoise. Hiện nay vẫn còn một số người VN làm việc cho hãng Ethicon và một số khác đã trở thành chủ nhân của những công ty đúc đá và sản xuất nữ trang tại thành phố Albuquerque. Nhờ óc sáng tạo và bản tính cần cù, họ đã trở thành các chủ nhân ông có tầm vóc trong cộng đồng nhỏ bé này...

(Còn tiếp – đón xem phần 2 ở tạp chí CỏThơm số 102)

Ỗ Nguyễn



CHỮ NGHĨA

*Ta vào chữ nghĩa hỏi thăm
Chữ đứng hỏi gió, chữ nằm hỏi mây.
Phương Triều*

“Lang quân bắt thức lang quân hận
Lập tắc Xuân hè, ngọc tắc thung.”
Vuông tròn hai chữ thủy chung,
Xin đừng thắc mắc lung tung chữ ngờ.
Thôi mà, tội lắm đến giờ!
Nơi nơi chữ phúc trông chờ đón Xuân.
Biết rồi thiên khác phu quân,
Vấn gìn giữ liễu
chẳng gần đường ngang.

Yêu thương khắc chữ đá vàng,
Ba sinh hương lửa đèn dang lâu dài.
Chữ rằng “Xuân bất tái lai”.
Soi gương ngại nổi đợi ai bạc đầu,
Từ khi bịn rịn bên cầu,
Biệt ly vương vấn chữ “Mầu quan san”
Đêm nay trăng tỏ thêm lan,
Viễn quy hứa hẹn chứa chan mặn mà!
Thiếp còn một chút trong nhà,
Đãi nhau trải chiếu bày ra...chữ tình.

NGUYỄN PHÚ LONG



TẠ ƠN

Tuổi vàng qua tựa mưa rào
Anh em ta tự thưở nào thiết thân?
Hộp Bạn tặng sách Phù Vân.
Hộp tan tan hộp sơ thân bao thời?

Tám mươi chín chục tuổi đời
Năm xưa quân ngũ một thời bên nhau.
Quê hương đất nước sầu đau!
Dân nghèo nước yếu
mai sau ai lường?

Làng quê cho tới phố phường
Gái Trai nhập ngũ coi thường gian nan!
Từ Cà Mau tới Nam Quan
Người dân nước Việt
lầm than khốn cùng!

Theo gương các bậc Anh hùng
Toàn dân đoàn kết Ta cùng đứng lên
Đặt tình yêu nước lên trên
Gia đình bạn hữu không quên bao giờ!

Tổ tiên một dạ tôn thờ
Bảo toàn sông núi cõi bờ đảo xa.
Hoàng, Trường Sa của chúng ta
Quyết tâm dành lại thiết tha chung lòng

Chia tay tạm biệt chờ mong
Hẹn ngày gặp lại
sớm trong Xuân Hồng
Lang thang hạnh phúc phiêu bồng
Chúc nhau sức khỏe
như Rồng như Voi.

Thái Hưng/PGH

*Kính gửi đến Anh Chị Trần Quốc Bảo
và gia đình cùng quý bạn có mặt trong
ngày Hộp Bạn tặng sách Phù Vân
của thi sĩ Trần Quốc Bảo*

CÒN NHỮNG TẮM LÒNG

**** Tràm Cà Mau ****

Ngày đầu tiên trình diện sở làm, Mai được dẫn đến gặp ông Dan. Ông này mới trên năm mươi tuổi mà Mai tưởng ông đã già lắm, vì thấy tóc ông màu bạch kim trắng xóa, và khi nói, thì ông run run cái cằm nhiều lần mới phát ra được những tiếng lắp bắp. Ông bị cà lăm mà Mai không biết. Buổi chiều về nhà Mai nói với chồng:

“Ông chỉ huy của em trông tội nghiệp lắm.”

“Sao vậy?”

“Ông ta đã quá già, già lắm rồi mà còn phải đi làm việc. Tóc ông trắng phau, già đến nỗi nói không ra hơi.”

Gần một năm sau, Mai mới biết tuổi tác của ông, và biết ông bị bệnh cà lăm, chứ không phải là già đến nỗi nói lắp bắp không ra hơi. Ông Dan là kỹ sư trưởng công trình, chỉ huy năm người khác, trong đó có Mai.

Mai đã ba mươi tuổi, vừa học xong đại học, may mắn được tuyển dụng sau ba tháng tung đơn tìm việc đi khắp nơi. Đây là công việc đầu tiên của Mai trên nước Mỹ. Khi còn ở Việt Nam, Mai cũng đã đi từng làm rồi, nhưng vì lương bổng trong thời xã hội chủ nghĩa không đủ ăn sáng, sửa xe đạp, mà còn phải ngửa tay xin thêm tiền cha mẹ để chi tiêu, cho nên liều mạng bỏ ngang. Mai khai bệnh đau bao tử, để xin nghỉ việc mà khỏi bị rắc rối về mặt chính trị. Nhờ nghỉ việc, nên có nhiều thì giờ chạy theo các tổ chức vượt biên đào thoát ra khỏi xứ. Đến Mỹ,

Mai theo lời khuyên của bạn bè đi học lại, vì theo họ, học hành là một lối đầu tư dễ dàng nhất, và chắc chắn nhất cho tương lai.

Ông Dan bụng phệ, căng tròn, to như đàn bà có bầu sắp sinh con. Cái thất lượng chạy vòng xệ xuống, nâng đỡ cái quần nhàn nhúm đằng sau, bao lấy một vùng mông teo rí, trớt lợt. Nụ cười của ông thường mở rộng toe toét. Ông hay nói chuyện khôi hài cho mọi người cười vui. Được một cấp chỉ huy cởi mở như ông Dan, Mai cũng khá yên lòng. Trong nhóm đồng nghiệp này, chỉ có ông Bill là đáng ngại. Ông này cao lớn, đầu trọc lóc, cằm bạnh ra, và đôi môi mỏng dính, miệng như một cái khe nứt, quặp xuống. Ánh mắt của ông lạnh lùng, ông có vẻ kỳ thị ra mặt. Lần đầu ông Dan giới thiệu Mai với mọi người trong nhóm, các ông khác đều cười vui, nói lời chúc mừng, mà ông Bill thì chỉ hự một tiếng trong cổ họng thô.

Mới vào làm việc, Mai e dè, nhút nhát, nói nhẹ như hơi thở, và khi nào cũng sợ mất lòng mọi người chung quanh, tưởng như ai cũng có quyền đuổi Mai ra khỏi sở này. Là dân tị nạn, ăn nói còn lọng cọng, ngọng nghịu, việc làm chưa quen. Mai cố gắng làm sao cho khỏi mất lòng mọi người chung quanh. Mai là phái nữ duy nhất trong nhóm này. Thấy thái độ nhút nhát, sợ sệt của Mai, ông Dan cười mà nói:

“Cô Mai, cứ yên tâm. Công việc chưa quen thì học, học thì biết và làm được. Làm xong một vài dự án, thì về sau

không có chi khó khăn cả. Hồi tôi mới ra trường, cũng chưa biết gì cả. Nhờ các đồng nghiệp khác, dẫn dắt, như nắm tay dắt đi. Mọi người trong nhóm này đều tốt cả.”

Nói câu đó xong, ông Dan liếc mau về phía ông Bill, mà ông Bill thì nhìn lơ, không nói năng gì cả. Nhờ câu nói của ông Dan mà Mai yên lòng. Lần đầu tiên đi làm, nghe câu nói tử tế của ông chỉ huy, Mai nhớ suốt một đời, và không quên ơn ông. Về sau, khi nào gặp một đồng nghiệp mới, Mai cũng đem lời ông Dan ra mà trấn an, làm họ bớt lo lắng, bớt bỡ ngỡ trong thời gian đầu.

Một hôm ông Bill lục lọi trong đám hồ sơ cá nhân của ông, tìm ra một thông cáo tuyển dụng kỹ sư vào cuối thập niên 1950 và đưa cho Mai đọc. Bên dưới hàng chữ thông cáo tuyển dụng kỹ sư, có ghi thêm một dòng đậm *“Không chấp nhận đàn bà”*. À, thì ra nước Mỹ vào thời đó, còn kỳ thị nam nữ đến thế. Mai chuyển tờ thông cáo qua cho ông Dan đọc. Ông Dan nhìn ông Bill với ánh mắt trách móc và nói:

“Chuyện này xưa lắm rồi. Ông đem ra làm chi, đừng để cho người khác hiểu lầm, tội nghiệp. Bây giờ mà kỳ thị nam nữ là mệt lắm đó.”

Ông Dan biết tiếng Anh của Mai còn kém, chưa nghe và nói thông thạo, nên mỗi khi nói chuyện, hay đưa chỉ thị, ông thường gắng nói rất chậm rãi, rõ ràng, và vì mang tật nói lắp, nên ông càng nói lắp nhiều hơn nữa. Khi Mai nói chuyện, thì các ông khác đều hiểu, không biết có hiểu hết hay không, nhưng ông Bill thì luôn luôn lắc đầu bảo rằng, ông không hiểu Mai nói gì. Ông Dan cố tránh,

không để Mai làm những công việc chung với ông Bill.

Vì nhỏ con, không mua được áo quần cho vừa, nên Mai phải mua loại dành cho con nít mà mặc. Tóc Mai cắt ngắn, khuôn mặt lại đầy đặn mà không son phấn, nên trông có dáng dấp của một em bé Mỹ mới chín mười tuổi. Một hôm gần lễ Tạ Ơn, nhiều người đem con cái đến sở chơi, một ông cụ nhân viên cũ cũng ghé lại thăm. Ông tưởng Mai là con gái của một đồng nghiệp nào đó vào chơi, ông chạy đến xốc nách Mai đưa lên cao và hỏi:

“Cháu là con của ai đây? Trông dễ thương quá!”

Ông Dan hốt hoảng la ới ới, bảo: “Đừng, đừng”, và cho biết cô này là kỹ sư mới vào làm mấy tháng nay. Ông cụ bỏ Mai xuống, và xin lỗi rồi rít. Mai cũng đỏ bừng mặt, và nói cho ông cụ bớt ngỡ ngàng:

“Không có chi. Tuổi bố tôi cũng gần bằng tuổi ông. Tôi xem ông như bố tôi vậy.”

Cả nhóm cười vang. Ông khách nói chuyện thêm vài câu, rồi vội vàng chạy qua nơi khác. Mấy hôm sau, một bà đồng nghiệp người Trung Hoa ghé lại văn phòng nói chuyện tào lao chơi, bà cho Mai địa chỉ mấy tiệm bán áo quần đàn bà tại phố Tàu San Francisco, cho những người nhỏ con và thấp. Sau này Mai mới biết, đó là hảo ý của ông Dan, ông nhờ bà Trung Hoa này chỉ dẫn cho Mai nơi bán áo quần mặc cho vừa tác nghiệp.

Một hôm trong giờ giải lao, có người đến thu góp tiền cứu trợ, để mua nước và

thức ăn đặt rải rác dọc theo các vùng sa mạc gần biên giới Mỹ và Mê. Cho những người nhập cư bất hợp pháp khỏi bị chết đói, chết khát khi băng qua biên giới. Ông Dan móc tiền ra hăng hái đóng, Mai cũng bắt chước đóng theo. Ông Bill phản đối, bảo đừng tiếp tay giúp bọn nhập cư bất hợp pháp vào phá rối và làm hỗn loạn nước Mỹ. Ông Dan nói với ông Bill:

“Tổ tiên ông cũng từ đâu đó bên châu Âu đi tìm đất sống mà vào đây lập nghiệp. Nếu ngày xưa, họ không cho tổ tiên ông vào Mỹ, thì ông nghĩ sao?”

“Không nghĩ sao cả. Việc nhập cư đã có chính sách của chính quyền. Có luật pháp quy định. Đóng tiền mua thức ăn và nước uống cho những kẻ nhập cư bất hợp pháp, là vô tình phạm vào luật.”

Ông Bill quay qua Mai, hỏi với giọng xoi mói:

“Thế thì trường hợp của cô ra sao? Sao không ở bên xứ cô, mà lại vào đây? Cô vào đây bằng cách nào?”

“Tôi đi tị nạn chính trị. Được chính quyền Mỹ chấp thuận cho vào đây tìm tự do sinh sống.”

“Tị nạn chính trị? Như cô, thì làm được cái gì mà phải đi tị nạn?”

“Không sống nổi với chế độ độc tài, tôi ra đi. Chín phần chết một phần sống, đi tìm tự do.”

“Không có tự do thì không sống được sao?”

Mai giận, không cần giữ lịch sự nữa, nói gằn lại, mà nước mắt rưng rưng:

“Đúng. Không có tự do thì có sống cũng tệ hơn chết. Nè ông Bill, nếu chính quyền tịch thu nhà ông, lấy hết tài sản ông, lấy sạch tiền trong chương mục trong ngân hàng của ông, rồi đuổi ông lên rừng ở, hoặc bắt ông đi tù khổ sai, vì ông có một chút của cải. Không cho ông đi từ thành phố này qua thành phố khác. Công an luôn luôn dòm ngó, báo cáo và hạch hỏi từng hành động, từng lời nói của ông, sống trong lo âu sợ hãi, thì ông có muốn đi tìm tự do không?”

Ông Bill trề cái môi dưới ra dài, nói mai mỉa:

“Cô tưởng tôi là trẻ con năm sáu tuổi hay sao mà nói những chuyện hoang đường ngộ nghê vô lý như thế được?”

Một ông trong nhóm cũng cười khành khạch, và hóm hỉnh nhìn Mai, có lẽ ông ta cũng đồng tình với ông Bill, mà cho rằng Mai đặt điều một cách ngộ nghê ấu trĩ. Mai rưng rưng nước mắt, biết là không thể nói cho ai tin được. Phải có sống mới biết. Nói theo giọng ông Hồ Chí Minh, là phải ‘kinh qua’ mới biết rõ. Mai nói, giọng đầy cả nước mắt:

“Tôi đi tìm tự do. Tôi xác định. Các ông không tin thì tôi cũng không cần. Nước Mỹ cho tôi đến đây để được tự do sinh sống, tránh độc tài, áp bức. Nếu không có độc tài áp bức, thì tôi không bao giờ bỏ quê hương mà ra đi, đón nhận trăm ngàn hiểm nguy, chín phần chết, một phần sống. Các ông có biết gần nửa triệu người Việt Nam chúng tôi đã bỏ mạng trên biển không? Anh trai tôi, và em gái tôi cũng đã chết trên đường đi tìm tự do.”

Nói đến đây, Mai không cầm được xúc động, và òa khóc. Tiếng khóc của Mai

làm cho mọi người trong phòng tái mặt, sợ hãi. Ông Bill bỏ đi ra khỏi phòng.

Chiều hôm đó, sau khi mọi người về hết, chỉ còn Mai và ông Dan trong phòng làm việc. Ông Dan ôn tồn nói:

“Tôi hiểu hoàn cảnh của cô. Không ai muốn lìa bỏ quê hương mà ra đi cả. Khi đã quyết định ra đi, dù cho vì bất cứ lý do nào, thì cũng là chính đáng. Bố mẹ tôi đã lìa bỏ Ái Nhĩ Lan, đem tôi qua đây khi còn bé, cũng vì không sống nổi nơi quê nhà. Cô có nghe cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới vào năm 1929 không? Có lẽ cô còn nhỏ tuổi, không biết đâu. Khủng hoảng kinh tế thế giới, người người không có công ăn việc làm. Ở Ái Nhĩ Lan không đủ ăn. Lúc đó tôi mới vài ba tuổi gì đó thôi. Bố tôi bán sạch hết nhà cửa, đồ đạc, vay mượn thêm tiền, mua vé tàu thủy đem mẹ con tôi qua Mỹ để kiếm ăn, có ông cậu tôi đi theo. Nghe đâu đi cả mấy chục ngày rề rề trên biển mới thâu Mỹ, đến hải cảng New York. Đạo này, ngay cả dân Mỹ cũng thất nghiệp tràn đìa. Hàng ngày, thiên hạ xếp đuôi dài, chờ hàng ba bốn tiếng đồng hồ để được bố thí một bữa ăn. Dân địa phương còn chưa kiếm ra việc làm, thì bố mẹ tôi mới đến, lạ nước lạ cái, làm sao tìm ra việc để sinh sống. Thế nhưng dân Âu Châu vẫn cứ ùn ùn kéo đến Mỹ, vì bên Âu Châu cuộc sống vô cùng khó khăn. Tôi không biết bố mẹ tôi làm sao mà sống còn qua thời gian đó. Đạo đó, chưa có một chương trình trợ cấp xã hội nào cả. Gia đình chúng tôi, bữa no, bữa đói thường trực. Tôi không biết sau đó bao lâu, thì vì tuyệt vọng quá, bố tôi một mình, tách qua Úc Châu, hy vọng kiếm được việc làm, và dành dụm tiền, đưa gia đình qua sau. Chắc khi chia tay, bố

mẹ tôi buồn khổ lắm. Nhưng không còn đường nào hơn. Bố tôi đi, mẹ tôi gánh hết trách nhiệm nuôi hai con và ông cậu tôi. Không biết làm sao mà mẹ tôi đã vượt qua những ngày tháng khốn khó đó được. Đạo đó, tôi còn nhỏ quá, không biết, và không nhớ chi tiết về tin tức của bố tôi. Nhưng hình như một thời gian sau, chúng tôi bắt tin của ông. Không biết ông bệnh chết hay gặp tai nạn ở một nơi nào đó rồi. Cũng có thể ông gặp khó khăn quá, khốn khó quá, và biết không thể làm gì hơn để giúp đỡ vợ con, nên vắng luôn tin tức. Mẹ tôi khổ nhọc cùng cực, và không kiếm ra việc làm, đành nhắm mắt đưa chân, đem con và em theo đoàn người xuyên lục địa đi về miền Tây nước Mỹ. Nghe nói miền Tây đất đai màu mỡ, thừa người, công ăn việc làm dễ kiếm hơn. Mẹ tôi dừng chân phiêu bạt lại thành phố San Francisco. Ở đây, bà kiếm ra được những việc lao động tay chân tại các tiệm giặt, tiệm ăn và tiệm bán rau cải để nuôi con và nuôi em. Bà làm lụng cực nhọc đến phát bệnh lao phổi mà chết. Để chúng tôi lại cho ông cậu, khi đó ông mới mười sáu tuổi, ông đưa lưng ra gánh lấy trách nhiệm nuôi nấng hai đứa cháu thơ dại. Ông cậu thay bố mẹ nuôi chúng tôi, chắt chiu có nhau trong tình thương. Ông đã hy sinh cả tuổi trẻ để nuôi nấng các cháu. Ông làm lụng đầu tắt mặt tối để nuôi chúng tôi ăn học, gây dựng tương lai cho chúng tôi. Ông cậu thường khuyên rằng, nếu không có một tài ba nào đặc biệt, thì phải lo học để tương lai khá hơn, đó là con đường dễ dàng nhất cho mọi người thoát cảnh đói, nghèo. Ông không có một thú vui riêng nào, cũng không có bạn bè, trai gái, chăm sóc chúng tôi như con ruột. Hai

anh em tôi cứ nhớn nhoe trong bảo bọc cực nhọc của ông cậu, và buồn bã không nguôi vì nhớ mẹ, thương cha. Khi chúng tôi đã khôn lớn, đã lập gia đình, và có con cái, thì mới biết thấm thía công ơn khó nhọc của ông. Và ông vẫn ở mãi trong tình trạng độc thân cho đến già. Tôi cũng chưa làm được gì để báo đáp ơn ông, thế mà thỉnh thoảng còn vay mượn tiền của ông nữa. Ông khi nào cũng hào phóng, hết lòng hết dạ với các cháu.”

Ông Dan thấy Mai liếc nhìn đồng hồ trên tường, ông ngưng nói, cất giấy tờ vào cặp, chuẩn bị ra về. Trước khi ra cửa, ông nói thêm:

“Thế hệ di dân thứ nhất, thường phải chịu trăm ngàn khó khăn, đôi khi tưởng như không qua được, và ai cũng phải nỗ lực, cố gắng để vươn lên. Nước Mỹ này, có nhiều cơ hội tốt cho bất cứ ai, nếu họ quyết tâm. Tôi nghĩ, những người di dân ngày nay, có nhiều thuận lợi và được giúp đỡ nhiều hơn chúng tôi ngày xưa. Đó là những chương trình phúc lợi xã hội, những trợ cấp tài chánh mà ngày trước không hề có.”

Mai không ngờ ông Dan cũng thuộc thế hệ di cư thứ nhất. Ông cũng đã từng đói, khổ, gặp khó khăn trên đất mới, có lẽ nhờ vậy nên ông đối xử đầy tròn với những người đồng cảnh ngộ đi sau. Trên vùng đất mới này, Mai chưa hề một lần đói, lạnh. Dù khó khăn ban đầu thì tràn ngập, nhưng lại được no ấm, đầy đủ. Được trợ cấp một thời gian khi mới đến, và công việc làm ăn lúc ban đầu, thì cũng có khó khăn, nặng nhọc, nhưng cũng không phải khó khăn trăm bề như những người di cư thuở trước. Bây giờ, còn có thể vay tiền đi học, làm việc bán

thời gian tại trường đại học, đủ cho cuộc sống của sinh viên nghèo.

Có lần vui, ông Dan đưa hình vợ con cho Mai xem. Ông có một người con trai và ba cô con gái. Mấy cô con gái mặt mày thanh tú, thân hình đẹp đẽ, có hai cô được chọn vào ban múa để reo hò, tán trợ tinh thần các đội thể thao thành phố nhà. Tấm hình vợ ông hồi trẻ sắc sảo và đẹp như minh tinh màn ảnh thuở xưa. Mai hỏi:

“Làm sao mà ông làm quen được với một người đẹp như thế này? Tôi nghĩ, sắc nước hương trời như bà, thì có biết bao nhiêu người theo đuổi, ông làm sao mà chinh phục được trái tim bà, giỏi thế?”

Ông cười, nụ cười vui vẻ, thỏa mãn:

“Vợ tôi là bạn học của cô em tôi. Bà này gốc người Nicaragua, Nam Mỹ. Hai cô chơi thân nhau lắm.”

“À, thì ra thế. Cô em của ông chắc cũng đẹp lắm? Bây giờ bà ấy ở đâu?”

Ông Dan lặng người đi một chốc, rồi đưa ngón tay chỉ lên trời, run run nói:

“Tôi tin, bây giờ, em tôi ở trên đó, nước Chúa. Bình yên và vui thú hơn khi còn sống ở trần gian.”

Rồi ông kể cho Mai nghe cuộc đời của cô em ông. Chồng của bà chết vì tai nạn xe. Bà buồn và quần trí mất một thời gian dài. Mỗi tuần hai lần, ông vào bệnh viện tâm trí thăm, và an ủi bà. Khi xuất viện, đầu óc bà không còn được bình thường nữa. Cứ bị mất việc hoài, mỗi việc, bà làm được năm sáu tháng thì bị đuổi. Rồi cách đây hai năm, bà chết vì bị uống lạm thuốc. Người ta nghi bà tự

vẫn, nhưng ông không tin như vậy, vì bà có đạo, và ngoan đạo, mà luật đạo thì cấm hủy hoại thân thể. Khi kể đến đây, hai con mắt ông đỏ hoe, tiếng nói lắp bắp nhiều hơn. Ông lắc đầu, hạ giọng buồn bã:

“Không có gì mệt hơn chăm sóc một người bệnh tâm thần. Thà bệnh gì khác, người bệnh còn nghe, còn biết. Người bị tâm thần họ suy nghĩ cách khác, và không chịu nghe ai cả.”

Suốt trong hai năm liên tiếp, trưa nào ông Dan cũng vội vã cầm miếng bánh mì, rời sở sớm chừng mười phút trước giờ nghỉ ăn trưa. Không biết ông đi đâu, không ai dám hỏi, mà cũng không ai muốn xen vào đời tư của người khác. Đúng giờ làm việc, ông Dan trở lại với mồ hôi lấm tấm. Cả những ngày mùa đông ướt át, lạnh lẽo, ông cũng hấp tấp ra đi. Mai nghĩ, không chừng ông này có một bà tình nhân, che dấu ở đâu đó. Mấy ông có vẻ hiền lành bên ngoài, thường hay lén lút làm chuyện động trời. Sau này, ông khai ra là mỗi ngày đi thăm ông cậu tại viện phục hồi. Cậu của ông bị bệnh teo bắp thịt, và không còn đi lại được, phải nằm trên giường. Mỗi ngày, ông đón xe buýt đến thăm, và an ủi ông cậu, để ông này bớt thấy cô đơn. Ông cậu đã già, không vợ không con. Thật ra, những năm sau này, ông có một bà bạn. Hai người muốn kết hôn mà không được, vì bà này ly dị, mà chồng cũ thì còn sống. Họ đều là những người theo đạo Chúa thuần thành, luật đạo không cho phép tái giá nếu khi người chồng, hay người vợ cũ còn sống.

Một ngày thứ hai trong tuần, ông Dan vui vẻ rộn ràng, cứ cười cười hoài. Mai hỏi

ông có chuyện gì vui không. Ông Dan cười tươi và nói:

“Tuyệt vời. Một cái đám cưới tuyệt đẹp, hiếm hoi.”

“Đám cưới của ai?”

“Đám cưới ông cậu của tôi. Ông rể nằm trên giường, cô dâu mặc áo dài thụng đứng bên cạnh. Cả cô dâu và chú rể đều trên bảy mươi tuổi. Tội nghiệp cho hai người, thương nhau gần cả chục năm trời, mới được phép kết hôn. Họ lo làm gấp, sợ không kịp nữa, vì ông cậu tôi đã yếu lắm rồi.”

“Thế thì... ông chồng cũ của bà ấy vẫn còn chứ? Họ vượt qua cái luật khắc khe của đạo là đúng.” Mai bàn luận.

“Không. Ông chồng cũ bà ấy mất cách đây chừng mười ngày.”

Mấy tuần sau, cậu của ông Dan chết. Có lẽ được lấy vợ trước khi chết, cũng là một an ủi lớn cho ông già này. Mai có đi đưa đám. Ông nằm thanh thản trong quan tài, mặt xương và tái, miệng hơi cười. Bà vợ già của cậu ông Dan khô đét như con mắm, mặt nhăn nheo như một tờ giấy vò nát. Nghĩ đến tấm lòng nhân hậu của cậu ông Dan mà Mai cảm phục, và nghĩ đến các ông Thánh. Đời có những vị Thánh sống không ai biết, không ai xưng tụng, ca ngợi, có lẽ họ cũng không cần các thứ đó. Trong tang lễ, Mai gặp bà vợ ông Dan. Bà này bị bệnh run rẩy tay chân. Run bần bật không ngừng. Bà không còn một nét đẹp nào trong những tấm hình mà ông Dan đã cho Mai xem. Thành thạo bà gất gồng than phiền những chuyện không đâu. Ông Dan cứ thì thầm với bà: “Xong,

xong rồi, mọi việc xong cả rồi. Bà đừng nói nữa."

Nhà ông Dan ở phía Bắc của cầu Golden Gate, một thành phố nhỏ hiền hòa. Ông Dan cùng một nhóm đồng nghiệp đi xe chung. Mỗi khi có họp ra trễ, không kịp cùng về xe chung, thì ông phải dùng phương tiện chuyên chở công cộng. Từ sở về nhà, phải thay bốn tuyến xe, chưa kể đi bộ và chờ đợi. Về đến nhà thì đã gần mười giờ đêm. Thế mà có khi ông phải nấu ăn vào giờ đó, vì bà vợ bị bệnh run rẩy tay chân, không làm được, sợ tai nạn. Không hề nghe ông than van khổ nhọc, khó khăn.

Nhiều lúc Mai thấy ông Dan vất vả quá, khuyên ông nên lái xe đi làm vào những ngày có họp, hoặc những khi biết không về kịp với chuyến xe đi chung. Ông Dan lắc đầu cho biết, từ mấy năm qua, ông không có xe. Không thể mua xe, vì có xe thì bà vợ dành lấy mà lái. Bà run tay chân, và tâm trí không còn bình tĩnh, bà đã gây nhiều tai nạn. Các hãng bảo hiểm khước từ, không bán bảo hiểm tai nạn cho ông. Dù bà đã bị rút bằng lái, nhưng bà vẫn cứ lái xe. Bà không sợ ai cả. Ông không muốn bà bị tù, và nếu bà có ở tù, thì ông còn khổ hơn bà nữa. Không có xe là giải pháp tốt nhất. Mai rùng mình, không thể tưởng tượng được một người sống trên đất Mỹ mà không có chiếc xe để đi làm ăn.

Mai hỏi: "Thế thì làm sao mà ông đi chợ, đi mua hàng hóa?"

Ông cười nói: "Đi chợ? Cứ đẩy chiếc xe có bốn bánh từ chợ về nhà như mấy ông vô gia cư, rồi đem xe trả lại. Khi nào thuận tiện, gặp lúc ông bà hàng xóm đi chợ, thì xin đi theo."

"Bất tiện quá nhỉ!"

"Thì cũng phải chịu, chứ làm sao bây giờ?"

Nhiều buổi sáng ông Dan vào sở với hai con mắt đỏ ngầu, dáng điệu mệt mỏi, tay che miệng ngáp lia lịa. Ai cũng đoán biết là đêm qua ông bị bà vợ quấy phá, không cho ngủ. Bà ngủ gà ngủ gật suốt ngày, nên ban đêm không ngủ được, quấy quả, làm ông mất ngủ theo. Bạn bè khuyên ông nên ngủ riêng, vì ông cần ngủ đủ, để có sức khỏe mà đi làm. Ông thường nói rằng:

"Vợ chồng, những khi đau yếu cần có nhau, an ủi nhau. Khi khỏe mạnh thì ngủ chung, khi đau yếu thì ngủ riêng sao được?"

Không ai dám bàn thêm gì cả. Có người thì chê ông vụng tính, nếu không lo giữ gìn sức khỏe, khi gục xuống, lấy ai lo cho cả hai ông bà? Có người thì khen ông là người nhân hậu, tình nghĩa.

Có lần ông Dan lái xe sở đi công tác ở một thành phố cách xa hơn một trăm dặm, hai ba ngày sau vẫn chưa thấy về, cũng không nghe ai nhắn gì cả. Toàn nhóm đồng sự nhón nháo kêu điện thoại tìm ông. Kêu điện thoại về nhà ông, không có ai trả lời. Sở phái người đến nhà gõ cửa, cũng không ai mở. Cuối cùng, người ta tìm ra ông nằm trong bệnh viện ở thành phố mà ông đi công tác. Ông ngất xỉu, được đem vào phòng cấp cứu, bác sĩ quyết định giải phẫu ngay. Mai hỏi đồng nghiệp trong sở xem ông bị bệnh gì. Một ông cười cười, đưa bàn tay chặt ngang phía dưới một nhát, và bảo: "Đi đong, không còn gì nữa. Chẳng còn là đàn ông, mà cũng chẳng là đàn bà". Mai không dám hỏi thêm

nữa. Ba tuần sau, ông Dan trở lại làm việc, trông ông hồng hào hơn cũ. Mai không dám đả động đến cái bệnh của ông Dan, sợ ông xấu hổ. Mai chỉ biết chúc mừng ông trở lại, và nói vài lời an ủi. Về sau, Mai biết ông bị xuất huyết bao tử vì quá lo lắng, và phải giải phẫu gấp.

Mấy người con của ông Dan cũng gây cho ông không biết bao nhiêu rắc rối, mà ông phải gánh chịu. Anh con trai đi lính, bị đuổi khỏi quân trường, về nhà ở với ông hơn cả năm, không làm ăn gì cả. Ông phải vay mượn tiền của ngân hàng, để cho anh này hoàn trả cho quân đội. Cô con gái lớn, lấy chồng được mấy năm, có một đứa con, thì ly dị. Cô này cũng dọn về ở với ông bà, và gây cho ông nhiều rắc rối nhất. Ông nói với Mai: "Khi có con, thì trách nhiệm và tình thương còn đeo đuổi mãi, có nhắm mắt nằm xuống, may ra mới hết được. Con cái, dù nó có tội lỗi, có tù đầy, mình cũng cứ thương."

Có lần, ông Dan xin nghỉ phép một tuần, để đi vào miền núi xa, hoang vắng. Thuê một căn phòng nhỏ trong một tu viện để tĩnh tâm, để được ngủ yên, và không còn suy tư, không còn lo lắng, bận rộn gì nữa. Ngày hai lần xuống phòng ăn của tu viện dùng bữa, được các bà phước dọn sẵn. Tạm quên đi cuộc đời nhiều rắc rối bất hạnh của ông. Thì ra, ông không hề đọc sách thiền, mà ông cũng biết chuyện thiền, để rũ bỏ phần nào khổ đau đang gánh nặng. Mai có đưa quảng cáo các lớp học thiền, do các vị tăng sư tổ chức, ông chỉ cảm ơn, mà không tham dự.

Rồi ông Dan đột ngột tuyên bố về hưu, làm Mai choáng váng, buồn, như sắp

mất đi một cái gì quý báu. Mười mấy năm làm chung với ông Dan, Mai chưa hề nghe ông thúc hối, to tiếng la rầy, hoặc tỏ thái độ bực mình với ai. Vì cách đối xử nhã nhặn, lịch sự, dịu dàng của ông, nên ai cũng cố gắng làm việc, làm hết lòng, không chờ ông nhắc nhở. Hoàn cảnh gia đình ông như vậy, khó khăn và rắc rối triền miên, mà khi nào ông cũng giữ được phong thái bình tĩnh, nhẹ nhàng, không đem cái cáu bẳn từ nhà vào sở. Khi nào cũng nói lời tử tế, như: "Anh, chị có vui lòng làm giúp tôi việc này không?" Hoặc: "Việc này họ thúc hối quá, không biết mình làm có kịp hay không, thôi thì ráng làm đến đâu hay đến đó, đừng quá lo lắng, không kịp cũng chẳng chết ai". Với cách nói tử tế đó, không ai nở phụ lòng tốt của ông. Để đáp lại, gặp những lúc công việc khẩn cấp, Mai bỏ cả giờ ăn trưa, bỏ cả giờ nghỉ xả hơi, gắng làm cho xong việc, kịp hạn định. Ông không thúc hối, không làm áp lực. Mười mấy năm làm việc với ông, Mai cảm thấy thông dong, nhẹ nhàng, và trong cái văn phòng này, có sự ấm áp, có yên ổn, an bình. Bây giờ, ông Dan tuyên bố về hưu, không biết người chỉ huy mới có tạo được cái không khí thoải mái, dễ dàng nữa không. Bởi vậy, nên Mai buồn.

Ông Dan cho biết, mấy năm sau này bệnh vợ ông trở nặng, ông phải đem vào nơi chăm sóc đặc biệt, cho bà ở hẳn trong bệnh viện. Chi phí mỗi năm tốn gần trăm ngàn đồng. Ông không đủ tiền để trang trải chi phí, nên phải xin nghỉ hưu sở này, và đi làm việc cho nơi khác. Nếu cả tiền hưu sở này, cộng với tiền lương sở mới, may ra mới đủ chi phí chăm sóc bà vợ. Ông ra làm kỹ sư cho hãng thầu xây cất, đứng giữa trời gió

bụi, nắng mưa và xe cộ nguy hiểm. Thời khắc làm việc lại bất thường, không kể ngày đêm, mà tuổi già thì bệnh hoạn, mệt mỏi. Những công tác xây cất xa lộ, thường làm đêm khuya khoắt để tránh kẹt xe. Ông Đan vẫn không ngại ngần, thức trắng đêm trong khói bụi công trường.

Có lần Mai hỏi ông Đan rằng, trong đời, có khi nào ông được thông dong, thanh thản hay không? Ông Đan cười trả lời rằng:

"Minh phải tự tạo lấy cái thông dong, thanh thản. Chứ cuộc đời là một chuỗi

dài khó khăn, trắc trở, đau buồn. Nhưng mình cũng có những khoảng trống xen lẫn, để mà tự tạo lấy niềm vui, nắm lấy vài phút giây hạnh phúc. Nếu không, thì gục ngã ngay."

Nhìn vào cuộc đời ông Đan, Mai tự thấy mình quá hạnh phúc, quá sung sướng, được trời dành cho vô vàn ân sủng, nên thường không dám đòi hỏi gì hơn, chỉ mong được yên bình khỏe mạnh là đủ./

Tràm Cà Mau



NHỮNG VẦN THƠ của HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

"Thì thôi một kiếp cũng đành

Trả cho đời những hư danh hão huyền" (Như chiếc lá rơi)

"Chông gai, cay đắng phong ba

Ngọt bùi, hạnh phúc, gắm hoa trong đời

Trần gian vẫn đẹp tuyệt vời

Bài thơ viết tạ Phật Trời trên cao" (Tạ ơn)

"Quê nghèo qua mấy biển dâu

Về thăm vườn cũ còn đâu gia đình!

Chỉ còn âm vọng lời kinh

Độ trì cho những bóng hình thân thương

Tâm thành thấp một nén hương

Ngậm ngùi trở gót trên đường lưu vong" (Nguồn xưa)

"Tình thơ giải tỏa ưu phiền

Lánh xa thế sự bạc tiền lợi danh

Vui cùng gió mát trăng thanh

Bạn cùng muôn thú rừng xanh hữu tình" (Tình thơ)

HÃY CÙNG NHAU CHẬM CHẬM NHẬP NGỤM TRÀ

Không một ai có thể
Biết lúc mình ra đi
Thời gian không còn đủ
Tỏa sáng có mong gì
Vậy hãy chậm và nhẹ
Nhập ngụm trà ngon nhe

Đời sống thực ngắn ngủi
Ta vẫn cảm thấy dài
Làm nhiều việc, ta phải,
Mà cũng lắm khi sai
Gần cả đời vươn tới
Mong được vững mạnh hoài.
Nhưng sớm muộn ngày cuối
Cũng sẽ đến, bạn ơi
Vậy xin đừng trễ nải
Nhẹ nhàng, từ tốn thôi
Nhập ngụm trà, chậm rãi

Bạn ta, người này còn
Kẻ kia mất, chuyện thường
Tình bạn ta trân trọng
Nhưng ai mãi cạnh bên
Trẻ con rồi sẽ lớn
Và vỗ cánh tang bồng
Có ai mà tiên đoán
Tương lai ra sao không
Nên nhẹ nhàng, chậm chậm
Nhấp chén trà thơm hương

Cuối đời ta cảm nhận
Thế nào là Tình Yêu
Chốn Hồng Trần, thân phận
Cả trên những vì sao
Ai là người lo lắng
Ta cảm kích ơn sâu
Để ưu tư lắng đọng
Thở ra, cười đi nào

Rồi nhẹ nhàng, từ tốn
Nhập ngụm trà cùng nhau

Thời gian hãy chia sẻ
Với mọi người quanh ta
Hãy gắng làm tất cả
Mọi thứ việc gì mà
Khả năng bạn có thể
Tạo niềm vui chan hoà
Cho bà con, huynh đệ
Những người quen, thân, sơ

Hãy cho họ cảm thấy
Bạn đặc biệt quan tâm
Bởi ai biết đâu đây
Khi nào thì thời gian
Đưa họ về “chốn ấy”

Ai cũng có thể nói
Nhưng đối thoại, mới cần
Vui thú, ta đạt tới
Nên cùng nhau ăn mừng

Một mình, ta cười mỉm
Tiếng cười sẽ nở ran
Khi ta tụ thành đám
Với những người thân, quen

Tình người là thế đó
Đơn độc, ta là chi
Không bạn bè, huynh đệ
Vậy thì, các bạn nha,
Giữ liên lạc chặt chẽ
Giữa bằng hữu chúng ta

CHĂM TÁ NHÂN (MÙI QUÝ BÔNG)

(phóng tác từ “Sip your tea Nice and Slow” của Lee Tzu Pheng) 01/28/2021

Sip your Tea Nice and Slow!

By **Lee Tzu Pheng** (Singapore Cultural Medallion winner)

No one Ever knows
when it's Time to Go,
There'll be no Time
to enjoy the Glow,
So sip your Tea
Nice and Slow...

Life is too Short but
feels pretty Long,
There's too Much to do, so much going Wrong,
And Most of the Time You Struggle to be Strong,
Before it's too Late
and it's time to Go,
Sip your Tea
Nice and Slow...

Some Friends stay,
others Go away,
Loved ones are Cherished, but not all will Stay,
Kids will Grow up
and Fly away,
There's really no Saying how Things will Go,
So sip your Tea
Nice and Slow...

In the End it's really
all about Understanding Love,
For this World
and in the Stars above,
Appreciate and Value who truly Cares,
Smile and Breathe
and let your Worries go,
So, Just Sip your Tea
Nice and Slow...



THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH

(Để tưởng nhớ người bạn đời Robert A. Senser 44 năm của tôi)

♥ Nguyễn Thị Ngọc Dung ♥

(Dịch từ những lá thư 50 năm cũ. Tiếp theo Cỏ Thơm số 100 và KẾT)

Monday May 03, 1971.

My dear Dung,

Chúc em một buổi sáng đẹp.

Anh mệt mỏi chờ đợi dọn đến *apartment* của người tiền nhiệm, và bây giờ anh đã nhận một nơi khác, nơi anh chỉ ở tạm thời. Nhưng thật ra nơi này tốt hơn và gần Tòa Đại Sứ. Anh sẽ dọn tới một căn chung cư ngày Thứ Ba, ngày 4 tháng 5. Nó có cảnh rất đẹp và người giúp việc tạm thời.

Anh sẽ gặp bà Năm hôm nay và sẽ nhờ bà ta cầm thư này tới em. Em hãy nói giùm với bà Năm anh chỉ ở chung cư tạm thời. Ba tuần nữa anh sẽ dọn tới biệt thự Đường Hiền Vương và có nhà sau cho người giúp việc ở.

Dung ơi, con trai của em rất khôi ngô. Anh phải học nói với Thủy một chút. Thủy rất chăm chú nghe chúng ta nói chuyện, bởi vì Thủy muốn hiểu. Anh nghĩ bây giờ Thủy vui hơn mấy năm về trước.

Để anh nói với em về chương trình của anh. Anh có ăn tối với ông Đạt, Thứ Tư, ngày 5. Và Ông Roger Burgess tối Thứ Sáu. Và cuối tuần sau anh có khách VIP tới, và anh không biết anh sẽ bận thế nào với ông ta.

Anh chắc chắn hoàn toàn tự do Thứ Ba, ngày 4. Vậy nếu em muốn đến giúp anh, em có thể. Anh sẽ về đó ngay sau giờ làm việc. Hay nếu em muốn về nhà trước thì anh sẽ gặp em sau đó. Chắc chắn anh sẽ giữ ngày thứ ba trống. Anh sẽ điện thoại nói chuyện với em ngày mai vào lúc 12 giờ 15.

Gần như anh chưa có gì làm tối nay và tối mai. Có thể tối mai anh sẽ gặp Jerry. Tối qua không có gì đáng chú ý cả. Chiều Thứ Năm anh sẽ bận với một buổi tiếp tân từ 6:30 đến 7:30.

Anh cảm động (anh phải nói thế nào trong tiếng Việt) -- anh cảm động vì em cho anh một ít tiền lẻ. Có nhiều thứ về em, anh thấy dễ thương lắm.

Hôm nay trời sẽ đẹp hơn nếu đi chơi sở thú với các con em. Anh ước gì có thể gặp nói chuyện với em, nhìn em. Nhưng không được, anh sẽ gửi em cái thư này, để em biết anh nghĩ tới người yêu của anh như thế nào. Okay?

Em nói giùm với bà Năm, anh rất vui bà ta lại có thể làm cho anh. Bà Năm có thể nói tiếng Việt với anh.

Anh đã ăn quá nhiều. Sau buổi tiếp tân ở Tòa Thị Chính, anh phải đi ba cái tiệc tại tư gia nữa.

Love,

Bob.

May 5, 1971

Dung thương yêu của anh

Tối qua, anh nghĩ rằng em nói về định mệnh của anh. Em có hiểu đó là gì không? Nếu em có thời giờ, anh muốn nói với em về điều đó một ngày nào, ngay sau giờ làm việc của em. Anh sẽ ở *apartment* lúc 5:30 mỗi buổi chiều.

Tối Thứ Năm anh phải đi một buổi tiếp tân lúc 6:30. Thứ Sáu, 8 giờ anh

có bữa ăn tối lâu dài. Bây giờ anh sẽ đi ăn tối tại nhà Ông Đạt.

11 giờ 30 đêm,

Anh mừng cuộc đình công của tài xế AID đã chấm dứt.

Anh ngồi đây và uống một chút Scotch và vẫn nghĩ về những gì em nói với anh, "*Tại sao anh yêu em? Em không thể là người tình của anh được nữa.*"

Cái *apartment* này rất đẹp. Anh không phiền ở đây một mình.

Hôm nay anh học được một câu tiếng Việt mới – "*Tôi một mình.*"

Tối qua, lần đầu tiên, từ lâu, em nói tiếng Việt với anh. Khi anh nói được tiếng Việt nhiều hơn, anh sẽ hỏi giữ Phong, Okay?

Anh lấy làm lạ tại sao em khóc tối qua, và bây giờ anh nghĩ anh đã hiểu. Và anh cũng muốn khóc. Nhưng anh sẽ không bao giờ khóc nữa.

Nếu em rảnh một chút vào lúc 5:30 hôm nào, thì gọi anh khoảng 12:15.

Love. - - Bob

Sài Gòn, Sunday morning, May 9, 1971

Dung thương yêu,

Chúng ta gặp nhau nhưng quá ngắn ngủi nên khó khăn nói hết chuyện. Anh quên những điều anh có trong đầu. Em có thể đưa lại anh những tài liệu học Việt ngữ mà anh gửi em trước kia. Anh cần những tài liệu này và chúng rất tốt.

Sáng nay, trong lúc đi mua sắm, em có thể đem trẻ con đến thăm anh. Lần sau đến, chúng nên đem theo sách đọc.

Anh sẽ thuê tiếng đọc của chúng và học cách phát âm.

Em có bao giờ viết thư cho người bạn của em ở Jakarta không? Anh muốn có địa chỉ của cô ta để nhờ cô mua ít vải Indonesia và may sơ-mi. Khi anh đến Indonesia năm ngoái, bạn em đưa anh đi phố. Anh có mua cho em một bộ áo cho em. Em có mặc không?

Anh là hội viên của Cercle Sportif, anh muốn bơi lội ở đó. Em có muốn đến không?

Tháng sau có một buổi khiêu vũ lớn ở khách sạn trong phố. Em muốn đi với anh không?

Anh mong em khỏe. Anh sẽ gọi em thứ ba, được không em yêu?

Sunday night - Bạn anh sẽ có một party tối thứ bảy. Anh mong em đến với anh.

Anh sẽ có cơm tối ở TLDLCVN (CVT).

Khách VIP của anh sẽ rời đi sáng thứ ba. Anh

sẽ đưa ông ta đi ăn tiệm tối mai.

Love you - - Bob.

May 14, 1971 - Friday night, 7:45.

Trời mưa lớn. Anh mong em an toàn về nhà. Anh đã quên trời mưa lớn như thế nào ở đây. Anh cũng quên cả



chuyện mưa năm ngoái. Em đoán được chuyện gì không? Hôm nay anh mua cái xe Toyota Mark II màu trắng, 4 cửa với máy lạnh. Nó sẽ đến trong 5 tuần nữa. Anh định mua cái Mazda, nhưng phải 4 hay 5 tháng nó mới tới, nên anh quyết định mua cái Toyota.

Em nghĩ gì về điều đó.

Chủ Nhật, May 23 anh sẽ có xe suốt ngày (và cả tối Thứ Bảy nữa). Anh có thể đưa em và các con em đi chơi đâu không? Tùy em nhé!

Anh cảm thấy dễ chịu hơn hôm nay. Anh đi làm vào khoảng 9 giờ sáng. Và về lúc 6 giờ chiều. Anh hy vọng em có ở đây. Tất nhiên là em không? Mỗi ngày Bà Năm đến làm từ 8 giờ sáng đến 6 giờ chiều dù anh không ăn ở nhà. Hôm nào em muốn nghỉ ngơi một lúc em cứ đến. Bao giờ anh cũng về nhà trước khi đi ăn tối hay đi dự tiếp tân.

Anh sợ rằng anh vẫn còn bệnh. Có thể anh không làm được *party* lớn cho tối mai. 10 giờ sáng mai anh sẽ đến nhà em. Mong rằng em cho phép anh. Anh có khách người Đức đến gặp anh tại sở lúc 8:30.

Bây giờ là 8 giờ, anh muốn đi ngủ, nhưng sợ sẽ tỉnh dậy sớm trong đơn độc. Nếu có vợ hay một người yêu khi tỉnh dậy giữa đêm sẽ không cô đơn vì có nàng bên cạnh.

Anh rất mừng cho em có bạn RMK ra ngoài ăn trưa với em.

Đôi khi anh không chắc chắn em sẽ làm gì với tương lai của em. Em đừng lo điều đó. Em không có bổn phận gì với anh cả. Anh sẽ giúp em và các con em dù chúng ta chỉ là bạn. OK, dear?

Anh mong rằng em sẽ vui trong *party* tối mai. Anh lo lắng trời sẽ mưa. Em sẽ làm sao? Em đến muộn cũng được.

Nếu trời mưa anh sẽ nhờ một người bạn đến đón em.

Đôi khi anh cảm thấy buồn. Anh viết cho em cái thư buồn gần đây, và anh làm em buồn lây. Hãy gọi cho anh lúc 12 giờ 10 nếu em có thể. Okay?

4 giờ sáng - Anh tỉnh dậy và không biết em ra sao? Anh nhớ em thật nhiều, em biết không?

Anh không đến Việt Nam để tìm một người bạn gái khác hay là người đàn bà khác làm vợ anh. Nếu anh không có em, nếu anh mất em, anh có thể có người khác, nhưng sẽ là một thời gian thật lâu dài. Anh sẽ sống một mình và mong em sẽ trở lại.

Love. - - Bob.

May 15, 1971

Saturday, 7:45am - Anh sẽ gửi Bà Năm đưa thư này đến RMK cho em.

Anh vẫn còn bệnh, không nhiều. Nhưng anh vẫn còn cần phải mua nhiều thứ nếu anh có *party* lớn cho nhiều người ngày mai, Chủ Nhật. Nên anh phải hoãn cái tiệc. Người Mỹ không thích bị lây bệnh. Tuy nhiên sẽ vẫn có vài người không được tin này và đến. Và nếu em đến được thì anh rất vui mừng gặp em. Có thể anh hết bệnh tối nay. Anh hy vọng vậy.

Anh sẽ nghỉ ngơi cả hôm nay. Anh sẽ đi lấy bộ *suit* lúc 5 giờ. Nó màu xanh rất đẹp như màu áo dài của em.

Hãy gọi cho anh khi em có thể.

Love. Bob.

May 21, 1971

My dear,

Anh vừa mới đọc cái *note* của em.

Anh vui mừng em đến và để lại vài chữ. Em biết đấy, anh lo lắng. Anh về nhà ăn trưa và chờ em thật lâu.

Nhưng anh rất giận, anh có hai người làm mới, nhưng không người nào để em vào. Buồn đến thế nào! Vì họ tưởng em muốn gặp ông tiền nhiệm mà anh sắp thay thế, nhưng ông ta không có nhà.

Anh hiểu rằng Bà Năm không đến ở Hiền Vương cho đến tháng 7 ngày 2 được vì con trai của bà ta mới chết trận.

Anh có hình em gái của em. Anh sẽ đem đến cho cô ấy và em rể của em. Anh rất muốn gặp em và rất mừng em sẽ đến ngày mai. Anh sẽ gửi Bà Năm thư này đem tới em nếu anh tìm được bà ta. Anh hy vọng vậy.

Ngày mai anh sẽ đến đón và đưa em về lúc 8 giờ. Anh cũng muốn gặp lại em Chủ Nhật.

Cái biệt thư thật là rộng cho một mình anh. Anh đến xem cái nhà với Bà Năm. Dung, anh nhớ em. Anh ước muốn gặp em tối nay.

Anh muốn đón em tại RMK lúc 5:30 ngày mai, được không?

Em nói rằng em sẽ gặp anh thường xuyên hơn, khi chuyện phiền phức kia qua đi. Anh mong rằng nó đã qua rồi.

Anh yêu em, Dung. - - Bob.

June 9, 1971

My dear,

Anh nhớ em, anh yêu em và anh muốn cưới em. Anh tín nhiệm em. Em nói với anh, em có nhiều mặc cảm. Anh

cũng vậy. Và khi anh không gặp em, anh lo âu nhiều. Em không tin anh mà tin những người khác nói những điều lạ lùng và làm em giận anh.

Anh có thể đi xa vài ngày, anh muốn gặp em trước khi đi, nhưng nếu không, anh sẽ gặp em sau đó. Hôm nay anh rất mừng em đã khỏe mạnh.

Anh quyết định không đi Đà Nẵng ngay. Em biết gì không? Vì anh lo sợ. Một người bạn của anh, một Đại Tá Việt Nam vừa chết khi bay từ Sài Gòn đi Đà Nẵng. Anh nghĩ nếu anh chết bây giờ anh không có gì cho em? Anh nợ em nhiều lắm. Vậy em đừng kiêu hãnh.

Trước khi anh đi Đà Nẵng (anh chờ đến tuần sau) anh phải đưa cho em một vài thứ. Em quyết định muốn gì về tương lai của em? Bất cứ quyết định gì dù là em không thương anh nữa cũng đừng giận anh. Anh muốn chết khi em giận anh. Vậy hãy đến gặp anh một lúc vào tối Thứ Năm hay là lúc ăn trưa. Anh sẽ lái xe đưa em về nhà. Nếu về một mình, anh muốn em rời trước 8 giờ.

Có một đêm, anh trở dậy xem PX catalog, xem họ có bán nhẫn không? Như bây giờ, 3 giờ sáng. Em nhớ lần thứ nhất, tháng bảy năm ngoái, anh đã đề nghị có nhẫn cho em. Đúng không, em yêu, Dung?

Love.

Bob.



June 19, 1971,

My dear Dung,

Anh sung sướng biết bao, hôm nay em và bé Hân đã đến thăm anh và cho anh một niềm vui thật lớn. Em đã hỏi anh, "Anh còn muốn đưa em và các con em về Mỹ không?"

Dung ơi, anh mong chờ mãi câu hỏi đó của em. Chắc chắn là anh muốn lắm rồi. Anh như sống lại khi được quỳ xuống hôn bàn tay em và nói cả trăm lần "yes." Cảm ơn vòng ôm của em cho anh có cảm tưởng anh đã trọn vẹn có em và không bao giờ mất em. Cả bé Hân cũng ôm chúng ta nữa. Chưa bao giờ anh được hạnh phúc như thế.

Anh tiếc rằng anh không có nhẫn để đeo vào ngón tay em ngay lúc đó. Cảm ơn em đã có ý nhờ bạn đi chọn nhẫn giùm anh. Anh cũng cảm động khi em nói: "Em còn tiền để mua nhẫn, anh cần tiêu gì ở Sài Gòn thì hỏi em. Anh chỉ việc đeo cái nhẫn vào tay em thôi."

Ôi Dung của anh, anh đã yêu em thật nhiều và còn kính trọng em hơn nữa vì đức tính chân thành của em. Vì thế, anh đã coi em như là vợ của anh từ lâu rồi. Em ơi, rồi đây những gì anh có cũng là của em hết. Em biết không?

Tội nghiệp, em đã không mua xe vì không dám lái trong thành phố Sài Gòn. Em đã không dám mua nhà ở vì sợ hàng xóm dữ dằn. Em sẽ có hết và anh sẽ làm hết cho em, người yêu suốt đời của anh. Em không phải lo sợ gì hết.

Em nên nghỉ sở làm và dọn tới anh cùng với bé Hân và bé Phong. Anh

hạnh phúc biết bao, khi nghĩ rằng anh sẽ sống có vợ và các con yêu anh. Anh sẽ săn sóc em và các con của em. Anh sẽ không bao giờ cô đơn nữa và em cũng vậy. Chúng ta sẽ không bao giờ buồn nữa. Chúng ta sẽ có nhau suốt đời.

Bà Năm cũng rất mừng báo tin cho chồng và mấy người gác gian biết. Họ có ý định sẽ có bia và đồ nhắm chúc mừng anh và em lần sau em tới.

Em đi mua nhẫn ngay nhé. Chúng ta sẽ mau chóng làm một buổi tiếp tân Đính Hôn tại biệt thự Đường Hiền Vương. Anh sẽ bắt đầu hỏi thủ tục cưới vợ với Washington ngay ngày thứ hai. Anh sẽ viết cho em những gì cần phải làm cho việc thành hôn của chúng ta.

Cảm ơn Đức Chúa và Đức Phật đã thương anh và em. Các ngài đã trả lời sự cầu nguyện của chúng ta.

Chúc vị hôn thê, vợ sắp cưới của anh ngủ ngon.



*I love
you forever,
my dear
Dung, my
wife. - -Bob.*

Trọn đời thương nhớ Anh, Bob Senser
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

CHIỀU SƠN THÔN



Mây vẫn bay trên đầu núi cũ
Chiều âm vang mấy điệu khèn xa.
Bản làng hiu hắt trong sương lạnh,
Sợi khói bay vương mấy nếp nhà.

Thấp thoáng cây xanh, mờ bụi đỏ
Áo chàm sơn nữ lối quanh co,
Lá rừng che khuất vàng trắng tỏ?
Đá dựng nghìn năm vách núi xưa.

Nắng tắt non đòai đêm biển mực
Sao trời lấp ló, cọp gầm vang
Đâu đây suối hát lời ma nữ,
Vực thẳm còn tru ngọn gió ngàn.

Lửa bập bùng reo, đốt xác ngày
Tiếng cồng mê đắm rượu cần say
Hồn ta bỗng nhập làm ma số,
Ai đếm dùm ta tuổi đá này?

Trùng Sơn rừng thẳm dấu chưa mờ
Gai sắc chân mòn, tóc bạc phơ
Lối cũ vẫn hai triền dốc ngược
Ôm gùi, ai đứng khóc ngu ngo!

Hoàng Song Liêm

Pleiku 1965

TIẾC THƯƠNG

Về đây để nhớ một thời
Phố xưa còn đó,
bóng người xưa đâu?
Ta lại về thăm Hà Nội cũ
Một thời trai trẻ mộng đời xanh
Một thời đất khách thân lưu lạc
Trùng xưa vẫn đó, bạn xưa đâu?
Đất nước vừa qua cuộc biển dâu
Đã mất bao người con Hà Nội
Sử xanh ai chép những niềm đau?
Trở về thương lấy ngôi nhà cổ
Ôm giấc mơ xanh thuở thiếu thời
Trên những con đường Hà Nội cũ
Bồi hồi tìm mãi dấu chân tôi.
Trở về để thấy thương Hà Nội
Để thấy yêu đời, nhớ cố nhân
Hoa sấu, hoa me chiều nghỉ học
Chiêu hồn Hà Nội một thời Xuân.

Hoàng Song Liêm

Virginia 4/2007

CHẠP CHÙNG BÓNG MÂY

Tìm trong giữa cõi nhân sinh,
Nghe đời gõ nhịp buồn xanh góc nhìn
Câu thơ nào để tay vin
Bài thơ còn ngọt lời in dấu hồng!

Mênh mông con nắng chiều hong,
Đường qua bước nhỏ
chập chùng gió mây
Thời gian mấy thuở cau mày
Mang mang tâm sự
đủ đầy tháng năm...

Đường khuya lạnh bước chân thềm,
Chập chờn trong giấc mơ âm lối chờ
Người cho đẹp cuộc tình thơ
Nghĩa ân tròn nghĩa đặng bờ trăm năm.

Ước mong một nẻo thơ thần,
Tìm trong chân ý cội tâm bốn mùa
Qua rồi những chuyện được thua
Còn trong tim
chút duyên thơ bóng chiều!

Thơ đời mang nặng thương yêu,
Cõi đi chốn ở những điều nắng trong
Giữ thơm tình chẳng bạc lòng
Dòng thơ quý phái vui cùng tay nâng!

Hoa Vãn

TÌNH LÍNH

Một thời quân ngũ thật bao la
Ôi đẹp làm sao lính Cộng Hoà
Theo bước quân hành rừng với núi
Và tìm trong nắng những mùa hoa

Tôi là anh lính biết làm thơ
Rất quý yêu thương một lá cờ
Là lá cờ vàng ba sọc đỏ
Một lòng một dạ đến bây giờ

Núi sông còn nặng trên đôi vai
Tình lính tình quê vẫn dậm dãi
Còn đẹp trong tôi và mãi mãi
Đời dù đã hết cho ngày mai

Tuổi thấp tuổi cao tròn vẹn lòng
Tình tôi còn sáng tấm gương trong
Tôi yêu đời lính ngày xưa quá
Vì đã cho tôi biết hiểu trung

Lính cũng cho tôi những tuyệt vời
Tình huynh nghĩa đệ lúc buồn vui
Khi say lúc tỉnh đau cùng xót
Tổ quốc trong tôi mãi sáng ngời

Đời lính cho mình dạ sắt son
Mỗi ngày trung dũng mỗi cao hơn
Yêu người yêu bạn yêu sông núi
Tình lính xưa tôi mãi mãi còn.

Hoa Vãn

07/30/2023



TIÊN CHA

**** TT-Thái An ****

Ngày 4 tháng 9, 2001 bố mẹ tôi từ Toronto, Canada sang thăm tôi. Tôi đã mua vé máy bay khứ hồi cho bố mẹ đến ở với tôi gần ba tháng. Bố mẹ tôi được em Khánh bảo lãnh từ Paraguay qua Canada năm 1996. Giờ đã có quốc tịch Canada nên qua Mỹ thăm tôi.

Năm 1996, tôi đã từ Mỹ qua Canada thăm bố mẹ sau 17 năm xa cách. Khi xa cha mẹ đầu năm 1979 tại Bolivia, một nước ở Nam Mỹ, tôi còn là một thiếu nữ. Khi gặp lại bố mẹ, tôi đã có ba con. Từ đó, thỉnh thoảng tôi dẫn các con sang Canada thăm ông bà ngoại.

Khi mẹ vừa đến nhà tôi, mẹ kể cho tôi nghe trước khi qua Mỹ một ngày, mẹ nghe thấy Chúa phán nhiều lần “Phải cầu nguyện cho nước Mỹ.” Mẹ cảm thấy có chuyện gì khẩn trương lắm.

Tối hôm đó tôi nằm mơ thấy giấc đang sòng sọc kéo đến. Trong giấc mơ, tôi và bố mẹ đang đứng trước hiên nhà, loại nhà bằng cây có hiên trước rộng rãi cũng đóng bằng cây, trên có mái che, trông như nhà trong các phim cao bồi Mỹ thời xưa. Phía trước nhà là con đường đất rộng và dài. Tôi trông thấy từ xa có một đoàn kỵ binh đang hung hăng kéo đến, bụi đường theo vó ngựa bay lên cao thật cao như một đám khói. Có tiếng nói với tôi: “Chúng nó sắp đến rồi.” Tôi nhìn thấy đoàn kỵ binh này còn ở xa lắm, trông nhỏ xíu xiu, nên đáp lại: “Còn xa như thế, phải cả tuần nữa chúng mới đến đây.” Nhưng tiếng nói lại nhắc tôi: “Kìa! Chúng đến rồi kìa kìa.” Tôi trông

lại thì chúng đã đến rất gần, khoảng cách độ 100 mét thôi. Tôi thấy những tên lính kỵ này mặc quần áo như những kỵ binh Ai Cập thời cổ đang cầm roi quất thật mạnh vào một đoàn người cùi đang chạy bộ phía trước. Bị quất đau quá nên đoàn người cùi phải cầm cổ chạy, trông họ thật đau đớn và đầy vẻ hoảng sợ. Nhưng cả đoàn kỵ binh và đám người phong cùi này không phát ra tiếng kêu. Cứ như là tôi đang xem phim xi nê câm. Tôi sợ hãi nhìn vào trong nhà xem các con có ở trong nhà hay không. Trông thấy chúng, tôi yên tâm quay ra phía trước tiếp tục nhìn xem chúng có sắp xông đến chỗ tôi đứng hay không. Khi thấy chúng đã ở ngay trước mắt, tôi quá sợ hãi không thốt ra lời rồi giật mình thức giấc.

Khi tỉnh dậy, tôi biết ngay đó là giấc mơ đến từ Chúa. Chúa báo cho tôi hay sắp có giấc. Nhưng tôi không hiểu rõ việc gì. Tôi chỉ biết một việc kinh khủng sắp xảy ra.

Tôi kể cho mẹ nghe, mẹ lại kể vài ngày trước khi qua Mỹ, Chúa phán với mẹ ba lần phải cầu nguyện cho nước Mỹ. Thế là ngày nào hai mẹ con cùng hiệp nhau cầu nguyện cho nước Mỹ.

Một tuần lễ sau, sáng ngày 11 tháng 9, 2001. Theo thông lệ, bố dậy sớm bật đài phát thanh Tokyo (phát thanh bằng tiếng Nhật) lên nghe tin buổi sáng vì bố nghe đài này từ vài chục năm nay rồi, tin tức của họ rất nhanh và chính xác. Bố vừa nghe vài câu thì hoảng hốt dịch

sang tiếng Việt cho tôi và mẹ hiểu rồi bảo tôi bật TV lên xem tin tức.

Chao ơi, cái màn hình rước mặt tôi chiếu đi chiếu lại cảnh chiếc máy bay phản lực đang đâm vào một tòa tháp ở New York. Khói bốc lên cao, lên cao. Người xướng ngôn viên bảo chưa biết lý do tại sao chiếc máy bay này lại đâm vào tòa nhà này.

Nhìn cột khói bốc lên, tôi chợt nhớ đến giấc mơ đoàn kỵ binh chạy có bụi đường bốc lên cao. Tôi hiểu ngay Chúa báo trước cho tôi hay đó là đoàn quân khủng bố đến từ phía Ả Rập. Còn những người phong cùi bị đoàn kỵ binh trong giấc mơ đánh đập xô đến phía trước là những nạn nhân trong máy bay, trong hai tòa tháp ở New York và ở Pentagon, Virginia. Họ bị bọn khủng bố lừa vào chỗ chết.

Tôi nhớ lại trong giấc mơ, tôi đã trả lời với tiếng nói rằng “Còn xa lắm, ít nhất một tuần nữa mới đến.”

Quả thật, từ hôm có giấc mơ đến hôm nay là một tuần.

Màn hình vẫn quay đi quay lại cảnh chiếc máy bay đâm vào tòa tháp thứ nhất do lấy được từ một máy thu hình ở cái tòa cao ốc đối diện vì thế giống như phim câm, không có âm thanh. Tôi nhớ lại những hình ảnh xảy ra trong giấc mơ cũng không phát ra âm thanh.

Tôi nói ngay với bố mẹ: “Con biết rồi, bọn khủng bố Hồi giáo cực đoan làm.”

Quả y như rằng, vài phút sau người phóng viên lại bá cáo đám khủng bố của Bin Laden đã xác nhận họ làm việc này.” Bố mẹ và tôi cứ ngồi trước cái TV xem tin tức mà đau thắt lòng. Sau đó, tôi

chạy ra trường tiểu học đón hai con về. Nghĩ lại, giống như trong giấc mơ khi tôi nhìn vào trong nhà xem hai con có ở nhà hay không. Thì nay, tôi ra trường rước hai con về nhà.

Chúa biết trước việc này nhưng Ngài không ngăn cản công việc của kẻ ác. Vì thế giới của Đức Chúa Trời và thế giới của Satan có biên cương rõ ràng. Ngài chỉ nhắc nhở dân sự phải cầu nguyện. Vì thiên sứ của Đức Chúa Trời chỉ hành động khi có tiếng kêu cầu của dân sự. Nhưng có người nghe thấy tiếng Ngài, có người không nghe thấy vì ít có thì giờ cho Ngài hoặc không bao giờ tương giao với Ngài.

Bởi vì Adam thua Satan từ buổi ban đầu nên mất quyền tể trị trái đất vào tay Satan. Cho nên Satan vẫn cai trị trái đất này và ủng hộ những người làm ác, là những người làm theo sự điều khiển của nó.

Hôm đó là ngày thứ Ba 11 tháng 9 2001. Mỗi tối thứ Ba, nơi nhà thờ của tôi có nhóm cầu nguyện hằng tuần. Tôi ra nhà thờ tối đó, dân sự đến cầu nguyện đông hơn mọi tuần khác. Họ đến khóc với Chúa, cầu xin Chúa rũ lòng thương xót cho nước Mỹ này. Có người kể lại sáng đó họ có giấc mơ có một tai nạn kinh khủng xảy ra, nhiều người chết làm họ sợ hãi chỉ biết cầu nguyện với Chúa. Có người nói ngay sáng hôm nay lúc 5 giờ, ông có một giấc mơ thấy người ta chết chồng lên nhau thành đống cao ngất. Ông hoảng hốt thức dậy cầu nguyện với Chúa cho ông hiểu.

Từ hôm đó bố đâm ra sợ hãi, nằng nặc đòi về Canada ngay, không chịu ở lại Mỹ thêm hai tháng. Tôi khuyên mấy bố cũng chẳng nghe. Tôi thấy bố sợ hãi vô

lý quá nhưng cũng phải mua vé máy bay khác cho bố về Canada trong vòng một tuần.

Về đến Canada, ngày nào bố cũng gọi qua cho mẹ hỏi mẹ phải về Canada ngay. Tôi nghiệp mẹ muốn ở chơi với tôi một thời gian chứ đâu muốn về ngay. Tôi bảo mẹ cứ ừ à cho qua, đừng về ngay. Nhưng mỗi khi bố gọi qua là hét, bắt mẹ phải về ngay là mẹ và tôi lại bất an bất ổn với bố.

Nhưng mẹ vẫn ở lại với tôi cho đúng hạn rồi mới về.

Đó là lần duy nhất bố mẹ đến thăm tôi. Sau này nhiều lần tôi mời bố mẹ sang chơi, nhưng bố mẹ bận trông các cháu nội nên không đi xa nhà được vài ngày đừng nói chi đến vài tháng.

Khi các cháu nội đã lớn, được rảnh rang thì bố mẹ tôi không còn sức khỏe để đi đâu xa nữa vì không thể ngồi lâu trên xe hay trên máy bay, nhất là mẹ, mỗi lần đi máy bay hay bị đau đầu, đau kinh lắm. Mỗi năm tôi lại qua Canada thăm bố mẹ. Cũng có khi mãi đi nước khác mà có năm tôi không qua Canada. Có lẽ lúc đó bố mẹ còn tỉnh táo nên tôi ý y, khi nào thăm cũng được, bố mẹ còn sống lâu dài mà.

Bố bị lẩn đã nhiều năm, có lẽ gần 7 năm trước khi mất. Lúc đầu thì thỉnh thoảng lại trông thấy những hình ảnh cũ hiện về. Nhưng vẫn còn nói chuyện bình thường và hỏi gì vẫn còn hiểu để trả lời.

Năm 2017 khi tôi qua thăm bố mẹ vào tháng 7, trời đang vào hạ, bên ngoài nóng, bên trong căn basement của bố mẹ luôn thiếu không khí trong lành nên tôi hay mở cửa ra sân cho không khí và gió lùa vào nhà, vì thế ruồi cũng hay bay

vào nhà. Tôi dùng cây đập ruồi được một hôm, hôm sau kiểm chẳng thấy đâu. Tôi hỏi mẹ và bố xem có ai cất đi chỗ khác. Mẹ tôi bảo chỉ có bố hay đem đồ đi đâu. Tôi hỏi bố cất chỗ nào, bố bảo không có lấy. Thế là tôi lại phải ra tiệm mua về hai cây đập ruồi khác. Tôi phải mua hai cây để phòng hờ bố có đem đâu thì có cây khác mà dùng.

Mỗi lần dùng xong cây đập ruồi, tôi không để trên bàn hay nơi nào bố có thể nhìn thấy. Tôi để nó sát tường, cạnh chân bàn ăn rồi chỉ cho mẹ thấy.

Thế mà được hai hôm, cây đập ruồi lại biến mất. Tôi hỏi bố có lấy cây đập ruồi không. Bố lại bảo không có. Tôi phải lấy cây đập ruồi thứ hai ra dùng. Kỳ này tôi phải giấu nó sát tường bên cạnh cái tủ lạnh.

Mỗi buổi sáng khi thức dậy, mẹ cho bố ăn sáng, bố ăn rất ít. Ăn xong bố mở cửa đi ra đường. Em tôi đã phải làm cho bố một cái thẻ như thẻ bài ghi địa chỉ và số phone đeo vào cổ, vì năm ngoái bố đi lạc không nhớ đường về nhà. May có người hàng xóm thấy ông lão bơ vơ thì dắt về hộ.

Sáng hôm đó bố đi lanh quanh độ nửa giờ thì về. Vừa bước chân vào đến trong nhà, bố quỳ ngay xuống đất, tay ôm đầu kêu đau, mặt nhăn nhó, miệng rên rĩ:

- Ôi! Đau quá, đau quá. Tôi mới vừa té đập đầu xuống vỉa hè nằm ra đấy mà không ai biết.

Tôi hoảng hốt chạy đến đỡ ông rồi nói với mẹ:

-Mẹ gọi ngay Khánh xuống đưa bố đi nhà thương xem có bị bể đầu không.

Mẹ tôi thản nhiên nói:

-Đừng tin những gì ông ấy nói.

Tôi hỏi lại tại sao. Mẹ lại thản nhiên nói:
-Bố không có làm sao đâu. Ông ấy tưởng tượng ra đấy thôi.

Nhưng bố vẫn ôm đầu kêu đau, còn bảo tôi sờ lên đầu xem, đã sưng lên rồi. Tôi để tay lên đầu bố chẳng thấy sưng gì cả. Tôi nói:
-Con chẳng thấy sưng gì cả. Thôi bố đừng dặng đi.

Nói rồi tôi đỡ bố đứng dậy, đưa đến ghế ngồi xuống. Thế là mẹ nói đúng, bố tỉnh bơ lấy cái remote control ra bấm đài thể thao xem trận banh cầ na.

Qua sáng hôm sau, bố lại ra đường đi bộ, ông thích đi dạo chung quanh khu phố này vào buổi sáng. Khi trở về, vừa bước vào nhà, trông thấy tôi ông nói ngay:

-Có một bà không biết làm sao ngồi tựa trước nhà mình, bố hỏi mãi mà không thấy bà trả lời. Có lẽ chết rồi hay sao ấy.

Tôi hoảng hốt chạy ra cửa xem có người đàn bà đó không. Nhưng chẳng thấy ai nên quay vào hỏi bố:

-Bố thấy bà ấy ngồi tựa trước nhà mình hay nhà người ta?

-Nhà mình ấy chứ!

Mẹ bảo tôi:

- Bố lại tưởng tượng ấy mà, tin làm gì.

Tôi nhớ lại ngày xưa bố kể chuyện năm đói Ất Dậu. Năm đó bố đang ở Hà Nội. Một buổi sáng bố vừa mở cửa bước ra thì trông thấy một người đàn bà ngồi tựa trước nhà, bố hỏi thăm không thấy bà trả lời. Thì ra bà ta đã chết trong đêm khuya khi đến ngồi tựa trước nhà bố. Có lẽ hình ảnh đó im đậm trong trí nhớ của bố

và ban nãy nó lại hiện ra trong trí y như năm nào.

Bố lại mở TV ra xem. Đang xem, bố chỉ xuống đất và nói:

-Hai con chuột chạy ngang qua mặt tôi kia.

Tôi đang ngồi ở cái ghế đối diện nên vội co chân lên vì sợ chuột leo lên chân mình. Sau đó bố nói tiếp:

-Hai con chuột đang đùa với nhau trước mặt tôi đấy.

Vừa nói bố vừa cười như trẻ con đang xem phim hoạt họa. Tôi thở phào bỏ chân xuống vì biết bố lại tưởng tượng ra chuyện hai con chuột y như thật.

Có lẽ mẹ thấy bố đóng tuồng mỗi ngày nên mẹ phớt lờ, chẳng có gì hoảng hốt nữa.

Đôi chân bố đã yếu, đi đứng chậm chạp nên em Khánh mua cho bố cái gậy để khi ra đường cầm theo đi cho vững. Nhưng bố tự ái, chẳng muốn chống gậy, vì thế cây gậy luôn xếp xó.

Hình như ngồi không suốt ngày cũng chán, thỉnh thoảng bố lại lấy chổi ra quét nhà, một ngày quét đến bốn, năm lần. Tôi thấy chẳng có rác mà bố cứ quét nên khuyên bố ngồi nghỉ ngơi, quét làm gì cho mệt. Nhưng bố không chịu nghe.

Mẹ lại khuyên tôi:

-Đề mặc bố, nói ông không nghe đâu. Đề bố quét nhà xem như tập thể thao ấy mà.

Đến bữa ăn bố vẫn ngồi vào bàn nhưng ăn rất ít, độ vài gắp thức ăn rồi đứng dậy. Ban đêm khi mọi người đã ngủ thì bố thức dậy vào bếp mở tủ lạnh kiếm thức ăn.

Sáng ra thấy thức ăn vương vãi trên bàn biết ngay là bố.

Trước khi về Mỹ, tôi đem cuốn vở của mình đến cho bố viết tên ông bà nội, tên hai bác và hai chú là các anh em của bố, và tên của mấy người con bác cả, là các cháu gọi bố là chú. Lúc đó bố còn cầm được bút và còn nhớ tên từng người để viết xuống. Đó là bố vào tháng 7, năm 2017.

Tháng 10, 2018 em Khánh gọi tôi qua Toronto thăm bố mẹ. Mục đích là giữ hộ cha mẹ già cho em qua Mỹ vài ngày. Lý do em gọi tôi qua là vì bố đã yếu lắm rồi, không chắc còn sống được đến cuối năm.

Thế nhưng, mẹ tôi là người đi trước bố. Vì mẹ qua đời một tháng sau đó, còn bố vẫn tiếp tục sống dù bố đã yếu lắm rồi.

Tháng 10, 2018 bố đã khác nhiều lắm. Bố không còn nhận ra tôi, thản lảm bố chợt nhận ra tôi. Đôi mắt bố không linh động từ lâu, nay còn mờ hẳn hơn, bố hay nhìn trừng về phía trước. Bố không còn kể chuyện tưởng tượng nữa, cũng chẳng còn bật TV lên xem. Cả ngày chẳng nói một câu, ngủ nhiều hơn thức. Khi thức, bố ra ngồi ở sofa được một lúc thì ngủ gục ngay đó. Đi đứng khó khăn, mỗi khi bước xong một bước phải đứng lại lấy sức để bước tiếp nên khi nhấc chân lên thì bị run lẩy bẩy. Vì thế bố không còn đi ra đường. Không gian của bố chỉ còn vồn vện cái basement nhỏ bé này. Hôm nào Khánh dắt bố đi bác sĩ thì Khánh phải thay quần áo cho bố và đưa cây gậy cho bố cầm. Lúc này thì hết tự ái rồi, biết chống gậy khi đi bác sĩ.

Bố ăn rất ít, chỉ ăn khi thấy thích món đó. Ăn được món nào ưng ý thì bố nói cảm ơn. Bố uống sữa Ensure là chính, tay

bố còn khỏe, bố tự vặn nút chai ra để uống. Đến bữa ăn bố không còn ngồi vào bàn, bố vẫn ngồi ở sofa, mẹ phải bỏ thức ăn vào tô rồi đem đến cho bố. Bố đỡ lấy tô, ăn thử một miếng, nếu thích thì ăn thêm vài miếng, không thích thì bỏ ngay.

Mẹ cũng chẳng còn sức để nấu cơm nên Khánh mua đồ nấu sẵn ngoài chợ, loại cơm chỉ. Bố mẹ không hảo mấy thứ này nên bỏ mứa nhiều lắm. Khi tôi đến thăm, tôi cố gắng nấu cho bố mẹ mỗi ngày. Nhưng biết khi tôi về lại Mỹ, bố mẹ lại ăn hàng chợ thôi. Cũng may có mấy bà trong nhà thờ thường nấu thức ăn đem đến cho.

Từ nhiều năm nay, mỗi lần tôi đến thăm bố mẹ, chỉ có mẹ ngồi nói chuyện với tôi. Bố chỉ ngồi yên một chỗ, thỉnh thoảng bố nói vài câu khi cần.

Mỗi lần tôi gọi qua thăm bố mẹ, chỉ có mẹ bắt phone và nói chuyện. Bố chẳng bao giờ bắt phone. Đã thế, nếu mẹ đang nói chuyện mà bố ra nghe thấy lại hỏi nói với ai, nói với thằng nào há? Làm mẹ bực mình than với tôi lúc này bố kỳ cục, nói chuyện lâu trong phone cũng không được. Vì thế, lắm lúc đang nói chuyện với tôi, mẹ phải ngưng để bố khỏi cằn nhằn với mẹ.

Ban đêm, khuya lác khuya lơ khi mọi người đã ngủ thì bố thức dậy ra bàn ăn. Thấy có gì để trên bàn ăn được là bố bốc ăn. Bố không còn biết mở tủ lạnh ra kiếm thức ăn như năm ngoái. Vì thế, tôi luôn để trên bàn những thứ bố có thể ăn. Sáng ra, thấy thức ăn vương vãi trên bàn và dưới đất, biết ngay là bố.

Có đêm bố mở cửa leo cầu thang lên tận lầu ba. Khánh thức dậy, dắt bố xuống trở lại basement. Khánh nói lớn tiếng

với bố vì sợ bố nặng tai không nghe thấy:

-Bố leo lên lầu làm gì? Lỡ bị té gãy xương thì sao?

Thế là Khánh dắt bố xuống rồi trở lên lầu và khóa cửa lên cầu thang.

Bố đi đứng khó khăn, thế mà có thể leo cầu thang lên ba tầng lầu. Ban đêm, khi ngủ tôi cũng phải khóa cửa phòng vì có lần bố dậy đi lang thang mở cửa từng phòng. Bố bước vào phòng tôi, đứng nhìn tròng tròng. Tôi phải làm bộ đang ngủ say nên bố đứng một lúc rồi đi ra.

Mỗi tối, khi mọi người đã ngủ, bố dậy đi qua đi lại trong hành lang; tôi nghe thấy tiếng chân lệt quệt từng bước ngắn của bố. Bố vặn tay nắm cửa cửa phòng tôi, không mở được thì bố bỏ đi. Bố mở cửa lên cầu thang không được, lại bỏ đi. Bố lại đem cây chổi ra quét nhà; tôi nghe thấy tiếng ào xào của chổi kéo lê trên sàn nhà. Hình như khi không có ai chung quanh, chẳng ai trông thấy bố, bố vẫn đi đứng bình thường, dù rất chậm nhưng không run lật bật như ban ngày. Tôi chỉ ở thăm bố mẹ một tuần rồi trở về Mỹ.

Ngày 14 tháng 11, 2018 sau khi nằm nhà thương một tuần thì mẹ mất. Tôi may mắn đến gặp mẹ trước khi mẹ mất chín tiếng đồng hồ.

Ở nhà, bố thấy vắng mẹ nên thấy ai cũng hỏi “Mẹ đâu?”, “Bà đâu?”

Ban đêm bố thức dậy ra sofa ngồi, thấy cái áo len của mẹ còn để trên ghế thì lấy mặc vào rồi ngủ gục ở đó. Một lúc sau ông thức dậy, cởi áo len của mẹ ra bỏ lại ghế, rồi lê từng bước vào phòng ngủ. Nửa đêm bố thức dậy không thấy mẹ đâu lại kêu lên: “Mẹ ơi!”, “Mẹ ơi!”

Thứ Sáu đưa đám tang cho mẹ xong, sáng Chủ Nhật tôi chuẩn bị trở về Mỹ. Khi đi ngang qua phòng bố, thấy bố đang nằm ngủ. Tôi vào nhà tắm, năm phút sau nghe thấy tiếng bố gọi to: “Mẹ ơi! Mẹ ơi!”

Vài phút sau tôi nghe tiếng gõ cửa phòng tắm, tôi mở cửa ra. Bố đưa cho tôi xem cái thẻ ID có hình của mẹ, rồi hỏi:

-Mẹ đâu rồi?

Tôi trả lời:

-Mẹ về với Chúa rồi.

Nghe xong, bố quay lưng đi về phòng. Có lẽ bố không hiểu tôi nói gì. Nhưng có câu trả lời thì ông không hỏi nữa.

Tôi trở về Mỹ, thỉnh thoảng gọi cho em, nhưng không nói chuyện với bố vì bố không còn khả năng nghe điện thoại. Khánh kể lại mỗi ngày trông thấy con, ông vẫn hỏi “Mẹ đâu?”

Sau một tháng nằm bệnh viện, ngày 6 tháng 8 năm 2019 bố mất vào buổi sáng. Tối hôm trước bố còn ăn được một bữa cuối cùng. Em Khánh là người chứng kiến lúc bố trút hơi thở cuối cùng.

Vợ chồng con trai lớn và hai cháu nội đã đến tối hôm thứ Sáu ngày 9 tháng 8.

Tôi bay qua Toronto trưa thứ Bảy ngày 10 tháng 8. Khi bước vào căn basement của bố mẹ, chẳng còn bố mẹ ở đây, nhưng đồ đạc vẫn để y như cũ. Một nỗi xúc động dâng lên ngập lòng, tôi nhớ mẹ rạt rào, tôi ước gì mẹ còn ở đây. Không gian của bố mẹ vào những năm cuối đời là căn basement nhỏ bé này. Vào những ngày hè, mẹ hay lấy cái ghế xếp ra trước cửa ngồi phơi nắng độ nửa tiếng rồi trở vào, vì mẹ cần ánh nắng và không khí trong lành bên ngoài. Mẹ

không đi bộ xa được nên không đi loanh quanh ngoài đường như bố.

Sáng Chủ Nhật, con trai lớn phải đưa vợ con trở về Mỹ vì vợ phải huấn luyện cho đội bơi thuyền của một trường đại học vào ngày thứ Hai, không thể bỏ được.

Con trai thứ hai của tôi bay từ tiểu bang Washington qua Toronto vào tối thứ Hai. Con trai lớn và con trai út lại lái xe từ Mỹ qua Toronto vào tối thứ Ba để kịp dự tang lễ của ông ngoại vào sáng thứ Tư. Thứ Tư, ngày 14 tháng 8 là tang lễ của bố.

Tôi đến bên quan tài để nhìn bố lần chót. Những vết nhăn vẫn còn in hằn trên mặt bố, hai khóe mép hơi xệ xuống. Tôi nhớ lại khi nhìn mẹ trong quan tài, bao nhiêu nếp nhăn trên mặt mẹ đã tiêu biến mất hết. Có lẽ Chúa đã làm đẹp cho mẹ.

Bố được an táng chung một chỗ với mẹ. Nhiều người quen đã bỏ một ngày làm việc để đến tiễn đưa bố ra phần mộ. Trời hôm đó có nắng và trong xanh, có gió hiu hiu mát chuẩn bị vào mùa thu. Nhiệt độ khoảng 76 độ F. Cả ba người con trai của tôi ở ba tiểu bang khác nhau đều qua Toronto để dự tang lễ của ông ngoại.

Thế cũng xong một đời bôn ba! Bố là người cai trị mọi người trong gia đình. Cai trị có nghĩa là người trên ra lệnh, người dưới tuân thủ, không được phép cãi. Nếu không tuân thủ thì chỉ có tử chết đến chết.

Cũng vì cả nhà phải tuân thủ lệnh của bố mà gia đình chúng tôi sau 30 tháng 4, 1975 đã phải bôn ba qua nhiều nước. Khi bố bắt cả nhà từ trại tị nạn Pu Shan ở Nam Hàn phải đến Đài Loan năm 1975 là một cái lệnh “chết người” thứ nhất vì để khổ cho con cái rất nhiều. Vì

các con ở Đài Loan không học hành hay làm ăn gì được. Khi bố nghe người ta rủ rê đi Bolivia sinh sống vào cuối năm 1978 và ra lệnh cho cả nhà phải theo, thì đây là cái lệnh “chết người” thứ hai. Cái lệnh này để khổ cho bố nhiều nhất, vì từ ngày đến Bolivia và sau đó qua nước Paraguay, bố chẳng còn làm gì được, hoàn toàn trông vào sự buôn bán của mẹ. Bố đã sống những ngày còn lại một cách bất đắc chí, bị miễn cưỡng về hưu khi tuổi vừa ngoài 55.

Các con đã bỏ đi xa, tự lo thân, chỉ còn mẹ ở lại với bố. Nhưng sức chịu đựng của mẹ quá bền bỉ, quá lớn, vượt quá mọi sự chịu đựng của một người đàn bà bình thường. Nhiều lần mẹ nói với tôi rằng không ai chịu nổi bố, chỉ có mẹ phải ráng chịu đựng nên mới có thể ở với bố cả đời. Tôi thấy mẹ ráng chịu khổ cả đời với bố. Đôi khi nhìn lại cuộc đời của mẹ, tôi thấy mẹ quá khổ, khổ về thể xác và cả tinh thần, như thể mẹ sinh ra đời để chịu khổ. Nhưng nhìn kỹ lại mục đích đời sống của mẹ mà Chúa đã an bài, đó là cầu nguyện cho bố và cho nhiều người khác. Dù khổ cách mấy, mẹ cũng phải cam chịu, vì Chúa đã thêm sức cho mẹ có thể chịu được. Vì đối với Chúa, một linh hồn quý hơn cả thế gian.

Riêng bố mẹ tôi đã trải qua 4 cái quốc tịch: Việt Nam, Đài Loan, Paraguay và sau cùng là Canada. Sau này ở Mỹ, nghe nói đến bệnh Post-traumatic stress disorder (PTSD), tôi đoán có lẽ bố bị bệnh này. Đó là thứ bệnh tâm lý mà những người phải đối diện với quá nhiều chết chóc trong chiến tranh hoặc chứng kiến những việc quá kinh khủng, mắc phải. Nhưng ở Việt Nam ngày xưa làm gì có bác sĩ tâm lý để cố vấn. Hơn nữa,

chắc gì bố tin mình bị bệnh tâm lý để mà đi chữa. Hậu quả là làm khổ cho vợ con rất nhiều.

Sau khi mẹ mất vào tháng 11 năm 2018, tôi và em Khánh đã cùng nhau đặt tay lên bố và cầu nguyện cho ông, xin Chúa tha thứ mọi tội lỗi của bố, nhất là tội bội ước trong hôn nhân vì bố đã phạm tội ngoại tình, và chúng tôi cũng đã tha thứ cho bố mọi sự. Mẹ tôi đã bền lòng cầu nguyện cho bố trên ba mươi năm vì bố rất hung dữ, mẹ không thể nào nói với bố về Chúa. Nhưng mẹ tha thiết mong Chúa cứu linh hồn của bố. Vì thế Chúa đã làm việc, và Chúa đã cho bố thấy hai giấc mơ.

Giấc mơ thứ nhất, bố thấy cô L, là cô bồ của bố ở Sài Gòn trước 1975 đến chào bố và nói rằng: “Tôi chết rồi. Bây giờ tôi ở chỗ này khổ lắm. Còn cụ Thức ở chỗ khác rất sung sướng.” Bố tôi giật mình thức dậy, thấy lạ quá nên kể cho mẹ tôi nghe, vì lúc trước cô L chưa gặp qua ông ngoại tôi là cụ Thức bao giờ.

Một thời gian sau đó, khoảng năm 1990, lúc đang ở Paraguay, Chúa cho bố tôi thấy giấc mơ thứ nhì. Trong giấc mơ này, cô H, một cô gái con nhà tiệm giày ở Hải Phòng mà bố tôi quen lúc bố chỉ vừa 19 hay 20 tuổi, khoảng năm 1943. Gặp cô này một lần, lần sau trở lại tiệm giày thì tiệm đã đóng cửa, chẳng biết dọn đi đâu. Đã trên 40 năm không gặp nên bố chẳng còn nhớ đến cô. Thế mà trong giấc mơ, cô đến chào bố. Bố ngạc nhiên thấy cô vẫn trẻ như ngày nào nên nói: “Hơn bốn mươi năm mới gặp cô, trông cô vẫn trẻ như ngày nào.” Cô H trả lời: “Đúng đấy, vì tôi chết từ năm đó. Cả nhà tôi băng qua bên kia sông thì bị một loạt đạn từ sau lưng bắn tới làm

chết hết cả nhà. Không biết là bên nào bắn.” Bố lại hỏi: “Thế tại sao cô biết tôi ở đây mà kiếm?” Cô H trả lời: “Cụ Thức cho tôi biết.” Bố ngạc nhiên hỏi lại: “Tại sao cô quen cụ Thức?” Cô H đáp: “Tôi gặp cụ ở Thiên Đàng. Cả nhà tôi tin Chúa mà! Lúc trước ông đến nhà tôi ông đâu thấy để bàn thờ, phải không?” Bố giật mình thức dậy, kể lại cho mẹ tôi nghe. Bố hiểu là Chúa cho bố hay có thiên đàng và địa ngục và những người tin Chúa như ông ngoại tôi và cô H đã ở Thiên đàng, để bố có cơ hội ăn năn. Vì thế, vài hôm sau bố nói với mẹ rằng: “Mẹ cầu nguyện cho bố tiếp nhận Chúa đi.” Khi bố mẹ sang Mỹ thăm tôi vào tháng 9 năm 2001, mẹ đã kể những giấc mơ của bố cho tôi nghe. Tôi nói với mẹ rằng không phải cô L hay cô H hiện hồn về báo mộng cho bố đâu, mà chính Chúa đã cho bố thấy khái tượng về Thiên Đàng và địa ngục vì Chúa muốn cứu bố. Bố thật có phước lớn, vì Chúa theo đuổi bố cho đến cùng dù bố đã bỏ Chúa suốt những năm dài. Bố mất hai tháng trước khi sinh nhật thứ 95 của ông.

Chị em tôi cảm tạ ơn Chúa đã cứu linh hồn cha chúng tôi khi còn sống để giờ này ông đang hưởng bình an nơi Thiên Quốc, nơi đó ông gặp lại mẹ chúng tôi và cha mẹ ruột của ông cùng hai anh và một người em trai của ông là những người đã về với Chúa trước ông. Trên Thiên Đàng chắc chắn bố sẽ không còn hung dữ với ai nữa. Bố không còn bệnh PTSD và bố sẽ gặp lại các con và cháu chắt của ông một ngày trong tương lai.

TT-Thái An - 9/13/2019



VỀ LẠI SAIGON SAU 20 NĂM

Ta đã về đây lòng Đại Lộ
Thênh thang mà dạ chất chiu buồn
Đăm đăm đôi mắt người thiên cổ
Vẫn dõi theo ta tới ngọn nguồn
Thoáng thế hai mươi năm khốn khổ
Mất lệ ai, mà mưa vẫn tuôn

Cây đứng sao hiu hắt một mình
Lá rơi từng cặp lá song sinh
Ta về đứng ngắm soi gương nước
Thấy bóng trắng che nhạt bóng mình
Buồn quá tay nâng ly rượu đắng
Gọi người phiêu lãng kiếp nhân sinh

Hành trang chỉ có vài trang giấy
Hồn Đường thi vọng rất hoang mang
Lưng nghe đã mỏi mòn sông núi
Chiêu niệm người đưa bóng hạc vàng
Về đây lòng vẫn ngoài biên tái
Đốt nén hương thương chuyện lữ làng

Ta đã về đây vuông chiếu cũ
Thù tạc dường như thiếu mấy người
Ngâm lại câu thơ tình đắm đuối
Bật cười như chuyện tiểu lâm thời
Thả xuống giữa bàn hoa giống lạ
Chờ xem năm tới sẽ đắm chồi.

Nguyễn Minh Nữ



HOÀI NIỆM CHỖN XƯA - Tuệ Trung

Tôi muốn tìm về Sài Gòn dưới cơn mưa,
nhìn từng giọt nước rơi nhòe tan trên phố,
nhìn Sài Gòn buổi trưa hè nắng đổ
những hàng cây buồn đứng dưới bụi mờ.

Rồi tôi sẽ theo đoàn người hành hương
đến nghĩa trang buồn, thăm từng ngôi mộ lính.
Đã bao lâu rồi không một nén nhang?
Quay quắt đâu đây, ngậm ngùi thêm cổ úa.

Tôi sẽ có một ngày ngang qua Đà Lạt
dạo bước trên đoạn đường hoa dã quỳ,
Từ lúc đi xa chưa một lần trở lại,
Có muện màng chẳng, tái ngộ buổi tà huy?.

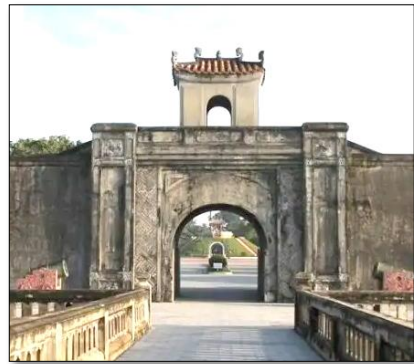
Tôi sẽ không quên về lại Pleiku,
cùng uống nốt chén rượu cần dang dở
với bạn bè xưa, những mũ nâu mũ đỏ
đang trong mưa lạnh, hay bụi nắng, sa mù?.

Tôi sẽ đi phà qua sông Tiền, sông Hậu,
được một lần nhìn lại Châu Đốc, Cần Thơ.
nước vẫn trôi theo dòng đời xuôi ngược,
Vườn trái cây và đồng ruộng vàng khô.

Tôi sẽ đến cố đô để bồi hồi nhớ Tết.
Đau buồn này chắc hẳn không dễ quên.
Nghìn năm sau hương linh còn phảng phất,
nước biển Đông có rửa sạch oan khiên?

Tôi sẽ một ngày đứng trên nóc Cổ thành
Nhìn lại lá cờ vàng bên bờ sông Thạch Hãn.
Vẫn còn đây người lính mũ xanh
cất tiếng hát vang bài hùng ca thắng trận.

Và sẽ một lần xót xa nhìn sông Bến Hải,
để ngậm ngùi, ôi thân phận lưu vong.
Đất nước cách chia như lời nguyện xưa cũ,
Có quê hương, sao mãi vẫn là không?



CHA

**** Nguyễn Đình Từ Lam ****

Ông thầy Cừu Ba thương con có tiếng. Làng trên xóm dưới ai cũng biết. Xưa nay nhà ông vốn nghèo, thằng Tâm con trai ông năm ấy lên ba tuổi. Một hôm thằng con đòi cha:

“Chiều nay có cá niên nướng con mới ăn.”

“Ừ, để cha liệu.” Ông trả lời con.

Cả nhà ăn cơm trưa vừa xong, trời đổ cơn mưa giông. Mưa to, nước sông Tiên lớn, đục ngầu. Ông nghĩ, chắc chắn bầy cá niên đang đua nhau chạy kiếm mồi ở thác vực Tròn.

Thế mà gần cả buổi chiều, thầy Cừu Ba ở trần, mặc quần đùi, đội nón cời, đứng dầm nước chỉ câu được vài con cá niên lớn bằng ba ngón tay. Ông mừng, chiều nay có cá nướng thơm dòn cho thằng con.

Cá niên chín vàng, dầm nước mắm tỏi. Ông lựa bỏ lại nồi hết khoai sáo, rồi bới một chén đầy cơm không, bỏ cá lên trên. Ông hớn hờ gọi thằng Tâm: “Con Tâm của cha lại đây, cha dứt cơm ăn.”

Ông ngồi xếp bằng trên bộ ván ở nhà ngang, bồng thằng Tâm để ngồi lên đùi, gỡ xương từng miếng cá niên dứt cơm cho con. Ăn no nê, nó lại đòi kể chuyện: “Kể chuyện ngựa con nghe đi cha.” “Ừ, uống nước đi, xong rồi cha kể.”

Lần nào cũng như lần nấy, ông kể một câu chuyện mua ngựa cho con, mà thằng Tâm thích lắm:

“Tâm của cha lớn lên, cha mua cho con ngựa hường, để con cỡi về thăm bà ngoại.”

“Sao con dám cỡi ngựa một mình hả cha?”

“Cha nói khi nào con lớn, con có sợ chi đâu mà không dám. Lúc đó con cỡi ngựa lên rừng Cấm, coi cọp cắn lộn cũng chẳng sợ, huống hồ gì cỡi ngựa đi đường cái quan về thăm ngoại con.”

“Ngựa hường là con ngựa chi rứa cha?”

“Ngựa hường là ngựa hồng, ngựa tía.”

“Ngựa chi mà nhiều tên rứa cha?”

“Hường, hồng, tía là những tên để gọi con ngựa có lông đỏ. Ừ, cha cũng muốn mua cho cha một con ngựa bạch.”

“Lại có ngựa bạch nữa hả cha? Ngựa bạch là ngựa chi rứa?”

“Ngựa bạch là con ngựa trắng đó con. Cha có ngựa bạch, con có ngựa hường, khi nào trời nắng ráo, cha rảnh rỗi, hai cha con mình lên ngựa cỡi dọc theo bờ sông Tiên, gió sông mát lắm, chim chóc ca vang. Sướng đáo để. Đạo hết bờ sông, cha con mình cỡi đi đường tắt về thăm ngoại con luôn thể.”

Nghe kể chuyện ngựa đã rồi, thằng Tâm lại trở chứng, nó đòi:

“Con muốn đi ngủ với cha.”

Thế là như thường lệ, trong nắng xế chiều chênh chếch, một tay ông bồng thằng Tâm, tay kia ông ra điệu múa may,

chân đi lòng vòng trong sân nhà, miệng cất tiếng hát, bài Phụ Tình:

"Phụ tình phàng, duyên chi bấy? duyên chi bấy. Sao ông chàng, ông chàng quên bông ba xé. Nhớ bóng trăng thề, núi nguyện, non chờ? Ông chàng bỏ đi rồi, thiếp cũng có lòng trông. Ơi ời! ông chàng, ông chàng ơi! Hời hời ơi...hời ơi hời...hời ơi!"

Hát hết bài, thằng Tâm vẫn chưa ngủ. Ông bèn đổi sang giọng ngâm nga bài văn tế vợ Lại Khánh của cụ Huỳnh:

*"Hỡi ôi! mặt đất mưa chang.
Lưng trời sét đánh, cuộc hiệp tan..."*

Giọng ông có khi trầm khi bổng, đầu ông nghiêng qua nghiêng lại, tay ông lúc đưa lên trời, lúc xuôi xuống đất, lúc chỉ qua núi Hòn Đuốc bên kia bờ sông Tiên. Gió chiều chạng vạng thổi hây hây mát mát, vườn quế hai bên ngõ ào ào, rào rào, mắt thằng Tâm lim dim rồi thiếp ngủ. Ông thầy Cửu Ba bồng con bước vào nhà trên, hai tay nhẹ nhàng đặt nó nằm lên bộ ván ngựa bằng gỗ mít. Ông ngồi ở mép ván cầm quạt, quạt cho nó ngủ. Vợ ông ở nhà dưới gọi lên:

"Ông Cửu xuống ăn cơm, chứ đèn sắp hết dầu."

"Bà ăn trước đi, tôi chờ thằng Tâm ngủ say, tôi xuống."

Nói thế, chứ lần này cũng như bao lần khác, thầy Cửu Ba cứ ngồi quạt mát cho thằng con, mãi đến khi nó ngủ thảng giấc, thức dậy ông mới thôi. Ông bồng thằng Tâm xuống nhà dưới trao cho bà Cửu, rồi bụng chén cơm sáo khoai ra hiên nhà, ngồi ăn dưới ánh trăng sáng vàng vạc.

Năm tháng qua nhanh. Đời sống gia đình vẫn trong cảnh thiếu trước hụt sau. Vợ chồng ông làm ruộng làm vườn, dang nắng dầm mưa, bươn chải để đắp đổi cái ăn cái mặc hằng ngày, ráng cho thằng Tâm đến trường học hành. Chiến tranh ý thức hệ Quốc Cộng ngày càng khốc liệt. Hôm thằng Tâm xung lính, ông không đưa con ra xe đò để đến trại nhập ngũ mà ngồi ở bộ ván nhà ngang hút thuốc, mắt nhìn xa vời đâu đâu. Ngồi một hồi lâu, ông mệt mỏi đứng dậy, hai tay vịn vào tường, lần bước tới bộ ván ngựa nhà trên, đắp chiếu nằm, âm thầm chịu đựng nỗi đau xa con. Ông nghĩ "nước nhà khi có giặc, trai trẻ mấy ai không lính tráng. Giữ được nước thì nhà mới yên, nước mất thì nhà tan." Lý là thế nhưng lòng ông vẫn thất đau. "Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi." Ông lại nghĩ. Nước mất thầy Cửu Ba chảy dòng, ông khóc.

Tháng tư năm bảy lăm, chiến tranh kết thúc. Cộng sản miền Bắc chiếm miền Nam. Thằng Tâm, người lính Cộng Hòa "đi học tập cải tạo". Ở nhà ông bà thầy Cửu Ba như ngồi trên đống lửa. Biết bao trại tù mọc lên khắp các tỉnh miền Trung. Không biết thằng con đang tù ở trại nào? Khi nghe tin con ở đâu, ông lặn lội đến đó hỏi xin được thăm con.

Một lần nghe tin Tâm đang ở trại Hành Tín, ông bương bả đón xe đò vào Quảng Ngãi.

Hôm ấy xe đò đông nghẹt, không còn chỗ, ông xin tài phụ, leo lên trần xe để ngồi, chịu đựng nắng gió suốt quãng đường dài hơn năm mươi cây số. Đến được trại thì biết Tâm đã chuyển đi nơi

khác. Buồn rầu, ông hỏi tên công an tiếp ông:
“Anh có biết con tôi đi đâu không?”
Nó lắc đầu không trả lời.

Thế là thầy Cửu Ba lủi thủi đi bộ từ Hành Tín đến ngã ba Sơn Tịnh, đón xe đò liên tỉnh trở về.

Lần khác nghe tin Tâm ở trại Sơn Cao thuộc huyện Sơn Hà. Ông mừng, Sơn Hà giáp biên với huyện Trà My, từ huyện của ông đi bộ tới Trà My là hai mươi cây số, từ Trà My đến Sơn Cao hơn hai mươi cây nữa, cả thảy hơn bốn mươi cây. Trên đường đi đến trại Sơn Cao, ông phải xin nhà người dân tộc ngủ nhờ qua một đêm, để sáng hôm sau đi tiếp đến trại. Như lần trước, tới được trại Sơn Cao thì chẳng gặp con, ông cuối đầu, cả người run lẩy bẩy. Cán bộ trại thấy thế liền nói:
“Tên Tâm vừa chuyển về trại Sơn Nham, huyện Sơn Hà để xây dựng trại mới ở dưới đó.”

Thế là chắc rồi, biết chính xác chỗ con mình đang ở tù. Dù chưa gặp con, nhưng được tin con ở trại Sơn Nham, ông mừng quá. Lúc trở về, thầy Cửu Ba vừa đi vừa chạy như bay trên những con đường mòn quanh co, cao thấp, nhấp nhô rừng núi trùng điệp. Gió rừng thổi vi vu, ông cảm thấy người khoẻ khoắn như thuở còn trai tráng. Trên trời, mây đầu nguồn kéo về đen kịt, nhưng lòng ông vẫn nhẹ nhõm, tươi vui.

Về tới nhà, vừa bước vào cửa, thầy Cửu Ba liền gọi vợ:

“Bà ơi! bà lo chuẩn bị đồ thăm nuôi, sáng mai tôi ra uỷ ban xã xin giấy vào Quảng Ngãi thăm thằng Tâm...”

Trại viên trại Sơn Nham, hôm ấy ngày chủ nhật, nghỉ lao động nên được tiếp người nhà đi thăm nuôi. Ở đây rừng núi cao hiểm trở, buổi sáng sương mù dày đặc, gần trưa mới thấy mặt trời ló dạng.

Khoảng tám giờ sáng, cửa phòng trại viên mở, ai nấy đều ra đứng gần hàng rào tre lồ ô trước trại, mắt chăm chăm nhìn về phía bờ suối A-Dung, nơi có nhà thăm nuôi. Tâm cũng đứng đó ngong ngóng, nhưng không hy vọng có cha mẹ, chị em lên. Hơn một năm nay con bà Phước như nó thì hết mong, cha mẹ Tâm lại hay đau ốm.

Từ sáng đến giờ đã năm người được gọi, Tâm nhóm bước định quay về phòng nằm thì nghe tên công an gọi tiếp:
“Nguyễn Tâm Hiện ra gặp người nhà, anh Hiện có đó không?”

Im lặng một lúc, trong số trại viên có người lên tiếng:

“Ở trại không có người tên Hiện, xin cán bộ coi lại giúp.”

Tên công an nạt lại: “Sao anh rõ?”

Anh ta trả lời:

“Chúng tôi chỉ có 12 người từ trại Sơn Cao xuống đây xây dựng trại mới, nên biết hết tên từng người.”

Tên công an bước tới gần hàng rào, tay cầm tờ giấy phép đi thăm nuôi dí dí về phía đám trại viên, gần giọng:

“Đây nè, các anh đọc đi.”

Có ai đó vói đầu ra xem qua rồi nói liền:
“Ồ! Không phải tên Hiện mà Nguyễn

Tâm, hiện đang cải tạo tại trại Sơn Nham. Anh Tâm đó cán bộ, ảnh ở kia.”
Tâm giựt mình sửng sốt, vội vàng nói lớn:

“Tôi Nguyễn Tâm đây, tôi ra ngay.”

Vừa thấy Tâm bước vào, ông thầy cửu Ba run run đưa hai tay chới với về phía Tâm, giọng thều thào: “Con, cha ở đây!”
Tâm nghẹn lời, chỉ thốt lên được hai tiếng: “Ồi! Cha...”

Tên công an phụ trách thăm nuôi ngồi ở ghé đầu bàn, yên lặng lắng nghe. Tâm ngồi nhìn cha già, mà không nói lên được lời nào. Nó cố kềm giữ những giọt nước mắt cứ chực trào ra. Người nó ốm nhom, da vàng như nghệ, đầu tóc rụng gần hết chỉ còn vài sợi lưa thưa. Một lúc lâu sau, Tâm mới nói được một câu như vô tình:

“Lên con làm gì, cha già yếu, nhà không đủ ăn lấy chi đi thăm con. Mẹ sao, có khoẻ không cha?”

“Mẹ con năm ni tuổi đã cao, chỉ xơ rớ làm lụng trong nhà. Ừ, thế mà tậu với bà ngó vậy mà khoẻ mạnh, chẳng bệnh hoạn chi cả, con đừng lo lắng. Bà bảo con lo học tập cho tốt, lao động cho giỏi để sớm được về với cha mẹ, với bà con làng xóm....”

Nói xong ông đưa tay vào túi áo lấy ra một gói nhỏ. Tên công an thấy thế, hỏi: “Cái gì vậy?”

“Sáng nay tôi có luộc mấy cái trứng gà, anh cho tôi được đưa cho nó ăn, vừa nói ông vừa mở gói ra, hai trứng gà còn âm ỉm. Ông lột vỏ một trứng đưa cho Tâm:

“Ăn đi cho cha thấy, còn một trứng con đem vô ngày mai hãy ăn, người con ốm yếu quá chừng, tý vị con suy lắm, ăn hết hai trứng một lần trứng thực.”

Tâm cầm trứng gà ăn, nước mắt trào ra, nó vội cúi xuống lấy cái nón cời dướn chân lên, giả đồ quạt quạt để che những giọt nước mắt cứ tuông trào, không ngăn nổi.

Bỗng nghe lệnh công an nói:

“Thôi, sắp hết giờ thăm nuôi, lấy hết quà ra cho tôi kiểm tra.”

Ông thầy Cửu Ba hai tay níu lấy mép bàn đứng dậy. Bỗng đứng ông khuyu xuống, rồi ngã về phía trước, nửa người nằm bẹp trên bàn. Ông cười gượng nói trống:

“Xin lỗi, tôi không sao.”

Tâm sửng sốt đỡ cha ngồi dậy. Tên công an nói như hét: “Làm cái gì vậy?”

Ông nói: “Xin lỗi, hai cái chân tôi...”

Tâm vội vàng hỏi cha:

“Chân cha sao thế này?”

Đưa cặp mắt đờ đẫn nhìn công an, ông thở hắt ra và nói:

“Anh cho tôi có vài lời để con tôi yên tâm.”

Tên công an lại giục:

“Nói nhanh lên kéo hết giờ.”

Tâm cúi xuống đỡ hai chân cha, hai bàn chân đỏ như phỏng nước sôi, dưới lòng bàn chân từng miếng da phỏng lên, có cái dập, nước đục lẫn máu chảy rỉ ra.

Tâm lo lắng hỏi:

“Sao ra nông nỗi này hỏi cha?”

Ông cố gượng cười, rồi nói cho Tâm đỡ lo: “Chân cha chừ bớt đau rồi, có chi lớn

đâu, chuyện nhỏ mà. Sáng qua cha ra uỷ ban xã, chờ mãi đến chín giờ rưỡi mới được cái giấy đi thăm nuôi, nên trễ chuyến xe sớm Tam Kỳ-Quảng Ngãi. Thế nên cha đến Sơn Tịnh phải xin ngủ nhờ qua đêm, ngày sau đi bộ lên đến Sơn Hà thì trời đã quá trưa, trên đường đi cha phải vượt qua hàng đá nhẩy, chạy sát dọc theo vực sông sâu và cận kề bên vách núi dựng đứng. Lúc này trời nắng gắt, đá nóng bỏng, cha phải cởi dép nhẩy từ hòn đá này qua hòn khác, để cho nhanh, và để kịp giờ đến được trại trước khi trời tối, nên chân cha phỏng lên tí thôi, không đau nhiều, con đừng lo. Mai cha về, nằm nghỉ vài ngày là hết thôi!”

Nói rồi, ông bảo Tâm soạn hết đồ thăm nuôi ít ỏi đựng trong cái ba lô cũ mèm, cho công an kiểm tra. Khi Tâm vừa bước ra khỏi nhà thăm nuôi, ông thầy Cửu Ba nói với theo:

“Ráng giữ gìn sức khoẻ nghe con.”

Tâm bước đi mà lòng nặng trĩu. Thăm con về, ông thầy Cửu Ba ngã bệnh. Năm sau ông mất.

Hơn sáu năm tù cải tạo, Tâm được thả ra trại. Trở về quê, mẹ già yếu, cha không còn, cảnh nhà nghèo, thêm quanh quẽ xác xơ...

Tháng 9 năm 1993, Tâm định cư ở Mỹ. Sống trong xã hội tân tiến, Tâm có công ăn việc làm, có xe hơi, có nhà riêng đầy đủ tiện nghi, dư ăn dư mặc. Thế mà nhiều đêm Tâm không ngủ được, nằm thao thức, trằn trở. Nhớ thương cha, nó lại khóc.

Nguyễn Đình Từ Lam



Cha Mãi Mãi Trong Con

*Mỗi lần nghe gió vi vu
Tưởng như văng tiếng lời ru Mẹ hiền
Mỗi lần nắng gội ngoài hiên
Tưởng như ấm lại cả miền đôn cô
Tưởng Cha, nhớ Mẹ xa xôi...
Tình đời bạc trắng như vôi mái đầu
Thương Cha bao độ bế dẫu
Tình nhà, nợ nước, đêm thâu mỗi mòn
Tình Cha vọng mãi trong con
Thủy chung vẹn chữ sắt son với đời
Thương Cha dẫu dãi mưa trời
Chang chang nắng hạ
chờ nơi cổng trường
Đời cha chan chứa tình thương*

*Mong con nói nghiệp
văn chương nếp nhà
Ngàn năm văn hiến nước ta
Năm châu nể phục, con là Việt Nam
Đời Cha lắm nỗi gian nan
Đoạn trường vạn nỗi,
đếm ngàn thương đau
Nhớ Cha lòng bồng nao nao...
Đêm đêm ướt gối, lệ trào, Cha ơi!
Bây giờ cách vạn trùng khơi
Cha ơi!
Đâu nữa, nhớ Người, chiêm bao!
Ơn Cha vời vợi trời cao
Phương này con đã nghẹn ngào Cha ơi!*

Vũ Hối

QUAND VOUS SEREZ BIEN VIEILLE...

Quand vous serez bien vieille, au soir, à la chandelle,

Assise auprès du feu, dévidant et filant,

Direz, chantant mes vers, en vous émerveillant:

"Ronsard me célébrait du temps que j'étais belle."

Lors vous n'aurez servante oyant telle nouvelle,

Déjà sous le labeur à demi sommeillant,

Qui au bruit de mon nom ne s'aïlle reveillant,

Bénissant votre nom de louange immortelle.

Je serai sous la terre, et fantôme sans os

Par les ombres myrteux je prendrai mon repos:

Vous serez au foyer une vieille accroupie,

Regrettant mon amour et votre fier dédain.

Vivez, si m'en croyez, n'attendez à demain:

Cueillez dès aujourd'hui les roses de la vie!

Pierre de Ronsard

KHI NÀNG TUỔI HẠC

Khi nàng tuổi hạc, chiều tàn

Chong đèn, ngồi sưởi,

tháo đan ngâm ngùi

Ngâm thơ ta, giọng bồi hồi:

"Ronsard tán tụng

minh thời xuân xanh"

Nữ tì chợ giấc bên màn

Chợt nghe choàng tỉnh,

vinh danh hết lời

Tình thơ lai láng tuyệt vời

Tên nàng bất tử, người đời ngợi ca

Mai kia lòng đất đón ta

Nghĩ yên bóng mát, thân ma chập chờn

Nàng già, bên lửa, tiếc thương

Tình ta thừa trước bể bàng vì ai.

Sống vui chờ đợi ngày mai:

Hái ngay hồng thắm

chưa phai vườn đời!

Tâm Minh Ngô Tăng Giao



Bến Sịa Hoàng Hôn

*Thuyền dạt phương nào để bến không
Sông xưa chỗ cạn, chỗ nên đồng
Người thân, bè bạn chừ muôn ngã
Xe, ngựa chiều hôn buổi chợ đông...*
QH

Ngồi trên bến Sịa hoàng hôn
Con sông nhỏ, chờ nổi buồn bao la
Bờ cây ủ bóng chiều tà
Nắng lao xao vỡ, khói nhòa nhạt lên

Người về con nước lênh đênh
Kìa trông mấy đám lục bình nổi trôi
Bày chi vật đổi sao dời
Chợ xưa nằm nhớ
cảnh người bán buôn!*

Áo xưa còn nhớ con đường
Mấy cây trứng cá chín hường tuổi thơ
Thời gian... ai đợi ai chờ
Bâng khuâng một thoáng
chạm bờ chiêm bao

Người về sông nước hư hao
Lăn tăn tiếng sóng vỗ vào bến tôi
Chạnh lòng nghe tiếng xa xôi
Vết lăn thỏ mộ một thời đã qua...

Để rồi sương gió phôi pha
Thuyền xưa bỏ bến, tre già rũ trắng
Cầu cao nhớ nón nghiêng vành
Tóc mây gió rối ngày xanh mộng hồ

Người về chiếc bóng bơ vơ
Nhìn phong cảnh lạ mà ngỡ ngác mình
Bến chiều ai nhớ ai quên
Hoàng hôn rụng xuống,
sầu lên ngút ngàn...

quanghà

**Khu chợ nay đã dời đi nơi khác*



DUNG NHAN MÙA THU

** THU LÊ **

Một trong những đầu đề luận văn mà các thầy cô giáo hay cho học trò tiểu học viết là “Em muốn làm gì khi em lớn lên?” Riêng tôi không hề nhớ mình đã có những mộng ước gì trong những năm của thời niên thiếu và cũng không nhớ có lúc nào chia sẻ ý nghĩ với mấy đứa bạn cùng tuổi. Chỉ nhớ rõ là mình rất thích hát. Tôi thuộc hết các bài tân nhạc hay nhạc cải cách nghe hàng ngày trên đài phát thanh. Những lúc ở nhà mẹ sai làm việc vặt như quét nhà, giặt lấy một chậu quần áo hay rửa chén, tôi thường vừa làm vừa hát ‘véo von’ vang cả nhà hay trong sân cho cả nhà nghe, cũng chẳng cần biết có ai nghe hay không nhưng tôi thích hát to lên và thích nghe giọng của chính mình. Buổi trưa buổi tối hay lúc nào rảnh là tôi ‘nghiên’ truyện đủ các loại, kiếm hiệp có, trinh thám có, tiểu thuyết tình cảm rất nhiều. Tiền mẹ cho ăn quà đều chi vào tiệm sách ở đầu đường có cho thuê truyện. Tôi thường bị mẹ mắng “Con gái tối ngày đọc tiểu thuyết, lãng mạn quá, không tốt à nha...” Chẳng phải vì thích hát mà nghĩ sau này mình sẽ thành ca sĩ hay vì thích đọc sách mà nghĩ mình thành cái gì sau này, cũng như nghe nói bạn tôi thích nấu bếp mà nghĩ rằng nó muốn trở thành đầu bếp trứ danh sau này khi lớn lên. Có lẽ đời sống ở Việt Nam khó khăn và bình

dị, chẳng có nhiều cơ hội nên con trẻ lớn lên cũng trong đơn giản không muốn gì nhiều. Tôi cũng chẳng nghĩ sẽ làm gì, học gì khi học hết trung học và cũng chẳng nghĩ là sau này tôi sẽ chọn nghề “gỗ đầu trẻ”.

Học xong trung học, tôi cùng một cô bạn thân ghi danh vào Đại học Dược khoa và được cha mẹ bạn xin cho cả hai đứa vào “tập sự” (tiếng Pháp gọi là stagiare) một năm với 1 ông dược sĩ có dược phòng ở ngay đường Lê thánh Tôn gần chợ Bến Thành. Còn phải nói, lúc đó mới là sinh viên trước ngưỡng cửa của cuộc đời muôn ngả, ai cũng hằng hái ghi danh vài ba trường vừa có ý định thăm dò xem mình thích cái gì và cũng có nghĩ là mình có khả năng làm hết...Tôi cũng bắt chước bạn bè ghi danh thêm vào Đại học Văn Khoa ở ngay đằng sau đường Lê Thánh Tôn là chỗ tôi tập sự Dược. Nhưng chỉ được vài tháng, những buổi tập sự ở dược phòng không làm tôi thích thú vì chỉ thấy những cân lượng và tên thuốc với người ra vào tiệm mua bán tấp nập. Tôi cho là làm dược sĩ thì chỉ để bán thuốc, tức là buôn bán mà tôi thì vốn đã không thích công việc buôn bán của mẹ tôi trông nom 1 cửa tiệm kim hoàn, vất vả tối ngày sáng đêm...Thế là tôi bỏ Dược và tiếp tục đại học Văn khoa.

Đang học được 2 chứng chỉ Văn khoa thì gặp một anh bạn sinh viên cùng lớp nói là anh cần 1 người thế chỗ anh đang dạy giờ ở một trường trung học ở ngoại biên Saigon vì anh bị gọi đi động viên. Nghĩ là dạy thêm 10 giờ ngoài chuyện đi học thì nhằm nhò gì. Thế là tôi nhận lời cái rụp, làm giáo sư bán thời gian một ít lâu, rồi toàn thời gian, rồi vào khế ước, rồi trở thành giáo sư thực thụ dù không qua Đại học Sư Phạm. Thế là nghề dạy học đã chọn tôi và tôi dạy được luôn 10 năm.

Lúc sang Mỹ năm 75 lại tiếp tục nghề dạy học mà tôi cho là may mắn vì có việc ngay và làm cô giáo thêm 25 năm nữa dù ở trong một môi trường khác hẳn Việt Nam cần nhiều phấn đấu và cố gắng hội nhập lúc đầu. Như vậy cứ làm thử một con tính cộng thì tôi cũng đã ở trong nghề dạy học 35 năm, thấy cũng đủ dài.

Cuối niên học năm thứ 25 tại trường Trung học tráng niên ở tiểu bang California, đầu óc tôi đã quanh quẩn với ý tưởng về hưu. Chợt ngoảnh lại nhìn con đường đã đi, thấy 25 năm trôi qua lạ lùng. Hai mươi lăm năm dạy học trên đất Mỹ, khoảng thời gian dài hơn những quãng đời tôi ở Bắc và Nam Việt Nam. Thỉnh thoảng khi nói chuyện với các bạn đồng nghiệp người Mỹ, tôi có đề cập đến ý định về hưu, mấy ông bà đều trợn mắt, “You are too young to retire!” Còn lạ gì

người Á châu mình, trông người nhỏ nhắn, da ít nhăn nheo, họ cứ tưởng mình còn trẻ lắm. Tôi phải tường trình cho mấy con số rõ ràng: 10 năm dạy học ở Việt Nam cộng 25 năm dạy ở Mỹ vậy chưa đủ dài sao mà “you” còn muốn tôi làm thêm nữa?

Đến cuối niên học, sau khi tôi gửi đơn đến Hiệu Trưởng cho biết cái ý định về hưu của mình thì đấy là lúc tôi có những vui buồn, âu lo vợ vẫn và hiện tượng về hưu trở thành “có thực”! Có những ngày tôi rất là háo hức, nghĩ đến lúc không phải chạy theo thời giờ, muốn làm gì thì làm, và cứ việc thông thả. Có cả một danh sách dài dài với những dự định để đấy hy vọng sẽ làm nhưng chưa bao giờ động đậy, hoặc đã bắt đầu nhưng bỏ dở mà tôi chưa vớt đi, cứ để trong ngăn kéo hứa hẹn... để đến lúc về hưu! Thì đấy đến tháng 6 khi niên học chấm dứt tôi tha hồ mà tung hoành. Đã ‘về vườn’ thì phải lo làm vườn trước đã cho khu vườn sau khỏi tang thương vì bị bỏ bê trong những ngày tháng còn lao động. Rồi dọn sách vở, thư từ, hình ảnh, tảo thanh các tủ quần áo v.v. Rồi đi chơi với đứa cháu ngoại duy nhất, rồi nấu bếp với những gourmet cooking cùng những recipes mà tôi cất để dành nhưng chưa bao giờ thực hiện. Rồi la cà đi thăm bạn bè, có thể ăn dầm ở dè dàu đó mà không phải vội vã trở về nhà ngày chủ nhật để còn mắt nhắm mắt mở lo đi dạy ngày thứ

hai. Như vậy về hưu phải là một cái gì đáng chờ đợi, là giai đoạn mình cảm thấy mãn nguyện hài lòng với những thành quả đã gặt hái, và cho rằng mình đáng được hưởng những ngày sắp tới.

Vậy mà có những đêm tôi thao thức, hoặc thức giấc giữa đêm mà không ngủ lại được, tự hỏi mình sẽ ra sao? Mình đã quen một đời đi làm việc mỗi ngày từ sáng đến tối lúc nào cũng bận rộn xếp đặt việc nhà việc trường, việc gia đình,... Hai mươi lăm năm đi làm ở Mỹ không hề thất nghiệp một năm nào. Bây giờ đang tự nhiên không phải chạy theo thời giờ nữa, muốn làm gì thì làm, nhưng lại không thấy ai chờ đợi mình (như học trò chờ bà giáo), không ai cần mình, không thấy mình quan trọng với ai, thấy mình đang tự nhiên ở ngoài “vòng cương tỏa”. Tôi tự hỏi có phải tại mình ở xứ Mỹ, một nơi có guồng máy làm việc và sản xuất đến cao độ cho nên khi mình không ở trong vòng đó, không sản xuất nữa là thấy mình bị quên lãng, và thấy bất lực, hay đây chỉ là ưu tư của riêng tôi?

Thật vậy, đâu phải là ai đến tuổi về hưu cũng sẵn sàng hay muốn về hưu hay mừng được về. Có người đến tuổi nhưng vẫn còn gánh nặng gia đình con cái chưa thành tựu cần giúp đỡ và có cha mẹ già phải cưu mang. Ngay cả không còn phải lo cho con cái nữa mà

nếu tiền hưu và để dành không được bao nhiêu thì cũng thấy khó nghĩ hưu vì tài chánh eo hẹp làm sao chi tiêu được rộng rãi như vẫn còn đi làm.

Ở Việt Nam, những vị có một thời vàng son đầy uy quyền “thét ra lửa” mà về hưu thì chắc phải là cảm thấy mất hết quyền lực, còn mất hết... thu nhập như tâm sự của tác giả bài thơ sau:

*Năm trước ông Táo về trời
Nhà ông tấp nập bao người tới lui
Năm nay đến tận ba mươi
Sao mà vắng ngắt chẳng người vào ra
Ông buồn nhưng chợt hiểu ra
Lý do đơn giản... vì ta hưu rồi.*
(thơ TĐN)

Chuyện nghề chọn người hay người chọn nghề làm cô giáo như tôi cũng thấy “linh ứng” với chuyện mình thích hát lúc còn nhỏ vì nghề dạy học thì có khác gì ca sĩ đâu, tối ngày “cô ca cô la” các em học sinh. Nhưng tôi đã thấy mình chọn đúng nghề và yêu nghề dạy học. Bây giờ có về hưu chẳng có gì phải tiếc thối ‘vang bóng một thời’ như bài thơ trên mà chỉ ưu tư:

*Cả một đời dạy học
Chẳng đòi hỏi gì đâu
Chỉ mong lời mình giảng
Học trò đừng quên mau.*
(DVC)

Người ta bảo lúc về hưu làm như các ông có nhiều vấn đề hơn các bà vì các bà, dù không đi làm, vẫn có khá nhiều công việc lật vật lo cho gia đình con cái, lo nấu nướng, thăm đũa con này, giúp trông cháu cho đũa con kia, v.v. trong khi các ông thì phần đông từ xưa tới nay ngoài việc sở thi khi rời sở làm về nhà có chuyện gì khác đâu ngoài chuyện lo cho mình. Nếu chẳng có thú vui hay mục giải trí hay hobby nào thì bây giờ tự nhiên có một khoảng trống khá lớn, biết làm gì chám vào đấy. Đi ra đi vào, vợ chồng nhìn thấy nhau 24/7, cứ như là xa lộ bị kẹt xe! Chị bạn tôi than thở có ông chồng về hưu mà chẳng có thú vui hoạt động gì, chẳng thích đi du lịch, cũng chẳng có những hoạt động “cộng hưởng” trong bao năm chung sống ngoài chuyện lo cho con cái. Rồi khi con cái ra khỏi nhà bỏ lại cái tổ chim trống rỗng (empty nest) và đến lúc ông về hưu, ông trở nên khó tính, hay than phiền, phàn nàn, cảm ràm hết chuyện này đến chuyện khác. Thế là có vấn đề! Vậy là các ông đáng lo hơn đàn bà chúng tôi!

Vậy mà tôi vẫn có những ngày khắc khoải, hay là chuyện về hưu gắn liền với hai chữ “về già”, là chấp nhận mình đã bước sang 1 giai đoạn khác của cuộc đời, ý thức một ‘dung nhan mùa thu’ của cuộc đời? Có lẽ vì vậy mà tâm tư tôi rối bời chẳng?

Còn nhớ các tiệc về hưu tôi đã từng dự mà tôi luôn luôn thấy người hưu được tặng quà linh tinh như bức tranh, khung ảnh, bình bông, những tấm plaques, những bằng tưởng lệ tuyên dương từ các văn phòng cộng đồng v.v. và thế nào cũng có một cái đồng hồ! Tôi thấy tức cười và không khỏi...ngán ngẫm, chẳng hiểu cái quà đồng hồ mang một ý nghĩa gì hay lợi ích gì cho cái “người về vườn” khi họ không cần dùng đến đồng hồ để phải lo đi làm đúng giờ hay sợ trễ nữa. Hay chỉ là hàm ý nhắc nhở các cụ non, “Này, quỹ thời gian sắp hết đấy nhé (time is running out!), hãy tận hưởng đi!” hay chỉ là thành thật nhấn khéo là các cụ có nhiều thời gian trong tay hơn bọn tôi còn đang đi cày đây.

Bây giờ đến lượt tôi về hưu nhưng tôi chưa chấp nhận là tôi già. Tôi nghĩ tôi chưa già! Hai câu thơ của một người bạn gửi từ Việt Nam chẳng biết là thơ của ai mà tôi “chịu” lắm:

Soi gương thì thấy đã già

Soi lòng thì thấy vẫn là trẻ trung!

Thật thế đấy, tôi có thấy tôi già gì đâu? Lúc bước vào lớp học thì phải đạo mạo, tề chỉnh, dáng điệu tử tôn. Lúc đi hỏi vợ cho con thì phải có bộ mặt trịnh trong để “quan trên trông xuống người ta trông vào” chứ... phía sau hậu trường sân khấu thì tôi vẫn thích pha trò, nói tếu khi

gặp các cựu đồng nghiệp và vẫn thích nghịch ngợm như hồi còn đi học.

Có nhiều người khi về vườn phải quan tâm nhiều đến vấn đề tiền bạc. Cô em dâu tôi một hôm điện thư cho tôi: 'Chị Thu ơi, gửi tặng chị mấy bài thơ "hưu non" tuy anh chị là thuộc loại "hưu già" để đọc cho vui nhé'. Cô ấy không biết tôi cũng một thứ hưu non vì quyết định về hưu theo ông xã tôi lớn tuổi hơn mặc dù tôi chưa tới tuổi lãnh Medicare:

*Hưu non lãnh được có ba trăm
Chẳng đủ tiêu nhưng cũng chẳng cần
Không rượu, không trà, không thuốc lá
Chỉ đủ mua dăm thuốc bổ gân!*

(NTL)

*Thanh thân hưu non được vài trăm
Rộng giờ nghiên bút khỏi kiếm cần
Kìa mây trời núi cùng hoa lá
Hòa với hồn ta vẫn cứ gân!*
(Sóng Việt)

Cảm nghĩ này là của các ông bà tâm tính hồn nhiên giản dị và sống an nhiên, chứ không phải tâm trạng của những người như tôi. Một người bạn rất thân của tôi

đã về hưu vừa tặng tôi những dòng tâm sự này:

*Tóc đã thôi không nhuộm nữa rồi!
Phấn son còn lại chút này thôi.
Vết nhăn đã sạm trên vùng trán
Vĩnh biệt nhau rồi tuổi trẻ ơi!*

*Nhìn lại cuộc đời qua cửa sổ
(Windows 98, 2000, XL?..)
Bỗng thấy sao không khỏi ngậm ngùi,
Thực hư có đấy rồi không đấy
Có cũng vui mà không cũng vui....*

(NN)

Tôi thấy thấm thía quá. Tôi đã "về vườn"! Tôi phải chấp nhận là cuộc đời tôi đã đến lúc có những âm hưởng của mùa thu...

**(Viết để tặng các cựu nữ sinh trường
Lê Văn Duyệt)**



THU LÊ

6 tháng 8, 2023



MAI VÈ



Mai về chờ đếm Thu vàng lá
Để thấy tuổi đời đã cuối Thu
Thơ vẫn đầy lòng câu với chữ
Và vui như thuở nắng cho mùa!

Còn gì nữa đến để tư vương,
Đời lấm bết dấu lại đoạn trường
Thân thể qua rồi hy với vọng
Một thời binh lửa lắm đau thương!

Đời được bao nhiêu năm tháng vui,
Dấu là hạnh phúc dấu là ngôi
Quần quanh cơm áo danh cùng lợi
Ngày tháng qua rồi cũng thể thôi.

Cuộc đời còn lại tình Em đây,
Tha thiết trong lòng gió với mây
Ân nghĩa ân tình sâu nặng lắm
Thơ nào tròn vẹn chữ nào hay...

Nắng vẫn hồng hoa mãi ngát hương,
Tình Em trao gửi đẹp vô thường
Xin nâng niu hết đời thi phú
Sáng đẹp trong lòng hoa tuyết sương!

Đời cuối cõi Thơ tình sáng trong,
Cùng đi trong nắng ngọt mai hồng
Thơ mình viết tặng cho trần thế
Hay dở còn chăng một tấm lòng...

Hoa Văn (07/26/2023)

MỘT CHÚT ƯU TƯ

(Hoạ vận bài thơ MAI VÈ của Hoa Văn)

*Mùa Thu nào cũng phai màu lá,
Giọt nắng hanh vàng nhuộm sắc Thu
Gợi hứng hồn thơ từng nét chữ
Viết câu Thu cảm buổi giao mùa!*

*Mỗi mùa mang một nỗi sầu vương,
Mộng để rồi tan giấc điệp trường
Đời đã ban cho nhiều ước vọng
Mơ tình là những phút yêu thương!*

*Nếu thấy đời vui hãy cứ vui,
Sao trời còn lúc đổi đời ngôi
Tình người sao mãi như mơ ước
Mùa đến mùa đi chấp nhận thôi.*

*Hãy giữ Tình Thơ ý nghĩa đầy
Thu về trời đã lấm nhiều mây
“Bạch Vân Thiên Tai” về vô tận
Biền biệt phương nào ai có hay?*

*Nắng đã nhạt màu hoa nhạt hương,
Nhắc cho nhau nhớ chữ vô thường
Ngày đi đêm tới còn đi mãi
Rừng lá cao nguyên đã trắng sương...*

*Buổi sáng bước đi trong nắng trong,
Đường thơ ngày cũ hoa thôi hồng
Những câu thơ muện cho thân thể
Một chút ưu tư nặng cõi lòng!*

Thảo Chi Bùi Mỹ Hoa

(07/27/2023) Seattle, WA.



TRONG VƯỜN LUXEMBOURG

** Nguyễn Mây Thu - France **

Vào mỗi cuối tuần chiều thứ bảy, sau khi gửi hai con cho dì Hồng. Vợ chồng Diễm và Duy liền đến khu Paris quận 13, để mua sắm một vài thức ăn dự trữ cho những ngày trong tuần. Khi đi ngang công trường Denfert-Rochereau, loay hoay vòng quanh qua mấy con đường với hai chiều xe lên xuống ngược xuôi vô cùng tấp nập, chợt thoáng thấy những tấm bảng triển lãm treo dọc theo ngoài cổng hàng rào khu vườn Luxembourg, Duy nảy sinh ý định rủ rê Diễm:

- Mình đi dạo trong vườn Luxembourg không Diễm?
- Ta còn phải đi chợ, nhớ về trễ để dì Hồng trông đợi.
- Trễ một chút không sao mà!
- Vâng thì đi nhưng đừng ở lâu anh nhé!

Bây giờ là tháng chín, trời bắt đầu vào thu, mới bốn giờ chiều nhưng hình như ông trời lười biếng cũng muốn đi ngủ sớm. Trước khi khệnh khạng lê bước chân lùi vào bóng tối, “ông ta” còn cố gắng hùng lên ở phía tít mù xa một màu đỏ rực rỡ nhìn lòa cả mắt. Bỗng dưng trời đầy gió như sắp sửa nổi cơn mưa giông. Duy nói với Diễm thời tiết năm nay thật bất thường, trong khi ở miền nam nước Pháp người ta mong chờ mưa, những con sông bị hạn hán nước

cạn tới đáy, thì ở Paris mưa dầm dề và gió lạnh lẽo. Biết tính Diễm hay mơ mộng, yêu thích thiên nhiên nên Duy cũng thường chịu khó cùng Diễm đi du ngoạn đó đây, tới những nơi thật êm đềm, bất chợt hôm nay trời mùa thu nổi lên từng cơn gió lao xao thổi bay đi những chiếc lá vàng. Duy cảm thấy thật hạnh phúc, cùng nắm tay Diễm rất nhẹ nhàng tinh tú, từng bước một đếm lá vàng rơi...

Chiều dần tàn, mưa lất phát rơi. Trong vườn Luxembourg trên lối đi ngập đầy lá vàng, Diễm dẫm lên từng chiếc lá nghe tiếng kêu dòn tan. Mùi lá cây khô ẩm mốc quyện lên trong không khí một hương thơm ngầy ngát, dễ chịu. Diễm dừng lại nhìn những giọt nước bắn tung tóe lên cao, rơi xuống, tỏa ra một màn sương mỏng chung quanh những bức tượng bằng đá trắng, im lặng, thoát ra một nỗi gì hài hòa đằm êm của trời đất. Ai trong đời không một lần cảm thấy buồn lằng lằng khi nhìn những chiếc lá vàng rơi. Diễm bắt nhớ tới bài hát Thu Vàng của Nhạc sĩ Cung Tiến: *“Chiều hôm qua lang thang trên đường. Hoàng hôn xuống chiều thắm muôn hương. Chiều hôm qua mình tôi băng khuâng. Có mùa thu về tơ vàng vương vương...”*.

Diễm cúi xuống gom trong tay thật nhiều lá vàng rồi thả tung lên cao, vô cùng thích thú, hát nhỏ nhỏ cho Duy vừa đủ nghe:

*“Mùa thu vàng tới là mùa lá vàng rơi.
Và lá vàng rơi khi tình thu vừa khơi.
Nhặt lá vàng rơi, xem màu lá còn tươi,
Nghê chừng như đây màu tê tái...”*

Duy mỉm cười dịu dàng, chỉ tay vào một bức tượng và nói:

- Diễm thấy không? Anh thích ngắm bức tượng này vì nó nói lên nhiều ý nghĩa. Người đàn bà dựa vào người đàn ông như được chở che. Và người đàn ông ngẩng đầu lên, chống tay suy nghĩ. Nghĩ ngợi về một điều gì mông lung. Về một tương lai, một ngày mai sáng tươi, hay giản dị thôi, về một nơi chốn mà người đàn bà cảm thấy vững tâm yên ổn trong đời sống. Diễm cảm động. Đó là hình ảnh của Duy, những tháng năm ở kề cận bên Duy, Diễm thật vô tư vì Duy đã như một tàng cây cao cho Diễm được nương nhờ bóng mát. Diễm không đan vào tay Duy nữa mà ôm gọn cánh tay Duy vào cánh tay mình để cảm thấy ấm áp, gần gũi với Duy hơn.

Đi thêm vài bước nữa, Diễm chỉ vào một bức tượng khác:

- Em thích bức tượng này hơn. Người đàn bà tựa vào người đàn ông. Tay vòng qua vai “chàng”. Hai người cùng nhìn ngắm, nâng niu một đứa bé. Dưới chân một con cừu non đang ngước lên

nhìn. Sao lại có thêm con cừu non ở đây nhỉ?

- Nếu anh đoán không lầm thì theo Thiên Chúa giáo, cừu non tượng trưng cho Chúa Giê-Su. Người nghệ sĩ tài ba như muốn gửi gắm lại một ẩn dụ đầy ý nghĩa. Lúc nào cũng có Chúa Giê-Su đến để trông nom gìn giữ Hạnh Phúc của gia đình họ. Bức tượng trước đây anh không nhớ rõ, nhưng bức tượng này có tên: **Bonheur ou Joies de la famille** - (Hạnh Phúc hay Niềm vui của gia đình), tác phẩm của điêu khắc gia Palma d'Annunzio Daillion (1863-1943).

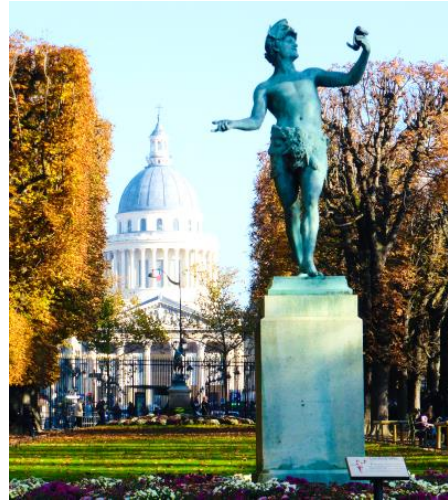


Ở phía sau đài phun nước Médicis, nhìn về phía đông bắc, bên cạnh cung điện Luxembourg là Thượng Nghị Viện hiện giờ, có bức tượng **Etudiants Morts dans la Résistance** (Các sinh viên chết trong cuộc kháng chiến) do điêu khắc

gia Gaston Watkin (1916-2011) ghi tạc. Đứng xa kia có tượng đồng **Statue de la Liberté** (Tượng Nữ Thần Tự Do) xây năm 1889 thu nhỏ lại, tác phẩm của họa sĩ, điêu khắc gia Auguste Bartholdi (1834-1904), đồng tác giả với tượng Nữ Thần Tự Do ở Hoa Kỳ.



Đi thêm chút nữa, sau đài phun nước Médicis có bức tượng đồng **L'Acteur Grec** (Người diễn viên Hy Lạp), của nhà điêu khắc Charles Arthur Bourgeois (1838-1886), từ tượng đồng này nhìn ra xa đến ngoài khu vườn Luxembourg sẽ thấy điện Panthéon.



Cùng sánh vai nhau bằng qua một con đường nhỏ, chui qua một cổng sắt, bước vào một khung cảnh khác trong vườn Luxembourg. Nơi đây, đường gập ghềnh nhấp nhô lên xuống như một thung lũng trải thảm làm bằng những chiếc lá vàng. Những hàng cây cao để lại từng chỗ tối sáng. Dưới hai tầng cây chụm đầu vào nhau, người ta để chung quanh một vài chiếc ghế cho khách du ngoạn nghỉ chân. Diễm nhìn ngắm không chán. Đâu đó rải rác một vài con nai lớn, nhỏ, làm bằng tượng đồng, ngược lên, cúi xuống, vênh ra những chiếc sừng nâu cong. Diễm nhìn ra xa,

mơ màng, như muốn tận hưởng hết những vẻ đẹp của thiên nhiên. Khung cảnh làm cho Diễm nhớ tới một nhân vật trong truyện phim thần tiên thời Trung cổ “La caverne de la rose d’or”, Diễm đã xem cùng hai con vào dịp Noël. Toàn thân cô gái được khoác bằng một chiếc áo đính đầy lá vàng.

- Nhìn gì mà đờ đẫn vậy Diễm?

- Duy ơi, trái tim em như muốn ngậy dại ra! Ở giữa Paris, sao có những nơi chốn nên thơ đến thế?



Đó là một nhóm tượng đồng **Harde de cerfs écoutant le rapproché** (một đàn hươu, nai đang nghe ngóng nhóm người thợ săn tới gần) của điêu khắc gia Arthur Le Duc ghi tạc vào năm 1885.

Tên của tác phẩm chứa đựng hai từ vựng thuộc về săn bắn. **Harde** là một nhóm, một đàn thú rừng hoang dã (nai đực, nai cái và nai con) sống tụ họp cùng nhau. **rapproché** để chỉ nhóm người thợ săn và chó săn đang sắp tới gần.

Duy đứng trầm ngâm với tâm tư sâu lắng. Tình yêu gắn bó với Diễm đã được hơn mười năm với hai con gái mỹ miều xinh xắn. Ngọc Trâm năm tuổi và Ngọc Anh ba tuổi. Còn mong muốn gì hơn. Duy yêu Diễm. Yêu tâm hồn thơ mộng của Diễm. Khi hòa mình vào thiên nhiên muôn màu muôn vẻ, Diễm như quên hết mọi phiền muộn trên đời. Và cũng nhờ Diễm, Duy biết yêu thêm thiên nhiên. Buổi dạo chơi tuy không toan tính trước nhưng Duy thấy hài lòng, vui lây cái vui của Diễm. Trong đời sống, hạnh phúc lứa đôi không phải dễ tìm, vui vầy hôm nay đêm êm như một khúc tình ca, nhưng biết đâu ngày mai là rình rập đợi chờ những oằn vai khổ đau với nhiều bão bùng giông tố. Duy xiết chặt tay Diễm, đứng dưới tàng cây cao nhìn mưa bụi rơi nhỏ nhẹ mong manh. Một buổi chiều êm đẹp như hôm nay, Duy nhớ mãi. Chiều thu, mưa thu, mây thu, hương thu, gió thu, lá thu... biết làm sao kể hết...

Duy nói với Diễm, trong vườn Luxembourg này có tất cả khoảng 106 bức tượng, tượng đài đủ loại. Tượng của các bà hoàng hậu hay phụ nữ danh tiếng thời xưa mà ta thấy trên một vài lối đi: Hoàng hậu Marie de Médicis, người đã yêu cầu xây dựng nên khu vườn này, hoàng hậu Marie Stuart, Blanche de Castille, Anne de Bretagne, Marguerite de Provence v.v. Tượng đài của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của Pháp: Théodore de Banville, Leconte de Lisle, George Sand, Stendhal, Gustave

Flaubert, Charles Baudelais, José-Maria de Heredia v.v. Tượng thánh Jeanne d'Arc đã được dời đến đặt tại viện bảo tàng Louvre vào năm 1872 vì sợ để ngoài trời tượng sẽ dễ bị hỏng. Bất chợt Duy kêu lên:

- Năm giờ hơn rồi, mình về thôi kéo mưa to, và lại trời sắp tối. Vườn Luxembourg thật rộng lớn không thể thưởng ngoạn hết được, nên để dành vào một dịp khác nhiều thời gian hơn nhé Diễm.

Diễm như vừa thoát ra khỏi giấc mơ, nhớ tới hai con, những con chim non của Diễm đang háo hức đợi chờ, nên đáp lại lời Duy:

-Ừ, mình về thôi.

Cùng với Duy bước ra khỏi cổng vườn Luxembourg, nhìn về phía đối diện, thấy tòa nhà Panthéon nghiêm trang cổ kính với những con đường rộng nhộn nhịp của một chiều thứ bảy. Tới chỗ đậu xe, Diễm mới kịp nhận ra áo hai người cùng ướt đẫm nước mưa, Diễm rùng mình vì lạnh nhưng vẫn còn tiếc rẻ:

- Còn thiếu!
- Thiếu gì nữa Diễm?
- Một dòng suối nhỏ cho nai uống nước, soi bóng mình trên đó. Hờ Duy?
- Chắc là... còn thiếu!

Duy mỉm cười một mình, cho xe quẹo trái, rẽ về phía Paris quận mười ba. Nơi

có những món ăn quê hương đậm đà thơm phức. Duy đang nghĩ tới những nhát dao, ném lập phập xuống từng miếng thịt vàng tươi béo ngậy, thật điệu nghệ của ông chủ tiệm. Lát nữa, Duy sẽ chọn một miếng xá xíu cho hai con và một con vịt quay đồ au cho cả nhà, không quên mua thêm một bó hoa tặng dì Hồng, em của mẹ Diễm, đã bỏ thì giờ trông giữ hai con gái, Ngọc Trâm và Ngọc Anh. Ngồi lặng thinh trong xe một hồi lâu, Diễm nhìn ra ngoài kính xe, giữa Paris một thành phố đông đúc người qua lại, xe cộ dập diu. Diễm mang tâm hồn thanh thản, cảm thấy lướt tiếc những giây phút êm đềm vừa trải qua, thì thắm điều gì không rõ, rồi đột nhiên ngân nga như đang cất tiếng hát:

*Này lá mùa thu vàng rơi về đâu?
Có giữ bao nhiêu buồn vui chốn này?
Xin gửi tình yêu nồng nàn yêu dấu,
Về những mùa thu nhiều cơn gió bay.
Và lá vàng thu còn rơi chốn nào?
Chiều thu, mưa thu,
hương thu, gió thu...
Xin gửi trái tim thật thà nhỏ bé,
Đi dặt đời nhau dài lâu mãi sau.*

Nguyễn Mây Thu France
(11-08-2023)



VỀ GIỮA SÀI GÒN

Về giữa Sài Gòn, nhìn ra bốn phía
Sao thấy lòng mình chia như nhánh sông
Quốc lộ 13 đi về phía Bắc
Qua hầm Thủ Thiêm để miết về Đông
Người bạn nước ngoài cầm bản đồ còn đi lạc
Ta thuộc nằm lòng đường phố cũng long đong.

Về giữa Sài Gòn, nhìn ra bốn phía
Xa lạ mặt người thăm thía lưu vong
Xa cảng Miền Tây về phía Nam đất nước
Thấy được rất nhiều mà hiểu được bao nhiêu
Như cơn gió thổi giữa đồng bát ngát
Mái nhà tranh phơ phất khói lam chiều

Về giữa Sài Gòn, nhìn ra bốn phía
Từ Hóc Môn về bỗng một cơn mưa
Ai đã nói một dòng sông giữa phố
Mà dắt xe đi, sóng vỗ nhịp mông người
Kỳ lạ quá những mảnh đời chịu đựng
Bình thân sống chung với Lũ quen rồi

Về giữa Sài Gòn, nhìn ra bốn phía
Thấy cả hân hoan chen với ngậm ngùi
Đàn cá nhớn nhỏ dưới dòng Nhiêu Lộc
Đứng trên bờ cả trăm kẻ đứng câu
Dòng kênh đen đã chuyển dần trong đục
Nhưng chuyển thế nào được một nghĩ suy.

Về giữa Sài Gòn, nhìn ra bốn phía
Dâu biển lòng người hoang phế bao năm
Lối cũ rêu phong mắt đầm giọt lệ
Không chỗ cho người thất thế dừng chân
Hiu hắt quá ngựa xe đời hỗn độn
Ngơ ngác bóng người, trộn với bóng băng khuâng

Về giữa Sài Gòn mà chân bước chênh vênh
Chịu lạc lối ngay trong thành quách cũ.

Nguyễn Minh Nữ



GIA ĐÌNH BÀ TƯ

** VÕ PHÚ **

Bốn đứa chúng tôi đang chụm đầu vào cái lu nước để coi hai con cá lia thia đá nhau thì bà Tư đi tới và gọi:

- Mấy đứa bây tùm năm tùm ba làm gì đó?

Chúng tôi giật mình, quay đầu lại nhìn, thoáng qua, rồi lại tiếp tục coi hai con cá dùng miệng cắn vào vây vào đuôi đối thủ. Thăng Tí Em, cháu nội của bà Tư, nó chẳng thèm nhìn bà, đưa tay ra sau lưng và nói lớn:

- Tụi tui đang coi đá cá. Có mua gì thì chờ tui coi hết trận này luôn đã.

- Tao không kêu bây. Tao kêu thằng Nam. Nam, bây lại đây bà Tư nhờ chút chuyện.

Đang lúc gây cần lại bị làm phiền, nên tôi giả vờ không nghe. Bà Tư gọi lớn hơn: - Nam!

- Dạ!

Bốn đứa chúng tôi, một lần nữa, cùng quay đầu lại nhìn bà Tư. Bà nói:

- Thăng Nam, qua đây bà Tư nhờ chút chuyện.

- Dạ, mà chuyện gì vậy bà Tư?

- Mà y cứ đi theo tao qua bến rồi tao nói cho nghe.

Tôi đi theo sau bà Tư, dọc lối mòn nhỏ. Trong lòng không vui vì đang coi đá cá lại bị bà Tư kêu. Đây là lần đầu tôi đi lối này, qua ngôi nhà lớn. Ngôi nhà ngói đỏ, tường vôi xanh, viền vàng bên dưới. Đây là ngôi nhà to lớn và lộng lẫy

nhất xóm chài. Ngôi nhà nằm giữa khu vườn mênh mông cây trái, gió mát quanh năm thổi lên từ con sông. Con sông Cóc bắt đầu từ thượng nguồn núi Bạc băng qua quốc lộ rồi chảy ra biển.

Tuy mấy đứa chúng tôi thường hay qua nhà anh em thằng Tí chơi. Nhà của chúng nằm phía sau ngôi nhà lớn, nhưng chúng tôi chẳng bao giờ đi theo lối mòn này. Mà chúng tôi chỉ dám len lén đi bợ qua đám khoai mì bên hông nhà để đến. Ngôi nhà lớn, nơi mà anh em thằng Tí cho là cấm địa, nên chẳng khi nào dám bén mảng tới. Khác với ngôi nhà to lớn đồ sộ đằng trước, phía sau là nhà của gia đình Tí. Căn nhà tranh rộng hơn hai mươi mét vuông. Ở giữa căn nhà là bộ bàn với hai băng gỗ dài. Phía sau bộ bàn là cái tủ lớn để quần áo. Bên phải có kê một cái giường tre thấp chỉ tới đầu gối của đám con nít chơi chơi chúng tôi. Cái giường tre rộng lớn chiếm gần phân nửa căn nhà. Bên trái che một bức màn may bằng vải thô màu trắng có điểm hoa đã ngả sang vàng đục, ám đầy bụi khói. Sau bức màn là cái giường tre nhỏ hơn. Phía trước căn nhà không cửa. Phía sau là cánh cửa nhỏ thông qua chái bếp bên dưới. Gia đình Tí có bốn anh em trai. Hai anh lớn của Tí tên là Tôn và Tú hơn chúng tôi vài tuổi. Còn thằng Tí Anh, Tí Em là

hai anh em sinh đôi. Chúng tôi trạc tuổi nhau chừng mười hai, mười ba.

Ở xóm chài này hầu hết mọi người đều làm nghề đánh cá. Số còn lại làm rẫy, trồng mía, trồng khoai và hoa quả. Đám con nít không đến trường, có chăng chúng chỉ đi học vài ba năm để biết đọc biết viết vài chữ rồi ở nhà phụ cha mẹ làm lụng. Buổi trưa, xóm vắng hoe, chỉ có đám con nít chúng tôi thường hay tụ tập lại với nhau để coi đá cá, đá dế, đánh trống, bắn bi, câu cá, bắt ốc...

Trong xóm này, chỉ có gia đình chúng tôi là khác. Mẹ tôi trước kia là cô giáo dạy học, nhưng sau khi ba tôi bị bắt vì tội chống lại chính quyền, nên mẹ bị đẩy xuống làm công việc quét dọn và nấu cơm ngày cho các thầy cô giáo trong xã. Ngoài ra mẹ làm thêm việc buôn gánh bán bưng, nên anh em chúng tôi bị mẹ bắt đi học chữ không như tụi con nít trong xóm. Vì vậy, anh em chúng tôi là những đứa có học nhất xóm chài này.

Đi đến trước hiên nhà lớn, bà Tư dừng lại và nói:

- Nam, bây giờ ở đây chờ bà Tư chút xíu.

Nói xong, bà đi vào nhà. Tôi ngồi xuống bậc tam cấp. Thèm xi măng mát rượi, cảm giác thật dễ chịu. Gió từ con sông thổi lên dịu dịu của buổi trưa hè. Tôi lim dim mắt và cảm giác như cơn buồn ngủ đang tới. Đang mơ màng thì bà Tư trở ra. Trên tay bà cầm vài tờ giấy và cây bút nguyền tử. Bà nhìn tôi rồi hỏi:

- Bây giờ giúp bà Tư viết thư gửi cho thằng Tèo.

- Dạ, nhưng con đâu có biết.

- Thì tao đọc cho bây viết. Tao nói gì thì bây biên đó. Biên xong, tao cho một ngàn ăn bánh.

- Dạ.

Bà Tư ngồi xuống bậc tam cấp, cạnh tôi, và bắt đầu đọc cho tôi viết. Sau gần một giờ đồng hồ viết, xóa, rồi lại viết, cuối cùng thì lá thư cũng xong. Bà Tư bảo tôi đọc lại lá thư cho bà nghe một lần nữa rồi nhờ tôi viết địa chỉ trên bì để gởi đi. Cầm lá thư trên tay, bà lật qua lật lại rồi bỏ vào bên trong túi áo. Bà Tư vạch lớp áo Bà Ba hoa màu ở ngoài, móc cái ví bên trong lớp áo thứ hai. Cái ví nhỏ có cây kim tây được ghim từ bên trong. Bà lấy hai tờ tiền năm trăm đưa cho tôi. Bà Tư, nói:

- Nam, bây giờ nghe bà Tư dặn nè. Bà Tư cho bây một ngàn mua bánh ăn, nhớ đừng cho tụi thằng Tí biết là tao nhờ bây viết thư cho chú Tèo nó nhe. Tụi nó biết nói lại với thằng cha tụi nó ồn ào lắm.

- Dạ. Con cảm ơn bà Tư.

- Ủa. Thôi bây đi chơi đi.

- Dạ, con chào bà Tư... Con đi.

Tôi cầm hai tờ tiền, gấp lại rồi bỏ vào túi. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi có được một số tiền lớn như vậy. Sau khi bỏ tiền vào túi, tôi vỗ vài cái và mỉm cười rời khỏi ngôi nhà lớn. Tôi thấy ngôi nhà lớn của bà Tư không còn đáng sợ như những lời anh em thằng Tí nói. Tôi trở ra phía sau nhà để tìm anh em Tí. Hai anh em thằng Tí và thằng Lượm bỏ

đi đâu mắt không có ở phía sau căn nhà tranh. Tôi nhìn quanh vườn cây ăn trái vẫn không thấy bọn chúng. Tôi đi vào nhà bếp, rồi lên nhà trên, vào buồng ngủ, nhưng không thấy bọn chúng đâu. Tôi đi ra bờ sông. Ở đó tôi thấy ba đứa đang chơi thả ghe bằng vỏ trái dừa khô. Tôi gọi lớn:

- Ê! Ba đứa mày ra đây hồi nào, sao không đợi tao? Ở mà hồi nãy con nào thắng?

- Chờ mày lâu thấy bà cố. Tụi tao ra đây chơi thả ghe nãy giờ.

Thằng Lượm trả lời tôi. Thằng Tí Anh tiếp:

- Bà nội tao kêu mày làm gì vậy?

- Ở... Ở... Bả nhờ tao chút chuyện.

Tí Em hỏi tiếp:

- Mà chuyện gì? Bả nhờ mày mua thuốc Jet cho bả hả?

- Ở... Ở....

Tôi không biết trả lời sao vì nhớ lời bà Tư dặn không cho tụi anh em thằng Tí biết tôi viết thư giúp bà. Tôi lấp lửng:

- Không, bả nhờ tao viết vài chữ trong giấy tờ...

- Tao nghĩ. Trong đám tụi mình chỉ có mày là biết đọc biết viết, nên bả kêu mày là đúng rồi.

Thằng Lượm nói chen vào:

- Đừng nói chuyện chữ nữa. Chán lắm...

Thằng Tí Em tiếp:

- Mà nếu mà bả nhờ mua gì ngoài quán bà Hai thì bả kêu tao rồi. Còn bả kêu mày tao nghĩ chắc chuyện chữ nghĩa y phóc.

Không muốn tụi nó hỏi, tôi sợ mình sẽ nói thật cho chúng biết, nên giả là sang chuyện khác:

- Mà hồi nãy con nào đá thắng?

Thằng Tí Anh trả lời:

- Con Thiên Ma cắn con Tể Tướng đến te tua, nhưng bắt phân bại liệt. Con Tể Tướng ngáp ngáp gần chết, nên tao bắt nó ra dưỡng thương trong cái lu bể.

- Bắt phân thắng bại mày ơi...

- Thì bại liệt với thắng bại cũng là bại xụi thôi... Thằng Tí Anh cãi bướng.

- Ở... Uống quá, tao không coi được.

Tí Anh nói tiếp:

- Hôm nào con Tể Tướng lấy lại sức tao cho nó đá. Máy con cá lia thia này đá dai thiệt không như cá Da Rắn hay Phi Tiến, bẫy màu.

- Ừa, mà nghĩ lại phải công nhận là mày đặt tên mấy con cá lia thia hay thiệt. Mà tên đó mày lấy ở đâu ra hay vậy Nam?

Thằng Lượm hỏi tôi.

- Thì tao coi trong sách.

- Trong sách cũng có tên nữa hả?

- Ừa sách có nhiều chuyện hay lắm.

Lần nào cũng vậy, khi nói đến chuyện sách vở là đám bạn trong xóm đều chăm chú lắng nghe và khâm phục lắm. Những lúc rảnh rỗi, không việc gì để làm, chúng nhờ tôi dạy cho chúng viết chữ. Sau vài lần chỉ dạy, ba đứa nó cũng viết và đọc được vài chữ. Tâm đắc nhất là chúng có thể đọc và viết được tên họ của mình để khoe với anh chị chúng.

Tôi chạy xuống bờ sông, xắn quần lên và cùng ba đứa nó chơi trò chơi thả

ghe. Chơi một hồi đỏi bụng, chúng tôi trở vô nhà thằng Tí lấy khoai lang nướng ăn. Anh em Tí lựa những củ khoai nhỏ, tròn, có vỏ trắng ngà bỏ vào bếp, đun dưới lớp tro. Để cho chín đều, chúng bỏ một ít củi lửa lên trên. Đợi củi tàn, chúng tôi khều khoai ra ăn. Củ khoai bùi, nóng hổi. Vừa thổi chúng tôi vừa ăn. Ăn hết mấy củ khoai lang lùi tro, chúng tôi ra giếng múc nước uống, chia tay, rồi hẹn mai gặp lại.

Tôi theo thằng Lượm đi bọc ra phía hông nhà, cạnh bờ sông, đi về. Ra đến bờ sông, chúng tôi thấy ông Tư đi rầy về.

Thấy ông Tư bơi qua sông, thằng Lượm hỏi thúc tôi:

- Nam nhanh lên chứ ông Tư tới bờ ổng phang một guốc chừ.

Tôi nhớ lần đầu gặp ông Tư, ông cũng lội về từ bên kia bờ sông. Một tay ông ôm quần áo và đôi dép cao su đưa lên cao cho khỏi ướt, tay còn lại ông bơi. Lần đó, tôi tò mò, đứng lại coi. Khi qua đến bờ bên này, tôi thấy người ông trần truồng như nhộng. Ông Tư cao và gầy nên chỗ đó nó cứ đung đưa theo bước chân nhìn mắc cười và ngộ lắm. Đến bờ, ông lắc người, nhảy lên nhảy xuống cho nước rơi ra, điệu bộ như những con chó đang rũ bộ lông của nó. Rồi ông thủng thẳng mặc quần áo, mang dép cao su, vào. Tôi đứng trôn người nhìn mặc cho thằng Lượm kéo lấy tay tôi về hướng cổng vườn.

Đám con nít chúng tôi, kể cả anh em nhà thằng Tí, đều rất sợ ông Tư. Mỗi

lần chúng tôi thấy ông đi rầy về, là cò chân chạy. Sau này tôi mới biết lý do vì sao.

Nhà ông Tư có vườn trái cây rộng lớn chạy từ cuối xóm qua đến bên kia bờ sông. Vườn trồng rất nhiều trái cây như mận, mãng cầu, khế, sapochê, ổi, cóc, chùm ruột... Mùa nào cũng có trái cây. Trái cây nhà ông trồng, to, ngon và ngọt nhất làng nên chúng tôi thường hay hái trộm để ăn. Mỗi lần hái trộm, ông bắt gặp là ông dùng đôi guốc gỗ đang mang để ném chúng tôi. Đám con nít đứa nào cũng sợ ông cả.

Ông bà Tư có bốn người con, hai trai hai gái. Người con cả là ông Toán, ba của Tí. Kế tiếp là Tèo, Tâm, và Bé. Chú Tèo và cô Tâm nghe thằng Tí nói đang ở Mỹ. Người mà bà Tư nhờ tôi viết thư. Còn cô Bé thì theo chồng trên thành phố. Cách vài tháng, cô Bé dắt con về thăm ông bà và ở mấy tuần đến hơn tháng trong ngôi nhà lớn. Mỗi lần cô đi về xe ô tô đến ngã ba đầu xóm đón rước mẹ con cô. Ông bà Tư thuê người gánh trái cây, khoai củ ra tận xe cho cô mang về thành phố. Riêng về ông Toán, ba của Tí, không biết vì lý do gì mà vợ chồng ông Tư chẳng giúp đỡ cho người con trai trưởng của cải, vật chất như cô Bé. Căn nhà tranh của họ, chỉ cách vài bước chân nhưng nhìn trống trơn. Có lần tôi thắc mắc hỏi thằng Tí Em, nó nói:

- Bà Nội tao nói: “cháu quại thương đại thương đột còn cháu nội không tội gì thương nên bà không thương tụi tao.” Bà nói mai mốt bà chết thì của đó cũng

bị ba tao lấy hết, nên bà không thèm cho.

Lúc mới biết anh em nhà thằng Tí, tôi tưởng đâu gia đình nó là người làm công cho gia đình ông bà Tư. Ba má Tí ít khi có mặt ở nhà. Họ lên núi Bạc làm rẫy và đốt than.

Đường từ nhà đến núi Bạc hơn năm giờ đồng hồ, nên họ ít khi về nhà trừ khi những lần họ gánh than, trái cây về làng bán và đổi lấy gạo muối. Quanh năm chúng tôi ít khi nào gặp mặt họ. Chỉ những khi bệnh sốt rét hoành hoành họ mới ở nhà. Còn không họ ở miết trên rẫy, núi. Hai anh lớn của thằng Tí thì đi về thường xuyên hơn. Tí Anh và Tí Em ở nhà tự chúng lo cơm nước nấu nướng nuôi lấy thân.

Vợ chồng ông bà Tư là hai hình ảnh hoàn toàn trái ngược nhau. Ông Tư gầy gò, nhưng rất khỏe. Một mình ông có thể vác cả con heo rừng đi một mạch từ trên núi Bạc về. Nhà ông bà tuy khá giả nhất làng, nhưng ông ăn uống rất cơ cực. Ông chỉ thích ăn cơm với muối mè và rau luộc hái ngoài vườn. Áo quần ông mặc chỉ có vài bộ đồ Bà Ba. Khi đi rẫy ông mang dép cao su quai nón. Lúc ở nhà ông đổi qua đôi guốc gỗ tự làm. Những lúc nghỉ ngơi, ông uống trà tim sen và hút thuốc rê quấn bằng đọt chuối non mà ông tự phơi, ủ sượng. Trái ngược với ông, bà Tư có một thân hình đầy đặn, phốp pháp. Ở nhà bà Tư không làm việc gì, kể cả nấu cơm cho chồng.

Buổi sáng bà đi bộ ra đầu xóm ăn phở hoặc bánh mì bò kho, uống cà phê

sữa, mua vài điều thuốc Jet. Sau đó bà đi dò số và bàn đề cho đến trưa. Khi nào tới mùa trái cây, bà thuê người đến hái hoặc bán khoán cho đầu nậu. Tiền bà bán trái cây, nông phẩm, bà tiêu vào việc ăn chơi, lô đề. Dạo gần đây bà thua số nhiều lắm, nên mới nhờ tôi viết thư gửi cho cậu con trai bên Mỹ để xin tiền gửi về cho bà. Trong thư mà bà nhờ tôi viết, bà kể về việc bệnh đau của ông Tư mà xin tiền con trai.

Từ hôm tôi giúp bà Tư viết thư gửi cho con trai bà đến nay cũng được hơn một tháng. Kể từ lần viết thư đó, bà Tư luôn coi tôi là báu vật. Mỗi lần vườn trái cây nhà bà tới mùa, khi bà kêu người tới hái bán, bà cũng đều ghé lại nhà tôi gọi tôi hái phụ. Sau khi hái xong, bà trả thù lao cho tôi và còn cho tôi những quả ngon nhất. Những lần như vậy, hai anh em thằng Tí đều trở mắt nhìn. Có lần tụi nó nói với tôi:

- Nam... Tao không biết mày bỏ bùa mê thuốc lú gì mà bà Nội tao thương mày còn hơn tụi tao. Bà mà thấy tụi tao là bà nguýt, bà ngoáy, ghê lắm. Còn mày thì khác, không những cho tiền mày còn cho trái cây ngon nữa. Tụi tao cũng phụ bà hái thí mớ mà chỉ được có năm trăm một đũa. Còn mày được cả ngàn.

- Ủa tao cũng không biết. Chắc là bà Tư thấy tao biết viết chữ, nên thương.

- Chắc là vậy. Biết hồi đó tụi tao cũng đi học như mày. Biết chữ để khỏi bị bà nội tao khinh.

Nhờ viết thư cho bà Tư mà dạo này tôi có tiền ăn quà vặt. Cách vài ba

tháng, bà Tư gọi tôi đến trước hiên nhà để giúp bà viết thư gửi cho hai người con. Nội dung của những bức thư cũng na ná giống nhau. Đầu thư bà hỏi thăm sức khỏe của con cháu sau đó là than bệnh đau hoặc ông Tư bị vô nhà thương vì bệnh sốt rét cấp tính cốt để xin tiền con gửi về lo thuốc thang cho cha già. Mỗi lần bà Tư nhận được tiền, bà đều thưởng thêm cho tôi vài ngàn. Tôi dùng số tiền ấy mua bánh kẹo và truyện để đọc. Có hôm, tôi cầm mấy quyển truyện tranh ra khoe và đọc truyện cho anh em nhà thằng Tí nghe. Tụi nó thích lắm.

Một buổi nọ chúng tôi đang chơi tạt lon thì thấy vài người quen trong xóm đang khiêng gì đó vội vã đi về hướng chúng tôi. Ban đầu chúng tôi cứ tưởng ba của Tí bẫy được heo rừng. Khi đoàn người đến gần, chúng tôi mới thấy ông Tư nằm co ro trong cái võng ni lông xanh màu lá cây. Mặt ông bết bết những vết máu đen. Quần áo rách bươm. Chúng tôi bỏ trống và cù xuống đất chạy theo đám đông, vào nhà. Mọi người nhón nháo cả lên. Thằng Tí Anh hỏi:

- Chú Ân, ông nội tui bị gì vậy chú?
- Ông bị gấu chó tát... Bà nội mày đâu?
- Tui không biết. Chắc bà đi lên chợ thị xã chưa dì.
- Tụi bây chạy đi tìm bà nội dì nhanh lên.

Thím Gái, một người hàng xóm, cạnh vườn nhà ông bà Tư, tặc lưỡi:

- Trời đất! Tội nghiệp ông Tư quá. Ông ra sao rồi anh Ân?

- Chết rồi chứ trăng sao chi nữa. Gấu chó tấn công ở gần bờ suối Ràng, trên núi Bạc. Lúc tui tới thì thấy ông nằm dài ở đó. Tui chạy qua rẫy thằng Tám kêu nó cùng nhau chặt cây để cột khiêng ông dì.

- Mô Phật! Sao xui vậy không biết.... Còn bà Tư đi đâu mà chưa dì vậy nè trời...

Nghe chú Ân giục, bốn đứa chúng tôi chia nhau thành hai nhóm để tìm bà Tư. Tôi với Tí Em một nhóm chạy lên chợ thị xã. Còn Tí Anh và Lượm chạy xuống bến cá để tìm bà Tư. Khi chúng tôi chạy ra đến ngã ba đầu đường thì thấy bà Tư hớt hải, nước mắt đầm đìa, chân thấp chân cao vừa đi vừa chạy về hướng chúng tôi. Thấy bà, anh em thằng Tí hỏn hển gọi:

- Bà... Nội... Ông... Nội...

- Ừa... Tao mới nghe thằng cu Cườm nói...

Chúng tôi chạy theo sau bà Tư về đến nhà. Tới trước hiên của ngôi nhà lớn, đám đông vây kín. Tiếng khóc, tiếng thì thầm bàn tán về cái chết của ông Tư vang dậy cả một khu vườn. Người hỏi gạo để nấu ba vắt cơm. Người chạy mua trứng về luộc cúng ông Tư. Họ để ông Tư nằm trên chiếc chiếu trước hiên nhà. Bà Tư ngồi bên ông Tư khóc gào và dùng khăn lau những vết máu đã khô trên mặt ông. Chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau vì sự việc xảy ra quá đột ngột, không biết làm gì...

Đám tang của ông Tư đến ba ngày đêm, có rước rất nhiều sư thầy từ chùa

Áo Vàng trên quốc lộ về. Có cả đoàn kèn đám ma thổi liên tục không ngừng, nghỉ. Tiếng kèn ò e, tiếng khóc than tru tréo của bà Tư và cô Bé làm mọi người nao lòng. Chỉ có ông Toán còn bình tĩnh để lo đám tang cho cha.

Từ ngày ông Tư chết, tôi với thằng Lượm không dám ra nhà anh em thằng Tí chơi. Tôi nghe người ta nói ông Tư chết bất đắc kỳ tử nên ai phá là ông hiện hồn về kéo chân. Sợ quá nên chúng tôi không dám ra vườn nhà ông Tư.

Mấy tháng sau, tôi theo gia đình đi vượt biển. Sau này, qua bạn bè, tôi nghe nói bà Tư vì đam mê số đề nên đã bán hết nhà cửa vườn tược rồi trốn đi Sài Gòn. Còn gia đình thằng Tí cũng bỏ xứ đi tuốt. Mọi người trong xóm không có ai biết được gia đình bà Tư trôi giạt nơi đâu.

VÕ PHÚ

(trích trong tập truyện ngắn XÓM CHÀI)



ẢO PHỐ

*Xin trả về ảo phố
Những cánh mộng xuân thì
Xin trả về ảo phố
Tiếng hót chim Họa Mi*

*Trong vườn tôi còn lại
Nụ nhỏ hoa Tường Vi
Cánh phớt hồng mỏng mảnh
Như mắt lệ sầu bi*

*Cánh phớt hồng xao xuyến
Như dáng mây chiều đi
Có âm hưởng đường thi
Bài thơ sầu vạn cổ*

*Không trả về ảo phố
Tôi cất giữ trong hồn
Để có những hoàng hôn
Tôi đem ra phố dạo*

*Giữa chợ đời điên đảo
Giữa cát bụi mù sa
Đời lơ là không chuộng
Thơ ngợ ngẩn xót xa*

*Nhưng trong hồn tôi bỗng
Thơ Huyền Diệu Thăng Hoa.*

Tuệ Nga

ẢO PHỐ (Thơ: Tuệ Nga - Nhạc: Mộc Thiêng) Ca sĩ: Ngọc Quy
<https://www.youtube.com/watch?v=tIeOFym79C4>

KÊ SĨ TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM

*** TRƯƠNG VŨ ***

Khi nhận lời viết bài cho tạp chí “Kẻ Sĩ”, tôi có vài lúng túng. Tôi, người viết, phải là một kẻ sĩ? Hay, giới độc giả đa số là những kẻ sĩ, nói khác đi, thuộc tầng lớp sĩ phu? Giống như, với một tạp chí khoa học, người viết hay người đọc phần đông thuộc giới khoa học, hay ít ra, cũng ham thích các bộ môn khoa học. Mặt khác, về danh từ “kẻ sĩ”, tôi được đọc hay nghe nhiều khi còn ở trường học, hay khi đọc các sách văn, thơ, sử ký cũ. Trong đời sống hằng ngày, hiện nay, danh từ này rất ít được dùng đến. Và, nếu được dùng đến, để chỉ những ai, những người như thế nào trong xã hội chúng ta, trong nước hay trong các cộng đồng ở hải ngoại? Và, tại sao, từ xưa đến nay, không có một vị nữ lưu nào được gọi là kẻ sĩ? Chữ “kẻ sĩ” chỉ được dùng cho đàn ông? Bài viết này khởi đi từ những lúng túng như vậy.

Hãy thử có một cái nhìn tổng quát về vai trò của tầng lớp sĩ phu Việt Nam qua những giai đoạn quan trọng của lịch sử từ cuối thời Trịnh Nguyễn Phân Tranh đến thời hiện đại. Trong thời thịnh của Hán Nho, tầng lớp sĩ phu hay kẻ sĩ là một tầng lớp được kính trọng trong xã hội. Kẻ sĩ là một mẫu người lý tưởng. Trong một bài thơ nổi tiếng của Nguyễn Công Trứ, ông khẳng định vị trí hàng đầu của Kẻ Sĩ trong câu “*Dân hữu tứ sĩ vi chi tiên*”, theo quan niệm xếp hạng “*sĩ nông công thương*” ngày xưa. Nói chung, qua cách hiểu thông thường, đây là thành phần có học, mê đọc sách, và hiểu đạo thánh hiền. Theo như một câu

nói khá thịnh hành ở Việt Nam của Hoàng Đình Kiên, một họa/thi gia nổi tiếng thời Bắc Tống, “Sĩ phu ba ngày không xem sách soi gương mặt mũi đáng ghét, ăn nói nhạt nhẽo khó ưa” (*Sĩ đại phu tam nhật bất đọc thư, đối kính giác diện mục khả tăng, hướng nhân diệc ngữ ngôn vô vị*).

Trong xã hội cũ, tầng lớp sĩ phu hầu như đồng nghĩa với tầng lớp nho sĩ. Đọc sách vở về những thế kỷ sau cùng, có cảm giác như mục đích chính của đa số trong tầng lớp này là đậu đạt và làm quan. Dù luôn là một tầng lớp được kính trọng và ưu đãi, tầng lớp sĩ phu thường tỏ ra bất lực trước những đổi thay của thời cuộc hay những biến động lớn trong xã hội. Còn giới quan lại thì ngày càng trở nên tham ô và bất tài. Đọc *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, chúng ta hình dung được khá rõ cách ứng xử nặng về chữ nghĩa, giới tránh né của giới sĩ phu Bắc Hà, trong những tranh giành quyền lực đẫm máu trong phủ chúa, trong các biến động gây ra bởi loạn kiêu binh, hay cách họ chạy theo hay chống đối vua Lê, chúa Trịnh, hay sự tiến quân của Nguyễn Huệ ra Bắc. Khi người Pháp đánh chiếm Việt Nam, có một số sĩ phu yêu nước đứng ra lãnh đạo và phát động cuộc chiến bảo vệ tổ quốc, như Phan Đình Phùng, Đề Thám, v.v... Tuy nhiên, dù được đông đảo thành phần nông dân ủng hộ, họ thất bại, vì đa số sĩ phu thụ động. Trong xã hội Việt Nam thời Hán Nho, tiếng nói và hành động của sĩ phu thường có ảnh hưởng rất lớn.

Nhưng, với đa số thụ động này, hành động được ngưỡng mộ chỉ là sự thanh liêm khi làm quan, từ quan khi bất mãn với thời cuộc, với thế sự, rồi về ở ẩn hay vui thú điền viên. Trong lúc đất nước lâm nguy, nhiều người đang hoặc từng giữ những chức vụ quan trọng vẫn tiếp tục làm thơ ca ngợi chữ “nhàn” hay ca ngợi đời sống rời xa thế tục. Chúng ta hiểu được sự thất bại của một nền giáo dục nặng từ chương đã lỗi thời, hiểu được hoàn cảnh của đất nước vào lúc đó, hiểu được sự thối nát của chế độ phong kiến đương thời nhưng rất khó hiểu về tinh thần sĩ phu của một dân tộc có một lịch sử lâu dài về văn hiến. Vì, lòng yêu nước và khả năng ứng xử của một kẻ sĩ không phụ thuộc vào lòng yêu nước, khả năng ứng xử của một ông vua hay những ông đại thần hèn nhát. Chỉ cần 11 tên lính Pháp với những khẩu súng trường rất thô sơ vẫn hạ được thành Ninh Bình.

Sau khi người Pháp chiếm Đông Dương, lớp nho sĩ tan rã dần. Xã hội Việt Nam bắt đầu xuất hiện một thành phần mới thay thế lớp nho sĩ cũ. Thành phần mới này tiếp thu một nền giáo dục từ các trường học tổ chức theo chương trình Pháp. Danh từ trí thức bắt đầu xuất hiện. Sự đóng góp của họ cho xã hội khá phức tạp, có tiêu cực có tích cực, nhưng khó để đánh giá một cách đơn giản. Tuy nhiên, nói chung, về mặt tích cực, cách biểu lộ tình yêu nước và những đóng góp cho xã hội, cho quê hương vượt trội hơn lớp nho sĩ cũ. Họ có kiến thức rộng hơn, năng động hơn, thực tiễn hơn, nhìn xa hơn, và nhiệt huyết hơn. Trong thời nho mạt này, ngoài thành phần trí thức mới, một số nho sĩ cũ biết nhìn về một thế giới rộng lớn hơn, thấy được cái hay

của người, kẻ cả của kẻ thù, và cái dở của mình. Không được đào tạo như lớp trí thức mới nhưng bằng khả năng và tầm nhìn lớn, họ tiếp thu cái hay của tinh thần trí thức Tây phương. Họ lập nên Đông Kinh Nghĩa Thục, phát động phong trào khai dân trí, phong trào Đông Du, v.v... Những phong trào này nhận được sự hỗ trợ nồng nhiệt từ thế hệ trẻ hơn. Trong giai đoạn lịch sử này, người dân Việt cũng đồng thời chứng kiến nhiều vận động từ giới trí thức về cải cách xã hội, chính trị, văn hóa, qua báo chí và sách vở. Lòng yêu nước và khát vọng độc lập, khát vọng tiên tiến khơi dậy mạnh mẽ. Nhiều phong trào yêu nước liên tiếp được phát động, từ cuộc khởi nghĩa Yên Bái cho đến cuộc chiến tranh giành độc lập về sau. Có thành công, có thất bại, nhưng chính nhờ vào sự dấn thân tích cực của đa số trí thức, thời cuộc thay đổi.

Trong cuộc chiến tranh Việt Pháp 1945-1954, tầng lớp này tham dự vào hai phe khác nhau. Lúc đó, sự chống đối giữa những trí thức không thuộc đảng phái nào chưa quyết liệt lắm. Tùy hoàn cảnh chính trị và địa dư, họ có thể cầm súng bắn nhau ngoài mặt trận, nhưng trên những diễn đàn trí thức, qua những ứng xử giữa con người với con người, họ không quá tàn ác với nhau. Khi đất nước chia đôi vào 1954, họ chấp nhận chia tay trong ôn hòa để đi về hai bên giới tuyến đối nghịch. Tuy nhiên, sau đó, mọi cách ứng xử hoàn toàn thay đổi.

Ở miền Bắc, sau 1954, sau vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, sau cuộc Cải Cách Ruộng Đất và những thanh trừng chính trị đẫm máu theo mẫu Stalin và Mao,

tầng lớp trí thức hầu như không còn nữa. Thành phần nòng cốt của xã hội miền Bắc là thành phần cán bộ. Một trí thức cũ có thể trở thành cán bộ, nhưng đã là cán bộ, nhất là cán bộ trong một chế độ như chế độ Cộng Sản thì không còn là trí thức vì không thể duy trì được tư duy và nhân cách độc lập. Nhiều trí thức nổi danh trong thời Pháp thuộc không tiếp tục ứng xử độc lập như trước, để có những đóng góp cho xã hội, cho nhân loại như trước. Bài học họ để lại cho đời chỉ còn là những kinh nghiệm về chịu đựng và khả năng tồn tại. Nhiều khuôn mặt lớn trong Nhân Văn Giai Phẩm, chẳng hạn, cũng thế.

Ở miền Nam, sau 1954, ảnh hưởng của tầng lớp trí thức trong lãnh vực chính trị không nhiều. Không so được với thành phần chỉ huy quân đội và cán bộ một số đảng phái. Tuy nhiên, trong xã hội, họ vẫn còn là một tầng lớp tương đối được kính trọng, giúp giảm thiểu phần nào sức mạnh của các khuynh hướng độc tài và lệ thuộc. Họ giữ được khá tốt sự độc lập của trường học, đặc biệt, tính tự trị của đại học. Họ không để chính trị ảnh hưởng đến chương trình giảng dạy, và có nhiều đóng góp vào sự phát triển cho xã hội trong giáo dục và văn hóa. Trong điều kiện của cuộc chiến, ảnh hưởng này vẫn không đủ sức lấn áp để ngăn chặn sự sụp đổ của miền Nam.

Kể từ 1975, xã hội Việt Nam hoàn toàn thay đổi, sau khi thống nhất, sau cách kết thúc đẫm máu, và sau những trả thù tàn bạo, những vượt biển thảm khốc. Một bộ phận người Việt khá đông rời quê hương, di tản đến nhiều quốc gia khác nhau. Ngày nay, ở hải ngoại, lớp

trí thức cũ không còn bao nhiêu, lớp mới dần hội nhập vào giới trí thức Tây phương. Trong nước, số trường trung, tiểu học, và đại học nhiều hơn. Rất nhiều, so với trước 1975. Đào tạo về chuyên môn khá tốt. Tuy nhiên, đại học chưa được tự trị và có xu hướng đào tạo chuyên gia hay cán bộ hơn đào tạo trí thức. Mỗi năm, thành phần ưu tú tốt nghiệp trung học, có điểm số cao nhất, được tuyển chọn vào khối trường công an như học viện Chính trị Công an nhân dân, Học viện An ninh nhân dân, v.v... Điểm số dành cho các trường đại học Bách khoa, Kinh tế, Khoa học,... thấp hơn, thấp hơn cả ngành Hàn Quốc học của Đại học Quốc gia Hà Nội. Sinh viên theo ngành Hàn Quốc học này sau khi tốt nghiệp có thu nhập và có tương lai tốt hơn nhiều so với những sinh viên theo các ngành Việt học. Trong xã hội Việt Nam hiện nay, thành phần có ảnh hưởng đến mọi sinh hoạt của xã hội vẫn là thành phần cán bộ. Tiếp đến là giới đại gia. Về giới trí thức hiện nay, GS Hoàng Tụy đã nêu một nhận xét rất đáng lưu-ý:

“...Mỗi người chỉ biết việc của mình, chỉ lo cho mình, ít khả năng và cũng không thích thú hợp tác với bạn bè đồng nghiệp. Dễ bị lâm vào thế ếch ngồi đáy giếng, dễ mắc bệnh vĩ cuồng, không hòa nhập vào dòng chảy văn minh của thời đại, không chấp nhận luật chơi quốc tế, rồi ngày càng tụt hậu mà vẫn tự ru ngủ mình, tự đánh lừa mình, và đánh lừa nhân dân mình với những thành tích không có thật. Chạy theo danh hão, chạy theo quyền lực, chạy theo chức tước, là căn bệnh thời đại của trí thức VN. Chưa bao giờ trong xã hội ta có

nhieu Xuân Tóc Đỏ như bây giờ. Tôi nói có vẻ bi quan, nhưng thà nhìn khất khe một chút để biết người biết ta, còn hơn nhắm mắt chủ quan một cách lố bịch...” [1]

Nhìn lướt qua dòng lịch sử từ cận đại đến hiện đại như trên, ta thấy, nếu có một tầng lớp sĩ phu trong xã hội Việt Nam, thì đó phải là tầng lớp nho sĩ trong xã hội cũ và tầng lớp trí thức trong xã hội mới. Đến đây, chúng ta bắt đầu có chút mâu thuẫn. Mâu thuẫn ở chỗ tinh thần trí thức, chịu ảnh hưởng của giáo dục Tây phương, với tinh thần nho sĩ, chịu ảnh hưởng giáo dục Khổng Mạnh của Trung Hoa. Một bên chú trọng vào tư duy độc lập, khuyến khích tìm tòi, khuyến khích cống hiến những khám phá mới, khuyến khích phản biện. Một bên, cố học để thấu hiểu nhưng không phản biện sách vở, lời dạy của thánh hiền, để lập công-danh, để giúp đời, để sống đẹp, và dùng sách vở không khác gì của nho sĩ thuộc một, hai ngàn năm trước. Dù chịu ảnh hưởng văn hóa và chế độ giáo dục của Trung Hoa, đa số nho sĩ của ta từ thế hệ này qua thế hệ khác rất nặng về từ chương, không thật sự có đam mê khám phá và hiểu biết thâm sâu. Ngoài thơ, phú, không có công trình đáng kể nào về triết học, văn học, nghệ thuật như Trung Hoa. Nếu chấp nhận lớp trí thức mới này là sĩ phu thì khó chấp nhận lớp nho sĩ cũ là sĩ phu, dù rằng danh từ sĩ phu khởi đi từ thời thịnh của Hán Nho.

Một vấn đề khác chúng ta gặp phải khi theo dõi vai trò của tầng lớp trí thức, tức lớp sĩ phu mới, trong xã hội Việt Nam từ thời Pháp thuộc đến nay. Thời Pháp

thuộc, người Pháp áp đặt nền cai trị nhằm mục đích khai thác cho quyền lợi và quyền lực của họ, đồng thời xây dựng một chế độ giáo dục dựa trên khuôn mẫu của họ. Nhưng chính trong thời kỳ đó, tầng lớp trí thức được hình thành và có nhiều ảnh hưởng tích cực vào nhiều lãnh vực, làm xã hội trở nên tốt đẹp hơn về văn hóa, dân trí, học thuật, v.v... Họ tạo nên thời cuộc. Nhưng tại sao, khi đất nước chịu sự cai trị của người Pháp, họ tạo nên thời cuộc, và khi không còn sự cai trị đó nữa, thời cuộc chế ngự họ? Lý do, theo tôi, dù dựng nên cho Việt Nam vì nhu cầu cai trị, nền giáo dục của Pháp vẫn là một nền giáo dục tiến bộ, nhân bản và nhằm đào tạo trí thức. Giáo dục của Việt Nam, ở miền Bắc trước 1975 và trên toàn quốc sau 1975 không nhằm mục đích đó. Một lý do khác, như được trình bày tiếp theo đây, liên quan đến định nghĩa chữ Kề Sĩ và tinh thần kẻ sĩ.

Nhiều dân tộc có mẫu người lý tưởng của họ, mang bản sắc của họ, và mỗi khi nói đến dân tộc đó người ta nghĩ ngay đến mẫu người này. Chẳng hạn, “gentleman” của người Anh hay “samourai” của người Nhật. Có phải “kẻ sĩ” là mẫu người lý tưởng, mang bản sắc của dân tộc Việt Nam và mỗi khi nói đến người Việt Nam thì nghĩ ngay đến tinh thần kẻ sĩ?

Trong văn thơ cũ, khi đọc đến chữ “kẻ sĩ” chúng ta dễ liên tưởng đến giới nho sĩ. Chẳng hạn, khi đọc bài Kề Sĩ của Nguyễn Công Trứ như đã nêu trên. Và, liên tưởng đến giới trí thức ngày nay. Nhưng một nho sĩ không hẳn là kẻ sĩ và một trí thức cũng không hẳn là kẻ sĩ. Bên cạnh, nếu chúng ta chấp nhận một định

nghĩa cho chữ Kê Sĩ dựa trên từ nửa Hán nửa Nôm này, thì một sĩ phu cũng không hẳn là một kẻ sĩ.

Riêng chữ “trí thức”, chúng ta thường sử dụng nó trong nghĩa rất tương đối. Đa số thuộc tầng lớp mà chúng ta gọi là trí thức trong thời Pháp thuộc chưa tốt nghiệp đại học, nghĩa là còn ở tầm học trò khá thấp trong ngành chuyên môn của họ. Thời đó, ai tốt nghiệp đại học đương nhiên được xem là trí thức. Ngày nay, số tốt nghiệp đại học đông hơn nhiều, tiêu chuẩn cao hơn. Tuy nhiên, cách gọi ai là trí thức vẫn mang giá trị tương đối so với giá trị thực đòi hỏi ở các xã hội có truyền thống giáo dục Tây phương cao, như Mỹ, Pháp, Anh, Đức, Nhật, v.v... Tạm thời, xin chấp nhận cách nhìn tương đối về trí thức trong bài viết này.

Trở lại chuyện sĩ phu, trí thức và kẻ sĩ. Theo tôi, chữ “sĩ” trong “kẻ sĩ” không chỉ có nghĩa là học trò, là người có học mà còn có nghĩa như trong chữ “sĩ khí”. Như vậy, trong xã hội ngày nay, *một kẻ sĩ là một trí thức có sĩ khí, có trách nhiệm làm tốt xã hội, quyết liệt bảo vệ sự thật và không chịu khuất phục dưới bất cứ đe dọa, áp lực nào mà mình tin là phản trí thức.* “Kẻ Sĩ” cũng không bị giới hạn vào giới tính, như “Sĩ Phu”. Từ quan điểm đó, nhìn lại những giai đoạn lịch sử kể trên, cái mà xã hội chúng ta thiếu không phải là sĩ phu hay trí thức mà chính là kẻ sĩ. Thời thuộc Pháp, Trần Đức Thảo là một trí thức lớn, sau khi về nước, ông chịu bao áp lực, ông không tiếp tục nói, viết ra những suy nghĩ thật nữa, không dám đóng góp cho xã hội, cho nhân loại bằng khả năng trí thức của ông. Ông

chịu khuất phục. Hiểu biết cái chính trị của xã hội Việt Nam vào lúc đó, chúng ta thông cảm cho ông, thương tâm ông. Ông vẫn là một trí thức nhưng rõ ràng, không là một kẻ sĩ. Ông không là Tư Mã Thiên. Ông không là Emile Zola. Ông không là Shakarov. Ông là Phùng Quán. Xã hội chỉ thay đổi được cho tốt hơn nếu xã hội đó có nhiều kẻ sĩ.

Kẻ Sĩ là một mẫu người lý tưởng. Một vấn đề cần được bàn ở đây là có phải nó biểu trưng cho bản sắc của dân tộc Việt như Gentleman của Anh hay Samourai của Nhật? Câu hỏi rất khó trả lời. Trong đời sống hằng ngày, không phải chỉ người Anh, mà chính chúng ta, người Việt, vẫn thường dùng chữ gentleman để nhận xét về phong cách của một người Anh nào đó. Cách dùng chữ samourai cũng vậy. Chỉ mới đây thôi, nhiều người Việt đã dùng chữ tinh thần samourai để nói về phong cách của một cô công chúa Nhật khi quyết định rời bỏ hoàng cung. Nhưng, trong đời sống hằng ngày, mấy khi chúng ta dùng chữ kẻ sĩ để nói về một người Việt nào đó? Và, ngày nay, trong đời sống hằng ngày, trong các trao đổi giữa giới trẻ với nhau, chúng ta có thường nghe hay thấy chữ kẻ sĩ được dùng trong câu chuyện? Với một hiểu biết, có thể nông cạn, về một thực tế như vậy, tôi chưa dám trả lời câu hỏi trên.

Tuy nhiên, Kẻ Sĩ vẫn là một mẫu người lý tưởng. Cho xã hội Việt Nam. Tôi thích câu trả lời của Reginald Johnston, ông thầy người Anh của hoàng đế Phổ Nghi, trong phim The Last Emperor. Trong buổi học đầu tiên, Phổ-Nghi hỏi Johnston: “Ông có phải là một

gentleman?” Johnston trả lời: “Thưa ngài, tôi cố gắng làm một gentleman.” Tôi không được đọc cuốn sách của Johnston, nói về thời gian ông làm gia sư cho Phổ Nghi, nhưng sau khi đọc hồi ký của Phổ Nghi, tôi tin Johnston quả thật là một gentleman.^[2] Câu chuyện đó có thật sự xảy ra hay chỉ có trong phim, tôi vẫn thích câu trả lời đó. Cho dù, ông có thật sự là một gentleman hay chưa phải.

Kẻ Sĩ là một mẫu người lý tưởng. Tôi xin mượn câu trả lời của Reginal Johnston trong phim để kết thúc bài viết này: “Cố gắng làm một kẻ sĩ”. Nhất là, trong học

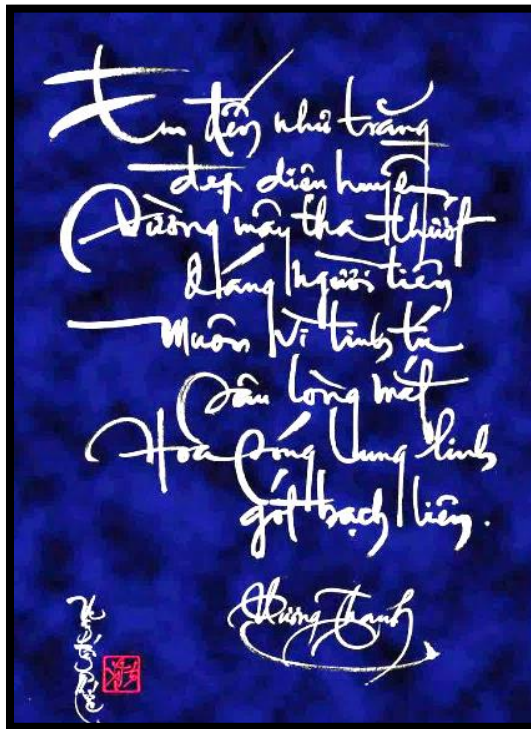
thuật, trong văn học, và trong nghệ thuật.

TRƯƠNG VŨ

Virginia, tháng 2 năm 2022.

[1] Hoàng Tụy, “Để có lớp trí thức xứng đáng”, *Tạp chí Tia Sáng*, (2008).

[2] Pu Yi, Paul Kramer biên-tập, *The Last Manchu: The Autobiography of Henry Pu Yi, the Last Manchu Emperor of China* [Người Mãn-châu cuối cùng: Tự-truyện của Henry Phổ-Nghi, Hoàng-đế Mãn-châu cuối cùng của Trung-quốc], Kuo Ying Paul Tsai dịch (London: Weidenfeld and Nicolson, 1987).



Thơ: **Vương Thanh** – Thư pháp: **Văn Tấn Phước** (Paris)

Sài Gòn Cảnh Cũ Đường Xưa

Vùng tiếp giáp giữa Chợ Đũi và Bàn Cờ

*** Mỹ Phước Nguyễn Thanh (France) ***

Chúng ta đi đến con đường có thể được xem như nằm trên vùng tiếp giáp giữa Chợ Đũi và Bàn Cờ (1), đó là đoạn đường mang cái tên Hồng Thập Tự thân yêu thuở nào. Đây là một phần của đường thiên lý thời xưa, con đường thẳng tắp bắt đầu từ cửa Hữu thành Gia Định (Thành Phụng, xây năm 1836) kéo dài đến tận Chợ Lớn. Sau ngày đánh chiếm Sài Gòn, quân đội Pháp sử dụng đường này như một tuyến phòng thủ, một đường chuyển quân, nên đã gọi nó là Route Stratégique (Đường Chiến lược). Hơn trăm năm trôi qua, quang cảnh đường này đã thay đổi nhiều và tên đường cũng mấy lần được sửa đổi. Ta có thể kể các tên đường từ trước đến nay: Chiến lược, số 25, Chasseloup-Laubat, Hồng Thập Tự, Sô Viết Nghệ Tĩnh, Nguyễn Thị Minh Khai.

Ngày xưa đường Chiến lược đi xuyên qua cánh đồng hoang trải rộng về phía Phú Thọ, Hoà Hưng v.v. Theo các bậc tiền bối, cánh đồng này vừa là rừng chồi, cây cối không cao lắm mọc xen với cỏ rậm, vừa là bãi sinh lầy, có nơi đất trũng biến thành ao tù nước đọng. Nơi nào đất khô, cao ráo thì được chọn lựa để chôn cất người chết. Qua nhiều đời, cả cánh đồng trở thành bãi tha ma rộng lớn, trên đó rải rác những ngôi mộ thiên hình vạn trạng, kích thước lớn nhỏ của mộ phần biểu lộ địa vị xã hội của người quá cố. Vì đặc điểm đó người Pháp gọi cánh đồng này là Plaine des Tombeaux (Đồng Mộ mã).

Vào đầu thế kỷ 20, một phần của Chợ Đũi nằm trong Đồng Mỏ mã, trên đất các làng Phú Thạnh, Tân Hoà v. v. thuộc tỉnh Gia Định. Lúc ấy khu vực này còn ngăn cách với nội thành Sài Gòn bởi đường Thuận Kiều (tên cũ của đường Verdun, đường Lê Văn Duyệt, nay là đường Cách Mạng Tháng 8). Đồng thời tên đường Chasseloup-Laubat trong nội thành chỉ tới đường Thuận Kiều mà thôi.

Năm 1904, toàn quyền Beau ban hành nghị định về mở rộng thành phố, sáp nhập các làng Phú Thạnh và Tân Hoà vào Sài Gòn - Chợ Lớn, tên đường Chasseloup-Laubat được đặt cho đoạn nối dài qua vùng Chợ Đũi. Trong bài này chúng ta chỉ chú trọng đến đoạn đường này, ngày nay nó là đoạn đi từ đường Cách Mạng Tháng 8 (tên cũ là Verdun hay Lê Văn Duyệt) đến công trường Cộng Hoà.

Quan sát trên các bản đồ cuối thế kỷ 19 ta thấy đã có dân cư đến trú ngụ hai bên đường Chiến lược, vùng giáp ranh thành phố Sài Gòn nhà cửa đông đúc hơn, càng đi xa về hướng Chợ Lớn nhà cửa càng thưa thớt. Từ đường Chiến lược có những đường đất đi sâu vào Đồng Mỏ mã về phía Hoà Hưng, đi ngang qua khu nông trại và sở Rác (Dépotoir). (2)

Sang thế kỷ 20, tuyến đường sắt Xuyên Đông Dương cắt ngang qua đường Chasseloup-Laubat tại cổng xe lửa số 3. Nhiều thôn xóm mới thành hình dọc hai bên đường: xóm Ngành Tàu,

xóm Chùa, xóm Chùa Phật, xóm Chùa Tiên, xóm Lách, xóm Bàn Cờ, v. v. Có hai đường lộ chính đi vào khu Bàn Cờ: Đường Audouit (Cao Thắng), đường Phú Thạnh (Nguyễn Thiện Thuật).

Nhà văn Hạ Khoa mô tả quang cảnh vùng ngã tư Verdun - Chasseloup-Laubat (nay là ngã tư Cách Mạng Tháng 8 - Nguyễn Thị Minh Khai) vào thập niên 1920:

“Ở đường Verdun chặng giữa. Ấy là xóm ở gần viện Bảo Anh (Institut de Puériculture, số 59 đường Chasseloup-Laubat). Người chưa thông thuộc Sài Gòn, mới nghe liền ngỡ cho xóm này có một dãy phố vách ván cột cây, nằm dài theo đường Verdun, ngó qua viện Bảo Anh đầy thối. Chí như người nương ngụ thành phố này lâu, thường khi tới lui đều biết, ở sau dãy phố cột cây vách ván này còn có chặng biết bao nhiêu nhà mà kể! Dẫu rằng nhà ngói nhà lá, nhà lớn nhà nhỏ xen lẫn lộn nhau, từ khóm, từ chòm, ăn ruồng qua tới đường Frères Guillerault (Bùi Chu / Tôn Thất Tùng) mới dứt. Trong đó cũng có một cái rạp hát, mặt ngó ra đường Chasseloup-Laubat, lưng day qua đường Léon Combes (Sương Nguyệt Anh), đêm nào cũng hát. Đêm ấy cũng có hát mà chưa vãn. Trống kèn ỏi tiếng, buôn bán nhộn nhàng phía bên Chùa Bà, thiên hạ dập diu, vô ra nườm nượp”. (3)

Tác giả đã nhắc đến hai nơi mà ta còn nhận ra là chùa Bà Thiên Hậu và rạp hát Chợ Đũi.

Vào thời ấy hai bên đường gần ngã tư này đã có khá nhiều xưởng mộc: có ít nhất 10 xưởng mộc đang hoạt động vào năm 1944, những xưởng này mở đường cho thế hệ sau lập ra chung quanh đây những xưởng sản xuất đồ gỗ, cửa hàng

bán buôn đồ đạc trang trí trong nhà, công ty sản xuất nệm giường. Vào thập niên 1970 ta có thể kể những cửa hiệu danh tiếng như Phan Văn Nhị, Vụ Bản, Liên Sơn, Liên Thành, Đông Hải, v.v.

Số 284. Chùa Bà Thiên Hậu (Miếu Thiên Hậu), nằm cách ngã tư vài mươi mét phía bên phải, chùa này được người Hoa thuộc bang Quảng Đông xây lên vào năm 1874. Vào thời Pháp thuộc, người cai quản chùa do chính bang trưởng Quảng Đông đề cử. Vùng chung quanh chùa có nhiều người Hoa cư trú, họ mở tiệm tạp hoá, nhà thuốc Đông y v.v.

Phía bên kia đường đối diện với chùa Bà là xóm Ngành Thầu, xóm này trải rộng từ ngã tư đến rạp hát Chợ Đũi, địa danh này đã có từ khoảng năm 1930, đến 1945 vẫn còn có người nhắc đến.

Số 298. Trường Sơ học Văn Phái của người Hoa thuộc bang Quảng Đông, chỉ nhận khoảng 30 nam học sinh. (1942)

Hẻm 306. Trong hẻm có nhà bảo sanh Đặng thị Hằng (1927).

Trên miếng đất cạnh hẻm 306 đã xảy ra một vụ đuổi nhà vào tháng 7 năm 1951 gây sự chú ý cho dư luận. Phần lớn đất đai ở vùng này đã có chủ từ lâu. Chủ đất cho người thuê tự ý xây cất, vì vừa thu lợi vừa được người thuê cải tạo, bồi đắp biến đất sinh lầy trở thành nơi cao ráo. Trước kia chủ nhân mảnh đất tại đây là một người Pháp, sau người này bán lại cho ông giáo sư người Việt dạy học tại trường Petrus Ký. Đến lúc vị giáo sư này làm chủ, trên mảnh đất ấy có khoảng 30 gia đình lao động nghèo đã định cư từ hơn 20 năm qua và trả tiền thuê đầy đủ. Vị giáo sư nhờ đến pháp luật trục xuất các gia đình ấy để thu hồi đất. Trường toà ra lệnh cho những

người mượn đất phải dỡ nhà đi trong một thời hạn là 8 ngày! Việc đuổi nhà quả thật quá cấp tốc, nhưng nhờ có luật sư Trương Đình Dzu bênh vực, những gia đình ấy được trú ngụ thêm một năm, đến tháng 8 năm 1952 họ mới dỡ nhà đi. (4)

Số 97. Rạp hát Chợ Đũi đã xuất hiện từ thập niên 1920, thuở ban đầu là nơi trình diễn hát bội và cải lương. Phía sau rạp hát có hẻm liên lạc với đường Sương Nguyệt Anh. Không rõ từ năm nào rạp hát bắt đầu mở dịch vụ chiếu phim lấy tên là cinéma Olympic. Từ thập niên 1950, dãy toà nhà tại đây gồm có hãng buôn Olympic (đại lý các loại máy đánh chữ, máy in, máy tính, máy thu tiền, v.v.), rạp chiếu bóng Olympic, ga-ra Olympic (hãng sửa chữa và bán ô tô).

Tháng 3-1950, thủ tướng Trần Văn Hữu dẫn đầu phái đoàn đến viếng thăm hãng Olympic, được đón tiếp bởi giám đốc hãng này là ông Trần Thành Nhơn. Thời ấy, khoảng 60 phần trăm thời gian dành cho chiếu phim của Pháp, phần còn lại chiếu phim của các nước khác. Còn hãng xe hơi hầu như chỉ được nhập cảng và bán các hiệu xe hơi của Pháp.

Tháng 4-1970, một trong bốn hoả tiễn 122 ly từ ven đô bắn vào Sài Gòn đã rơi trúng hậu trường rạp Olympic, lúc ấy khoảng 23 giờ, đoàn cải lương Kim Chung đang diễn hát. Vào thời này đoàn Kim Chung của ông bầu Trần Việt Long trình diễn thường trực nơi đây. Số nạn nhân vụ pháo kích gồm 4 người chết và khoảng 50 người bị thương, hầu hết là nghệ sĩ và công nhân sân khấu. Sức tàn phá của chất nổ đã làm mất điện cả vùng quanh rạp hát Olympic, người bị thương nằm la liệt trong bóng tối, những người

còn sống sót chen nhau bỏ chạy gây một cảnh hỗn loạn thê thảm. (5)

Số 111. Nhà bảo sanh Sáu Màng. Vốn ông Sáu Màng là một người mù đã lập nhà bảo sanh tại đây từ thập niên 1910, do chính ông coi sóc việc sinh nở cho các bà. Nơi này được uy tín tốt, nhiều người biết đến với tên gọi là “nhà bảo sanh Thầy Sáu Màng”. Tuy nhiên cũng có người tố cáo ông Sáu Màng chịu trách nhiệm về việc một số phụ nữ sau khi sinh con tại đây bị lâm bệnh nặng hoặc bị chết. Người kế nghiệp ông là bà mẹ Nguyễn Thị Giăng. Đến 1924 sang lại cho bà Trần Thị Sanh (cháu gọi bà Mẹ Phiền ở đường Verdun là dì), đổi tên lại là “nhà bảo sản Trần Ngọc Sanh”, còn hoạt động vào năm 1941 và có lẽ sau đó nữa.

Hẻm 376. Trong hẻm có vài xưởng mộc (1942).

Ta đến ngã ba đường Frères Guillerault, thường được gọi là đường nhà thờ Huyện Sĩ. Đối diện với đường này là hẻm 408.

Hẻm 408, ở vị trí thẳng hàng với đường Frères Guillerault (Bùi Chu / Tôn Thất Tùng)

Từ cuối thế kỷ 19, hẻm này là đường đất nhưng đóng vai trò quan trọng vì nó nối liền đường Chiến lược với đường Polygone (đường Phan Thanh Giản, nay là đường Điện Biên Phủ). Năm 1905, người Pháp định mở rộng hẻm này thành đường cho xe ô tô lưu thông, dài 704 mét, đặt tên cho nó là “đường mới số 52”, nhưng dự án không tiến hành, đến nay vẫn là hẻm lớn thông qua đường Võ Văn Tần (Trần Quý Cáp cũ), nối dài tới đường Nguyễn Đình Chiểu (Phan Đình Phùng cũ). Trong hẻm 408 có vài kiến trúc đáng kể: Miếu Ngũ Hành

ở phía sau chùa Đức Trường (xây trước năm 1939 đến nay vẫn còn), ngoài ra có trường Trung học Chợ Đũi (1950).

Chúng ta đến cổng xe lửa số 3 nơi có tuyến đường sắt Xuyên Đông Dương chạy cắt ngang. Đến năm 1940 nơi đây còn một gò má, vết tích Đồng Mồ mà khi xưa.

Vì người dân xây nhà quá gần đường sắt nên mỗi khi xe lửa chạy qua là một mối nguy hiểm đe dọa. Nhưng đáng nói là có người bất cẩn nên để xảy ra những tai nạn thảm khốc. Những ngày trời nóng bức vào mùa nắng, chiều chiều có người mang chiếu ra trải trên đường rầy để nằm hóng mát, họ thấy không có gì phải lo lắng vì họ đã biết trước giờ nào xe lửa sẽ đi qua. Nhưng tai nạn vẫn xảy ra vào tháng 4-1951, vì có người ngủ quên trên đường sắt và không ai hay biết để đánh thức, chuyến xe lửa khuya chạy lướt qua không tài nào dừng lại kịp.

Cũng chính tại cổng xe lửa số 3 đã xảy ra một tai nạn lưu thông khá kỳ vào tháng 3 năm 1941. Theo thường lệ, khi xe lửa sắp đến, người gác cổng kéo hai thanh tre dài sơn màu đỏ và trắng, đặt nằm vắt ngang qua đường để báo hiệu cho khách bộ hành và xe cộ dừng lại. Hôm ấy, khoảng 7 giờ tối, có chuyến xe lửa tốc hành từ Hà nội về Sài Gòn, hai thanh tre đã hạ xuống trên có treo chiếc đèn dầu màu đỏ. Cùng lúc ấy, một người đi xe đạp đang phóng nhanh tới cổng xe lửa, sơ ý nên không kịp thắng xe lại, đâm sầm vào thanh tre, sức va chạm quá mạnh làm thanh tre gãy ngang. Người đi xe đạp có lẽ không bị thương tích gì và vội vã trốn thoát trong bóng đêm. Khi đoàn tàu đã đi qua, người gác cổng dựng hai thanh tre lên, bỗng giật mình vì một thanh tre bị gãy, nhưng

tìm mãi không thấy phần bị gãy ở đâu cả nên lập tức báo cáo về ga chính ở Sài Gòn. Thực không ai ngờ lúc người đi xe đạp đập mạnh làm cho đoạn tre gãy bay vào một toa xe lửa đang chạy nhanh tới, ghim vào ngực một người nhân viên nhà Bưu chính Sài Gòn đang cầm túi lựa các bao bố trong phòng chứa thư trên xe lửa. Người nhân viên này bị thương nặng, sau khi xe lửa đến ga Sài Gòn, ông ta được đưa đi nhà thương Chợ Rẫy để cứu cấp, nhưng không kịp nữa. (6)

Trong một xóm nhà lá gần cổng số 3, đã diễn ra một thảm kịch gia đình vào tháng 7 năm 1938. Một người đàn ông tên M., 37 tuổi, từ miền Trung vào Sài Gòn lập nghiệp, ông thuê một căn nhà lá ở xóm này. Ông có trình độ học vấn tạm đủ để ứng phó với đời sống khó khăn ở đất Sài Gòn mới đặt chân đến. Ông không từ nan thứ nghề nào để kiếm sống: thư ký hãng buôn, môi giới thương mại, săn tin cho một vài tờ báo ở Sài Gòn v. v. Ông có hai người vợ và một cô con nuôi, những người này cũng từ ngoài Trung vào và chịu khó tần tảo sống bằng những nghề mọn để mang lợi tức về cho cả gia đình. Người vợ kế sanh được một đứa con trai. Ông M. là người tốt bụng, mặc dù nhà ông đã khá đông người, ông vẫn mở cửa đón tiếp những kẻ đồng hương lỡ bước đến Sài Gòn tìm nơi tá túc để kiếm kế sinh nhai. Hôm nọ hai anh em L. và C., những người nghèo khổ đến xin ở đậu, ông M. cũng vui lòng đùm bọc họ. Chẳng bao lâu L. lâm bệnh nặng, mặc dù ông M. lo lắng việc thuốc men nhưng vì gặp chứng bệnh không phương cứu chữa nên L. đã qua đời. C. vì sống chật vật với nghề xe kéo nên không đủ tiền lo

việc tổng táng cho anh mình. Ông M. không ngần ngại đem cầm ít nữ trang để lấy tiền giúp đỡ C. Ít lâu sao mối tình chớm nở giữa C. và cô con nuôi của ông M. Cả hai đã kết hôn có sự chấp thuận của ông M. và tiếp tục sống chung một nhà. Thế là ông M. trở thành cha vợ của C. Rồi một hôm người anh của bà vợ lớn của ông M. cũng đến tá túc ít lâu với lý do là vào Sài Gòn thăm nhà em rể. Đạo đó ông M. đang thất nghiệp, thường hay ở nhà. Một hôm C. ngỏ ý với ông M. xin cho hai vợ chồng C. ra ở riêng. Ông M. bằng lòng nhưng đưa ra điều kiện là vợ chồng C. không được dọn nhà đi xa quá, vì ông lo lắng cho đứa con gái nuôi có thể bị bạc đãi, ông cần phải ở gần bên để dễ bệnh vục. Ông lo lắng cũng phải vì C. là người ghen tuông, chỉ một chút nghi ngờ là đánh vợ tàn nhẫn. C. muốn dọn nhà đi nhưng thiếu thốn tiền bạc, nài nỉ ông M. giúp cho nhưng không được toại nguyện. Có lẽ vì lý do đó mà qua ngày hôm sau đã xảy ra vụ án mạng. Lúc ấy khoảng 3 giờ chiều, ông M. đang nằm xem báo trên ghế bố, C. dùng dao đâm hai nhát vào bụng ông. Bà vợ lớn và người anh ruột của bà này hay kịp, định can ngăn nên cũng bị C. đâm thương, nhưng vết thương không nặng lắm. Thi hành xong thủ đoạn, C. bỏ trốn đi mất. Sang ngày hôm sau ông M. trút hơi thở cuối cùng tại bệnh viện. Qua câu chuyện lật vật đăng trên báo hàng ngày đó, điều đáng làm ta lưu ý là nếp sống cơ cực của một gia đình vừa nghèo, vừa nhiều miệng ăn. Nếu không có tình tương thân tương ái giữa những người cùng quê quán thì làm sao họ vượt qua những khó khăn do nỗi thiếu thốn vật chất? Thế nhưng đời sống chung đụng thái quá khó tránh khỏi đưa đến những mâu

thuẫn, có khi quá nghiêm trọng như vụ án mạng trong câu chuyện đã kể trên đây.

Ngày nay không ai nhắc tới công xe lửa số 3 nữa vì đường sắt được dỡ bỏ, để lại dấu vết: một bên là đường hầm số 175 và bên kia là đường Nguyễn Thượng Hiền.

Cách công xe lửa không xa, phía bên tay trái của ta là đường Massoulard (nay là đường Lương Hữu Khánh).

Trên miếng đất nằm giữa đường Massoulard và đường Arras (Cống Quỳnh) là nơi được chọn lựa để xây dựng “Nhà thương Chú Hoả” tức là bảo sanh viện Từ Dũ sau này. Nhìn trên bản đồ Sài Gòn do sở Địa dư Đông Dương in năm 1900, ta thấy nơi đây là vùng đất trũng. Ông Hui Bon Hoa (Chú Hoả) là chủ nhân nhiều đất đai ở vùng này, biết tin nhà cầm quyền thời ấy tìm nơi để xây cất nhà bảo sanh, ông đã hiến tặng miếng đất cạnh góc đường Arras. Nay là bệnh viện Từ Dũ, số 227 đường Cống Quỳnh.

Vào tháng 1-1946 dưới đường mương nằm dọc theo đường Chasseloup-Laubat, bên cạnh nhà bảo sanh, người ta tìm thấy thi thể của ông Lauthier, giám đốc hãng Nhà Đèn (Compagnie des Eaux et d'Électricité), chôn dưới đất sâu khoảng 20 cm. Ông này được nhiều người trong giới thể thao biết đến vì đang làm giám đốc Hội Thể thao Sài Gòn (Cercle Sportif Saigonnais) từ 14 năm qua. Cái chết của ông ta có liên quan đến thời cuộc Sài Gòn. Nguyên vào tháng 8 -1945, sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, có cuộc biểu tình cướp chính quyền được tổ chức thật vĩ đại ở Sài Gòn. Đến tháng 9, theo chân đoàn quân Anh - Ấn đến giải

giới quân đội Nhật, binh sĩ Pháp tái chiếm các công sở của chính quyền kháng chiến. Vì thế chính quyền kháng chiến kêu gọi dân quân tiếp tục chiến đấu đánh đuổi thực dân, dân quân nổ súng sát hại một số người Pháp. Hôm 24-9-1945, ông Lauthier từ Nhà máy điện Chợ Quán trở về nhà bằng xe hơi. Trên xe cùng đi với ông có một hạ sĩ Thủy quân (Quartier maître de la Marine). Khi xe chạy đến khoảng nhà thương Chú Hoả thì bị chặn lại vì gặp rào chắn do quân kháng chiến dựng lên. Ông cho quay đầu xe, xong cùng viên hạ sĩ xuống xe đến gần rào chắn xem cho rõ thế nào. Hai người bị toán quân kháng chiến bao vây. Viên hạ sĩ tuy bị đâm một mũi giáo, bị thương nhưng thoát vòng vây chạy về phía Chợ Lớn, gặp một xe tuần tiễu của lính Anh - Ấn cứu cấp. Còn ông Lauthier bị xem như mất tích. Có lẽ ông ta bị giết tại chỗ và bị chôn vùi dưới mương gần cạnh đó, hơn 3 tháng sau mới tìm được xác.

Chúng ta đến ngã ba Cổng Quỳnh. Theo cụ Trương Vĩnh Ký, ở khoảng đầu đường Cổng Quỳnh ngày nay, cạnh bảo sanh viện Từ Dũ, vào thời vua Minh Mạng có Xóm Thuần, Xóm Chậu và Xóm Củ Cải. (7)

Bên kia đường, phía đối diện bảo sanh viện Từ Dũ là một dãy những biệt thự song lập do chú Hoả xây cất trong thập niên 1930 để cho thuê. Người thuê nhà phần nhiều là người Pháp có địa vị như sĩ quan, chủ xí nghiệp, thương gia, giáo sư, bác sĩ, chủ đồn điền, v.v. Con cháu của chú Hoả còn cư ngụ tại đây đến thập niên 1970 (số 426, số 464). Phía sau dãy biệt thự đến những năm 1930-1940 vẫn còn nhiều xóm nhà lá, có nơi điều kiện vệ sinh còn tồi tệ vì mấy cái chuồng

bò chứa hàng trăm con bò lớn nhỏ, kế bên là ao nước tù đọng, vừa hôi hám vừa đầy muối độc. Nhờ có chiến dịch công kích của báo chí thời ấy, giám đốc sở Vệ sinh (bác sĩ Muraz) mới cho dời các chuồng bò ấy về vùng ở gần lò heo Chánh Hưng.

Trong truyện ngắn “Sài Gòn xưa in ít”, một đoạn văn của nhà văn Bình Nguyên Lộc đã thuật lại:

“Đường Chasseloup-Laubat (sau là Hồng Thập Tự) chạy tới góc trường Petrus Ký là hết tên, nhưng đường thì còn, nhưng mang tên khác. Năm 1928 đó, tôi đi bộ từ đầu đường Chasseloup ở đó, tới đại lộ Verdun (Lê Văn Duyệt) tôi chỉ gặp ma, nghĩa là chẳng có ma nào đi trên đó hết, xe cộ cũng không. Bên tay trái của tôi là hầm hố mà chú Hoả mua với giá 5 hào một thước. Chú lấp đầy hầm hố đó, tốn mấy trăm ngàn bạc, rồi xây biệt thự không lầu trên đất ấy để cho các giáo sư người Pháp của trường thuê để ở. Giáo sư cử nhân người Pháp mà chưa sắm nổi ô tô, phải dùng toàn xe đạp, nên họ cần thuê nhà gần trường. Bên tay phải là đại sa mạc, nơi mà về sau “xưởng để” Từ Dũ được xây cất, trông giống như cánh đồng ma ở nhà quê”. (8)

Khoảng năm 1880 đã có con đường đất ở vị trí của đường Cao Thắng đi từ đường Chiến lược tới sở Rác. Vào buổi đầu (khoảng 1895), đường xe lửa Mỹ Tho có một nhánh rẽ đi vào đường đất này để đến nhà kho xe lửa. Nhà kho này ở vị trí gần ngã tư Nguyễn Đình Chiểu - Cao Thắng hiện nay, có liên quan đến cách giải thích của nhà văn Sơn Nam về nguồn gốc địa danh Bàn Cờ:

“Tuyến đường sắt Sài Gòn Mỹ Tho đặt nơi lấy nước cho nồi sốt-de ở khu này.

Đầu máy tới đây lấy nước, quay đầu trở lại ga Sài Gòn, phải lên một cái mâm hình tròn, quay trên một trục vững chắc để công nhân đẩy xây đầu lại. Cái mâm đó có vạch lằn vuông để khởi tuột, gọi là “bàn cờ”. (9)

Ngày nay ta gọi cái mâm giống hình bàn cờ ấy là “bàn xoay đường sắt” (Tiếng Pháp: plaque tournante. Tiếng Anh : railway turntable). Giả thuyết của Sơn Nam cho thấy địa danh “Bàn Cờ” có thể đã xuất hiện khoảng năm 1900, phù hợp với ý kiến của Bình Nguyên Lộc :

“Nhiều nhà “khảo cổ” quả quyết rằng địa danh Bàn Cờ do tình trạng khu ấy được đường phố phân chia ra như cái bàn cờ. Thật là đoán mò. Địa danh Bàn Cờ đã có rồi, lúc tôi lên 6, lên 7, có lẽ có trước đó nữa cũng nên mà thuở ấy thì đường phố ở đó, chưa ra đời, chẳng hạn như đường Cao Thắng, đường Trần Quý Cáp nối dài và quan trọng nhất là Phan Đình Phùng nối dài còn nói gì Cao Thắng, Nguyễn Thiện Thuật, Vườn Chuối là phụ đạo thì càng chưa có hơn.” (10).

Nhà văn Bình Nguyên Lộc sinh năm 1914, lúc ông lên 6, lên 7 là khoảng năm 1920, theo ông vào khoảng năm này đã có địa danh Bàn Cờ, nhưng đường phố ở đó chưa ra đời.

Hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn ngày càng giao tiếp nhau, vùng đất Bàn Cờ ngày càng được đô thị hoá. Đường Cao Thắng thoạt đầu cũng là đường đất, mang tên là đường số 20, kể từ năm 1939 được quy hoạch cho xe lưu thông thì đổi tên là Audouit, từ năm 1955 mang tên Cao Thắng.

Từ đường Arras (Cổng Quỳnh) đi về phía đường Nancy (đại lộ Cộng Hoà, nay là đường Nguyễn Văn Cừ), nhìn về

phía bên tay trái ta thấy cánh đồng hiu quạnh trải rộng tới chu vi của thành Ô Ma. Khoảng năm 1925, nhà cửa thưa thớt nằm cạnh đường xe lửa đi Mỹ Tho và Chợ Lớn, tại đây có trạm đưa rước khách là “ga Ô Ma”, không xa đó lô nô mấy ngôi mộ to. Còn phía bên phải, cũng là vùng lùm cây bụi cỏ, nơi nhiều người Ân nuôi dê vắt sữa để bán, hằng ngày họ đi giao hàng cho khách bằng loại xe ngựa hai bánh. Những miếng đất phía mặt tiền dọc theo đường Chasseloup-Laubat cũng là đất đai của chú Hoả, ông cho xây lên những biệt thự để cho những người khá giả thuê, tương tự như ở dãy biệt thự song lập bắt đầu từ cổng xe lửa số 3.

Đường Nguyễn Thiện Thuật trước tiên cũng là đường đất đi từ đường Chiến lược tới khu Vườn Bà Lớn, đặt tên đường số 51, sau đổi là đường Phú Thạnh, từ 1955 đặt tên đường Nguyễn Thiện Thuật.

Ta đến cuối đường Chasseloup-Laubat, thời trước chỉ là ngã tư hình dạng không cân đối, quẹo qua bên trái là đường Nancy đi về hướng bờ rạch Bến Nghé (sông Cầu Ông Lãnh). Trước năm 1929, tuyến đường sắt từ ga Sài Gòn đến đây rẽ hai nhánh, một nhánh là đường xe lửa đi Chợ Lớn, chạy dọc theo đường Chiến lược (đổi tên là đại lộ Pétain, lại đổi tên Général Huntziger, sau đó là 11e R.I.C, rồi đến Nguyễn Hoàng, nay là Trần Phú), nhánh kia là đường xe lửa đi Mỹ Tho, chạy dọc theo đại lộ Frédéric Drouhet (bây giờ là Hùng Vương) (11). Ngày nay giao lộ này đã trở thành ngã sáu, vì gồm cả đường Phạm Viết Chánh và đường Lý Thái Tổ. Đường Lý Thái Tổ mở mang từ năm 1937, đầu tiên gọi là đại lộ Hui Bon Hoa,

lấy tên của chú Hoà, người đã hiến tặng đất đai để mở mang vùng này.

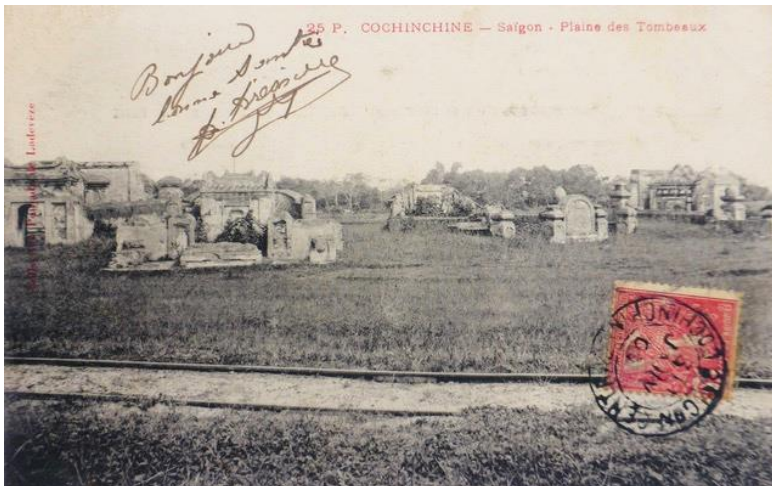
Đến đây chúng ta kết thúc chuyến đi thăm Chợ Đũi.

Chợ Đũi là vùng đất lâu đời, rộng lớn, phong phú về lịch sử, vì thế qua những mẫu chuyện lật vật và một vài hình ảnh

rời rạc, việc ghi chép, giới thiệu của chúng tôi về Chợ Đũi không sao tránh khỏi nhiều sai sót.

Mỹ Phước Nguyễn Thanh (France)

- (1) Thực ra xưa kia lúc chưa có địa danh Bàn Cờ, vùng Chợ Đũi lan rộng đến Hòa Hưng ngày nay, như chúng tôi đã nói trong một bài trước.
- (2) Sở Rác còn được gọi là sở Đổ thùng được thành lập năm 1873 trên miếng đất rộng gần 7 hec ta ở vị trí cư xá Đô Thành ngày nay. Sở Rác được dời về Xóm Chiếu vào năm 1929.
- (3) Trích từ truyện dài **Ai lỗi nghi**, đăng trên báo Công Luận, số ra ngày 17-1-1939.
- (4) Báo Sài Gòn Mới, số ra ngày 7-8-1951.
- (5) Báo Chính Luận, số ra ngày 15-4-1970.
- (6) Báo L'Écho Annamite, số ra ngày 10-3-1941.
- (7) Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs. 1885.
- (8) Trích bài khảo cứu **Sài Gòn xưa in ít**, Di cảo - Phù Sa, số 19. 09-4-1992
- (9) Từ điển địa danh thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh. Lê Trung Hoa. 2003.
- (10) Trích truyện ngắn **Băm Lăm** của Bình Nguyên Lộc.
- (11) Xe lửa đi Chợ Lớn được thay thế bằng xe điện chạy dọc theo đại lộ Gallieni kể từ tháng 6 năm 1928.



Đồng Mộ mã



Chuyện Chiếc Cầu Cũ và Đoá Bằng Lăng Tím nhớ Cha

**** Đoàn Quốc Bảo ****



*Nếu một ngày em nhớ
Xin em hãy ghé chơi...*

Có một thứ gì đó không thể gọi tên, một thứ xúc cảm đang chạm vào miền ký ức buộc tôi phải ghé lại thăm Hấn ngay. Hấn đổi thay, tôi nghĩ vậy. Ồ không, Hấn không đổi thay là mấy, Hấn chỉ trông có vẻ già hơn thôi, phong trần hơn vì nắng gió và thời gian phủ lên đôi vai của Hấn bờ rêu phong. Tôi nghe tiếng Hấn gọi tên tôi như cố nhân tha thiết gọi tên nhau.

Trên cây cầu cũ bắc qua dòng sông xưa, tôi đi tìm dấu chân tuổi thơ của mình. Tôi đi tìm những dấu chân trần trên chiếc cầu này. Tôi muốn đi đến khúc giữa cầu, nơi cao nhất được dựng trên dòng sông Hoài. Hấn vẫn đứng đó, vững chãi kết nối những chuyến xe đến và đi.

Chiều hôm đó nỗi nhớ cha làm tôi thiết tha tìm về với Hấn. Chỉ có Hấn và Tôi là có thể nói chuyện và lắng nghe nhau vào bất cứ thời gian nào. Tôi sẽ nghe Hấn trần tình chuyện thế gian và Hấn sẽ lắng nghe tôi bộc bạch nỗi tâm tình. Chỉ còn vài ngày nữa là tôi lại ra đi và chắc có lẽ vì chính điều này mà chân tôi tự biết đường tìm về gặp Hấn, cây cầu xưa bắt qua phố cũ vào một buổi chiều thơ mộng nơi cố hương.

Tôi, người thân quen xưa cũ dừng lại tỉ tê với Hấn chuyện phố phường xưa nay rồi ngồi với Hấn ngắm nắng chiều duyên dáng ghé vào phố Hội.

Tôi bồi hồi thăm dòng sông xưa và căn nhà cũ đang hiện diện ngay trước mặt. Tôi nhớ dòng sông già có lão ngư thường chèo chiếc ghe nhỏ chầm chậm lướt trên con nước dâng cao mênh

mang vào đêm trăng rằm tìm bắt những con tôm con cá. Tiếng nước tung toé, tiếng khua chèo khuấy nước của lão ngư và tiếng cá nhảy lên mặt nước giữa đêm khuya tạo nên một thứ âm thanh huyền diệu. Giờ đây những chiếc ghe nhỏ không còn được dùng để bắt tôm, bắt cá mỗi tối khuya nữa mà những chiếc ghe này được trang trí lộng lẫy, được biến thành những chiếc ghe được dùng cho việc chèo chở những vị du khách xa lạ rôm rã chuyện trò thăm quan dòng sông Hoài xưa cũ của tôi. Bóng dáng lão ngư bắt cá, bắt tôm hay quăng tấm lưới xoè ra như chiếc quạt chụp xuống dòng sông gọn những con sóng toả ra những vòng tròn lăn tăn huyền diệu đã biến mất. Trẻ con thời tôi luôn nhớ hình ảnh ấy, còn trẻ con hôm nay chắc chưa từng thấy cảnh quăng lưới ấy bao giờ! Chắc có lẽ lão đã bỏ nghề hay đã qua đời rồi chăng? Có điều gì đó dao động làm lòng tôi xao xuyến và tôi chợt nhận ra có lẽ dòng sông vẫn cứ trôi...

Nhớ ngày xưa bọn trẻ chúng tôi mỗi khi đi đâu xa đều hứa hẹn sẽ trở về thăm Hấn. Hẹn Hấn về vào một ngày chiều vàng nắng. Hẹn Hấn về buổi sớm cùng đón sương mai lững lờ trên dòng sông Hoài nhẹ tênh quện vào nhau mừng vui một ngày bình yên lắng đọng. Hẹn Hấn về vào một buổi chiều mây lướt thướt ghé thăm phiên chợ chiều bên dòng sông Hoài của Phố Hội cổ xưa. Ánh hoàng hôn chìm dần ôm lấy ngọn cau ở phía xa xa cuối những dãy phố như bàn tay cha xoa đầu tôi bảo về nhà thôi, trời sắp tối rồi. Tôi như ngọn cau ấy, đứng yên giữa bầu trời thênh thang, khoan khoái được bàn tay cha vuốt ve.

Trong chốc mơ màng du dương với cảm xúc, tôi chợt bừng giấc thấy mình là một vị khách lạ. Điều đó là lẽ tất nhiên, ai mà không già đi chứ! Hấn và tôi, hai đứa đều đã trưởng thành và may mắn cho cả hai chúng tôi hôm nay được nhớ lại thời thơ ấu và được đem cái tình nghĩa tương thông ấy ra đối đãi với nhau. Đó cũng là cái nguyên nhân mà tôi bỗng chợt nhớ đến Hấn và quyết định ghé thăm Hấn. Âu cũng là cái duyên và nợ nơi chôn nhau cắt rốn bởi vì Hấn và tôi cùng sinh ra ở một nơi chốn này, cùng gọi nơi này là quê hương. Hấn bảo rằng Hấn thích nghe lời tình tự của những đôi tình nhân dạt diu âu yếm bên nhau giữ đêm khuya tĩnh mịch chỉ có Hấn đứng yên lắng nghe tiếng sóng và những khúc yêu đương ngân vang khúc rộng khắp một khúc sông.

*Tôi trở về thăm quê cũ
Trên dòng sông xưa, mây cũng trôi...*



Trong mạch cảm xúc thương nhớ, tôi lại nghĩ về em gái nhỏ đêm qua. Đêm qua tôi gặp em, cây Bằng Lăng nhỏ trong vườn khuya đang bung nở những chùm hoa tím rục rờ giữa bầu đêm trong trẻo

thật dịu hiền.

Đêm qua, lúc em bật khóc nức nở, tôi muốn ôm em vào lòng chỉ một chút thôi để được em hiểu rằng tiếng nức nở của

em ngân lên chạm vào tâm hồn tôi nỗi nhớ về cha. Em và tôi sẽ luôn nhớ về cha mình và xúc cảm cho những thoáng yêu thương bất chợt đến rồi đi.

Tháng năm, Bằng Lăng nở rộ trên những con phố nhỏ cong cong uốn hình sóng lượn thật gọn tinh. Trước cổng vào của một căn nhà cũ buổi sớm mai đang im lìm nghỉ, tôi lặng lẽ nhặt những đoá hoa Bằng Lăng tím rơi rải trước sân mà không biết chân bước về đâu!

Cầm trong tay hoa Bằng Lăng tím ấy, tôi nghĩ đến em. Em làm tôi nhớ cha nên tôi muốn viết vài đôi dòng. Tôi muốn trở lại thăm em, người em gái nhỏ với khuôn mặt rạng ngời tinh khôi, dịu hiền như ánh trăng rằm toả sáng giữ bầu trời đêm trên đồng lúa mùa gặt.

Những chùm hoa tím tím đẹp dịu dàng và tinh khôi lắm em à. Thật quý để trong khoảng khắc tôi bắt gặp ánh mắt của em. Đôi mắt thật đẹp, đẹp lắm đó em.

Em, Bằng Lăng tím

*Rớt nhẹ trong khu vườn khuya
Tháng năm màu hoa chợt nhạt
Lệ nhòa khoé mắt cay cay*

Em, Bằng Lăng trinh nguyên

*Thuở phơi khai nguyên thủy loài người
Tử tế cho nhau tình sắc mộng
Thật thà anh lượn áo mê say*

Em, Bằng Lăng bé dại

*Nghe tiếng nắng bỗng bênh trôi
Kéo về trên cánh đồng
mênh mông vàng lúa trĩu
Ngọt lòng mẹ cha tử tế tí chân trời*

Em, Bằng Lăng rụng nhẹ bên thềm

*Mùi thương nhớ mặn mà thêm nỗi nhớ
Dang tay sắc tím tình chung thủy
Em đến đây ngồi chút hãy đi.*

Nỗi nhớ cha làm em bật khóc nức nở khi bạn tôi vô tình nhắc đến cha em. Có lẽ em sẽ chẳng cần thiết phải bưng chải lau dọn trong quán ăn khuya để kiếm tiền nếu cha em còn sống, phải vậy không em? Có lẽ em thèm trọn vẹn gia đình có cha, có mẹ, có em của em đang quây quần bên bữa cơm gia đình. Em đoá bằng lăng đẹp lung linh tuổi trắng rằm đã phải mờ cõi.

Những chùm hoa tím tím tươi xinh trên nền trời xanh khoe sắc thật dịu dàng như bừng lên sức sống động của tuổi trẻ ngây thơ đầy khát khao cháy bỏng.

Rồi thời gian sẽ tôi luyện cho em và đến một lúc nào đó em sẽ không còn khóc nữa, ngày tháng sẽ phai nhạt nhưng nỗi nhớ sẽ còn và đến khi nào em chợt nức nở khóc xin em hãy mỉm cười vì cha vẫn luôn hiện hữu trong em. Xin em nhớ nhé.

Ngày cha mất, tôi nhìn thấy có cánh diều đang bay trên bầu trời mênh mông lộng gió bỗng thả mình như muốn băng xuống tắm gội dưới dòng sông xưa. Dưới ánh nắng chiều, bầu trời hoàng hôn vàng tươi trong veo dang đôi tay rộng mở choàng ôm lấy cánh diều đang lượn lờ bay cao tít tận chân trời xa xa. Cánh diều tự tại ung dung nhìn ngắm phố thị mỉm cười mãn nguyện lắm.

Nếu một mai ta có bay lên trời,

*Ta tìm khe núi mắc võng đong đưa
Trẻ con ban trưa, cánh diều tháng sáu
Mùi nắng chân trần, vượn vai lớn vội
Gió vi vu ngàn, hoa lừng thơm ngát
Hải Âu lượn lờ vờn sóng bạc mây
Có niềm vui nào ta còn có mẹ
Có niềm đau nào như nỗi mất cha
Nay ta trở về tìm lại chốn cũ
Đưa ta về lại, Đưa ta ra đi...*

Nhìn em dễ thương, thanh tú lắm. Tôi biết em sẽ vươn lên mạnh mẽ, người em gái nhỏ. Nhưng tôi mong rằng dù sau này em có mạnh mẽ hay thành đạt ở tầng danh lợi nào đi nữa, xin em hãy giữ tâm hồn em như thế.

Em còn nhỏ lắm. Mạnh mẽ lên em gái. Những giọt nước mắt thật trong, đẹp lắm em ơi. Em hãy cứ khóc vì nếu em còn khóc được có nghĩa là em hãy còn giữ được nét đẹp của tâm hồn em. Tôi muốn ngợi ca nét hồn nhiên tuyệt đẹp ấy của em. Khi không còn đủ mẹ cha hay thiếu thốn thứ tình cảm thiêng liêng gọi tên là gia đình thì người ta mới tận dụng khả năng cảm thông để bắt đầu biết tha thứ cho mình, cho người mà đem tấm lòng tử tế đối đãi với cuộc sống này.

Em sẽ cần sự hồn nhiên và mong manh ấy để em được sống thành thật với chính mình. Tôi biết điều này một khi em

trưởng thành, em có thể sẽ đánh mất nó. Em nhớ nhé.

*“Qua bến nước xưa lá hoa về chiều
lạnh lùng mềm đưa trong nắng lưa thưa
...Nay anh về qua sân nắng
Chạnh nhớ câu thề tìm tái tê
Chẳng biết bây giờ
Người em gái duyên ghé về đâu
Nay anh về nương dâu úa
Giọng hát câu hò thôi hết đưa
Hình bóng yêu kiều
kẻ hoa tím biết đâu mà tìm...”*

Tôi bồi hồi trong tiếng nhạc của bài hát **“Nắng Chiều”** và thả hồn mình theo từng xúc cảm, để nỗi nhớ nhung, vui buồn, thương đợi theo dòng sông Hoài chảy ra cửa biển.

Đoàn Quốc Bảo

Tháng 8, 2023 Virginia



TRĂNG THU BÀNG BẠC

*Trăng Thu trái kín đôi mơ
Ánh trăng bàng bạc ảo mờ không gian
Mây lênh đênh gió lang thang
Tơ tình vương vấn từ ngàn năm xưa
Đường đời qua những nắng mưa
Hắt hiu một bóng cũng vừa phận tôi
Tình thơ để lỡ mất rồi
Trăm năm mộng hão thì thôi bẽ bàng
Lối xưa hoa nắng rộn ràng
Bây giờ lối cũ lá vàng rụng rơi.*

QUỲNH ANH

Gửi Nhiếp ảnh gia Kevin Carter

Cảm tác từ bài thơ "Vấn Đề Lương Tâm" của Thi Sĩ Trần Quốc Bảo.

Sudan, nước phía Bắc Phi Châu,
Nước nhỏ, dân nghèo, khổ đã lâu
Nhiếp ảnh gia, lai vãng chợt thấy
Một khung cảnh, quá đỗi thương đau.

Loài chim tên gọi là Kên Kên,
Đậu, chẳng mấy xa, đang ngược lên
Cậu bé, ốm nhom đầu gục xuống
Về hân hoan, tự nghĩ mình hên.

Giơ cao máy ảnh, bấm nhanh tay,
Hình được chuyển lên "mạng" đúng ngày
Độc giả, phần đông đều đã đọc
Không lâu, giải thưởng gửi về ngay.

Phóng viên tìm đến, xin vài giây,
Phỏng vấn về hình ảnh mới đây
Ông chụp kên kên và chú bé
Đồng thời hỏi, phận em khi rày.

Lặng im một lúc lâu, buồn rầu,
Má ướm! mắt lơ đãng thăm sâu
Một tháng sau, nghe tin, đã chết!
Cách ân hận, chẳng hay ho đâu.

Mình là sản phẩm Chúa sinh ra,
Sống, chết do Ngài quyết định mà
Chuộc tội cũng nhiều cách thức lắm
Không nên mạng đổi mạng ông à!



Kha Oanh (Oanh Nguyễn - South Carolina)

NỖI BUỒN CHIẾN TRANH

**** LÊ MINH THIỆP ****

Phải nói rằng không có tang thương đau khổ và thiệt hại nào gây ra cho con người nhiều bằng chiến tranh, không có bất cứ mất mát nào lớn bằng mất mát trong chiến tranh. Nạn nhân khủng khiếp nhất trong chiến tranh, nhất là trong chiến tranh Việt Nam, luôn là người dân vô tội, đặc biệt là những người phụ nữ nói chung, những người vợ lính và trẻ em nói riêng. Cuộc chiến quốc cộng chỉ trong 20 năm, thực ra chiến trận nói cho đúng, chỉ trong vòng mười năm (1965-1975) mà mức độ tang thương, cả về vật chất, tinh thần và sinh mạng, là vô cùng khủng khiếp. Người phụ nữ Miền Bắc đã mất bao nhiêu chồng con trong thảm nạn sinh Bắc tử Nam, phụ nữ Miền Nam biết bao nhiêu cô nhi quả phụ tuổi còn quá trẻ đã phải mất chồng, mất cha, mất con. Bao nhiêu tai ương đổ lên đầu, lên vai, lên đôi tay, đôi chân người phụ nữ và trẻ em. Bao nhiêu gia đình tan tác chia lìa, vừa đám cưới xong đã thành đám tang, biết bao goá phụ mà tuổi đời chỉ mới đôi mươi, vừa rời ghế nhà trường đi lấy chồng, tuần sau đã thành goá phụ. Thảm cảnh tràn đầy, không biết nói sao cho hết.

Những năm tháng cuối cùng của cuộc chiến, nhiều cảnh tượng đau lòng đã in sâu trong tâm khảm mọi người, nhất là ký ức tang thương đau đớn trong những ngày cuối cùng chạy giặc và chạy nạn chiến tranh, đã để lại trong lòng chúng ta, những người may mắn còn sống sót hoặc không rơi vào những hoàn cảnh

đáng cay nghiệt ngã ấy, một mối ưu tư ray rứt suốt cả cuộc đời!



Chạy nạn cộng sản trong những ngày cuối cùng trước 30/4/1975

Trong những ngày chạy nạn, hàng triệu người Miền Nam không có điều kiện di tản trước, phương tiện không thể nào đủ để đáp ứng nhu cầu vận chuyển, ngay cả những phương tiện tối thiểu là xe đạp cũng không thể đáp ứng, vì số người chạy nạn quá nhiều trên cả nước, hàng đoàn người kéo dài hàng chục, hàng trăm cây số, lê thê, lếch thếch bồng bềnh nhau đi về phương nam. Những bà mẹ với con nhỏ, làm sao đi? Nhiều người ngồi lại bên đường bất lực, không thức ăn, không nước uống, không có bất cứ thứ gì che chắn thân mình, đành ngồi lại chờ chết vì đói khát, vì kiệt sức và vì súng đạn của quân thù.

Chị Huỳnh Mai Hoa là một trong vô vàn nạn nhân bất hạnh ấy. Anh Tư, chồng

chị, đang là giáo sư một trường trung học, sau biến cố Mậu Thân 1968 với lệnh tổng động viên, anh Tư phải tạm thời rời bục giảng để tòng quân. Đơn vị anh phục vụ xa nhà, thường nửa năm anh mới có phép về với vợ con một lần. Lúc này là lúc chị và các con rất cần anh thì anh có lẽ đang cùng đơn vị hành quân ở những nơi nào đó, không thể về nhà lo cho gia đình được. Chị Hoa một thân một mình thấy mọi người chung quanh đều bỏ nhà chạy giặc, chị không biết làm gì khác hơn, chẳng lẽ một mình mẹ con chị ở lại, ở lại đây với ai, khi tất cả đều bỏ chạy. Thôi đành dắt con đi theo dòng người chạy loạn ấy. Lúc đầu chị may mắn được một chiếc xe nhỏ còn trống chỗ, thấy chị và 3 đứa con trông tội nghiệp quá, tài xế cho chị quá giang. Điều bất hạnh không ngờ xảy đến khi xe chạy được chừng 100 cây số, giữa đồng không mông quạnh, bị hỏng máy, dù cố gắng hết sức vẫn không sửa được, tất cả đành bỏ xe lại và phải đi bộ, tiếp tục cuộc hành trình lánh nạn. Trời đã về chiều, bốn mẹ con chị Hoa gắng hết sức cũng chỉ đi được năm ba cây số và phải ngồi lại vì bồng chân và ngay bản thân chị cũng không thể vừa bồng con vừa đi xa được nữa.



Hãy nhìn bức ảnh này, một thiếu phụ với 3 đứa con, đây là hình ảnh thực của một

thiếu phụ cùng 3 con là nạn nhân trên đường chạy giặc và hãy tưởng tượng là bốn mẹ con chị Huỳnh Mai Hoa, chồng chị cũng đang nơi chiến trường nào đó, không biết chết sống ra sao, một mình chị cùng 3 con đang ngồi lại giữa đường chạy nạn, làm sao có thể đi tiếp, tay bồng con, chị làm sao đi, hai đứa nhỏ làm sao đủ sức để bước? Ai giúp được gì cho mẹ con chị không? Giúp được gì khi không có một phương tiện nào, vì ai cũng chạy giặc như nhau, bản thân còn không lo được thì nói gì đến giúp ai. Nhìn nỗi đau khổ trên nét mặt chị, biểu lộ chị đang bắt lực với suy nghĩ không biết phải làm gì với 3 đứa con, đứa bé ngây thơ, không hiểu gì hết, đang nhìn mẹ, vài anh chiến sĩ bộ binh cũng không biết làm gì được, dù rất muốn cứu mang cho 4 mẹ con người thiếu phụ đang trong hoàn cảnh vô cùng tội nghiệp và đáng thương này. Một người mẹ với gương mặt phúc hậu và trí thức ấy biết làm gì để cứu bản thân mình và các con. Thật không còn đau thương thống khổ nào hơn. Ai đã gây ra thảm cảnh này cho đồng bào, cho dân tộc? Một dân tộc quá là bất hạnh. Tại sao gây ra chi cuộc chiến tranh tàn ác và vô cùng ngu xuẩn này? Giải phóng là như vậy sao? Bọn lãnh đạo cuồng điên khát máu có bao giờ nghĩ đến dân và thương dân không? Tình cảm và lòng trắc ẩn của họ đã bảo hoà hết cả rồi sao?

Trên đường quốc lộ, đoàn người vẫn cứ đi, cứ chạy, người nào không đi nổi, không chạy nổi thì nằm lại, người nào còn lê bước được thì cứ lê dù họ chẳng biết còn có thể đi được bao xa, người nào kiệt sức hay chết dọc đường thì đã phân bị bỏ lại. Bốn mẹ con người thiếu phụ này cũng vậy, không làm sao đi

được nữa vì với chân không, làm sao bước đi trên đường nhựa, nóng phỏng da, đi trên cỏ thì gai đâm chảy máu. Cả bốn, không thức ăn, không nước uống, đang phải nằm lại giữa đường, hai bên là đồng cỏ mênh mông, chờ chết. Vì kiệt sức bởi đói và khát, ba đứa con nằm thiếp đi trên bãi cỏ bên đường, người mẹ sau một lúc cũng không khá gì hơn, nằm ôm đầu bất động bên cạnh các con, chị đã khóc quá nhiều và hình như nước mắt đã không còn để chảy, rồi vì quá mệt và đói, đã ngủ vùi không còn biết gì nữa. Trong giấc ngủ chập chờn do kiệt sức, chị mơ thấy 3 đứa con đều bị chết. Chị khiếp sợ quá, la thất thanh nhưng chẳng có ai nghe thấy. Chị từ từ tỉnh lại, choàng tay qua các con, chúng vẫn nằm bất động, mở mắt ra, chị không thấy gì, một bóng tối dày đặc, màn đêm đang bao phủ đất trời, chị càng sợ hơn, bốn bề vắng lặng... Thì ra vì quá mệt, cả bốn mẹ con đã thiếp đi không hề hay biết, mọi người đã rời đi hết, chung quanh chẳng còn ai, chị không biết bây giờ là mấy giờ. Chị quá sợ hãi, không dám mở mắt nhìn bất cứ thứ gì giữa màn đêm, chị choàng tay ôm cả ba đứa con, mắt nhắm nghiền và trông cho trời mau sáng. Chị không biết làm gì trong cơn kinh khiếp này, không dám nghĩ đến bất cứ điều đáng sợ nào khác, chỉ biết khẩn cầu và cầu nguyện, cũng may là trời mùa này tuy ban đêm nhưng không đến nỗi lạnh. Mặc dù vậy toàn thân chị vẫn run, mồ hôi ướt đầm và thấy lạnh xương sống! Chị cũng không dám khóc vì sợ có kẻ vô hình nào đó nghe thấy, bất giác cả người chị nổi da gà vì quá run sợ. Chị không còn muốn cầu nguyện gì nữa ngoại trừ điều duy nhất là cầu xin cho

trời mau sáng để thoát nỗi sợ hãi khủng khiếp đang bủa vây này.

Qua một đêm đầy kinh hoàng, khi trời vừa hừng sáng, người thiếu phụ đánh thức con dậy và bồng bế dắt con đi. Trời còn sớm, mặt đường nhựa hãy còn lạnh, có thể đi bộ được, lát nữa khi trời nắng thì mặt đường nóng, khó mà đi. Chị tính, gắng đi đến nơi nào có nhà dân, sẽ ghé vào xin thức ăn và nước uống, nếu được chị sẽ xin tá túc. Chị không còn tha thiết chuyện chạy nạn nữa, chỉ cần tạo điều kiện cho sự sống còn của các con với bất cứ giá nào, nếu không, các con sẽ chết vì đói khát. Nghĩ đến cơn mê sáng đêm qua nơi đồng cỏ, chị sợ quá rồi. Chị thầm cầu xin trong lòng, ông Trời ơi, ông Chúa ơi, ông Phật ơi, ông bà cha mẹ tổ tiên ơi, cứu chúng con, chúng con chẳng có tội gì, nhất là các con còn quá nhỏ, chúng hoàn toàn vô tội, xin đừng để chúng và cả con phải chết bởi bất kỳ lý do gì. Chị chẳng ham sống nữa nhưng nếu chị mà chết thì các con chị làm sao có thể sống trong hoàn cảnh này.

Bốn mẹ con đi chừng độ vài giờ, nhìn về phía xa xa, chị thấy rải rác, cách xa nhau, đây đó có vài căn nhà, bốn mẹ con gắng sức đến căn nhà gần nhất và ghé vào để xin nước uống. Vào trong nhà, chẳng có ai, một căn nhà vừa bỏ trống, mọi vật dụng vẫn còn nguyên, chứng tỏ họ vừa mới bỏ chạy. Chị đặt đứa bé này giờ bất động gục đầu lên vai mẹ, có lẽ vì kiệt sức, lên chiếc giường tre, chị vội vã tìm kiếm, liệu có chút thức ăn nào không. Rất may trong nhà còn một thùng gạo, không do dự gì nữa, chị xuống bếp nấu cháo. Chắc chắn các con đã đói lắm rồi và ngay cả chị cũng

vậy vì từ hôm qua đến giờ tất cả đều nhịn đói. Chừng một giờ sau là 4 mẹ con đã có cháo ăn, dĩ nhiên chỉ cần ăn với nước mắm hoặc với muối cũng tốt. Thế là chị Hoa không còn sợ chuyện bốn mẹ con, nhất là các con chị bị chết vì đói nữa. Với thùng gạo và vài chai nước mắm này, ít ra chị và các con cũng có thể tạm sống được cả tháng, không phải quá lo lắng về cái ăn nữa.

Mẹ con chị Hoa ở đây được hai ngày, trong người đã bớt mệt, có thể đi lại được, chị bắt đầu cảm thấy có phần ớn lạnh vì chung quanh yên tĩnh quá, giữa chốn đồng quê ven đường mà sao vắng lặng, không có người qua lại, giống như chốn rừng hoang hay ngoài sa mạc, nhất là về đêm, bốn bề cô quạnh, chị cảm thấy sợ...

Sáng hôm ấy sau khi cơm nước xong, chị bồng con bé và dẫn 2 con lớn đi đến một căn nhà khác, cách đó chừng vài cây số. Vừa thấy chị và mấy đứa nhỏ bước vào sân nhà, ông bà chủ nhà vô cùng ngạc nhiên, không hiểu những người này từ đâu đến, trên trời rơi xuống chẳng? Sao ai cũng chạy hết mà lại có bốn mẹ con này từ đâu đột nhiên xuất hiện giữa cảnh hoang vu này? Người tuy hốc hác mệt mỏi nhưng nét sang trọng vẫn còn hiện rõ trên khuôn mặt người thiếu phụ, nhất là làn da trắng trẻo, đẹp xinh như thế này, không thể là dân quê nơi đây. Vậy họ từ đâu tới mà chẳng thấy có bất cứ phương tiện di chuyển nào. Thế không phải trên trời xuống thì từ đâu xuất hiện ở nơi đây? Ông bà cụ có lẽ vì tuổi già sức yếu không thể đi xa được và cũng có thể ông bà với tuổi chừng 70, không có nhu cầu phải chạy trốn. Hai ông bà cứ nhìn

chằm chằm vào mẹ con chị Hoa từ mới ngoài ngõ đi vào. Chị cúi đầu chào ông bà và lên tiếng:

-Dạ, chúng cháu chào hai bác ạ, hai bác ở nhà một mình vậy sao?

-Ừa, chỉ có hai vợ chồng già, không đi đâu được, mấy con lớn thì chúng chạy đi hết rồi. Im lặng một phút, ông cụ tiếp:

-Chị là ai, từ đâu đến đây mà trông thấy lạ quá, chắc chắn là không phải người địa phương này?

Chị Hoa bắt đầu kể lại câu chuyện chạy lánh nạn của mẹ con chị và tình cảnh không may xe hỏng, hai ngày nay chị và các con tạm trú trong một căn nhà hoang... Chị hỏi thăm đường đi và tỏ bày sự lo lắng, không biết lấy đâu phương tiện để vào Sài Gòn, chứ ở đây làm sao tìm được chồng và cũng không biết làm gì để sống, còn ở lại căn nhà vắng kia thì chị sợ quá, đêm hôm chỉ có một mình, thân phận đàn bà với 3 con còn quá nhỏ, làm sao bảo vệ được bản thân và các con. Sau khi trình bày xong hoàn cảnh và nỗi lo sợ của mình với hai vợ chồng già xong. Chị ngỏ lời hỏi thăm liệu họ có cách gì giúp mẹ con chị không. Suy nghĩ một lát, ông cụ đề nghị:

-Thật tình chúng tôi cũng không biết giúp được gì cho mẹ con chị, tạm thời chờ thời gian nữa, khi có người, sẽ tính sau, chứ chị và con nhỏ như thế này không có xe cộ thì chẳng thể nào đi đâu được, trở lại tạm trú nơi căn nhà ấy kể cũng bất tiện vì quá vắng vẻ và rất có thể có cái gì đó, nguy hiểm xảy đến thì biết làm sao?

-Dạ cháu cũng sợ lắm ạ, chị Hoa thổ lộ.

-Tôi đề nghị, chị tạm thời ở đây với chúng tôi và tôi sẽ qua căn nhà ấy mang

hết lương thực gì còn lại đem về đây tạm sống qua ngày và chờ một thời gian.

Chị Hoa không biết làm gì hơn đành tạm thời chấp nhận đề nghị của ông bà gia chủ nhà. Thời gian tạm trú ở đây, từng ngày chị Hoa trông ngóng có người để thăm hỏi tình hình chứ trong nhà ông bà cụ chẳng có một phương tiện liên lạc gì hết, cần một cái radio để biết tin tức cũng không có, chị cũng mong có xe cộ đi lại để đi lần vào trong Nam, nhất là tìm cách vào Sài Gòn để tìm tung tích anh Tư. Tại Sài Gòn chị có một người bạn học trước kia, có chồng và có nhà ở đó, chị sẽ ghé người bạn để có thể gọi con được, rồi chị sẽ tìm cách nhắn tin chồng nếu anh còn sống. Thời gian tạm trú với ông bà cụ với tình thương và sự thông cảm sẵn có của người dân quê VN, chị Hoa tuy có yên tâm nhưng ngày nào cũng ăn uống quá kham khổ, chị rất lo lắng cho sức khỏe của các con. Sau 3 tuần lễ chị thấy có người đi lại, hỏi thăm, họ cho biết Sài Gòn đã mất, chính quyền đã đầu hàng cách đây bảy ngày rồi. Lúc đầu chị không tin, lẽ nào mất dễ dàng như vậy nhưng sau đó hỏi thêm vài người nữa, ai ai cũng nói như thế. Chị thấy nôn nóng quá, đứng ngồi không yên nhất là lo cho anh Tư, không biết anh có mệnh hệ nào không. Chị ôm mặt khóc, các con không biết gì nhưng thấy tự nhiên mẹ khóc, chúng lo sợ có chuyện gì đó đang đến với mẹ và chúng cũng khóc theo.

Nhìn ra đường quốc lộ trước nhà, chị Hoa thấy thỉnh thoảng bắt đầu có một vài chiếc xe chạy, chị theo dõi, được biết có chiếc chạy chở người lấy tiền, tùy theo hảo tâm của khách chứ không bắt buộc ai. Thế là chị quyết định rời căn nhà ông bà cụ tốt bụng này để đón xe

tìm cách đi dần vào Sài Gòn như ý định ban đầu của chị.

Sau bao ngày vất vả lặn lội tìm hết phương tiện này đến phương tiện khác, bốn mẹ con chị Hoa cũng đến được Sài Gòn. Rất may chị tìm đến gia đình người bạn, vẫn còn ở đây, mừng quá, nếu không chị không biết phải ở đâu, nơi thành phố quá đông đúc và lộn xộn này. Sau đó chị nhờ vào sự giúp đỡ nhiệt tình của người bạn cũ, hằng ngày chị gọi tạm các con cho bạn và đi hết chỗ này, chỗ khác để hỏi thăm tin tức chồng, có gặp vài người bạn của chồng nhưng không ai biết anh Tư đi đâu, những ngày cuối tháng Tư, mọi người chạy ngược chạy xuôi lo cho an nguy bản thân và gia đình, nên cũng không ai biết tin bạn bè hay đồng đội, không bận tâm ai đi, ai ở hoặc ai còn, ai mất.

Gần một tháng tạm trú nhà bạn ở Sài Gòn để tìm kiếm tin tức chồng, chị Hoa cũng không có tin gì sáng sủa hơn, chỉ được biết là vào ngày cuối cùng có người gặp anh Tư, rất vội vã đi về hướng bên cảng Sài Gòn, nơi có cả rừng người, không thể ước lượng nổi là bao nhiêu, đang chen lấn, xô đẩy nhau tìm đường chạy thoát, chỉ có thể thôi. Ngoài ra chị cũng được biết trong những ngày cuối cùng ấy, nhiều người trong cơn hỗn loạn, chết hoặc mất tích nơi này nơi khác, không phải là ít. Chị chỉ còn biết cầu nguyện anh Tư tai qua nạn khỏi, có thể đang bị kẹt đâu đó rồi sẽ tìm về với mẹ con chị. Chị quyết định rời Sài Gòn, từ già người bạn tri kỷ, dẫn con về lại quê nhà nơi phố xưa, với hy vọng tìm việc làm gì đó để nuôi con, chờ ngày chồng về, một hy vọng rất mong manh!

Trở về căn nhà cũ, rất may mọi thứ trong nhà vẫn còn nguyên, kể cả thùng gạo và nước mắm là hai thứ cần nhất cho mẹ con chị lúc này, vẫn chưa lên mốc, nghĩa là vẫn còn dùng được. Quanh khu phố nghèo của chị, lần lượt bà con đã quay về, mọi người gặp chị đều vui mừng. Ở nhà được mười ngày, chị Hoa bắt đầu nghĩ đến phải làm gì kiếm tiền nuôi sống bản thân và 3 con. Chị biết chị không thể làm những công việc lao động nặng nhọc vì từ hồi nào đến giờ chị có biết mấy việc ấy đâu. Vài người hàng xóm thông cảm hoàn cảnh của chị, họ đề nghị chị mở quán bán cà phê tại nhà, may ra mỗi ngày kiếm chút đỉnh gì đó, còn hơn không làm gì hết. Thế là cái tiệm cà phê đã chiến ngay tại nhà chị bắt đầu phục vụ khách. Thoạt đầu mỗi ngày cũng được 5-6 người, tiền kiếm được không đủ mua gạo, chị phải tiết kiệm tối đa, ăn uống kham khổ, chỉ mong sống qua ngày, không phải đi xin. Dần dần có nhiều khách ghé tiệm nhà của chị hơn. Có lẽ một phần họ cảm thông hoàn cảnh mẹ con chị, thay vì đi đến nơi nào khác, họ đến đây vừa tiêu khiển chút hương vị cà phê vừa giúp đỡ chị. Thời gian mẹ con chị Hoa sống lây lất như vậy cũng được 6 tháng, anh Tư, người chồng yêu quý của chị vẫn biệt tăm vô tín. Lúc này chị nghĩ chín phần mười là anh đã chết và chị bắt đầu lập bàn thờ, thờ chồng. Chị chọn ngày 30 Tháng 4 là ngày giỗ anh Tư. Sở dĩ chị chọn ngày này vì như có người kể lại cho chị biết vào ngày ấy họ có thấy anh Tư còn ở Sài Gòn, đi bộ ra hướng bến Bạch Đằng. Đồng thời chị nghĩ chọn ngày ấy rất hợp lý, đó là ngày cuối cùng anh Tư còn có mặt trên thế gian và cũng là ngày giỗ cho Miền Nam thân yêu của chị.

Thời gian thấm thoát trôi qua cũng đã một năm, chị Hoa và 2 con lớn sửa soạn lau chùi bàn thờ để làm đám giỗ đầu cho anh Tư. Mặc dầu tình cảnh gia đình chị rất khó khăn nhưng chị nghĩ, một năm một lần phải cố gắng làm một mâm cơm tương đối đầy đủ một tí, trước là để dâng lên hương hồn anh Tư và sau nữa cho các con một bữa ăn ngon miệng một chút. Lâu nay chúng nó cũng như chị không biết thịt cá tươi là gì. Trong lúc bốn mẹ con ôm nhau khóc, các con không biết gì, thấy mẹ nhìn ảnh ba, mẹ khóc, chúng cũng khóc, có lẽ chúng cũng nhớ ba. Chưa kịp van vái gì cả, thỉnh linh có nhân viên bưu điện mang đến một bì thư, yêu cầu chị ký nhận. Bì thư có lẽ vì vận chuyển lâu ngày và qua nhiều nơi, nên nhìn bề ngoài chẳng phải là phong thư, nó được vá, dán nhiều chỗ. Tuy vậy cũng không che hết một vài phần rách rưới, khó coi. Chị Hoa rất ngạc nhiên, ai đã gửi thư này cho chị, nhìn bên góc trái phong bì thấy có ghi địa chỉ người gửi "Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế", dấu mộc đóng gồm có Mỹ, Thụy Sĩ và Pháp. Chị vô cùng hồi hộp, cả người chị run lên, không thể biết chị đang cảm thấy gì, lo lắng hay mừng vui? Vội vàng bóc thư ra xem, đầu tiên đập vào mắt chị là nét chữ của chồng, chị không bao giờ quên nét chữ thân yêu này. Mở đầu bức thư với hai chữ "em yêu" làm chị ngất đi mấy giây. Chị khấn thầm, lạ Trời đây là chồng của con và còn sống. Hai tay chị Hoa vừa cầm lá thư vừa run và đọc ngấu ngiến. Bức thư viết:

*"Em Yêu,
Lâu rồi kể từ ngày chúng ta xa mắt nhau, anh đã gửi cho em nhiều thư nhưng không nhận được trả lời, anh nghĩ thư*

thất lạc hoặc em và các con không còn ở địa chỉ nhà mình nữa. Anh chỉ nghĩ như vậy chứ không dám nghĩ đến điều gì bất hạnh khác. Anh cũng được biết lệnh cấm bang giao mà nhiều nước đang áp dụng đối với VN nhất là lệnh cấm vận gắt gao như hiện nay thì thư từ liên lạc không hề dễ dàng. Tuy vậy lúc nào anh cũng tin rằng em và các con vẫn bình an. Với niềm tin tưởng ấy, anh không nản chí, vẫn cố gắng viết cho em. Nếu như em không còn ở địa chỉ nhà mình nữa thì người chủ mới họ sẽ có cách chuyển đến cho em. Anh rất hy vọng có ngày sẽ nhận được hồi âm của em. Đã gần một năm rồi chúng ta lạc mất nhau, tâm trí anh không phút giây nào là không nhớ đến em và con. Có lẽ em và con muốn biết chuyện gì xảy ra cho anh trong những ngày cuối Tháng Tư ấy phải không? Anh sẽ tóm lược một chút cho em biết: Khi đơn vị anh tan hàng, anh theo dòng người đi về Sài Gòn, khi ấy anh không thể về lại nhà tìm em vì không có ai đi ngược về như vậy và cũng không có phương tiện vận chuyển nào chạy ngược lại về Trung. Tất cả một chiều, là hướng về phương Nam. Lúc bấy giờ anh nghĩ có tìm cách về lại ngoài Trung thì chưa chắc gặp được em và con, có lẽ em và con cũng chạy theo dòng người lánh nạn. Vào đến Sài Gòn, lúc ấy, trước cảnh hỗn loạn và vô cùng lo sợ, anh ra bến Bạch Đằng mong tìm đường thoát thân và anh đã đi được. Câu chuyện đại khái như vậy. Hiện anh đang định cư tại Hoa Kỳ, Tiểu Bang Cali. Anh không hy vọng nhiều lá thư này sẽ đến tay em nên anh chỉ viết tắt như thế. Lần sau nếu nhận được hồi âm của em, anh sẽ viết nhiều. Điều quan trọng anh muốn gửi về em là mong

em luôn vững tin vào tình yêu của anh, anh sẽ và mãi mãi không bao giờ phản bội em và con, anh chỉ một lòng yêu em và con chúng ta mà thôi. Anh nguyện nếu sau này không còn gặp được em và con thì anh cũng sẽ ở vậy và... đợi chờ. Anh tin chắc một điều rằng dù thời gian xa nhau có dài bao lâu đi nữa, cuối cùng anh sẽ được gặp lại em và các con. Anh không biết giải thích niềm tin ấy thế nào nhưng linh cảm cho anh biết như vậy. Nhận được thư này, em viết cho anh mấy lời để biết tin và gửi về địa chỉ... Anh cũng biết, thư gửi đi nước ngoài là rất tốn kém, anh gửi kèm theo đây mấy con tem quốc tế, em để dành, mỗi lần gửi thư, dán một con gửi đi, không phải trả tiền gì nữa. Cầu mong em và các con luôn được an lành. Tạm biệt em và con, luôn mong chờ thư em. Người chồng yêu quý của em/ Trần Văn Tư từ California, Hoa Kỳ".

Đọc những lời thư của chồng, chị Hoa khóc ngất, ôm tất cả 3 con vào lòng, vừa mừng vừa thấy nhớ anh Tư hơn bao giờ hết. Thư anh Tư viết, tính đến nay đã hơn 2 tháng mới đến chị. Một năm qua, chịu đựng nhớ thương đã quen, phần nào đã lắng dịu, nay nhận được tin chồng còn sống dù rất xa nhau nhưng như thế là không còn lo sợ chồng đã chết. Chị báo cho các con biết, ba chúng không chết, đang ở Mỹ, chúng sẽ gặp lại ba sau này. Chị không cúng, không làm đám giỗ nữa, dọn hết thức ăn trên bàn thờ xuống cho các con ăn và đồng thời chị cũng dẹp cái bàn thờ anh Tư. Có lẽ giờ này chị Hoa cảm thấy không có gì làm cho chị sung sướng hơn, chị hình dung một ngày nào đó anh Tư sẽ về thăm chị và rồi chị cùng các

con sẽ được anh Tư đưa sang sống ở Mỹ. Chỉ nghĩ đến đó, chị cảm thấy sung sướng và hạnh phúc vô cùng, quên hết mọi khổ cực thiếu thốn hiện tại. Chị tin cũng như anh Tư đã tin, ngày đoàn tụ sẽ đến, chưa biết khi nào nhưng chắc chắn

sẽ có ngày ấy vì còn sống là còn có ngày gặp nhau.

LÊ MINH THIỆP



HOANG ĐÀO

*Xa chốn thị thành lắm nhiễu nường
Ta tìm nơi vắng lặng tha phương
Không vào huyên náo, ra chen chúc
Hoang đảo sơ khai giữa đại dương.
Sáng dậy vươn mình với rạng đông
Sau vườn đình núi loé mây hồng
Trước hiên sương khói dâng mờ biển
Lạc cảnh thiên thai giữa cõi không.
Nắng đỏ vàng hoe cánh rừng thưa
Xa xôi mắt biếc mộng mơ trưa
Mây trôi man mác về phương ấy
Ai đợi ai chờ nơi bến xưa.
Nước ấm, trời êm, cát trắng ngần
San hô, vỏ ốc lẫn bên chân
Tóc bay hương gió khơi nồng hạ
Tình tứ thơ lòng phơi phới ngâm.
Chiều xuống mênh mông tím cuối trời
Ngân hà lấp lánh ánh sao rơi
Thế gian nào thiết gì đâu nữa
Mà ước ao thêm ở cuộc đời.
Sóng vỗ ru vào giấc mộng em
Tình anh mưa bão nổi trong đêm
Vòng tay ôm ấp thêm say đắm
Ngày mới đảo hoang lặng diệu hiền.*



Biển Jamaica - Ảnh: Sonny Senser

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG / Treasure Beach - Jamaica 10/1999

HỌA SĨ NGUYỄN TRUNG (1940 -)

**** Huỳnh Hữu Ủy ****

NGUỒN: http://www.hocxa.com/Hoa/NguyenTrung/NguyenTrung_HuynhHuuUy.php



Khuôn mặt cuối cùng của nhóm Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam được ghi nhận ở đây là Nguyễn Trung, có lẽ là một trong những họa sĩ có nhiều cá tính, tài năng và trí tuệ bậc nhất của giai đoạn vừa qua.

Lúc còn là sinh viên trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định đã đạt được những giải thưởng hội họa quan trọng: huy chương bạc Triển Lãm Hội Họa Mùa Xuân 1961, huy chương vàng Triển Lãm Hội Họa Mùa Xuân 1963. Say mê theo đuổi nghề nghiệp, dám bút phá những ràng buộc, qui cách nhà trường để đi đến những chân trời mới của hội họa nên đã gây nhiều va chạm với các thầy dạy vẽ của trường, điều này bình thường thì đáng tiếc nhưng đối với một số trường hợp ngoại lệ nào đó thì ngược lại. Chúng ta nhớ đến phản ứng của một số nghệ sĩ trẻ thời trước như Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Đỗ Cung, Tô Ngọc Vân, Hoàng Lập Ngôn... với ban giám đốc trường Mỹ Thuật Đông Dương, đó là phản ứng bất buộc của tài năng khi nhận ra con đường đi tới, cần phải đập tan những rào cản để tiến bộ.

Vào thời kỳ đầu tiên, Nguyễn Trung cũng đã ít nhiều thử thách với hội họa trừu tượng, thử trừu tượng lãng mạn (Abstraction lyrique) với những đường nét tinh lọc đến cùng cực những chim, nai, đồi, cây, hoa, thiếu nữ... ẩn hiện gợn lên trên nền tranh với hòa sắc lạnh, nhưng chỉ vài năm sau thì bỏ hẳn để xây dựng cho mình một thế giới hết sức cá biệt, dầu vẫn bị ràng buộc trong những phạm trù của một thứ nghệ thuật hình dung. Khoảng năm 1965-1966, ngôn ngữ riêng của Nguyễn Trung đã được định hình, dần dà cũng có ít nhiều chuyển biến nhỏ, nhưng cơ bản thì không có gì thay đổi. Với những đường nét, bố cục vững chãi, chặt chẽ, với một kỹ thuật chứng chạc để nhào trộn màu sắc, đơn giản mà vẫn táo bạo, rất cổ điển mà đầy tinh thần sáng tạo và tìm kiếm mới mẻ, nghĩa là với một màu sắc đặc biệt, một bút pháp cá biệt, anh luôn luôn chế ngự được thế giới mình tạo ra.

Rõ ràng là có nghiên cứu và chịu ảnh hưởng sâu đậm một số nguồn gốc nghệ thuật nào đó. Ví dụ như cách ghi nhận thiên nhiên bên ngoài của Henri Rousseau, hoặc không khí, bút pháp, lối sử dụng màu sắc của một số tiểu họa phẩm và bích họa Ấn Độ và vùng Trung Cận Đông hay một màu ngọc xanh biếc trên những đồ gốm độc sắc đời Tống, nhưng đã nhào luyện, biến chế tất cả những yếu tố ngoại lai trở thành thân thuộc, làm mất đi mọi vết tích cũ để chỉ

còn lại là mình: mọi thứ góp nhau lại để chỉ trở thành là một, là ngôn ngữ hội họa Nguyễn Trung. Trả lời trong một cuộc nói chuyện với Đinh Cường, Nguyễn Trung đã chỉ ra cho chúng ta thấy rõ thêm cội nguồn thế giới màu sắc của mình:

Tôi sinh ra ở một vùng phì nhiêu nhất Việt Nam, tỉnh Sóc Trăng, ở đó chỉ thấy toàn ruộng với màu xanh của lúa non và màu vàng của lúa chín. Phong cảnh bằng phẳng đến độ buồn hiu, nhất là mùa mưa thì ruộng là biển nước còn trời là một màu xám chì, chỉ riêng mùa gặt thì cả trời rục vàng và rất thơm, lúc ấy thì còn thấy được chút đỉnh màu sắc của trời cho. Có lẽ vì vậy tôi vẽ phong cảnh rất dễ, và tôi rất ít xài màu sắc, có lẽ vì sự ít màu sắc của xứ tôi mà tôi đã chịu ảnh hưởng tính cách đạm bạc của tranh thủy mặc của Trung Quốc, sự khắc khổ của hội họa Đức. ()*

Năm 1969, trong phòng triển lãm của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, Nguyễn Trung phát biểu một ý tưởng đơn giản, nhưng có lẽ với ý tưởng này chúng ta có thể cảm được tranh của anh dễ dàng hơn, rất bình dị mà khá thâm trầm, sâu sắc:

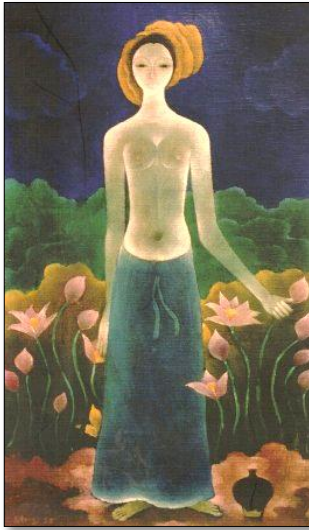
Dường như chỉ nghệ thuật mới có thể mang tình yêu và sự bình an trở về với tâm hồn ta. Dường như chỉ có nó mới có thể mang đến ta sự cứu rỗi ấy trong khi càng ngày chúng ta càng dần thân vào cuộc sống văn minh thiếu nhân cách, địa ngục của giận dữ, thù hận và bạo động đến nỗi chúng ta quên dần những lời xin lỗi và thứ tha, những cử chỉ yêu thương và thông cảm. (In trong Vượng Tập triển lãm).

Trong phòng triển lãm năm 1970 bày chung với Hồ Hữu Thử và Nguyên Khai,

tranh Nguyễn Trung là cả một thế giới vô cùng thơ mộng, từ Thiếu nữ đứng trên đá, Sen hồng đến Khỏa thân, Đêm xanh, Hoa vàng... Tuy nhiên, ấy là một thứ mơ mộng pha nhiều chất đắng và khô. Vẻ khô, buồn thảm đó tỏa chiếu trên đôi mắt thiếu nữ đứng trên đá, quàng khăn trùm lụa, hai bàn tay gầy chụm vào nhau. Đằng sau thiếu nữ là nền cát, nền trời xám sậm, nhìn kỹ thì ngả sang xanh. Có một sự hòa hợp giữa ánh sáng tỏa ra từ nền trời u tối ấy và ánh sáng từ từng mảnh đá nhỏ đều đặn dưới chân thiếu nữ. Không những vẻ khô ấy toát ra từ gương mặt bà mẹ già sau những cánh hoa tàn úa mà toát ra ngay trên thân thể tươi mát khỏa thân của thiếu nữ, trên từng phần phần diện giữa tối sáng trên tấm thân ấy.

Nguyễn Trung sử dụng nguyên tắc về bóng tối và ánh sáng một nguyên tắc cổ điển chủ yếu từ thời nghệ thuật phục hưng mà những Leonardo da Vinci, Rembrandt, Raphael, Jan Vermeer Van Delft đã rất chú tâm dụng đến. Ánh sáng tỏa chiếu trên sự vật, bị che lấp gây nên bóng tối ngay trên từng mảnh đá nhỏ, từng cùn cát thấp, từng cánh hoa, từng ngọn cỏ, trên những đường nhăn của chiếc áo thiếu nữ. Tuy nhiên, bất kỳ thứ kỹ thuật nào thì cũng có ưu thế và nhược điểm riêng. Ở trường hợp Nguyễn Trung cũng thế, từng chi tiết trên bức tranh được vờn tĩa, đánh bóng rất kỹ, thí dụ như bức Thiếu nữ đứng trên đá vừa được đề cập, mỗi chi tiết nhỏ trong tranh là một quyển rũ kỳ lạ, mỗi mảnh đá đều toát ra tiếng nói, mỗi gợn cát, mỗi nét nhăn trên tà áo, trên chiếc khăn đều thế. Có nhà phê bình cho rằng tranh Nguyễn Trung chỉ còn là

một thứ rung động kỹ thuật chính vì thế. Vậy thì, có lẽ nghệ thuật phải hy sinh chi tiết để đạt đến toàn thể, và ngược lại, nhưng tuy thế, mỗi cơ cấu phải có riêng những đòi hỏi, kiến trúc và hòa hợp của riêng nó cũng vẫn là điều tất nhiên mà thôi.



Hẳn rằng cũng nhận ra khía cạnh ấy nên về sau này hình như anh đã đi đến một tổng hòa cao hơn, vẫn giữ lấy nguyên lý và kỹ thuật tạo hình cũ nhưng đã biết loại bỏ nhiều chi tiết. Chúng ta thử xem một bức tranh điển hình của thời điểm 1975, bức **Sen hồng** vẽ một thiếu nữ mình trần, mặc chiếc váy màu xanh biếc của đại dương, một cánh tay vươn ra nắm lấy đóa sen hồng hàm tiếu, phía sau là hồ sen theo lối tượng trưng, phía sau nữa là bầu trời chập chùng sâu thẳm. Thiếu nữ dường như trong veo lên bằng đường viền ánh sáng và sự đánh lừa của màu sắc. Gần chân thiếu nữ, giữa mảng màu hồng mờ sáng, họa sĩ đặt thêm vào một bình gốm nhỏ men

nâu như điểm xuyết cho bố cục tấm tranh, kéo tất cả cái thanh thoát bên trên trĩu xuống một chút, rất quân bình và tuyệt đẹp. (Xem bức **Sen Hồng** ở phần **Một Số Tác Phẩm Và Tác Giả Điển Hình**.)

Đã bắt đầu có nhiều từ bỏ khoa học hội họa Tây phương, từ bỏ khá nhiều sự hợp lý của qui tắc mỹ thuật Phục hưng, chúng ta thấy Nguyễn Trung đã tiến về rất gần với cảm quan thẩm mỹ phương đông, vẽ điều cảm thấy hơn là nhìn thấy, nếu là ánh sáng thì đúng là ánh sáng âm dương của đạo học, tức là ánh sáng thụ động và ánh sáng hoạt động của thiên nhiên và tâm hồn, tất cả hiện lên trong sự tương phản của nhau, nên đã hòa hợp lại trong một thể chung nhất. Cái đẹp như thế sẽ được tri kiến trong một cách nhìn tổng thể hài hòa. Nguyễn Trung tỏ ra khá tinh tế khi vận dụng nguyên lý này, tuy vẫn còn đặt trên nền tảng khoa học hội họa phương tây để xây dựng một bút pháp riêng cho mình. Có một điểm nên quan tâm khi xem tranh Nguyễn Trung là càng về sau này càng có khuynh hướng tiến về sự giản dị trong đường nét, màu thì chỉ còn gần như một thứ độc sắc (monochrome) hoặc xanh xám, xanh biếc, xanh đông thanh, chỉ có chuyển sắc rất nhẹ bằng cách pha trắng, nâu, hay đen vào. Về huyền bí của những nghệ sĩ gồm đời Tống đã phảng phất đâu đây. Và cũng chính ở chỗ này, Nguyễn Trung càng được xem là thành công lớn khi định hình một tính cách nghệ thuật riêng tư khá đặc sắc. Sau hơn ba mươi năm đắm mình trong màu sắc và khung vải, có di động nhưng ít thay đổi vì luôn luôn tự chủ dưới một cách nhìn rất nhất quán.

Ánh sáng là vấn đề hàng đầu, có thể nói đó là nguyên lý của hội họa Nguyễn Trung. Và gần đây, Nguyễn Trung đã đúc kết với đầy tính khẳng định:

Trong thiên nhiên ánh sáng là chiếc vương miện vĩ đại làm tăng thêm vẻ sang trọng, uy nghi của núi rừng hoa cỏ. Trong hội họa ánh sáng là sức sống của hình và nét và tự nó cũng là hình, và nét. Tùy theo to nhỏ, dày mỏng, tùy theo cách sắp đặt, có thể làm cho nó chuyển động, nô đùa trên khung bố. (In trong Vượng Tập triển lãm 36 tác phẩm mới Trịnh Cung, Đỗ Quang Em, Nguyễn Lâm, Nguyễn Phước, Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Trung. Bảo tàng Mỹ thuật TP Saigon, 1994).

Trước đây, trong một bài viết trên một tuần báo văn học, bàn về thể đứng và cách phát biểu của người làm nghệ thuật lúc bấy giờ, Nguyễn Trung bày tỏ ý muốn thực hiện công việc tựa như họa sĩ Mẽ Tây Cơ Rivera, trở về lại với thế giới mộc bản cổ truyền của dân tộc để sáng tạo nên một vũ trụ nghệ thuật mới đầy sinh động, cái sinh động bắt nguồn từ một cuống rốn sâu xa và vững chắc. Tường cũng nên nhắc đến một công trình dở dang trước đây của Nguyễn Trung, anh dự tính thực hiện một bộ tranh mộc bản gây cảm hứng từ bài Văn Tế Thập loại Chúng Sinh của Nguyễn Du, nhà đại thi hào bậc nhất nước ta. Vài bản phác thảo mới vẽ bằng bút sắt, chưa khắc gỗ, công bố rải rác đây đó đã gây cho người xem cái cảm giác thâm trầm, sâu thẳm. Chọn đề tài này cũng là một cách bày tỏ thái độ đối với cuộc chiến tranh kinh dị, tàn độc càng lúc càng khốc liệt trên số phận của đất nước lúc bấy giờ. Trở lại với ý kiến của

Nguyễn Trung vừa đề cập ở trên, chúng ta thấy anh đã thực hiện được ít nhiều mốc đường trong viễn tượng đã vạch, cho nên ở tranh anh, dù là với bất cứ đề tài gì, nơi khuôn mặt và cánh tay trần của thiếu nữ, hay ngay cả một đề tài tĩnh vật, thì cũng là một thứ tĩnh vật rất Việt Nam, rất tài hoa và đã tỏ lộ ra một bản sắc độc đáo. Điều này cần phải được đào sâu và triển khai thêm nữa, bởi vì bất cứ nền nghệ thuật nào muốn đứng vững và tồn tại đều phải biểu lộ cho được tinh thần của cộng đồng bằng một bút pháp, khí sắc riêng biệt. Được như thế thì giữa bản hợp ca muôn điệu của cộng đồng nghệ thuật nhân loại, chúng ta mới đủ nội lực để phổ thêm vào một cung đàn hòa hợp, nhất định phải đầy sáng tạo tính và dân tộc tính, hoành tráng và tươi tắn, trong sự hợp nhất mà vẫn mang hương sắc độc đáo. Trước năm 1975, Nguyễn Trung phần nào đã thực hiện được một số tác phẩm trong phương hướng ấy, và về sau này đã đưa nhiều tác phẩm đến chỗ tinh hoa nhất, anh đã phát triển năng lực mình một cách đúng mức.

Chúng ta phải công nhận rằng chủ trương của Nguyễn Trung cũng như nhóm Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam (với tuyên ngôn đã dẫn ở trên) là hết sức đúng đắn, cấp thiết, hợp tình khi kêu gọi các nghệ sĩ tạo hình trẻ Việt Nam tập hợp nhau lại để suy nghĩ, đúc kết, xây dựng cho được một đường lối của nghệ thuật Việt Nam, một trường phái tạo hình Việt Nam hiện đại. Bởi vì nền nghệ thuật của chúng ta chỉ có thể tồn tại và được nhìn nhận khi nó là một biểu lộ độc đáo của dân tộc chúng ta, mà những độc đáo nội tại chỉ có thể trở thành hiện

thực nghệ thuật khi nó bắt nguồn và phù hợp với quan niệm cố hữu của giống nòi, chứa chan linh hồn dân tộc, nồng ấm trong chiều sâu của một nền văn minh tâm cảm mà chúng ta vẫn thường tự hào đã thừa hưởng trên 40 thế kỷ. Với đặc tính thuần túy Việt Nam làm nòng cốt, cùng tinh thần tự do thẩm mỹ, hòa hợp trong những yếu tố thời đại nhất, chúng ta sẽ xây dựng một nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại mạnh khỏe, vững chắc, vạm vỡ. Đặt vào tình hình trước năm 1975 của Sài Gòn đang tan rã, lời phát biểu công khai ấy đã chứng thực sự trưởng thành khá cao của một ý thức rất đáng khen ngợi, tán thưởng

Chung quanh Hội Họa Sĩ Trẻ vẫn luôn là một cuộc hội tụ của nhiều chân dung mang từng tính cách riêng, mặc dù vậy, vai trò của Nguyễn Trung vẫn là một nét nổi bật. Sau 1975, Hội Họa Sĩ Trẻ tan tác vì thời thế, vậy mà đến năm 2001, một cuộc họp mặt của các nghệ sĩ tạo hình của nhóm này lại được thực hiện trong một tình hình rất đặc biệt: những người còn lại trong nước bày tác phẩm với các bạn lưu vong từ nước ngoài trở về. Vai trò của Nguyễn Trung vẫn là chủ động trong cuộc họp mặt lý thú này, với sự tham dự của Trịnh Cung, Đinh Cường, Đỗ Quang Em, Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Lâm, Nguyễn Khai, Cù Nguyễn, Mai Chửng, Dương Văn Hùng, Nguyễn Phước, tổ chức ở Gallery Vĩnh Lợi, 41 Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3, Sài Gòn, từ 22-7-2001.

Nguyễn Trung và các bạn của anh đã gọi cuộc triển lãm này là một "hồi cố" được hiểu như là một cuộc gặp lại giữa những người bạn cũ, những người đã

từng hoạt động nghệ thuật khi tuổi còn thanh xuân và sau một thời gian dài xa cách, gặp lại nhau thì đầu đã hai thứ tóc, có người muối tiêu, có người đã bạc trắng xóa, vậy mà họ còn rất hào hứng, nói như Nguyễn Trung "không phải đề ôn lại chuyện cũ mà để uống với nhau một cốc rượu. để khoe nhau công việc mới của mình" (Tuổi Trẻ Chủ Nhật, số 28, ngày 22-7-2001).

Dưới đây là ghi nhận của ký giả Diễm Chi về cuộc triển lãm này trên báo Phụ Nữ ở Sài Gòn, số ngày 25-07-2001. Bản tin ngắn này có tên là "Cuộc hội tụ của những họa sĩ Sài Gòn đã thành danh." *Đó là các họa sĩ đã có một thời tuổi trẻ sôi nổi cách đây 30 năm. Bây giờ tranh của họ đã trở thành một thứ "cổ điển" riêng cho từng người, với một tâm cỡ đầy đủ về nghệ thuật và sự trau chuốt kỹ càng về kỹ thuật. Một Nguyễn Lâm rực rỡ với sơn mài, một Cù Nguyễn hào hoa, một Đỗ Quang Em với từng chi tiết quý báu nhỏ nhất. Có nhiều chuyển dịch trong tranh của Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Phước, Đinh Cường, Nguyễn Khai và ở những mảng xám của Trịnh Cung. Tượng đá, đồng của Dương Văn Hùng, Mai Chửng trụ lại với sức mạnh lưu niên... Tất cả đều đã đi đến những chiều sâu, sự thâm trầm, bền vững. Riêng Nguyễn Trung với ba bức sơn dầu màu trắng vẫn giữ một dáng dấp dẫn đường như anh đã có suốt một thời gian dài...*

Người Sài Gòn đến phòng tranh với sự thích thú gặp lại và sự trầm trồ quen thuộc như từ thời các họa sĩ còn trẻ...

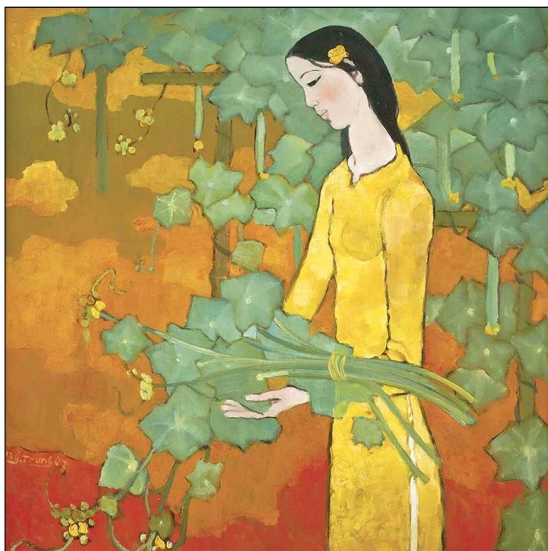
Huỳnh Hữu Ủy

(Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hiện Đại, trang 222) VAALA, 2008

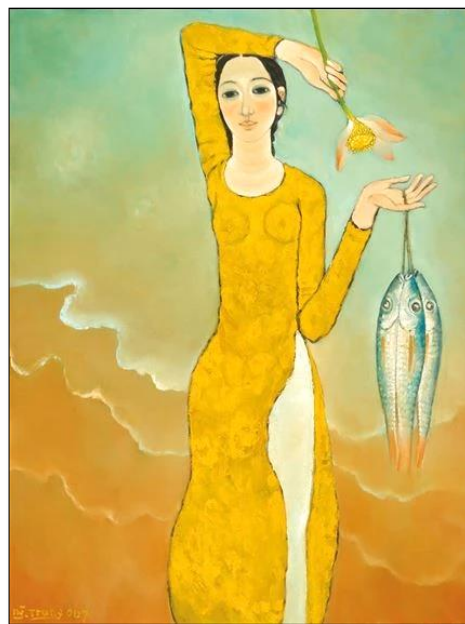
MỘT SỐ TRANH CỦA HỌA SĨ NGUYỄN TRUNG



Thiếu nữ Việt Nam - Sơn mài 2006



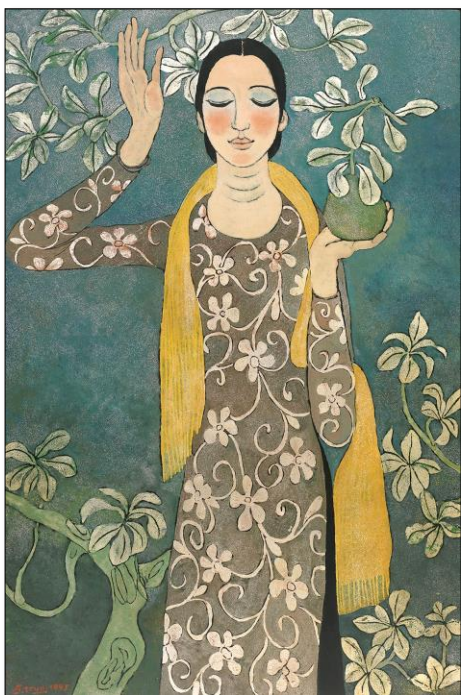
Thiếu nữ áo vàng trong vườn 2007



Thiếu nữ mùa hè 2007

** Sơn dầu trên bố **

MỘT SỐ TRANH CỦA HỌA SĨ NGUYỄN TRUNG



NHỮNG VẦN THƠ của VƯƠNG ĐỨC LỆ

Thu Qua

Nắng mỏng phai dần sắc lá khô
Gió heo, mây trắng lẫn sa mù
Chiều thu ôm cả trời thương nhớ
Áo tím qua đường ai đón đưa?

Áo Giác

Đêm ôm sầu gối mỏng
Tỉnh giấc, ngày mộng du
Em, còn nguyên chiếc bóng
Ta hát tình thiên thu!

Trên Lầu Nhìn Qua Cửa Sổ

Khung xanh khép lại đàn mây trắng
Nhốt mảnh trăng treo nỗi ngậm ngùi
Hẻm cũ, nhà cao tầng hút mắt
Tầm nhìn còn mặt nhọ nhem thôi!

Nén Hồng Soi

Thắp nén hồng soi nửa mặt hoa
Đào phai sắc thắm, giọt châu sa;
Nghe mùa xuân lạnh sương trên tóc
Thoáng chốc ngùi bay tuổi ngọc ngà.

Chài Tóc

Tường chùng hoa bời hương còn rớt
Nào ngõ xuân thì phai tóc xanh
Lệ đá đêm qua đầm mặt gối
Tơ hồng ai buộc sợi mong manh?

Vãn Cuộc

Ta đã chơi gần vãn cuộc chơi
Trăm năm chẳng thấy có gì vui!
Ngoài em, một cõi thiên đường nhỏ
Cũng vỡ tan sau mỗi trận cười.

TAY NGÀ

*** Nhật Tiến ***

Ở mỗi một loại tuổi tác, con người đều có một loại tâm lý tình cảm riêng biệt. Nó đánh dấu từng thời kỳ trong cả chuỗi thời gian của một đời người. Nó ghi sâu trong tâm não con người những hình ảnh, những ý nghĩ, những cảnh vật nhiều khi rất tầm thường và thoáng qua, nhưng đã để lại trong tâm hồn con người một ấn tượng thật dai dẳng, thật sâu sắc, tưởng đâu cho đến chết cũng vẫn chẳng phai mờ.

Hồi ba mươi năm trước, Lữ chỉ là một cậu học trò mười bốn tuổi. Nhà Lữ ở cuối một con hẻm nhỏ ở Hà Nội. Đầu hẻm thông ra một đường phố lớn, con đường này chạy dọc theo ven một cái hồ chung quanh trồng toàn những cây liễu quanh năm rủ bóng xuống mặt hồ phẳng lặng. Về mùa hạ, sen dưới hồ mọc lan ra, che lấp bóng liễu, nhưng lại có nhiều bông sen màu hồng tía lộ nhô giữa những lớp lá xanh ngắt. Mỗi buổi chiều, khi cắp sách đi học về, Lữ thường đứng ở một góc hồ, dựa lưng vào thân liễu để nhìn ra xa, phía có những chiếc thuyền thúng nhỏ len lách qua những tàu lá sen của những người chuyên làm nghề ướp trà. Hương sen ngào ngạt trong gió nhẹ buổi chiều.

Lữ thích bầu không khí của khu vực này vào lúc trời vừa tắt nắng, bốn bề êm ả lạ thường, cái âm thanh duy nhất mà Lữ đứng ở đó nghe được là tiếng mái chèo vọc xuống mặt nước và tiếng mạn thuyền cọ sát lên những tàu lá sen nghe thành những tiếng kêu sột soạt. Mẹ Lữ

thì bao giờ cũng cấm Lữ thọc chân xuống nước hồ. Lữ giữ đúng lời khuyên răn đó nhưng chả bao giờ bà biết được rằng đã nhiều lần Lữ đã được bác Nguyễn cho leo lên thuyền thúng để ra mãi tít tận ngoài xa, ở đó con thuyền nhỏ xíu như chim khuất sau những bông sen tỏa hương ngào ngạt. Bác Nguyễn làm nghề ướp trà. Bác đã ngoài năm mươi nhưng rất vui tính. Dầu Lữ chỉ là cậu bé chưa đến tuổi mười lăm, nhưng bác chuyện trò với Lữ như một đồng hành. Bác thích nói hơn là nghe Lữ nói. Bác nói đủ thứ chuyện. Khi nào cao hứng bác còn ngâm Kiều và giảng Kiều cho Lữ nghe mặc dù trong đầu óc non nớt của Lữ, Lữ chỉ loáng thoáng hiểu rằng Kiều là một truyện bằng thơ, có nhiều người đọc, nhiều người khen và nhiều người thuộc lòng.

Một lần bác ngắt một cọng sen giơ lên cho Lữ thấy, rồi bác bẻ cọng sen làm đôi và kéo ra thật dài. Những sợi tơ mỏng manh óng ả từ bên trong ruột dính vào nhau, cứ kéo nhau tuôn ra giống những sợi tơ tằm dài tưởng như bất tận. Bác Nguyễn cất giọng ngâm:

*Tiếc thay chút nghĩa cũ càng
Dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng.*

Cụ Nguyễn Du ví von thật tuyệt. Xa nhau rồi nhưng tình nghĩa suốt đời còn vương vấn. Như cái ngó sen này tuy tách rời nhau ra nhưng những sợi tơ hãy còn dính lại. Sự đời đâu có giản dị phải không?

Hình ảnh cái ngó sen còn vương những sợi tơ óng ả và hai câu thơ do bác Nguyên đọc đã trở thành một ấn tượng trong đầu Lữ suốt những năm lưu lạc sau này. Rồi cũng như bác Nguyên đã từng cao hứng, chính Lữ cũng đã nhiều lần ngâm lại hai câu bất hủ trong Kiều:

*Tiểu thay chút nghĩa cũ càng
Đấu lia ngó ý còn vương tơ lòng.*

Sợi tơ vương đầu tiên trong tâm hồn của Lữ vào thuở mười bốn, mười lăm cũng là một chuyện hi hữu đáng nói.

Thuở ấy Lữ quen Ngọc trong một lớp luyện thi của thầy Nguyễn Văn Tông. Ngọc là một cô bé kém Lữ một tuổi. Xinh xắn. Ngây thơ. Ít hồn dỗi và hay nhường nhịn. Ngọc học chăm chỉ nhưng không xuất sắc. Ba tháng hè miệt mài với sách vở. Lữ đậu vào Chu Văn An. Ngọc rớt không được vô Trưng Vương nên ra học tư ở trường Thánh Mẫu. Tuy nhiên tình bạn không vì thế mà gián đoạn, một phần vì nhà Ngọc ở ngay con đường lớn nhìn ra mặt hồ, hôm nào Lữ cũng phải đi ngang qua cổng nhà Ngọc mới rẽ được vô con hẻm nhỏ để trở về nhà. Một phần khác, tính tình Ngọc dễ thương, hồn nhiên, hề gặp Lữ là tíu tít nói đủ thứ chuyện, nhất là kể từ khi Ngọc xin được vô học ở trường Thánh Mẫu.

Ngọc khoe những tập sách mới, khoe bài ở trường, kể chuyện về các “ma soeur”, về các sinh hoạt đặc biệt ở trường, ở lớp, có nhiều hôm, Ngọc còn bắt Lữ gà giùm bài tập cả Toán, cả Luận văn của Ngọc nữa.

Căn nhà của Ngọc là một ngôi biệt thự nhỏ, chung quanh trồng toàn hoa lan. Vào mùa hạ, búp lan rụng trắng cả cái sân sỏi nhỏ dẫn lên những bậc thềm

cao. Hương lan thoang thoang ở khắp mọi chỗ. Nhất là khi Lữ ngồi coi sách vở hoặc giảng giải lại bài cho Ngọc ở căn phòng nhỏ nhìn ra vườn sau, mùi hoa lan tràn ngập căn phòng lát đá hoa trắng nuốt tạo nên một cảm giác vô cùng êm dịu và mát mẻ.

Nhưng điều mà Lữ ghi nhớ nhất về căn nhà của Ngọc không phải là mùi hoa lan, mà lại là âm thanh của tiếng đàn. Tiếng đàn ấy Lữ nghe được ngay từ khi bước qua cánh cổng sắt lớn ở ngoài đường. Mới đầu chỉ là những âm điệu bay thoang qua trong gió nhẹ từ mặt hồ thổi vào, nhưng khi bước lên những bậc tam cấp để vào trong nhà thì tiếng đàn ấy trở nên tràn ngập ở mọi chỗ, nhẹ nhàng, thánh thót như đưa con người vào một thế giới khác khiến cho Lữ vụt quên cả cảnh tượng liễu rủ trên mặt hồ, quên những búp lan tỏa hương nằm rải rác trên sân sỏi nhỏ và quên luôn cả người bạn gái đang lẳng xăng mở những cánh cửa sổ để cho gió mát lùa thêm vào căn phòng quét vôi màu xanh êm dịu. Mãi đến lúc Ngọc cất tiếng nhỏ nhẹ bên tai thì Lữ mới bừng tỉnh. Ngọc nói:

– Tiếng đàn của chị Thu đấy. Chị Thu tốt nghiệp ưu hạng về dương cầm của trường Quốc Gia Âm Nhạc.

Vừa nói, Ngọc vừa kéo tay Lữ đi qua căn phòng khách rộng thênh thang. Bây giờ thì Lữ thấy chị Thu đang ngồi trước phím đàn. Chị bận chiếc áo lụa màu xanh hồ thủy. Mái tóc óng ả của chị có một màu đen như hạt huyền và được cột ngang bằng một sợi dây nơ màu đỏ thắm. Chị ngồi quay lưng về phía lối đi nên Lữ không nhìn rõ mặt chị. Nhưng chỉ cần đi qua phía sau, Lữ cũng đã nhìn thấy được đôi bàn tay của chị đang lướt nhẹ

trên phím đàn. Từ thuở bé lớn lên, và mãi mãi sau này trong suốt cuộc đời trôi nổi, Lữ cũng không còn tìm thấy ở một người nào khác có đôi bàn tay đẹp hơn như thế. Trước hết là vẻ mềm mại, quý phái của nó. Nó như được sinh ra để dành cho những phím đàn. Những phím đàn dù đã được giữ gìn, lau chùi hết sức cẩn thận để còn giữ nguyên được màu trắng tinh khiết của lúc ban đầu thì màu trắng ấy cũng vẫn bị lu mờ trước làn da óng ả, mịn màng như màu sữa trên những ngón tay thật thuần và thật dài của chị. Những ngón tay mềm mại óng ả, tuy để mộc mạc đơn sơ nhưng rõ ràng là một công trình trau chuốt của tạo hóa. Âm thanh từ đó phát ra những tiếng thánh thót như mỗi lần đầu ngón tay của chị chạy tới đâu thì ở đó nở ra một bông hoa thần diệu đan kết lại thành một chuỗi lời thì thầm, lạnh lót như tiếng nước suối chảy róc rách giữa một khu rừng đầy hoa thơm chưa từng có ai đặt chân tới.

Trong khi những ngón tay như những đốm ngọc di chuyển trên phím đàn thì hai cổ tay của chị lại có dáng vẻ như đang bất động. Một chiếc vòng huyền ở cổ tay bên trái ôm khít lấy làn da mịn màng của chị nó khiến cho người nhìn có cảm giác chiếc vòng và cổ tay đều rất tròn, rất khít như định mệnh gắn bó đều đã an bài cho cả hai thứ. Không thể còn chiếc cổ tay nào vừa vặn và thích hợp hơn với chiếc vòng đã lên nước sáng ngời đó.

Trong một khoảnh khắc vừa đủ bước chân qua phòng khách để đi vào căn phòng học xinh xắn của Ngọc ở kế bên đó, Lữ đã bị đôi tay ngà của chị thu hút. Lữ quên mất Ngọc đang nhí nhảnh ở bên mình. Lữ quên cả nhiệm vụ của

mình hôm ấy là chuẩn bị cho Ngọc ôn bài trong kỳ thi lục cá nguyệt sắp tới. Lữ quên ngay cả chính mình. Chỉ còn đôi tay ngà và những âm thanh thánh thót. Đôi tay đã lớn vồn trong đầu óc của Lữ trên đường về, trong giấc ngủ, những giờ ở lớp, những buổi đứng dựa lưng ở góc liểu nhìn ra bờ hồ tràn ngập những bông sen màu hồng tía.

Đầu óc của Lữ từ hôm đó trở nên thẫn thờ một cách lãng mạn. Lữ chưa đến tuổi để có một tình yêu đúng nghĩa, nhưng Lữ đã có một hình ảnh để tôn thờ. Hình ảnh vồn vẹn chỉ là đôi bàn tay trắng nuốt thoăn thoắt trên phím đàn. Có thể đó là một trạng thái kỳ cục, nhưng ở tuổi nào, con người chẳng có một loại tình cảm kỳ cục riêng biệt như thế. Cho nên Lữ đã bị mê hoặc hoàn toàn bởi hình ảnh đôi bàn tay chỉ vừa đột ngột hiện đến trước mắt nhưng đã ghi dấu ấn trong tâm hồn suốt cả một đời người. Lữ coi đôi tay của chị Thu như một biểu tượng cao quý. Lữ vui sướng với biểu tượng đó những khi Lữ làm được điều gì tốt đẹp và Lữ cảm thấy khổ sở, đau đớn với nó khi mình trót phạm phải lỗi lầm. Trong khi ấy, đối với chị Thu, Lữ luôn luôn giữ lòng tôn kính.

Một thời gian sau đó, Lữ đã trở thành người quen của cả gia đình. Lữ lui tới căn biệt thự xinh xắn đó như một người con, một người em bé nhỏ. Chị Thu, những khi không bận học hành trong phòng riêng, hoặc không ngồi chơi những bản nhạc cổ điển trước phím đàn thì chị cũng ra trước hàng hiên, ngồi dưới bóng những tàng cây ngọc lan đang tỏa hương thơm ngát để góp lời trò chuyện với Lữ, với Ngọc. Có lần chị nắm cả bàn tay dịu mát của chị vào tay Lữ để

biểu lộ một cảm tình thân thuộc. Nhưng chẳng bao giờ chị hiểu được rằng chính đôi bàn tay đó đã được tâm hồn của một thằng bé như Lữ hết sức tôn thờ.

Lữ chưa đạt đến đủ số tuổi để đánh giá sắc đẹp của chị. Lữ cũng chưa đủ số tuổi để quan tâm đến ngay chính vấn đề đó. Lữ chỉ biết rằng chị có một vành môi đỏ thắm như son và hai hàm răng đều đặn như những hạt lựu. Mắt chị thật to. Mỗi lần chị biểu lộ sự ngạc nhiên, Lữ nhìn thấy những hàng lông mi cong vút dựng lên qua khóe mắt đen mướt và mịn như nhung. Dĩ nhiên là chị Thu phải đẹp. Nhưng Lữ không quan tâm đến sắc đẹp của chị bằng đôi bàn tay trắng nõn với những ngón tay dài óng ả. Và dù chỉ như thế, nó vẫn là một thứ tình yêu, có nhớ nhung, có giận hờn, có ghen tức, nhất là khi Lữ thấy chị Thu nắm tay vị hôn phu của chị, anh Hoàng, đi trên con đường quanh hồ dưới bóng liễu rủ và trong những làn gió nhẹ thoang thoang đưa vào bờ hương vị ngào ngạt của những bông sen đang ở vào thời kỳ nở rộ.

Hai người như một đôi chim nhỏ đem đến cho khung cảnh tĩnh mịch ở đây thêm hương vị đậm đà. Một người cao dong dong, mái tóc bông bênh nghệ sĩ, vàng trán thông minh, cương nghị với tính tình hào sảng, nồng nhiệt và đam mê tột cùng. Còn một người thì nhỏ nhắn, dịu dàng, hiền hậu, tâm hồn vị tha, cao quý. Họ thật đẹp đôi, không còn gì xứng đáng với nhau hơn. Mọi sự tuyệt hảo trong ý nghĩ của Lữ, trừ hình ảnh bàn tay của chị Thu nằm gọn trong bàn tay của anh Hoàng làm Lữ cảm thấy bực bội, ghen tức vẫn vơ. Tuy nhiên điều đó không làm cho Lữ ghét bỏ anh Hoàng mà trái lại tính tình dễ mến, cởi mở của

anh đã khiến cho Lữ gần gũi với anh hơn.

Hôm được tin anh bị gọi động viên, cả chị Thu lẫn Ngọc đều khóc. Còn Lữ thì cũng rưng rưng, không phải vì tình thương giữa Lữ và anh Hoàng nhưng chính sự đau khổ của chị Thu làm Lữ thổn thức. Khi anh đi rồi, chị Thu bỏ đánh đàn hàng mấy tuần lễ. Mãi đến lúc nhận được lá thư đầu tiên của anh gửi ra mang dấu bưu điện S.P (Secteur Postal, hồi đó còn xài tiếng Pháp tức Khu Bưu Chính hay KBC) của trường Võ Bị Thủ Đức ở trong Nam, chị mới lấy lại được nụ cười tươi trẻ mọi ngày. Rồi chị lại ngồi trước phím đàn. Chị dạo đi dạo lại nhiều lần bản Tristesse của Chopin. Tiếng đàn nghe thể lương tha thiết, rã rượi.

Một năm sau đó thì đất nước chia đôi. Anh Hoàng chưa thấy trở về. Gia đình chị Thu quyết định ở lại. Còn Lữ theo gia đình xuống Hải Phòng, lên tàu há mồm xuôi Nam. Trước hôm khởi hành, Lữ đến chào chị Thu và từ giã Ngọc. Ngọc không nói một câu nào suốt từ lúc Lữ đến cho tới lúc Lữ ra về. Cho tới lúc đó, Lữ mới thấy tâm hồn già dặn của Ngọc. Cô bé biết chọn lựa cung cách không nói gì để nói lên tất cả, kể cả sự bất lực không xoay ngược lại được tình cảnh xa cách, chia lìa.

Còn Lữ cảm thấy bạo dạn hơn mọi ngày. Lữ yêu cầu chị Thu đánh đàn cho mình nghe lần cuối. Tình cờ chị Thu hôm đó lại mặc chiếc áo lụa màu xanh hồ thủy. Vẫn những búp tay thôn dã. Vẫn chiếc vòng huyền sáng ngời ôm khít lấy cổ tay tròn trịa và trắng ngần. Chị ngồi ở đó, quay lưng về Lữ. Chị đánh bản Tristesse của Chopin. Bản nhạc làm Lữ nước mắt

ròng rỗng. Lúc quay lại thấy Lữ khóc, chị cũng khóc theo. Có thể chị nhớ tới anh Hoàng. Có thể chị xúc động vì giây phút vĩnh biệt với đứa em bé nhỏ mà chị biết sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại. Chị giơ bàn tay lên vuốt má Lữ. Những giọt nước mắt nóng hổi rơi thánh thót trên làn da mịn màng ấm áp của chị. Đó là hình ảnh cuối cùng mà Lữ ghi nhớ mãi mãi sau ngày rời Hà Nội.

Gần ba mươi năm trôi lặng lẽ trôi qua. Đời sống bận rộn khóa lấp dần những kỷ niệm cũ. Trong đầu óc của Lữ, hình ảnh chị Thu đã dần phai mờ, nhưng sự xúc động về đôi tay ngà của chị thì vẫn còn nguyên vẹn. Trong giao dịch hàng ngày, dù hàng mấy chục năm trôi đã trôi qua, cứ mỗi lần bắt gặp một đôi bàn tay đẹp là Lữ vụt sống lại y nguyên cái cảm giác cũ, cảm giác ngây ngất đứng ở trong căn phòng quét vôi màu xanh, thoang thoảng hương lan, có chị Thu bận áo lụa hồ thủy ngồi trước những phím đàn với những ngón tay ngà.

Rồi bốn năm sau ngày miền Nam sụp đổ, Lữ có cơ hội trở về chốn cũ. Ngày đầu tiên đặt chân lên Hà Nội, Lữ đã lần mò trở lại ven hồ xưa. Căn biệt thự còn đó nhưng nay trở thành trụ sở của một cơ quan. Dáng liễu vẫn còn nhưng những tàn lá sen xanh mướt thì đã biến mất. Gió buổi chiều đưa lên mùi nồng nồng của làn nước trong xanh trên mặt hồ, hương sen thơm ngào ngạt nay không còn nữa. Lữ nhớ đến bác Nguyễn và càng thấm thía giọng ngâm hai câu thơ Kiều của bác ngày nào:

Tiếc thay chút nghĩa cũ càng

Dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng.

Quả thực tình cảm của Lữ về cảnh cũ người xưa thì vẫn còn nguyên vẹn, như

hai cọng sen ngày nào bị bác Nguyễn ngắt rời mà vẫn còn dính kết bởi những sợi tơ vương.

Phải mất gần một tháng, sau những dò hỏi tìm kiếm, Lữ mới lần mò tới được căn nhà của chị Thu ở khu tập thể Kim Liên. Hai người đối diện nhau, nhìn nhau, cùng ngơ ngàng, cùng xa lạ. Làm sao chị Thu có thể tìm lại hình ảnh một cậu bé học trò, tuổi mười lăm ở một người đàn ông đã trải nhiều phong sương và đổi thay của đời sống. Cũng như chị Thu trước mặt, nếu không được cho biết trước là chính chỗ ấy là nhà của chị, thì Lữ cũng không thể tin rằng mình đã tìm gặp lại được người xưa với mái tóc óng ả có dải lụa đỏ cột ngang đầu, đôi mắt đen mướt, mịn như nhung có những hàng mi cong vút. Ba mươi năm qua rồi. Thời gian tuy có tàn phá nhưng Lữ không thể tưởng tượng mức độ tàn phá lại ghê gớm đến thế. Lữ nói bù ngùi:

– Chị còn nhớ anh Hoàng không?

Khuôn mặt cần cổ của chị bỗng thoáng một vẻ xúc động. Lữ tiếp:

– Anh ấy đã bị đưa ra Bắc học tập cải tạo. Nghe nói đang ở Lào Cai.

Lữ tưởng sẽ nói được với chị rất nhiều, nhưng mới chỉ có bấy nhiêu lời, Lữ đã cạn ý. Ba mươi năm chia lìa, hai người chỉ trao đổi được với nhau ngàn ấy. Còn biết nói gì thêm trong hoàn cảnh đó. Họ như ở hai thế giới khác nhau, cách biệt cả về dĩ vãng, về kỷ niệm, về môi trường sống hàng ngày. Không còn gì để mà hàn huyên, tâm sự. Trong đầu óc của Lữ, mọi sự đều trống rỗng, chai lì. Chàng bối rối. Ngơ ngàng. Và trong khoảnh khắc, bỗng Lữ như vắng nghe thấy tiếng đàn, tiếng đàn năm xưa với

những âm thanh thánh thót, rã rượi của bài Tristesse. Chàng ấp úng, nhỏ nhẹ:

– Chị còn tiếp tục chơi đàn dương cầm nữa hay không?

Chị Thu chợt nở một nụ cười héo hắt. Chị xòe đôi bàn tay ra trước mặt Lữ. Hai bàn tay sần sùi, nhăn nhúm và mang một vẻ chai cứng, khô queo. Chị nói một hơi:

– Hai năm sau khi chú rời Hà Nội thì tôi bỏ dương cầm. Lý do: Chế độ mới cần đề cao tinh thần lao động trong mọi tầng lớp quần chúng, kể cả những nghệ sĩ chơi đàn. Tôi không bị cấm đánh đàn nhưng tôi cũng bị bắt buộc phải lao động để kiếm sống bằng đủ cách, kể cả có khi

phải cầm thêm cái cuốc. Cơ tàn phá đối với một bàn tay chỉ trong vòng một tháng là thấy rõ. Những ngón tay chai cứng lại. Nốt nhạc trở nên lạc lõng, xốn xác như tâm hồn lạc lõng, xốn xác của toàn thể con người. Tôi thấy rõ xã hội này không cần đến những bàn tay như bàn tay của tôi. Họ xếp nghệ thuật vào hàng thứ yếu.

Huyền thoại về đôi tay gà, ám ảnh cuộc đời của Lữ trong suốt ba mươi năm trong khoảnh khắc sụp đổ kể từ giây phút đó.

Nhật Tiến

Santa Ana ngày 4 tháng 8 năm 1982



ĐI VỀ

*Khuya rồi, nước đã đầy trăng
Đi về suốt bãi sông Hằng, gặp ai?
Lạnh trời, đầu lừa hơ tay?
Đêm còn, cứ bãi sông này lại đi
Thấy gì chẳng, chẳng thấy gì
Nước rào, trăng rạt, ta thì mồi mê
Chảy khuya, nước ù trắng é
Uổng công, bãi ấy đi về một ta
Mãi rồi trời cũng sáng ra
Phân trắng trắng lặn, phân ta ta về
Vẫn sông, vẫn bãi bốn bề
Sang đêm, ai nữa đi về, gặp ai?*

Tô Thùy Yên

VỀ MỘT CỠ NGƯỜI

*** T.Vấn ***

*Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao – khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi*
(Mai Thảo – Không Hiểu)

1. Cuộc sống quả thật kỳ diệu. Không khi nào thiếu những tấn trò đời. Không khi nào thiếu những niềm vui và nỗi buồn. Như một tiền trường lừng lững bắt chắp mọi biến đổi của thời gian, trên đó những người cũ vừa ra đi thì đã có người mới sẵn sàng thế chỗ. Những con số này vừa biến mất thì những con số khác đã có mặt. Một năm mười hai tháng nối đuôi nhau kết thành một chuỗi bi kịch và hí kịch. Những diễn viên có kẻ khóc, có người cười. Có kẻ hăm hở tiến về phía trước, có người cứ ngoái nhìn phía sau mà thấy bạn đồng hành của mình lần lượt rơi rụng. Dù muốn dù không, dù vui vẻ chấp nhận hay lác đầu hờn dỗi, tháng giêng cũng đã lừng lững bước vào đầu ngõ. Tháng giêng đã trở về như một ngày đông năm ngoái nó đã bỏ đi. Ra đi và Trở về. Như một kiếp người bước chân vào đời chỉ để một ngày nào đó trở về nơi từ đó ra đi.

2. ...Những ngày đầu năm, nhân kỳ nghỉ Đông còn kéo dài qua đến cuối tuần, mấy người bạn già chúng tôi lại khề khà rủ nhau ngồi quanh bàn rượu nhạt. Gọi là rượu nhạt vì những sợi tóc

bạc trên đầu và những viên thuốc cao máu, giảm mỡ, trợ tim uống đều đặn hàng ngày đã không cho phép chúng tôi chạm môi vào cái thứ chất lỏng quyền rũ sóng sánh màu hổ phách trong những chai rượu mạnh mà nhãn hiệu của chúng cho biết xuất xứ ở mãi tận bên trời tây. Tuy rượu nhạt, nhưng uống nhiều thì môi vẫn cứ mềm, và đêm vẫn cứ trắng, dù biết sáng hôm sau, khi thức dậy sẽ là cảm giác uể oải theo suốt cho đến cuối ngày. Tháng Giêng, điểm mốc mới cho cuộc hành trình cũ về phía mặt trời lặn. Như chén Hồ trường phần uất rót về Đông Phương hay rót về Tây phương. Giữa tâm thức lâng lâng nửa tỉnh nửa say, trong đầu tôi hiện ra mồn một những hàng tùy bút rất đẹp của Mai Thảo “...có Jack Daniels khai vị buổi chiều, có Hennessy đậm đà buổi tối, có Hồ trường thấm thiết phần uất rót về Đông phương, rót về Tây phương, và từ giọt lệ lặn ra nơi câu thơ bên tẩu thất quốc, đến cái tằm rượu hạp bạn sủi lên trên một nền trời lữ thứ...”.

Và thế là nhiều năm về sau, cái hình ảnh “tằm rượu hạp bạn nổi lên trên một nền trời lữ thứ” của nhà văn Mai Thảo lại được sống lại, tất nhiên, với con người khác và nơi chốn khác, nhưng chao ôi! Cái hồn “phần uất rót về Đông Phương, rót về Tây phương của Hồ trường” sao

mà giống nhau đến thế! Hẳn người dưới mộ cũng đủ ỉu an cho một mảnh hồn cô đơn cho đến giây phút cuối cùng. Tháng giêng! Ừ thì tháng giêng! chúng tôi quay quần nhau lại để thấy tâm thức mình đã khác nhiều từ tháng giêng năm ngoái đến tháng giêng năm nay. Hư không, từ một khái niệm trừu tượng mơ hồ, nay đã cho thấy những dấu hiệu của một giai đoạn phối thai định hình. Thơ, ngày trước là những lời tình yêu nồng cháy, nay, phút chốc đã nhìn thấy cái bạc phơ phảng phất giữa hàng chữ nặng nề tuổi hạc. Con mắt, trước kia long lanh những khát vọng vừa thanh cao vừa trần tục, nay, chỉ còn thấy cái hun hút của con đường một chiều thẳng tắp, không có những ngã rẽ khiến hồn đi lạc, chỉ có những trạm nghỉ chân mang tên tháng giêng làm điểm mốc cho chặng đường còn lại mỗi ngày mỗi ngắn hơn. Và đôi chân, ngày xưa lủng lẳng giày cỏ, trật vượt dép vỏ xe, mà đá vẫn cứ mềm; nay, giày da đi hoài không vệt mờ (có đi đâu mà mòn vệt, có chẳng là những vết sướt vì đêm tháng giêng túy lúy men rượu nhạt vấp phải mảnh đá con trên đường vè), mà đôi bàn chân cứ sưng múp lên như người bị phù thũng.

3. Thực ra, mọi điều kỳ diệu chỉ là giả thuyết. Giả thuyết về một cõi người. Giả thuyết về một giả thuyết có thật hay không có thật. Thế đấy, dung không mà buổi khề khà đầu năm của mấy người bạn già lại xoay quanh những điều gọi là kỳ diệu của cuộc sống, những điều gọi

là giả thuyết. Có phải đó là nhờ chén rượu cay sóng sánh màu hổ phách chưa nhấp đã sợ mình sẽ say túy lúy càn khôn? có phải đó là tà áo dài màu thiên thanh năm xưa chợt ẩn chợt hiện lung linh dưới đáy cốc, nhờ nhoẹt vì đoạn phim nhào cũ kỹ đã hơn ba mươi năm? có phải đó là nhờ chặng nghỉ chân khi gần đến đích của con đường, sau khi thở một hơi nhẹ nhõm, đã nhận ra được điều kỳ diệu trên hết mọi điều kỳ diệu của cuộc sống này chính là khả năng nhìn tấn trò đời như một giả thuyết. Giả thuyết kể rằng, ngày xưa có chàng Lưu và chàng Nguyễn lạc vào chốn không có khởi đầu và kết thúc, không có tháng mười hai vì thế không có tháng giêng, không có nước mắt, vì thế không ai biết đến nụ cười. Nhưng giả thuyết lại không tìm ra được chỗ kết thúc cho chính mình, nên đành trả chàng Lưu và chàng Nguyễn trở lại trần gian, trở lại cõi người, sau nhiều trăm năm giam cầm hai chàng nơi miền vắng tanh vắng ngắt những điều kỳ diệu. Hẳn nhiên, hai chàng chấp nhận sự hữu hạn của cuộc đời mình như một sự đánh đổi lấy ý nghĩa làm người.

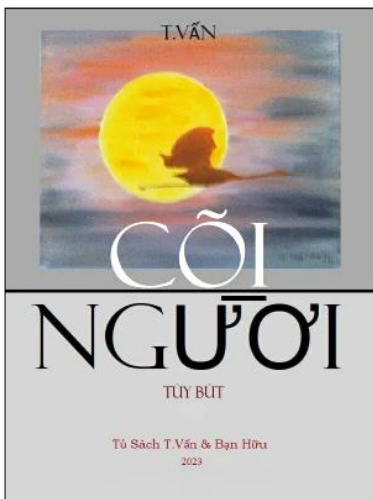
4. Những người khách lữ hành thường không có thì giờ để *nghỉ* và *nghĩ*. Vì thế không có gì ngạc nhiên khi người ta sắp đi hết cuộc hành trình, thường tìm cách để *nghỉ* và *nghĩ*. Hay nói cách khác, lúc *nghỉ* là lúc *nghĩ*. Tương tự như hai anh chàng Lưu Nguyễn của giả thuyết, những anh bạn già của chúng tôi, sau

gần hết một đời bon chen mỗi mệ, nay được dịp ngồi lại khề khà thì hiểu được rằng, hay giả bộ hiểu được rằng, những điều đổi thay của tấn trò đời – mà cụ thể nhất là những tấn trò mình đã kinh qua – không thể có một giá trị nào khác hơn là sự kỳ diệu tạo nên ý nghĩa cuộc đời này. Và để cho dễ sống, đừng bận tâm mơ về một cõi thiên thai đã giam cầm hai chàng Lưu Nguyễn, cõi ấy tuy có thật (?), nhưng chắc gì đã không có chỗ cuối con đường, nơi đó, người ta ngoảnh cổ nhìn lại, thấy rơi rụng dần những bạn đồng hành. Đã vậy, lại không có chén rượu sảng sảng màu hổ phách chưa uống đã sợ mình say túy lúy càn khôn.

Nếu không tệ như vậy, hai chàng Lưu Nguyễn đã chẳng khóc lóc đời về.

T.Vấn

(Trích Tùy Bút “CỐI NGƯỜI”)



<https://t-van.net/t-van-coi-nguoi-tuy-but/>

“... Để nhớ đến người bạn đời may mắn đi trước tôi, để gọi là có một chút gì gửi đến các con trước khi đi xa, tôi kèm theo ở phần PHỤ LỤC cuối sách những tâm tình của tôi, của các con, ghi lại được trong lúc cha con tôi cùng nhau làm những việc cần thiết cho người mẹ quá cố và cho người cha cần phải sống cho hết đời mình (dù không còn người bạn đời ở bên cạnh).”

Và tất nhiên, kèm theo cả những tấm lòng bằng hữu, dù chỉ một số bài tượng trưng.

Tập Tùy Bút này sẽ là tập cuối cùng trong cái gọi là “sự nghiệp” viết lách của mình, nên giờ đây, trong căn phòng chung cư ẩm cúng nhờ tình thương yêu và sự chăm sóc của các con, tôi hoàn tất một lần và mãi mãi tập sách tiền định như tôi và người bạn đời đã mong muốn.

Và để tưởng nhớ đến nàng, tôi chọn ngày giỗ đầu, 24 tháng Giêng 2023, là ngày phát hành tập sách.

Chưa bao giờ trong đời, tôi cảm thấy lòng thanh thản như lúc viết những dòng cuối cùng này.”

BÊN BỜ AO

KHUYẾT DANH

TRẦN C. TRÍ *chuyển ngữ*

ĐÊM QUA RA ĐỨNG BỜ AO

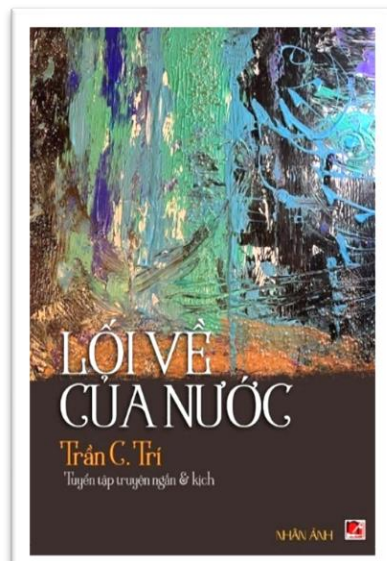
Đêm qua ra đứng bờ ao,
Trông cá, cá lặn, trông sao, sao mờ
Buồn trông con nhện giăng tơ
Nhện ơi nhện hỡi, nhện chờ mối ai?
Buồn trông chênh chếch sao Mai,
Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ?
Đêm đêm tưởng dải Ngân Hà,
Chuôi sao tinh Đẩu đã ba năm tròn.
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
Tào Khê nước chảy hãy còn trơ trơ.

LAST NIGHT BY THE HOME POND

Last night by the home pond I stood musing
Watching the fish hiding and the stars dimming
Spotting a spider weaving her web, I glumly asked
Hey little one, whom might you be awaiting?
I sadly looked up at the Morning Star
For whom are you yearning, fading from afar?
O Milky Way, I long for you every night
For three years I've been contemplating the Dipper Lights
Rocks might be weathered, yet my heart shall not
Like an ever-flowing river, you're always in my thoughts

Translated into English by

Trần C. Trí



LỐI VỀ CỦA NƯỚC

**Tuyển tập truyện ngắn & kịch
của Trần C. Trí**

VIỆT-NAM VÀ CÔNG CUỘC DUY-TÂN



NGÔ THỊ QUỲ LINH

VIỆT NAM VÀ CÔNG CUỘC DUY-TÂN Tác giả: NGÔ THỊ QUỲ LINH

Một nước Nhật Âu-hóa chiến thắng Trung-Hoa (1894) và Nga (1904-1905), việc bãi bỏ khoa cử nho-học ở Trung-Hoa (1905), tiến đến cuộc Cách-mạng Tân-Hội (1911) đã khiến cho cả Á-châu bị lôi cuốn mãnh liệt vào trong làn sóng Âu-hóa. Khoa cử nho-học ở Việt-Nam bị bãi bỏ với khoa thi cuối cùng năm 1918. Một thế hệ tân-học hoàn toàn Âu-hóa tốt nghiệp vào cuối thập niên 1920 và đầu thập niên 1930; những thế hệ tân-học kế tiếp thay phiên nhau đem đến những sự thay đổi cho xã hội Việt-Nam, từ phong tục, tập quán, tư tưởng cách sống, đến chế độ chính trị, học vấn, v.v...

Qua biên khảo này, chúng tôi cố gắng hình dung con đường duy-tân mà tiền nhân đã bắt đầu từ hơn một thế kỷ nay. Sách dày 230 trang, có nhiều tranh vẽ nghệ thuật, tranh khắc trên đá, tranh thêu, hình ảnh cổ vật, rất nhiều hình ảnh và tài liệu từ các sách báo xưa hơn 100 năm.

At the end of the nineteenth century, a wave of Westernization swept all of Asia into movements of reform: Japan defeated China in the war in 1894 and overcame the Russian fleet in 1904-1905; and China abolished the civil service examination system in 1905, followed by the Chinese Revolution of 1911. Vietnam in turn abolished the civil service examination system in 1918. A new generation of completely Westernized intellectuals graduated from the colonial school system at the end of the 1920s and into the early 1930s. This generation and the following have brought successive changes to Vietnamese society, influencing customs, thinking, way of life, education, literature, politics, and more. In this work of research, we attempt to understand the Road to Modernization that began more than a century ago.

Hình bìa và các tranh trong sách đều in màu. Khổ sách: 6 in. x 9 in. Phát hành trên [Amazon](https://www.amazon.com). Cùng một tác giả: PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM (2021). Xin liên lạc nhà xuất bản: ylinhpublishing@gmail.com hoặc www.ylinhpublishing.weebly.com

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):
Địa chỉ (Address):
.....
Phone, Fax, Email:
Ngày đặt mua (Order date):
Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)
Số tiền (US dollar) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỔ THƠM, kể luôn cước phí media mail
PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost
Nội địa Hoa Kỳ (in USA): US \$ 40 – Ủng hộ: US \$ 50
Ngoài Hoa Kỳ: xin viết thư cho dathphan1@gmail.com

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
Trên Tạp Chí Cổ Thơm (7" x 8.5")
1/2 trang trong: US \$ 30
1 trang trong: US \$ 60
Trang trong bìa trước: US \$ 100
Trang trong bìa sau: US \$ 100

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION
105 WINDY KNOLL DR
ROCKVILLE, MD 20850
USA

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÃN YẾM TRỢ TẠM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

TẠP CHÍ CỔ THƠM ĐƯỢC IN TẠI:



**CT PRINTING
& GRAPHICS**

<http://ctprintingmd.com/>

10218 New Hampshire Ave, Silver Spring, MD 20903
phone: (301) 431-0025 /fax: (301) 431-0907